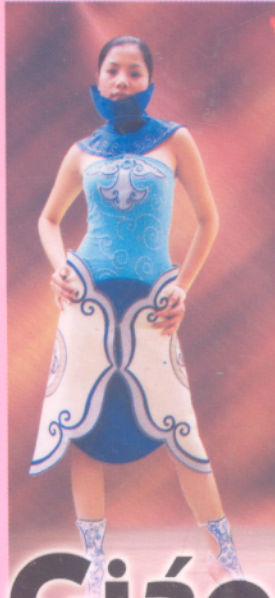


TS. TRẦN THUY BÌNH



Giáo trình Mỹ thuật Trang phục

SÁCH DÙNG CHO CÁC TRƯỜNG ĐÀO TẠO HỆ TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP -
CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

TS. TRẦN THUY BÌNH

GIÁO TRÌNH
MỸ THUẬT TRANG PHỤC

*(Sách dùng cho các trường đào tạo hệ
Trung học chuyên nghiệp - Cao đẳng - Đại học)*

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Ảnh bìa 1 :

Bộ sưu tập Thời trang nghệ thuật "Hoài cổ"

Tác giả : Nguyễn Duy Thắng

Bộ sưu tập Thời trang ứng dụng

Tác giả : Quý Anh

Lời giới thiệu

Năm 2002, Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp – Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Nhà xuất bản Giáo dục xuất bản 21 giáo trình phục vụ cho đào tạo hệ THCN. Các giáo trình trên đã được nhiều trường sử dụng và hoan nghênh. Để tiếp tục bổ sung nguồn giáo trình đang còn thiếu, Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp phối hợp cùng Nhà xuất bản Giáo dục tiếp tục biên soạn một số giáo trình, sách tham khảo phục vụ cho đào tạo ở các ngành : Điện – Điện tử, Tin học, Khai thác cơ khí, Công nghiệp Dệt May – Thời trang. Những giáo trình này trước khi biên soạn, Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp đã gửi đề cương về trên 20 trường và tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp về nội dung đề cương các giáo trình nói trên. Trên cơ sở nghiên cứu ý kiến đóng góp của các trường, nhóm tác giả đã điều chỉnh nội dung các giáo trình cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn hơn.

Với kinh nghiệm giảng dạy, kiến thức tích lũy qua nhiều năm, các tác giả đã cố gắng để những nội dung được trình bày là những kiến thức cơ bản nhất nhưng vẫn cập nhật được với những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, với thực tế sản xuất. Nội dung của giáo trình còn tạo sự liên thông từ Dạy nghề lên THCN.

Các giáo trình được biên soạn theo hướng mở, kiến thức rộng và cố gắng chỉ ra tính ứng dụng của nội dung được trình bày. Trên cơ sở đó tạo điều kiện để các trường sử dụng một cách phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất phục vụ thực hành, thực tập và đặc điểm của các ngành, chuyên ngành đào tạo.

Để việc đổi mới phương pháp dạy và học theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, các trường cần trang bị đủ sách cho thư viện và tạo điều kiện để giáo viên và học sinh có đủ sách theo ngành đào tạo. Những giáo trình này cũng là tài liệu tham khảo tốt cho học sinh đã tốt nghiệp cần đào tạo lại, nhân viên kỹ thuật đang trực tiếp sản xuất.

Các giáo trình đã xuất bản không thể tránh khỏi những sai sót. Rất mong các thầy, cô giáo, bạn đọc góp ý để lần xuất bản sau được tốt hơn. Mọi góp ý xin gửi về : Công ty Cổ phần sách Đại học – Dạy nghề, 25 Hàn Thuyên – Hà Nội.

VỤ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP - NXB GIÁO DỤC

Lời nói đầu

Trang phục là một trong những nhu cầu thiết yếu của con người. Trang phục giúp cho con người hoà hợp với môi trường tự nhiên. Trang phục tô điểm cho người mặc, làm đẹp thêm cuộc sống. Vì thế ngành công nghiệp Thời trang – ngành sản xuất ra những sản phẩm mặc và làm đẹp cho con người – đang ngày một phát triển.

Ở Việt Nam, ngành công nghiệp Dệt – May – Thời trang thu hút ngày càng nhiều lao động. Nhu cầu học nghề may và thiết kế thời trang để tham gia vào ngành công nghiệp Thời trang đang cuốn hút nhiều bạn trẻ. Bộ giáo trình này được biên soạn nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu và giảng dạy các môn học chính của chuyên ngành May – Thời trang.

Bộ giáo trình được biên soạn theo chương trình đào tạo hệ THCN của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bộ sách gồm bốn cuốn :

1. **"Giáo trình Mỹ thuật trang phục"** của TS. Trần Thuỷ Bình được cấu tạo từ hai mảng kiến thức : Phần A "Lịch sử Thời trang", giới thiệu khái quát về thói quen, thị hiếu thẩm mỹ, tập quán mặc trong quá khứ của các dân tộc trên thế giới và của người Việt Nam. Với thời lượng khoảng 30 tiết, giáo trình cung cấp không chỉ những nội dung cơ bản, cô đọng nhất về lịch sử trang phục mà cả những kiến thức về thời trang và mốt. Trong khuôn khổ của thời lượng 45 tiết, phần B được trình bày thành 3 chương. Chương thứ nhất bàn về màu sắc. Chương thứ hai nêu các yếu tố khác của mỹ thuật trang phục. Chương thứ ba nghiên cứu bố cục và các thủ pháp xây dựng bố cục cùng hiệu quả thẩm mỹ do các bố cục đem lại.

2. **"Giáo trình Vật liệu may"** do ThS. Lê Thị Mai Hoa biên soạn, với khung thời lượng ấn định cho môn học này là 60 tiết, chia thành hai phần. Nội dung phần một trình bày về nguyên liệu may, lý giải định nghĩa, kiểu dệt cùng tính chất sử dụng của các loại vải dệt kim và dệt thoi. Nội dung phần hai giới thiệu, phân loại, tính chất, cách nhận biết và phạm vi sử dụng các loại phụ liệu may như chỉ, vật liệu dưng, vật liệu cài...

3. **"Giáo trình Thiết kế quần áo"** của nhóm tác giả Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Thị Hạnh và ThS. Nguyễn Thuý Ngọc được biên soạn cho thời lượng 120 tiết, cũng chia thành hai phần : Phần A đề cập đến các nội dung gồm những kiến thức cơ sở như phương pháp lấy số đo cơ thể, đặc điểm kết cấu các chủng loại quần áo và hệ thống cỡ số... Phần B hướng dẫn cách trình bày bản vẽ thiết kế kỹ thuật và trang bị cho học sinh các kiến thức và phương pháp thiết kế các kiểu quần áo thông dụng.

4. **"Giáo trình Công nghệ may"** của các tác giả Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Thị Hạnh, ThS. Lê Thị Mai Hoa, Nguyễn Thu Huyền biên soạn là giáo trình cho môn học cùng tên với thời lượng 90 tiết. Phần A gồm 5 chương, đề cập đến kỹ thuật cơ bản của nghề may như kỹ thuật khâu tay, kỹ thuật may máy

cùng các thiết bị, dụng cụ sử dụng trong nghề. Cách tính định mức vải cho các loại quần áo. Phần B hướng dẫn quy trình, kỹ thuật may các kiểu quần áo thông dụng.

Nội dung của từng cuốn sách và cả bộ sách có tính thống nhất cao : Trình bày ngắn gọn, cô đọng nhưng súc tích, dễ sử dụng. Bộ sách là cơ sở để các giáo viên có thể biên soạn bài giảng cho phù hợp với đối tượng học. Trong quá trình sử dụng, các giáo viên có thể điều chỉnh số tiết của từng chương sao cho phù hợp với thời gian cho phép của từng trường. Bộ sách giúp cho học sinh dễ theo dõi bài giảng của các giáo viên, nắm bắt lý thuyết các môn học. Trong bộ giáo trình này, chúng tôi không đề ra nội dung thực hành vì trang thiết bị phục vụ thực hành của các trường không đồng nhất. Tuy nhiên nội dung của các cuốn sách cũng là sườn chính để giáo viên theo đó mà tổ chức các tiết học thực hành. Sách cũng là cơ sở để các giáo viên có thể phát triển, mở rộng bài giảng nếu thời gian cho phép.

Tập thể các tác giả tham gia biên soạn bộ sách này là các giáo viên giảng dạy lâu năm, giàu kinh nghiệm của các trường Dạy nghề, Cao đẳng và Đại học. Trong số đó có những tác giả đã và đang tham gia quản lý may và quản lý đào tạo ; nhiều tác giả có bề dày kinh nghiệm viết sách giáo khoa và thẩm định sách giáo khoa của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Những kinh nghiệm giảng dạy và viết sách nhiều năm được các tác giả đúc kết và đưa vào nội dung sách, làm cho các cuốn sách thêm phần chuẩn xác và hấp dẫn.

Bộ giáo trình được biên soạn cho đối tượng là học sinh THCN. Tuy nhiên bộ sách cũng là tài liệu tham khảo tốt, bổ ích cho sinh viên Cao đẳng và Đại học thuộc chuyên ngành công nghệ may và thiết kế thời trang cũng như các nhà thiết kế thời trang, các kỹ thuật viên, các nhà tổ chức, quản lý may thời trang đang làm việc ở các cơ sở kinh tế, sản xuất, kinh doanh hàng may mặc và thời trang và bạn đọc yêu thích nghề may.

Mặc dù đã cố gắng khi biên soạn nhưng chắc chắn không tránh khỏi khiếm khuyết. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của người sử dụng để lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn. Mọi đóng góp xin được gửi về Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề – 25 Hàn Thuyên, Hà Nội.

TS. TRẦN THUY BÌNH (Chủ biên) cùng các tác giả

Phần A : Lịch sử thời trang

Chương I

KHÁI QUÁT VỀ TRANG PHỤC

I - NGUỒN GỐC CỦA QUẦN ÁO

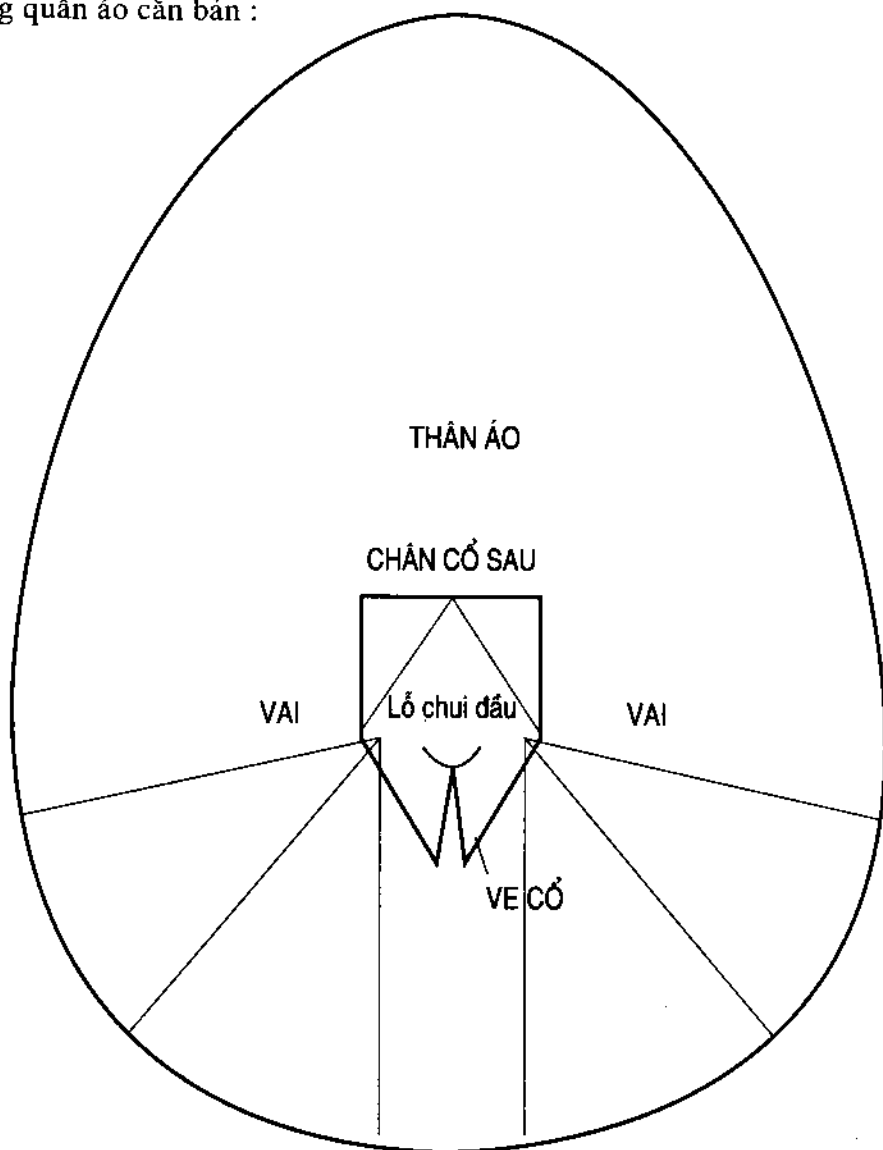
Muôn loài động vật, chỉ trừ có con người, được thiên nhiên cho một thứ gì đó để che thân : lông mao, lông thú, lông vũ, tóc, vảy, sừng hoặc một lớp da dày. Con người chẳng có gì trừ một lớp da mỏng và trong hàng ngàn năm họ đã phải lang thang trên Trái Đất mà không có thứ che thân nào khác. Nếu chúng ta được hỏi, "Tại sao con người đã biết che thân bằng quần áo ?", đa số sẽ trả lời, "Để giữ cho cơ thể được ấm".

Xuất phát từ nhu cầu bảo vệ cơ thể, chống lại tác động của thiên nhiên, người xưa tìm kiếm những tấm phủ, những mảnh da, mảnh vỏ cây để che cơ thể. Ngay từ thời kỳ đồ đá, người xưa đã biết đập bẹt và nạo những tấm da thú để dùng che thân như là quần áo. Những kiểu "trang phục" ban đầu là các mảnh da thú, các tấm lá... che vai, che ngực..., sau này phát triển thành các kiểu áo ; các mảnh che mông, đùi..., sau này thành các kiểu váy, quần. Vật liệu dùng che cơ thể ở các vùng giàu thực vật là vỏ, lá, sợi cây ; ở vùng nghèo thực vật, giàu động vật là lông chim, da cá, da thú...

Thông tin đầu tiên về quần áo có từ các bức họa trên các vách hang trên núi Pyrène, tại biên giới Pháp và Tây Ban Nha. Các nhà khảo cổ xác định các bức tranh này đã có từ 20.000 năm trước đây, trong thời kỳ băng hà. Người ta phát hiện rằng những người thượng cổ khoác lông thú. Loại quần áo sớm nhất được sinh ra do nhu cầu, để bảo vệ con người tránh khỏi cái lạnh ghê gớm.

Ban đầu, động lực phát triển quần áo là điều kiện tự nhiên. Bằng chứng là quần áo phát triển nhanh ở các vùng có khí hậu khắc nghiệt (thường là các xứ lạnh) và phát triển chậm ở các vùng có khí hậu ôn hoà.

Về sau, khi kỹ thuật, văn minh xã hội phát triển đến trình độ nhất định, khi nhu cầu vật chất tức thời đã được đáp ứng, con người có thể sáng tạo ra nhiều chủng loại quần áo thoả mãn cho con người các nhu cầu khác nhau. Theo quan điểm kỹ thuật, từ xưa đến nay có 3 cách tạo dáng quần áo căn bản :



Hình 1.1

1. Tạo dáng quần áo bằng cách quần, phủ

Tấm da gấu chưa thuộc quần quanh người là dạng quần áo đầu tiên và đơn giản nhất. Sau đó những tấm da này được khâu bằng kim làm từ

xương và liên kết với nhau bằng chỉ làm từ các sợi gân. Bộ *sari* (áo quần của phụ nữ Hin-đu) của người Ấn Độ, bộ *poncho* (loại áo choàng bằng một tấm vải to có khe hở ở giữa để chui đầu qua) của phương Tây thế kỷ 14 (h.1.1 và h.1.2) là những bộ trang phục được tạo theo cách này.



Hình 1.2. Trang phục châu Âu thời vua Edward (năm 1330)

2. Tạo dáng quần áo bằng cách xếp nếp

Lông cừu đã được phát hiện và có thể được xén ra, quay thành sợi và dệt trên một khung cửi. Vải dệt xuất hiện. Người dân của các nền văn hóa Atsiry, Ai Cập, Hy Lạp và La Mã đã xếp nếp và gấp vải để tạo thành quần áo. Những người này xếp nếp rồi quàng một vuông vải dệt quanh người. Bộ *chiton* (áo mặc trong) của người Hy Lạp, bộ *toga* (áo choàng ngoài rộng của những người đàn ông thời La Mã cổ), bộ trang phục truyền thống của người Maori (ở Niu Dilân) và bộ *sarong* của Malaysia là những loại quần áo choàng được tạo thành theo cách xếp nếp. Nhiều nền văn hóa đương đại vẫn lưu giữ những truyền thống cổ mà từ đó trang phục của họ bắt nguồn.

3. Tạo dáng quần áo bằng cách cắt, may

Đây là cách tạo dáng quần áo phổ biến nhất trên toàn thế giới, cả trong quá khứ lẫn trong hiện tại. Hầu hết các chủng loại quần áo được chế tạo theo cách cắt và may. Từ vải cắt thành các chi tiết với các hình dáng khác nhau, rồi may can với nhau sao cho khi may ráp xong được sản phẩm có kết cấu và kích thước phù hợp với các đường cong cơ thể.

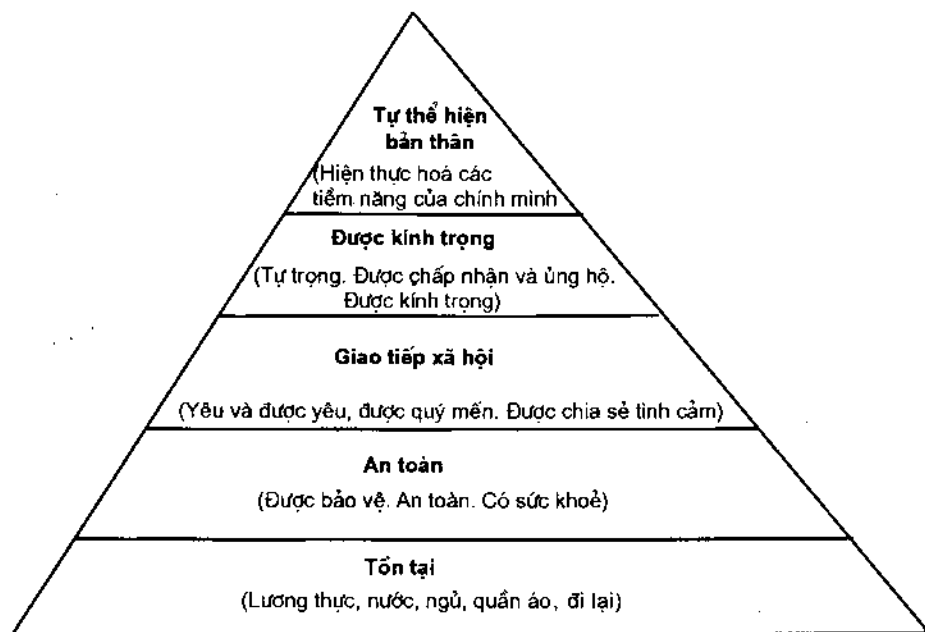
Cho đến nay, quần áo đã phát triển tới mức trở thành thước đo giá trị, văn hoá tự có của mỗi người. Bên cạnh chức năng bảo vệ cơ thể, trang phục còn mang nhiều ý nghĩa khác. Trang phục trở thành đối tượng của văn hoá nghệ thuật, phản ánh đặc tính dân tộc.

II - CHỨC NĂNG CỦA QUẦN ÁO

Khi đặt lại câu hỏi : Vì sao mọi người lại phải mặc quần áo ? Chúng ta nhận thấy rằng quần áo không phải chỉ luôn được mặc để giữ ấm và bảo vệ cơ thể.

Chúng ta mặc quần áo vì nhiều lý do khác nhau.

Phân tích các nhu cầu của con người, nhà tâm lý học Abraham Maslow đã đề nghị sắp xếp các nhu cầu của chúng ta theo mức độ cấp tiến từ thấp tới cao. Sự sắp xếp này được gọi là "Tháp nhu cầu" (sơ đồ 1).



Sơ đồ 1 : Tháp nhu cầu của Abraham Maslow

Nhu cầu để tồn tại như lương thực, nước, ngủ và quần áo phải được đáp ứng trước hết, sớm hơn tất cả các nhu cầu khác, bởi vì chúng cấp bách hơn. Đó là *nhu cầu vật chất*.

Ở cấp độ 2 : Quần áo, trang phục chúng ta sử dụng bảo vệ chúng ta *được an toàn*, chẳng hạn như :

- Trong các điều kiện khí hậu bất lợi, ta cần áo để che mưa, đồ che nắng.
- Khi xuất hiện các nguy cơ từ môi trường, ví dụ : trang phục lính cứu hoả, quần áo chống đạn, áo thợ lặn...
- Tránh thương tích, ví dụ : mũ bảo vệ khi đi xe máy, kính, các miếng vá che khuỷu tay và đầu gối.

Khi các nhu cầu cấp độ 1 và cấp độ 2 được thoả mãn, chúng ta chuyển sang cấp độ nhu cầu cao hơn : *nhu cầu giao tiếp*. Quần áo, trang phục giúp chúng ta đáp ứng nhu cầu tâm lý trong quá trình giao tiếp xã hội như :

- Trang phục phù hợp lứa tuổi ;
- Trang phục phù hợp giới tính : làm tăng sự hấp dẫn, lôi cuốn với người khác giới ;

- Trang phục phù hợp hoàn cảnh giao tiếp (đám cưới, hội nghị, lễ hội, nghi lễ, tôn giáo) ;
- Trang phục là kênh chuyển tải thông tin về người mặc.

Người khác thường đánh giá bạn dựa trên quần áo bạn mặc. Ví dụ, ngôn ngữ Việt Nam có câu "Hơn nhau tấm áo manh quần". Một buổi phỏng vấn tìm việc làm là một ví dụ điển hình về một tình huống mà quần áo là một tham góp rất quan trọng. Ấn tượng tâm lý đầu tiên do trang phục của bạn tác động tới người giao tiếp, có thể giúp giám đốc nhân sự phán đoán xem bạn có phải là người thích hợp với công việc không. Ngoài ra, bất cứ lúc nào bạn mặc, trang phục của bạn cũng nói lên vài điều về bản thân bạn – bạn đang giao tiếp.

Trong giao tiếp nảy sinh *nhu cầu được đánh giá, được tôn trọng* : Mọi người đều có quyền tự do lựa chọn quần áo. Tuy nhiên, đôi khi chúng ta cảm thấy băn khoăn khi quyết định hôm nay sẽ mặc bộ trang phục nào. Có thể ai đó đã từng nghĩ rằng, sẽ dễ dàng hơn nếu như tất cả mọi người đều mặc theo một cách, và khi đó sẽ không còn phải lo lắng rằng mặc cái gì hoặc không mặc cái gì cho thích hợp với hoàn cảnh. Trong nhiều trường hợp, con người đều muốn mặc để được chấp nhận, được đánh giá và được tôn trọng, bởi vì :

- Trang phục giúp người mặc khẳng định mình thuộc về nhóm người nào, cộng đồng nào trong xã hội.
- Trang phục thể hiện địa vị xã hội.

Để thấy được tiếng nói mạnh mẽ của quần áo chúng ta cùng ngắm nhìn người diễn viên trên sân khấu : Anh ta sẽ phải thay rất nhiều bộ trang phục. Khi là hiệp sĩ, lúc làm vua, khi là nhà buôn... Quần áo chính là một phương tiện hữu hiệu diễn đạt thân phận của mỗi người trong xã hội cùng phong tục tập quán, tôn giáo, điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội.

Ở thang bậc nhu cầu cao nhất, *cấp độ 5*, người ta mặc với *mục đích thể hiện bản thân mình*.

- Trang phục để tô điểm, làm đẹp thêm cho người mặc.
- Trang phục thể hiện khiếu thẩm mỹ ("gu" thẩm mỹ) riêng của người mặc.
- Trang phục thể hiện tiềm năng kinh tế, cá tính, nhân cách, năng lực và trình độ văn hoá.

- Trang phục biểu lộ sự đồng tình tán thưởng hay sự phản bác một tư tưởng, một lối sống nào đó trong xã hội.

Những phân tích trên đây cho thấy quần áo, trang phục có 3 chức năng cơ bản :

1. Bảo vệ và giữ ấm cho cơ thể.
2. Thể hiện cá tính trong giao tiếp xã hội.
3. Được trở nên hấp dẫn hơn.

Do đó quần áo đáp ứng cả nhu cầu vật chất và tinh thần cho con người.

III - NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN

Trong cuộc đời của mỗi con người từ khi sinh ra đến cuối đời phải sử dụng vô vàn các sản phẩm may khác nhau từ đơn giản đến phức tạp. Có những sản phẩm may theo ta trong nhiều năm tháng, có khi vài chục năm. Nhưng có không ít những sản phẩm may ta chỉ sử dụng một vài ngày, thậm chí một vài lần. Sự đa dạng phong phú nhưng rất phức tạp, kèm theo sự thay đổi thường xuyên của các kiểu trang phục rất khó nắm bắt. Bởi thế, việc hệ thống hoá sự đa dạng của chúng rất cần cho công việc nghiên cứu thời trang. Trước hết ta cần nắm vững các khái niệm cơ bản sau.

Mặc là khi con người mang, khoác, đắp, đây, quần, phủ, che... lên cơ thể người những tấm vải, mảnh da, lông thú, hoặc sản phẩm may, ... để tự vệ, để hoà mình với môi trường tự nhiên và hoà hợp với môi trường xã hội.

Áo : là sản phẩm để che phần trên của cơ thể, kể từ vai trở xuống. Tùy theo thời trang, có thể có áo chỉ che phần diện tích rất nhỏ trên cơ thể ; cũng có những chiếc áo đặc biệt dài xuống tận mắt cá chân. Song chủ yếu độ dài của áo thường từ chân cổ đến ngang eo (áo lửng), đến ngang hông (áo lỡ), đến ngang mông (là độ dài trung bình), áo thụng (dài trùm ngang mông).

Quần là những sản phẩm để che phần dưới cơ thể, kể từ bụng trở xuống, có hai ống che hai chi dưới.

Váy là những sản phẩm che phần dưới cơ thể kể từ bụng trở xuống, may quây liền, không chia thành hai ống như quần.

Quần áo : không chỉ là khi một chiếc quần mặc kết hợp với một chiếc áo. Quần áo là thuật ngữ để chỉ chung các sản phẩm dệt, được cắt

và may thành những gì mà con người dùng để đắp lên phần chính cơ thể người, đó là các loại sản phẩm may kể cả quần, áo, váy, áo liền váy (đầm), soóc... (tương tự như từ clother của tiếng Anh, vừa là vải vóc, vừa là quần áo).

Trang phục

Bao gồm tất cả những gì con người mang khoác trên cơ thể, kể cả đồ đội trên đầu, đồ đi dưới chân, đồ đắp trên mặt, và những gì được sử dụng kèm theo quần áo. Về đại thể trang phục gồm có :

- Quần áo ;
- Nón, mũ, khăn ;
- Giày, dép, guốc ;
- Găng, tất ;
- Thắt lưng, túi xách, ví tay...
- Đồ trang sức ;
- Mỹ phẩm.

Trong số các trang phục, quan trọng nhất là quần áo vì nó chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tủ trang phục của mỗi người.

MỘT SỐ KHÁI NIỆM KHÁC

Một vài thuật ngữ chuyên môn thường dùng trong lĩnh vực thời trang được liệt kê ở dưới đây :

- **Mẫu** : là một sản phẩm may được thiết kế với những đặc điểm cụ thể về chi tiết, hình dáng, hoạ tiết, chất liệu...
- **Kiểu** : là những sản phẩm mặc cùng một chủng loại nhưng có những đặc điểm giúp phân biệt kiểu thời trang này với kiểu thời trang khác. Ví dụ : Sơmi kiểu tay liền, áo dài kiểu tay raglan, áo dài kiểu tay tra...
- **Bộ** : Khi một hoặc vài sản phẩm may có sự liên kết gắn bó với nhau và được xây dựng trên cùng một cơ sở mỹ thuật, một nguyên tắc thiết kế. Chúng không thể dùng tách rời nhau vì sẽ phản cảm thẩm mỹ.
- **Bộ quần áo** : là khi một chiếc quần được cắt may để sử dụng đồng thời với một chiếc áo trong một mục đích, ý nghĩa sử dụng chung.

- **Bộ comlê** : là bộ quần áo đặc biệt, bộ đồ mặc gồm từ 2 đến 3 sản phẩm gồm áo vetton, quần âu và (có thể) mặc kèm áo gilê ("Comlê" là tên gọi bắt nguồn từ tiếng Pháp complet có nghĩa là đầy đủ, đủ bộ. Trước đây chỉ có đàn ông mặc comlê. Ngày nay người ta đã tạo ra các loại comlê cho cả nữ giới và trẻ em mặc trong những dịp cần thể hiện sự sang trọng như ở công sở hoặc trong những nghi lễ long trọng).
- **Quần áo may đo** : sản xuất đơn chiếc, thiết kế, cắt, may cho từng người theo số đo riêng của mỗi người.
- **Quần áo may sẵn** : được sản xuất hàng loạt. Đây là các kiểu trang phục, quần áo được thiết kế, sản xuất cho số đông người có kích thước giống nhau.
- **Thời trang cao cấp** : Quần áo được thiết kế, cắt và may rất phức tạp, thường là những trang phục mặc ngoài (vetton, comlê, bộ vét juypp cắt may nhiều mảnh, các bộ đồ kiểu theo thời trang mới nhất...) đòi hỏi người thợ cắt may phải có trình độ kỹ thuật, giỏi tay nghề.

IV - PHÂN LOẠI QUẦN ÁO

1. Phân loại quần áo theo giới tính và lứa tuổi

- Quần áo nam
- Quần áo nữ
- Quần áo trẻ em

Quần áo nam, nữ lại được chia thành quần áo cho lứa tuổi thanh niên, cho lứa tuổi trung niên, cho người đứng tuổi, người cao tuổi.

Quần áo trẻ em cũng được phân loại theo nhiều đối tượng như : tuổi nhà trẻ, tuổi mẫu giáo, tuổi học sinh tiểu học, tuổi học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông.

Sở dĩ quần áo được chia thành nhiều phân loại như trên bởi mỗi giới tính, lứa tuổi có những đặc điểm tâm sinh lý và cấu trúc cơ thể khác nhau cần được đáp ứng.

2. Phân loại quần áo theo mùa khí hậu

Do mỗi mùa có đặc điểm riêng về khí hậu, thời tiết nên quần áo mặc phải thích hợp với mỗi mùa khí hậu trong năm. Có thể chia ra :

- Quần áo mùa xuân ;
- Quần áo mùa thu ;
- Quần áo xuân hè ;
- Quần áo thu đông ;
- Quần áo mùa hè ;
- Quần áo mùa đông.
- Quần áo hè thu ;

Việc chọn quần áo theo mùa khí hậu không những tạo cảm giác dễ chịu, thoải mái mà còn chứng tỏ người mặc có hiểu biết, có văn hoá và biết giữ gìn sức khoẻ.

3. Phân loại quần áo theo chức năng sử dụng

Theo cách phân loại này có các loại quần áo như sau :

- Quần áo mặc lót : là những sản phẩm mặc sát người (lăn trong cùng). Chúng thường được làm từ loại vải mềm mại, tỷ lệ cotton cao. Có độ chun, co giãn cao, vừa ôm khít cơ thể, vừa bảo đảm vệ sinh.
- Quần áo mặc thường : sơmi, quần âu là những thứ mặc thường ngày, chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ trang phục của mỗi người.
- Quần áo khoác ngoài : áo vétton, áo budông, áo jacket, áo bành tô (măng tô)... chúng được sử dụng phần lớn để chống rét nhưng không ít những trường hợp ngay cả những ngày hè nóng bức vẫn được sử dụng để tăng vẻ trang trọng, lịch sự... Tuy nhiên, chúng phải được may từ loại vải thích hợp với mùa khí hậu.

4. Phân loại quần áo theo ý nghĩa xã hội

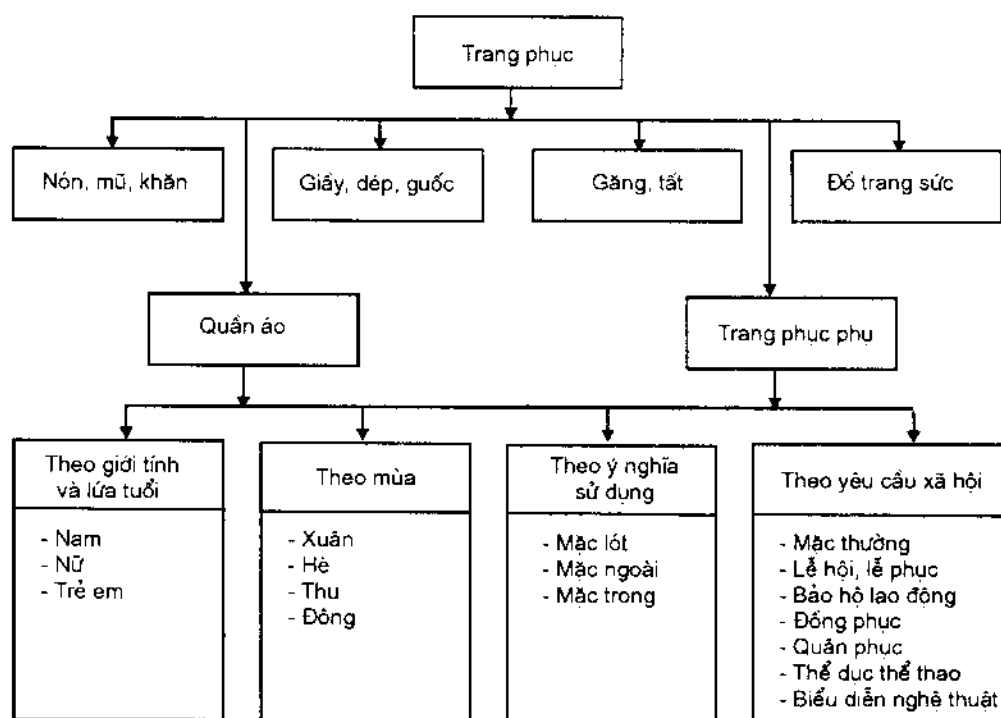
a) Quần áo mặc thường ngày : bao gồm phần lớn tủ quần áo của mỗi người. Chúng được dùng thường xuyên trong sinh hoạt, lao động sản xuất hằng ngày. Kiểu cách, vật liệu và màu sắc của loại trang phục này phụ thuộc chủ yếu vào điều kiện sống của từng vùng (thành thị, nông thôn, miền xuôi, miền núi...), đặc điểm nghề nghiệp (giáo viên, học sinh, công chức...) và thu nhập của mỗi người.

b) Quần áo lễ hội : So với các quần áo mặc thường ngày quần áo lễ hội nhiều màu sắc hơn, được may từ những chất liệu đắt tiền hơn. Kiểu cách may cầu kỳ hơn. Quần áo lễ hội thường được sử dụng kèm các trang phục phụ đắt tiền, quý và hiếm.

c) **Quần áo lao động sản xuất** : thường là các bộ bảo hộ lao động hoặc đồng phục nghề, được thiết kế phù hợp với điều kiện làm việc, đặc điểm nghề chuyên môn.

d) **Quần áo thể dục thể thao, picnic** : tùy thuộc vào đặc điểm của từng môn thể thao. Ví dụ : Quần áo bơi ôm sát người ; quần áo chơi quần vợt thoải mái để dễ cử động... Tuy nhiên, phần lớn quần áo loại này được thiết kế ôm gọn cơ thể, tạo điều kiện cho người mặc di chuyển thuận tiện, vận động thoải mái.

e) **Quần áo biểu diễn nghệ thuật** : là những bộ quần áo đặc biệt dành cho các nghệ sĩ biểu diễn. Chúng được thiết kế phù hợp với từng loại hình nghệ thuật : cải lương, chèo, ca nhạc nhẹ, kịch nói, xiếc, múa...



Sơ đồ 2 - Hệ thống các chủng loại trang phục

Trên đây chỉ là sự phân loại theo nhóm lớn. Trong thực tế mỗi loại trên lại bao gồm nhiều phân nhóm chi tiết hơn, phù hợp với từng hoàn cảnh, điều kiện sinh hoạt và làm việc của con người.

CÂU HỎI CHƯƠNG I

- 1. Có mấy cách tạo dáng quần áo ? Kể tên một vài bộ trang phục tạo dáng bằng cách quần và xếp nếp vải.**
- 2. Kể tên và mô tả một vài kiểu trang phục lễ hội mà em biết.**
- 3. Kể tên và mô tả một vài kiểu trang phục nghi lễ mà em biết**
- 4. Giải thích các nhân tố ảnh hưởng tới sự lựa chọn trang phục của mỗi người :**
 - Thu nhập ;
 - Tuổi ;
 - Cách sống ;
 - Sở thích cá nhân ;
 - Nghề nghiệp.

Chương II

LƯỢC KHẢO VỀ TRANG PHỤC PHƯƠNG TÂY QUA CÁC THỜI ĐẠI

Để có thể hiểu được nguồn gốc sâu xa, động lực phát triển của quần áo như hiện nay, chúng ta cùng khảo ngược dòng lịch sử trang phục thế giới.

I - TRANG PHỤC THẾ GIỚI CỔ ĐẠI

Thế giới cổ đại gắn liền với nền văn minh của một số quốc gia sớm phát triển từ thiên niên kỷ thứ IV trước Công nguyên đến thế kỷ thứ V sau Công nguyên. Đó là quốc gia Ai Cập, Ấn Độ, Trung Quốc, La Mã. Các quốc gia này đều nằm trên lưu vực các con sông lớn màu mỡ, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp như : sông Nin (Ai Cập), sông Hằng (Ấn Độ), sông Vĩ (Trung Quốc).

Khoảng 6000 năm trước Công nguyên, người Ai Cập đã biết quay sợi và dệt vải lanh mỏng hay vải bông là những vật liệu thông dụng thời gian đó. Từ những bức vẽ và điêu khắc của các kim tự tháp và đền đài Ai Cập, chúng ta biết rằng đàn ông mặc váy dài tới gối được giữ bởi dây lưng và phụ nữ mặc một áo choàng thẳng treo từ ngực xuống đến mắt cá chân.

Trang phục của người La Mã và Hy Lạp cổ quen thuộc với chúng ta nhờ những pho tượng và trụ gạch của thời kỳ đó. Từ khoảng năm 1000 trước Công nguyên tới năm 500 sau Công nguyên, trang phục hầu như không thay đổi : rộng lưng thụng, không có tay áo, đầu tiên xếp choàng đơn giản nhưng sau đó trau chuốt hơn. Các tấm dài bằng len hay vải lanh được choàng quanh cơ thể, giữ tại vai bằng một nút buộc hay ghim và thường ôm quanh thắt lưng.

Nền văn minh Cổ đại là văn minh chiếm hữu nô lệ. Qua bức phù điêu trong lăng tẩm của các Pharaong (vua) Ai Cập, ta có thể thấy nô lệ thời Cổ đại thường ở trần hoặc đóng khố. Vào dịp lễ hội người cổ Ai Cập mặc

váy. Đàn ông quay váy dài đến chấm đầu gối. Đàn bà quấn vải che từ cổ, kín ngực, dài đến chấm gót chân (h.2.1).

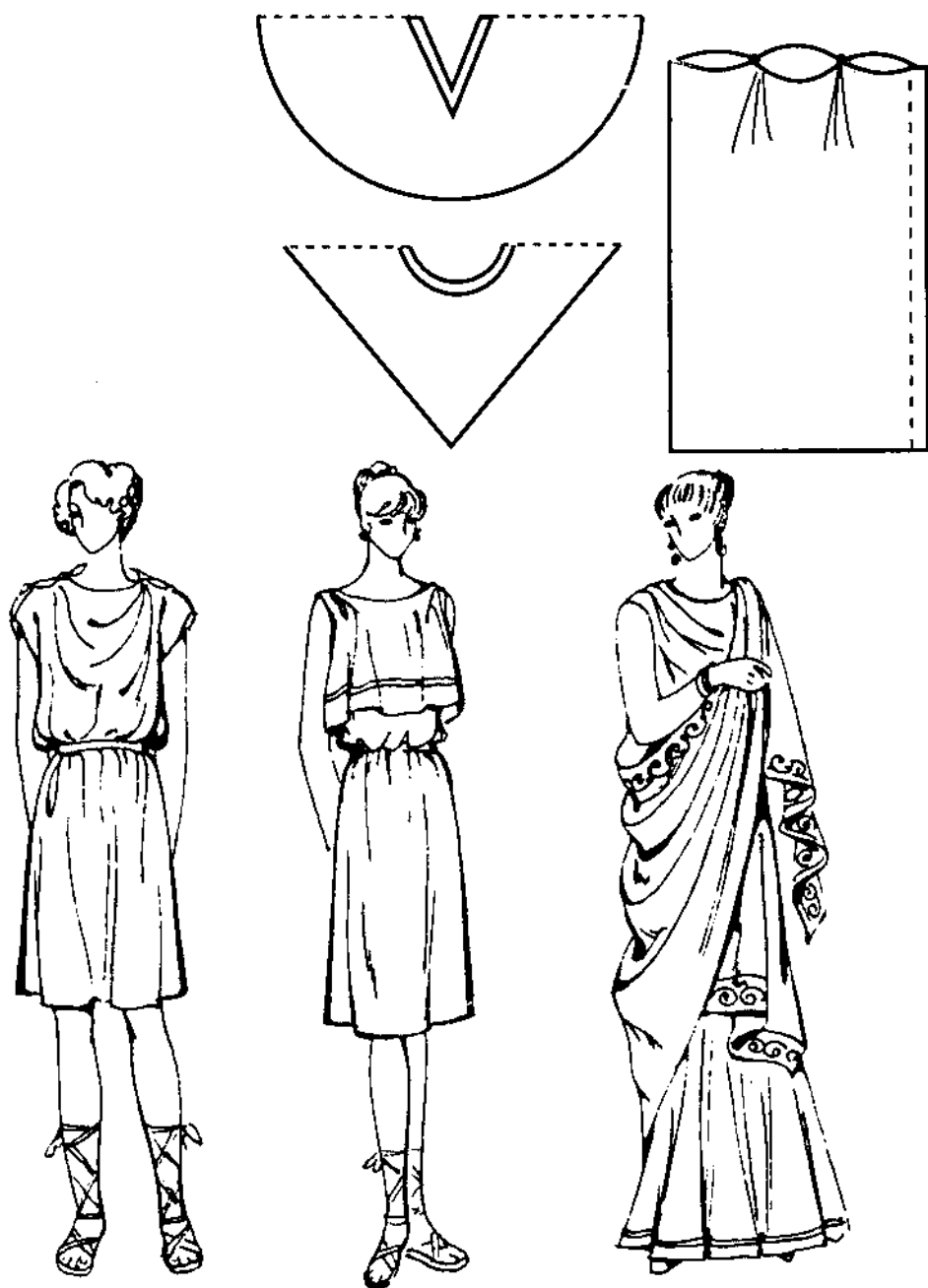


Hình 2.1. Trang phục của người cổ Ai Cập

Đến cuối thời Cổ đại, quần áo đã được tạo dáng đẹp hơn, nhưng nhìn chung người Cổ đại cắt may rất đơn giản. Váy hoặc áo chỉ là những miếng vải vuông, chữ nhật hoặc hình tròn được khoét lỗ để chui đầu vào rồi được đính ở bên sườn, sau lưng, buộc lại ở vai hoặc giữ các vật bằng một dải dây lưng buộc ở eo (h.2.2).

Thế giới quan của người Cổ đại thể hiện qua truyền thuyết của các thần - những người sinh ra Vũ trụ và nắm trong tay quyền lực tối cao đối với muôn loài. Theo người cổ Ai Cập, hình tròn tượng trưng cho Mặt Trời và sau nó là Vũ trụ, hình thang thể hiện vùng đồng bằng thuộc lưu vực

các con sông lớn, hình tam giác gắn liền với quyền lực. Bởi thế hình tháp là dạng hình kiến trúc chính của các lăng mộ trong "thành phố Kim tự tháp" của các Pharaon Ai Cập. Vì những lý do trên dáng quần áo và các chi tiết trang trí trên quần áo thời kỳ này thường có ba kiểu hình chính : kiểu hình tròn, kiểu tam giác và kiểu chữ nhật.



Hình 2.2. Một vài kiểu tạo dáng quần áo người Hy Lạp Cổ đại

Theo người cổ Ai Cập, quyền lực được chia đôi giữa thần Horus - bá chủ xứ Đen và thần Set - bá chủ xứ Đỏ. Thần Horus tượng trưng cho việc sắp đặt thế giới vật chất : không khí, ánh sáng, lửa, đất và trời - cội nguồn của sự sống. Thần Set, với tính hung hãn, tượng trưng cho sự hủy diệt nhưng lại "làm cho sự sống đi vào cõi vĩnh hằng". Do vậy, quần áo thời kỳ này dùng hai màu chủ đạo : đen và đỏ. Ngoài ra, còn có màu da cam, xanh lá cây, vàng chỉ là để điểm xuyết.

Đến cuối thời Cổ đại, quần áo đã được cắt rồi khâu lại để tạo dáng. Song, do chiến tranh liên miên giữa các vương triều để tranh giành quyền lực, quần áo không chỉ bảo vệ cơ thể con người chống lại tác động của thiên nhiên mà còn là phương tiện để ngụy trang, ẩn giấu mình... Do vậy, đặc điểm trang phục thời kỳ này là nặng nề : rộng, thụng, che kín toàn bộ cơ thể kể cả phần mặt.

II - TRANG PHỤC THỜI TRUNG CỔ

Thời Trung cổ kéo dài từ thế kỷ VI đến thế kỷ XIII. Chế độ nô lệ sụp đổ, các quốc gia phong kiến châu Á ra đời sớm, sau đó là các chế độ phong kiến tập quyền ở Anh, Pháp, Tây Ban Nha.

Thủ công nghiệp phát triển, trong đó có nghề dệt. Nghề cắt may xuất hiện. Trang phục phát triển. Cái đẹp của các bộ quần áo thể hiện trong đường nét cắt, tỷ lệ cân đối... Quần áo thời kỳ này vẫn tiếp tục kiểu dáng tương tự quần áo thời Cổ đại là rộng lụng thụng. Nhưng nếu thời Cổ đại chủ yếu mặc bằng phương pháp quấn vải thì quần áo thời Trung cổ đã bắt đầu được cắt may để tạo dáng (h.2.3). Thời Trung cổ, nhà thờ thống trị cả



Hình 2.3. Một số kiểu trang phục thời La Mã Cổ đại

về đời sống vật chất lẫn tinh thần. Quan điểm đạo đức nghiêm ngặt và khắt khe. Người ta cho là vô đạo đức nếu như để mất trần chiêm ngưỡng cơ thể tự nhiên của con người. Vì thế quần áo thời kỳ này có vẻ kín đáo, nặng nề. Hoặc vì trình độ cắt may chưa cao, hoặc vì quan điểm đạo đức khắt khe, những bộ trang phục thời kỳ này khuôn hình nặng nề, kéo căng đến méo hình dáng, làm mất đi vẻ đẹp tự nhiên của cơ thể con người. Màu sắc chủ đạo là đen và các màu tối sẫm.



Hình 2.4. Quần áo giới quý tộc phương Tây thời vua Stephen (1150)

Đến cuối thời Trung cổ, trang phục có một bước tiến rõ nét về kỹ thuật cắt may. Giai đoạn này thủ đô của trang phục thế giới là Byzantium (sau đó gọi là Côngxtantinôpơ và hiện nay là Istanbul của Thổ Nhĩ Kỳ) của đế quốc Đông Rôma. Các loại quần áo phương Đông như khăn xếp, quần dài và những đồ trang sức tinh xảo đã hấp dẫn giới quý tộc phương Tây (h.2.4). Vào khoảng thế kỷ XII, quần áo thông dụng gồm có một áo dài thắt ngang lưng, may sát vào cơ thể và với các vạt chéo tạo ra bề rộng ở phần váy. Trang phục này được cả phụ nữ và nam giới mặc. Phân biệt về giới trong trang phục chỉ thể hiện rất ít ở chiều dài : Áo váy phủ dài toàn thân đối với nữ, dài đến gối hay ngang bắp chân đối với nam (h.2.5).



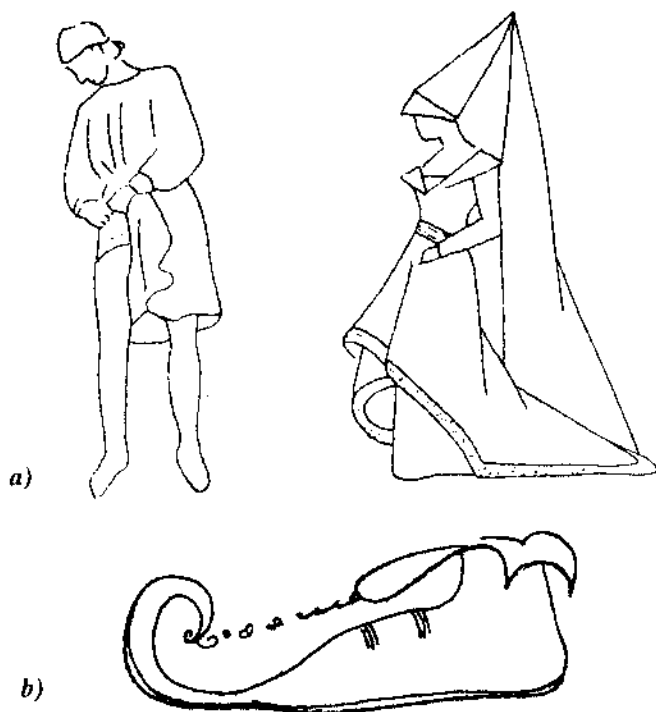
Hình 2.5. Quần áo giới quý tộc phương Tây thời vua Henry III (1260)

III - TRANG PHỤC THẾ KỶ XIV

Dần dần, Nước Pháp nổi lên như một nước dẫn đầu về chính trị và văn hóa. Pháp có một ảnh hưởng lớn đến thiết kế trang phục thế giới. Vào khoảng thế kỷ XIV, quần áo đã trở nên tinh xảo, khoa trương và rất đắt tiền.

Chi tiết thời trang của nhiều bộ trang phục là một vòng cổ chữ V khoét sâu với một cổ áo tạo dáng khá rộng phủ trùm qua hai vai. Một thất lưng được thất thấp và váy có các nếp xếp sâu. Một số áo váy có một cái đuôi dài lê thê (h.2.6).

Phần trên của cả áo nam và áo nữ đều được tạo hình và ôm khít với người mặc, là kiểu chưa từng có từ trước tới thời kỳ này. Chúng được may sát người, không phải bằng cách cắt vải và khâu tại phía trước và phía sau cũng như dưới cánh tay, mà bằng cách thêm vào các miếng vải đệm nếu cần thiết.



Hình 2.6. Trang phục phương Tây thế kỷ XIV

Phụ nữ mang mũ *hennin*, một loại mũ cao, tạo hình nón đội về phía sau đầu và có một khăn trùm vắt trên đỉnh mũ (h.2.6). Mũ càng cao càng

thể hiện địa vị xã hội của người mặc. Có một số mũ loại này cao tới 90 cm. Mũ *hennin* phổ biến trong gần 100 năm.

Đàn ông thường mặc kép hai áo. Áo trong gọi là *gippon* có ống tay bó sát và thẳng. Áo ngoài thiết kế tương tự, phù hợp với *gippon* nhưng có thắt lưng to gọi là *cotehardie*, cúc áo kèm dây chằng và ống tay rộng. Giới quý tộc đi những đôi giày mũi cong, tạo dáng quá cầu kỳ (h.2.6). Có những đôi giày mũi cong, tổng chiều dài đến 60cm.

Từ năm 1380 đàn ông và đàn bà đều mặc áo choàng dài tới mắt cá chân, được gọi là *houppelande*. Loại áo này có đặc điểm phần trên ôm khít lấy cơ thể người, phần dưới hoàn toàn tương phản lại : rộng thoải mái. Ngang eo có thắt lưng to bản. *Houppelande* thường được làm từ chất liệu dày, tay áo viền lông thú...làm cho người mặc trông rất to lớn oai vệ.

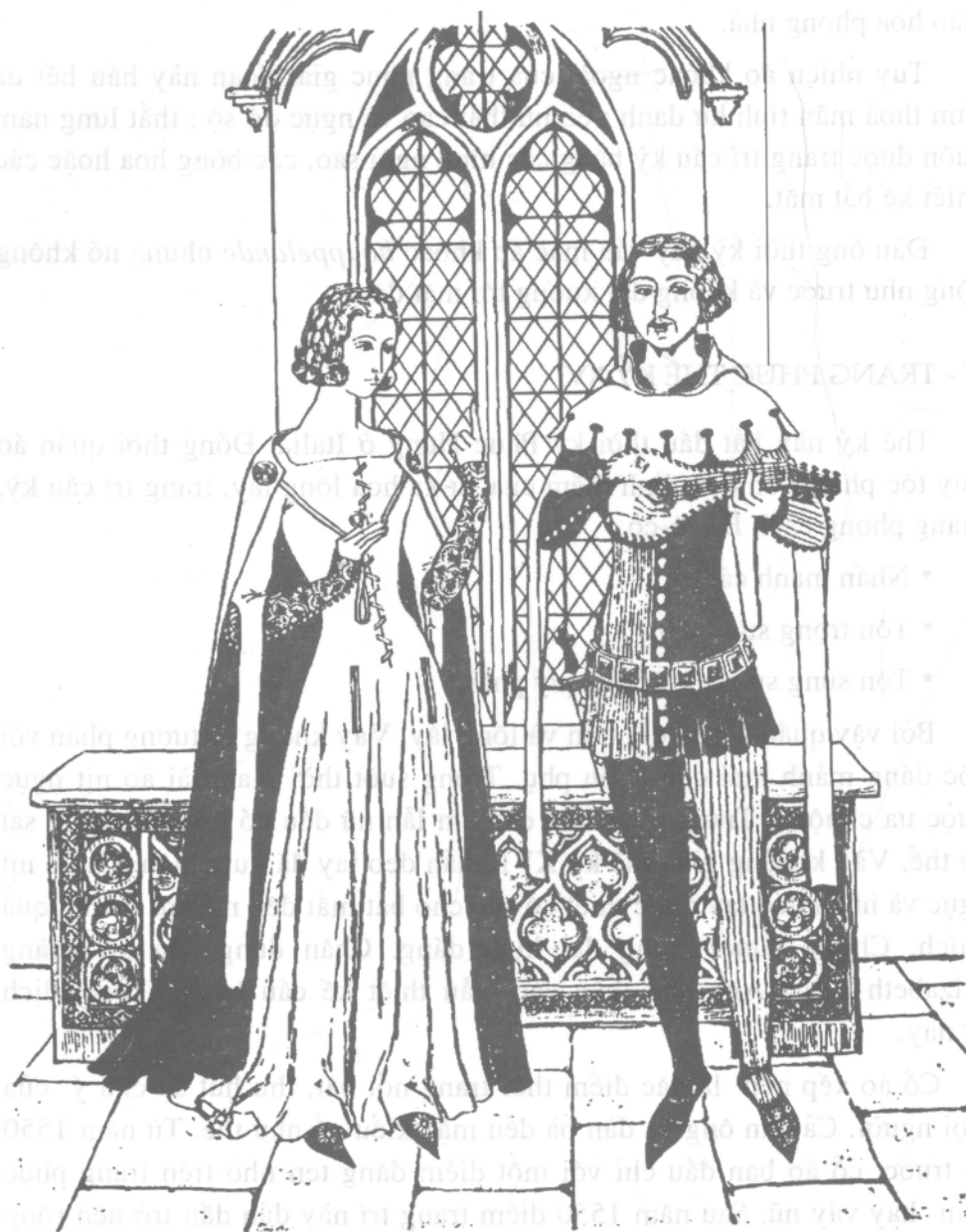
IV - TRANG PHỤC THỜI PHỤC HUNG (THẾ KỶ XV)

Sau thời gian dài dưới chế độ phong kiến hà khắc, đến thời Phục hưng (kéo dài từ thế kỷ XIV-XV-XVI) con người được mở mang về trí tuệ. Những tư tưởng xã hội mới xuất hiện. Thời kỳ này đã nảy sinh nhiều học giả và văn nghệ sĩ thiên tài như danh họa Italia Leonardo de Vinci, nhà thiên văn học Ba Lan Copernic, nhà văn Pháp Rabelais, nhà soạn kịch Anh Shakespeare.

Thời kỳ này con người được tự do vươn tới cái đẹp. Về đẹp hình thể của cơ thể người được tôn vinh. Quan niệm về vẻ đẹp đàn ông là khỏe mạnh, cường tráng. Do đó đàn ông có hai kiểu mặc chính : hoặc mặc quần lửng, phồng, trang trí nhiều màu, để chân trần từ ngang đùi trở xuống, phía trên khoác chiếc áo choàng ngoài (cho thêm phần sang trọng) chỉ dài vừa đủ che hết chiếc quần lửng ; hoặc mặc chiếc quần bó sát, để lộ rõ mọi đường nét của đùi và mông. Mỗi ống quần có thể một màu, trang trí táo bạo bằng cách đính vàng ngọc hoặc vải màu sắc sỡ ở những vị trí bất ngờ nhất.

Người Phục hưng đề cao vẻ đẹp tâm hồn phụ nữ : thư thái, dịu hiền và đoan trang nên trọng tâm trang phục nữ là phần ngực - cổ nhằm hướng sự chú ý lên khuôn mặt. Phụ nữ thời Phục hưng mặc trong cùng chiếc váy ôm eo, bó sát cơ thể, cổ khoét rộng. Chiếc áo khoác ngoài không có tay

nhưng khoét lỗ, thuận tiện trong sử dụng (h.2.7). Để trang trí, người Phục hưng hay dùng nếp gấp của vải, hoặc cắt vải thành các chi tiết trang trí. Màu sắc trang phục thời kỳ này khá phong phú.



Hình 2.7. Trang phục phương Tây thế kỷ XV (Thời vua Edward III)

Trong suốt thế kỷ thứ XV, các công chúa của các bang ở Burgundy (bây giờ là ở Pháp) đã sống trong sự giàu sang, tiêu pha phung phí. Các loại nhung đất tiên, tơ lụa mềm, lụa tơ tằm và satin lung linh, kết hợp với trang sức quý giá để trang trí, làm tăng thêm vẻ đẹp tráng lệ của thời đại hào hoa phong nhã.

Tuy nhiên áo khoác ngoài của trang phục giai đoạn này hầu hết đã làm thoả mãn tính hư danh : eo nữ thắt cao và ngực đồ sộ ; thắt lưng nam luôn được trang trí cầu kỳ bằng các hình ngôi sao, các bông hoa hoặc các thiết kế bắt mắt.

Đàn ông thời kỳ này vẫn mặc áo khoác *houppelande* nhưng nó không rộng như trước và không dài xuống tới mặt đất.

V - TRANG PHỤC THẾ KỶ XVI

Thế kỷ này bắt đầu thời kỳ Phục Hưng ở Italia. Đồng thời quần áo quý tộc phát triển đến đỉnh điểm của sự xa hoa lộng lẫy, trang trí cầu kỳ, mang phong cách Ba-rô-cô :

- Nhấn mạnh cái tôi.
- Tôn trọng sự vĩ đại.
- Tôn sùng sự sang trọng, quý phái.

Bởi vậy quần áo rất đắt tiền và lộng lẫy. Váy khổng lồ tương phản với vóc dáng mảnh mai của thiếu phụ. Trong suốt thời gian dài áo nịt ngực được ưa chuộng. Trang phục của cả nam lẫn nữ đều có hình dáng bó sát cơ thể. Vào khoảng giữa thế kỷ XVI nhẫn đeo tay đã xuất hiện. Cả áo nịt ngực và nhẫn đeo tay được thiết kế sao cho bắt mắt đến nỗi trở thành quá khích. Chúng được phóng đại hình dáng. Chân dung của nữ hoàng Elizabeth I của Anh cho thấy các mẫu thiết kế cầu kỳ giai đoạn lịch sử này.

Cổ áo xếp nếp là đặc điểm thời trang nổi bật, thu hút sự chú ý của mọi người. Cả đàn ông và đàn bà đều mặc kiểu cổ như thế. Từ năm 1550 về trước, cổ áo ban đầu chỉ với một điểm đăng ten nhỏ trên trang phục nam hay váy nữ. Sau năm 1550 điểm trang trí này dần dần trở nên rộng hơn, to hơn và xếp nếp dày hơn (h.2.8), trở thành mục riêng biệt của quần áo.



Hình 2.8. Trang phục phương Tây thế kỷ XVI (Thời Nữ hoàng Elizabeth I, 1595)

Sự phát triển của loại cổ áo xếp này đã phát triển tới mức mọi người đều học cách gấp đăng ten như thế nào cho việc trang trí cổ áo của họ.

Ở Đức, đàn ông bắt đầu mặc quần ống túm, và kiểu trang phục này được biết đến như là "slashing" (nghĩa là phi thường) đã trở lên nổi tiếng (h.2.9).



Hình 2.9. Trang phục phương Tây thế kỷ XVI (Thời vua James I - 1605)

Với sự khám phá ra Châu Mỹ, kiểu cách trang phục phương Tây bắt đầu thêm nhiều chi tiết mới : Xuất hiện chất liệu da, lông thú trên các bộ trang phục.

Đến cuối thế kỷ XVI kiểu áo jacket chên, mặc ngoài bằng da chỉ để may cho những người giàu, được vua Henry VIII của Anh mặc đã trở thành kiểu trang phục thời thượng.

Nhìn chung đặc điểm trang phục giai đoạn này là cầu kỳ, xa hoa, quá khích, làm lu mờ hoặc mất đi vẻ đẹp tự nhiên của con người.

VI - TRANG PHỤC THẾ KỶ XVII

Nửa đầu của thế kỷ XVII quần áo không thay đổi nhiều. Đàn ông vẫn mặc áo chên chặt cứng với một mồm nhọn ở trước và váy ngắn, hẹp xoè rộng tới hông. Bít tất dài rộng lòng nhùng. Phụ nữ tiếp tục mặc váy phồng và bó sát, áo lót phụ nữ làm nổi bật cơ thể, không rộng như trước kia.

Đến giữa thế kỷ này cuộc cách mạng tư sản Anh (1660) là minh chứng cho sự phát triển mạnh của chủ nghĩa tư bản. Sản xuất công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp dệt phát triển trong khi các lãnh chúa phong kiến cùng tầng lớp quý tộc vẫn nắm giữ quyền hành mà điển hình là sự tráng lệ của cung điện Louis XIV ở Versailles. Xã hội phân hoá nhanh giữa người giàu và người nghèo. Quần áo phát triển phong phú, trở thành dấu hiệu phân biệt giai cấp, tầng lớp, vị trí xã hội của mỗi người. Bộ tóc giả xuất hiện rồi dần dần trở nên rộng hơn, dài hơn, dày hơn... (h.2.10) trở thành đặc trưng tiêu biểu của thời trang thế kỷ này.



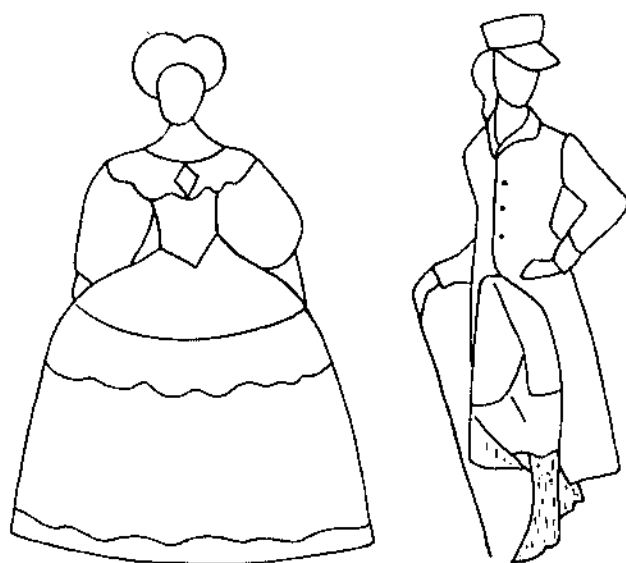
Hình 2.10. Trang phục phương Tây thế kỷ XVII (Thời vua Charles II - 1665)

VII - TRANG PHỤC THẾ KỶ XVIII

Trong suốt thế kỷ XVIII, ảnh hưởng của thời trang Pháp đối với thời trang Châu Âu đã trở nên mạnh hơn bao giờ hết. Trang phục thời kỳ này phân hoá thành 2 dòng chính :

- Tiếp tục phức tạp, thậm chí cường điệu hình dáng. Cả trang phục quý ông lẫn quý bà đều đạt đến đỉnh điểm của sự quá cầu kỳ, quá phức tạp.
- Đơn giản hơn, tiện lợi hơn, "tỷ lệ vàng" của cơ thể bắt đầu được chú ý.

Thiết kế trang phục nữ thời kỳ này rất chú ý tới quan hệ tỷ lệ và quan hệ đối lập. Những bộ áo váy nữ cổ khoét rộng ; ngực bó sát và nâng cao lên. Eo thắt càng nhỏ càng tốt. Để tạo dáng cho phần váy, người ta thiết kế một cái khung đỡ vải, làm bằng vật liệu vừa đủ cứng và nhẹ, bên ngoài những thước vải xếp nếp cầu kỳ để tạo dáng (h.2.11). Trang phục được làm rất nhẹ, may bằng lụa tơ tằm và musolin rực rỡ sắc màu. Các màu trắng, hồng, vàng nhẹ, màu kem hay xanh nền nã... đem đến những sắc màu tươi, mới, sáng... đối lập với những màu sắc đen tối của nhiều thế kỷ trước. Tóc thường xuyên được trải ra phía sau và buộc lại rồi búi cao.



Hình 2.11. Trang phục đặc trưng thế kỷ XVIII

Thời kỳ này, phương tiện giao thông chủ yếu vẫn là ngựa nên đàn ông đi ủng cao, quần bó, chiếc áo đuôi tôm dài có hai khuy cài sau lưng để vén đuôi áo lên khi cần thiết. Trang phục của nam giới chịu ảnh hưởng của trang phục nữ nên những chiếc bành tô bó sát người và có nhiều lớp cổ. Các quý ông bắt đầu đi tất và giày có gót. Mũ nhiều màu sắc, hoa tiết trang trí.

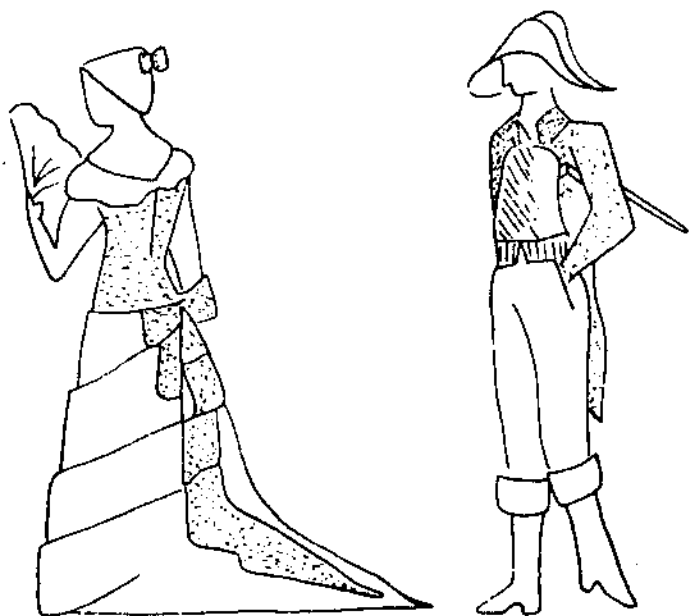
Cuộc cách mạng dân chủ Pháp (1789-1984) đã tạo sự thay đổi mạnh mẽ trong giới thời trang. Sau cuộc cách mạng, Pháp bấy giờ là một nước cộng hoà và người Pháp thận trọng hơn trong cách mặc. Những kiểu tóc, kiểu mũ trở nên đơn giản, sống áo bớt trang trí cầu kỳ phức tạp. Trang phục nữ cố gắng bắt trước cách mặc của người Hy Lạp cổ đại : eo cao, ống tay áo ngắn (h.2.11).

VIII - TRANG PHỤC THẾ KỶ XIX

Thế kỷ XIX, sản xuất công nghiệp đạt đến trình độ phát triển. Nghề dệt hưng thịnh. Máy khâu lần đầu tiên được sản xuất ra vào năm 1860 và chẳng bao lâu sau nghề may hình thành và phát triển. Máy ảnh được phát minh và nghề nhiếp ảnh phát triển giúp cho thời trang lan truyền nhanh. Tất cả làm cho trang phục thời kỳ này phát triển rực rỡ. Ngày càng nhiều kiểu cách trang phục phong phú, đa dạng, phức tạp.

Mốt - tên gọi riêng cho các kiểu quần áo mới - đã hình thành rõ nét.

Đầu thế kỷ XIX váy nữ không phồng tròn đều như thế kỷ trước mà phồng riêng phía sau và đây cũng là trọng tâm trang trí (h.2.12) ; đuôi váy



Hình 2.12. Trang phục đặc trưng thế kỷ XIX

phía sau càng dài càng tốt. Áo nịt ngực, nâng ngực xuất hiện và dường như làm cho các cô gái trở nên to lớn và đồ sộ hơn. Cổ áo thường khoét sâu. Trang phục thời kỳ này thường có sắc màu rực rỡ.

Thời trang đàn ông bao gồm bộ comlê kiểu đuôi tôm, kèm áo gilê, được sản xuất từ sợi len. Dây đeo túi đồng hồ và dây chuyền thành các trang phục phụ đi kèm. Các bộ comlê được sản xuất hàng loạt nên tầng lớp trung lưu và những tầng lớp thấp cũng có thể được mặc. Kiểu cách mặc của các sĩ quan được hình thành với những nét riêng. Giai cấp công nhân có những bộ trang phục riêng và thời gian đầu chỉ mặc vào dịp đặc biệt, được gọi là "trang phục Chủ nhật".

Với sự phát minh của xe đạp năm 1870, đầu tiên là những người đàn ông và sau đó là cả phụ nữ có những trò tiêu khiển mới khiến trang phục thay đổi theo. Đồ dùng trang bị cho việc đi xe đạp là nguyên nhân làm náo động thời trang. Việc đi xe đạp khiến cho váy tách ra thành hai ống được gọi là quần buộc túm. Áo choàng khoác ngoài ngắn dần lên. Mọi người cũng bắt đầu chơi nhiều trò thể thao hơn như tennis, golf. Những người phụ nữ mặc những váy ngắn cho những hoạt động ngoài trời, trông nhẹ nhàng hơn. Người đàn ông chơi thể thao hoặc đi xe đạp, đã mặc quần ngắn đến đầu gối, quần chèn gối hoặc quần soóc. Họ thường đeo thắt lưng với áo choàng ngoài gọi là áo Norfolk.

Vải dệt thời kỳ này xuất hiện những hoạ tiết chữ cái, in hoa và những trang trí cầu kỳ khác.

Cuối thế kỷ 19, trang trí quần áo được bổ sung thêm bằng các trang phục phụ như ví, túi xách, găng tay. Các hình thêu tay trang trí trên quần áo được ưa chuộng. Váy dần dần gọn lại và ngắn lên.

IX - TRANG PHỤC THẾ KỶ XX

Thời kỳ này các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, tác động sâu sắc đến mọi khía cạnh của đời sống. Xã hội dân chủ, công nghiệp khiến cho quần áo mất hẳn vẻ đồ sộ nặng nề, ý nghĩa sử dụng được tôn trọng và xuất hiện các nhà nghiên cứu vệ sinh trang phục.

Sau khi hàng loạt các rạp chiếu phim xuất hiện, công nghiệp dệt đã trình diễn với mọi người một thế giới mới của vải dệt. Hàng loạt những chất liệu mới mềm mại và có thể bó sát thân người. Các loại vải tuyn, lanh, muslin và voan làm các quý bà trông rất hấp dẫn, nhanh chóng thuyết phục số đông.

Nghề may phát triển khiến các kiểu quần áo không ngừng thay đổi. Áo dài có sự tinh tế cao, đòi hỏi các đường cong cường điệu. Áo nịt ngực có đệm đã được giới thiệu. Cao su và dây chun được sử dụng nhiều hơn cho áo nịt ngực, giúp áo trở lên nhẹ hơn và thoải mái hơn.

Vào thời kỳ đầu của thế kỷ 20 có sự thay đổi lớn trong cách sống của mọi người và đương nhiên kéo theo sự thay đổi của thời trang. Mọi người tham gia nhiều trò chơi mới hấp dẫn. Ở trường học, những bé gái tập thể dục và chơi hockey, bóng rổ và tennis. Môn thể dục trong nhà trường cần có những bộ trang phục riêng cho cả bé trai lẫn bé gái. Những cậu bé thường xuyên mặc quần ống túm với các nút ở dưới gối và áo jacket Norfolk hay áo jacket ngắn, cắt may không phức tạp. Tất cả đều ưa chuộng áo cổ cứng.

Xe ô tô là ảnh hưởng chính cho cách sống của mọi người. Khi người phụ nữ đi trên chiếc xe ô tô con mui trần, họ mặc áo cổ rộng, đội mũ hoặc với một chiếc khăn quàng và mặc choàng thêm áo khoác để tránh bám bụi.

Đến lúc này, rất nhiều phụ nữ mặc bộ trang phục cắt may vừa vặn : chúng vừa khít và ôm sát cơ thể từ vai xuống hông ; những nếp gấp của phần váy bên dưới tạo độ xoè cho váy, vì vậy chúng kèm theo những đường viền khá rộng ở gấu váy. Sau năm 1908 có sự thay đổi rõ nét : Váy trở lên ngắn hơn và hẹp hơn. Khoảng chừng năm 1911 váy *hobble* trở thành kiểu thời trang : váy thẳng và hẹp nhưng thoải mái hơn khi vận động, di chuyển...

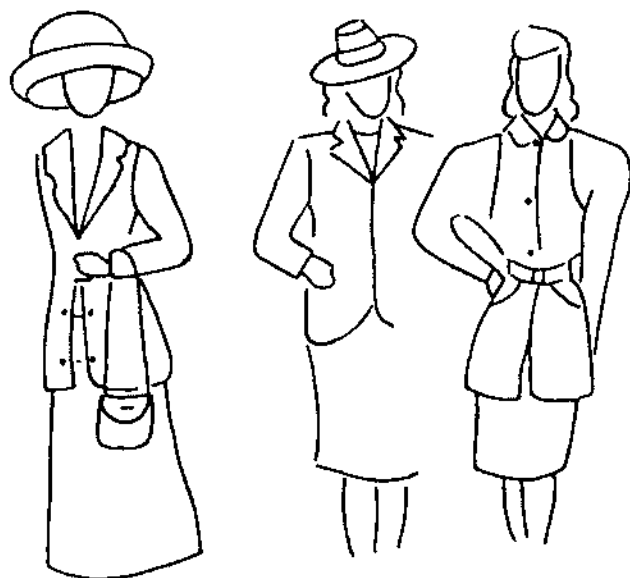
Năm 1914, chiến tranh Thế giới thứ nhất bắt đầu, hàng nghìn đàn ông và phụ nữ tìm cho mình những bộ đồ đơn giản. Mọi người ít hình thức hơn trong trang phục so với trước kia. Một vài năm sau chiến tranh, người phụ nữ mặc trang phục rất đơn giản thường là tự cắt may.

Năm 1924, quần áo của phụ nữ đã phát triển theo dạng thẳng, ngắn, thường treo từ vai, đường eo rất thấp. Lần đầu tiên trong lịch sử Tây Âu người phụ nữ thuộc tất cả các tầng lớp, các giai cấp đều mặc giống nhau : những chiếc váy ngắn, phô bày đôi chân của họ.

Từ năm 1930 nhiều nhà máy lớn đã bắt đầu sản xuất quần áo cho cả phụ nữ và đàn ông với số lượng nhiều, vì vậy mọi người bắt đầu mua những trang phục may sẵn với giá tương đối rẻ. Năm 1939 bắt đầu chiến tranh thế giới II, quần áo trở lên khan hiếm. Cuối chiến tranh thế giới,

nhiều người đã thay đổi hoàn toàn thái độ của họ đối với quần áo cùng các quan niệm khác của đời sống. Mọi người không đội mũ và đeo găng tay vào mùa hè nữa và rất nhiều người đi tất ngắn. Phụ nữ có thể mặc quần mà không bị phê phán.

Sau chiến tranh thế giới, các tạp chí thời trang xuất hiện, giao lưu văn hoá và thông thương giữa các nước làm cho một thời trang truyền lan nhanh trên phạm vi toàn thế giới. Trang phục thời kỳ này phát triển theo xu hướng thuận tiện trong sử dụng, cắt may đơn giản. Xuất hiện các phong cách mới : giản dị, công nghiệp, khác với phong cách cổ điển truyền thống cầu kỳ phức tạp trước đây (h.2.13).



Hình 2.13. Một số kiểu trang phục nửa đầu thế kỷ XX

Nhìn lại thời trang phương Tây qua các giai đoạn, các thời kỳ lịch sử cho thấy quần áo là một trong những kênh phản ánh khá rõ nét về điều kiện sống và những đặc trưng văn hoá xã hội của một cộng đồng. Như một tổng thể phức hợp và đa chiều, thời trang là một chủ đề độc đáo. Thời trang hấp dẫn tất cả vì hầu như toàn bộ loài người đều mặc quần áo. Có một điều chắc chắn về thời trang, đó là sự thay đổi không ngừng, nhưng thường kéo trong thời gian dài nên chúng ta hầu như không chú ý. Mỗi một thế hệ đều trông khác với thế hệ trước đó và thế hệ sau đó. Và do đó, khi ngẫm nhìn trang phục dường như chúng ta thấy cả một thời đại.

CÂU HỎI CHƯƠNG II

- 1. Nêu một vài kiểu trang phục phương Tây trong một giai đoạn lịch sử nào đó mà em thích. Giải thích vì sao xuất hiện những đặc điểm thời trang giai đoạn lịch sử đó ?**
- 2. Hãy kể ra và phân tích một vài sự kiện phát triển công nghiệp đã ảnh hưởng đến sự thay đổi của thời trang.**
- 3. Chiến tranh thế giới thứ hai mang lại rất nhiều thay đổi cho các kiểu quần áo. Em hãy phân tích sự thay đổi của các loại quần áo mặc, trang phục và vải được sử dụng trong suốt thời kỳ chiến tranh đó. Cụ thể :**
 - Trước chiến tranh thế giới thứ hai (1938).
 - Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945).
 - Sau chiến tranh thế giới thứ hai (1948).

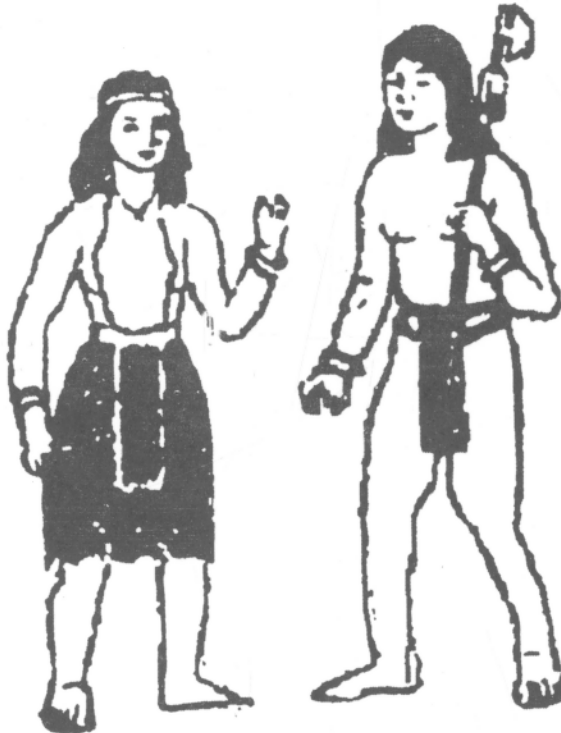
Chương III

KHÁI LƯỢC VỀ THỜI TRANG VIỆT NAM THEO DÒNG LỊCH SỬ

Trải qua 4000 năm lịch sử, trang phục của người Việt biến đổi lúc chậm, lúc nhanh với những nét độc đáo riêng mang đậm phong cách dân tộc. Song nhìn chung, sự biến đổi của trang phục Việt Nam cũng theo dòng phát triển của trang phục thế giới.

I - TRANG PHỤC THỜI HÙNG VƯƠNG

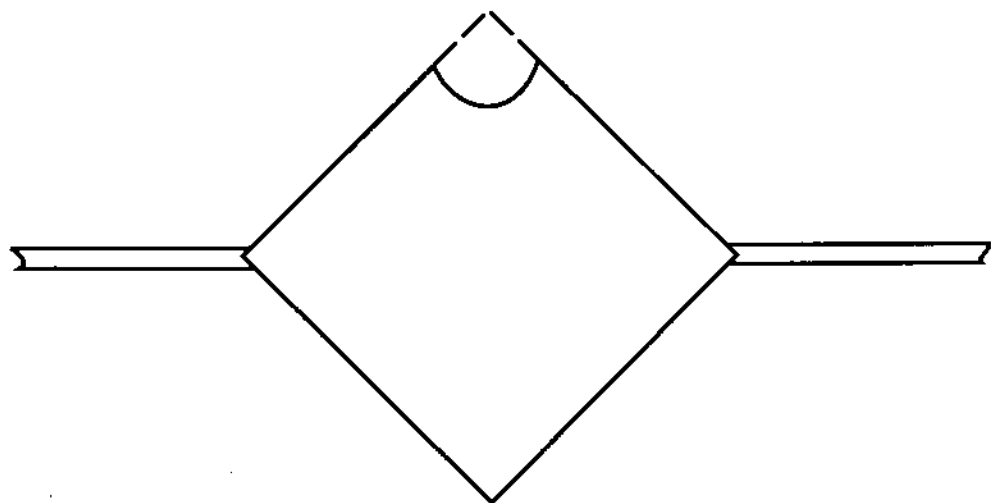
Căn cứ vào những hình người trên mặt trống đồng hoặc trên những hiện vật khảo cổ bằng gốm hoặc bằng sứ khác, có thể nhận thấy người Việt cổ trang phục đơn giản : đàn ông *đóng khố*, *cởi trần*, đàn bà mặc *váy-yếm* (h.3.1).



Hình 3.1. Trang phục thời Hùng Vương

Khố là một mảnh vải dài, quấn một hoặc nhiều vòng quanh bụng và luồn từ trước ra sau. Khố mặc mát, phù hợp với khí hậu nóng bức và dễ hoạt động.

Yếm là đồ mặc đặc thù của người Việt. Chỉ cần một mảnh vải vuông đặt chéo trên ngực người mặc, ở góc trên khoét hình tròn làm cổ, hai góc cạnh sườn được buộc ra sau lưng (h.3.2a).



Hình 3.2a. Yếm thời Hùng Vương

Váy là trang phục để nữ giới che nửa người dưới. Váy có hai loại : váy kín (hai mép vải được khâu lại thành hình ống) hoặc váy mở (là một mảnh vải quấn quanh thân). Chiếc váy thường rộng, dài đến ngang ống chân(h.3.2b). Khi lao động, chỉ cần buộc túm gấu váy ra phía sau hoặc giắt gấu váy lên cạp (thắt lưng) là thành chiếc váy ngắn, thuận tiện trong lao động sản xuất.

Với bộ trang phục đơn giản : phần dưới là váy quây, phần trên chỉ có chiếc yếm che kín phần ngực và bụng, hai cánh tay và lưng để trần khiến cho các cô, các chị vừa thoáng mát, vừa gợi cảm.

Cả đàn ông, đàn bà đều cắt tóc ngắn. Vào dịp lễ hội, người Việt cổ mặc áo lông chim, hoặc các bộ trang phục bằng vải dệt từ sợi thô chế từ cây đay, cây gai, cây chuối. Những hoa văn trang trí trên trang phục của người Việt cổ quy về hai loại hình chính : hình Mặt Trời tượng trưng cho quyền lực cao nhất, chi phối toàn bộ cuộc sống con người và hình Con Rồng thể hiện quan niệm của người Việt cổ về nguồn gốc của mình là con lạc cháu rồng.



Hình 3.2b. Váy thời Hùng Vương

Người Việt xưa còn có tục xăm mình : Người dân chài lấy mực xăm vào da mình hình cá sấu hoặc hình con rồng để khi xuống nước không bị thủy tề hãm hại. Có lẽ bởi thế dân nước ta thời Hùng Vương còn được gọi là "văn lang" (nghĩa là người vẽ hình). Tục xăm mình này vẫn còn tồn tại rất lâu ở những triều đại phong kiến tiếp theo.

Không biết từ bao giờ, người Việt đã có chiếc áo tơi lá (h.3.3). Có thể áo đã được tạo ra từ thời Việt cổ, cũng có thể có từ thời triều đại phong kiến Việt Nam đầu tiên. Áo được tạo ra và đã tồn tại rất lâu trong lịch sử thời trang Việt Nam, để nâng đỡ cho cuộc sống vất vả của người dân nước Việt. Áo vừa để trốn mưa, áo vừa để che nắng, vừa để giữ ấm trong những ngày đông lạnh giá. Áo đã tồn tại mãi cho đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, minh chứng cho sự khéo léo của những người dân Việt Nam biết tạo ra trang phục từ những lá cây, cộng cỏ nhưng rất thực dụng, rất hữu ích cho đời sống con người.



Hình 3.3. Áo tơ lá

II - TRANG PHỤC THỜI PHONG KIẾN

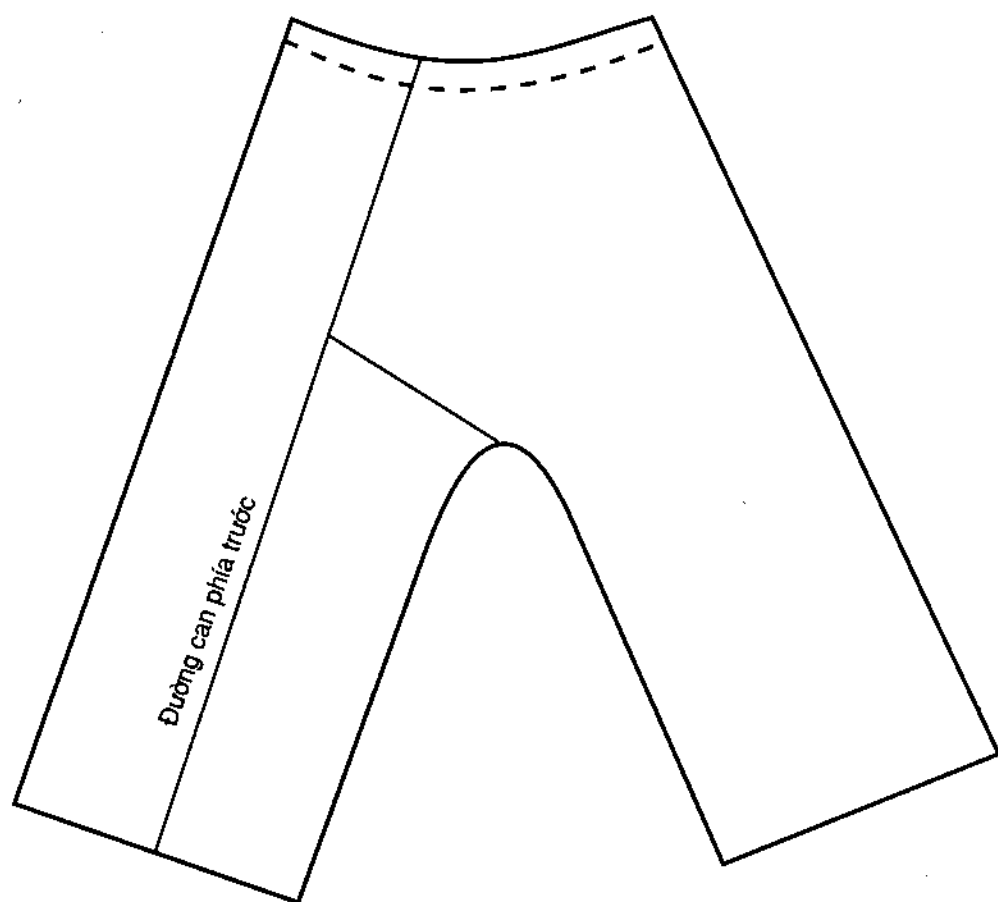
Dưới thời phong kiến, nông nghiệp phát triển. Nghề trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải hình thành. Các vua nhà Lý và sau đó là các triều đại Trần, Lê, Nguyễn...đều dạy dân chúng trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải cùng với việc phát triển nghề trồng lúa. Người dân Việt thời đó đã biết nuôi tằm lấy kén, kéo sợi. Từ sợi tơ tằm, nhân dân ta đã dệt nên nhiều loại vải, rất phong phú như : tơ, lụa, lượt, là, gấm, vóc và một số vải mang đặc tính địa phương như "nái", "sồi", "đoạn", "lĩnh", "thao", "vân"...

Nghề dệt phát triển kéo theo sự phát triển của trang phục. Trải qua các triều đại phong kiến, trang phục Việt Nam đã nhiều lần thay đổi, nhưng đều có nét chung nhất là thể hiện sự phân chia giai cấp rõ rệt. Quần áo của vua quan khác quần áo của thứ dân. Vua mặc áo " long cổn" (áo thêu rồng uốn khúc) hoặc " hoàng bào" (áo màu vàng), thắt đai lưng to bản, đầu đội mũ " miện", chân đi "hia"(loại giày vải, mũi cong, cổ cao). Các quan trong triều trang phục tương tự như vua nhưng khác màu (nhất là không được mặc màu vàng), hoa văn chủ yếu là hình sóng nước (rất ít khi được dùng hoa văn hình con rồng). Cung tần mỹ nữ mặc xiêm y màu sắc rực rỡ, hoa văn trang trí cầu kỳ (chủ yếu là các hoa văn hình hoa sen, hoa cúc, dương xỉ, chim phượng...). Nhìn chung quần áo của tầng lớp thống trị thường uy nghi, đường bệ, thành một thứ phô trương đẳng cấp, quyền lực và sự giàu sang.

Người lao động trang phục giản đơn, mặc lấy chắc, lấy bền làm chính. Kiểu cách đơn giản, thuận tiện, không vướng víu trong lao động. Kiểu càng đơn giản, càng tốn ít vải càng tốt. Màu sắc càng đơn giản càng dễ nhuộm. Màu càng tối càng đỡ lộ bẩn. Những màu được ưa chuộng thời kỳ này thường là các màu đen, vàng đất, nâu sồng v.v...

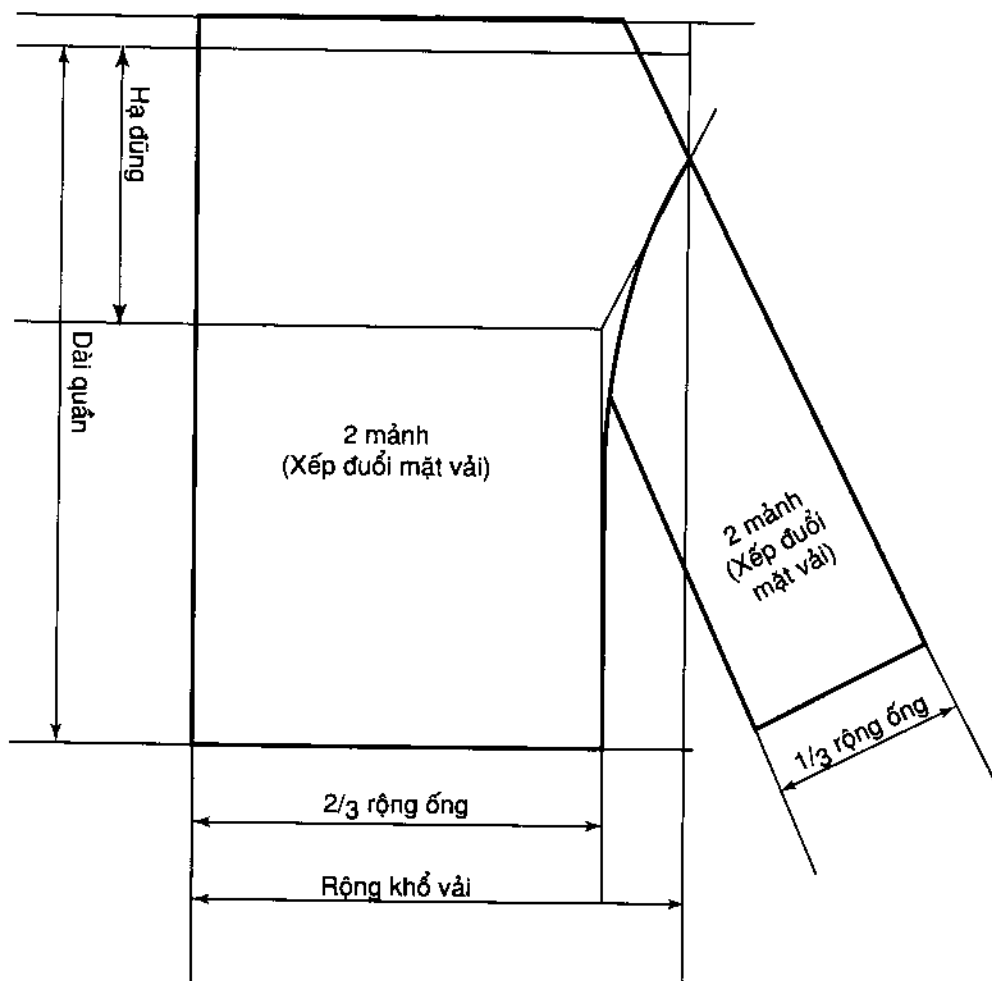
Đàn ông thời phong kiến để tóc dài, búi cao (gọi là *búi tóc*, hay *búi củ hành*). Khi lao động *vấn khăn đầu riu* ; lúc sang trọng thì *đội khăn xếp*. Người Nam Bộ thường *đội khăn rằn*. Khi ra đường đội mũ lá (h.3.9). Trang phục thường ngày của đàn ông là *quần ống què* (h.3.4a), nửa người trên cởi trần. Quần ống què là một sáng tạo thông minh của người dân Việt. Với nghề dệt thủ công, khổ vải hẹp chỉ rộng có 4 tấc (khoảng

40cm), chỉ cần một nhát kéo và 4 đường khâu can (h.3.4b), dũi thêm đường gấp cạp và gấp gấu, chiếc quần dài đã hoàn tất. Quần ống què sử dụng được cả mặt trước lẫn mặt sau, rất thuận tiện và tiết kiệm vải. Về sau chiếc quần ống què được cải tiến thành *quần lá toạ*. Quần này có đường can giữa đũng (chứ không can lệch như trước), cạp rất to bản. Khi mặc, người ta thắt dây lưng ra ngoài rồi thả phần cạp thừa rủ xuống, ra ngoài dây lưng (vì thế nên có tên gọi là quần lá toạ). Quần lá toạ là một sáng tạo linh hoạt rất phù hợp với lao động nông nghiệp. Ứng phó với ruộng cạn, ruộng nước, nước nông, nước sâu...quần sẽ được điều chỉnh độ dài bằng cách kéo cạp quần rủ nhiều hay ít.



Hình 3.4a. Quần ống què (mặt trước và mặt sau giống nhau)

Do đàn ông để mình trần nên tập tục xăm hình lên trên da thịt khá phổ biến. Thời Lý những người lính xăm hình lên ngực và chân. Sang thời Trần xăm mình không những để con người hoà hợp với thiên nhiên mà còn vì ý nghĩa sâu sa về nguồn gốc giống nòi, để "không bao giờ vong bản". Đến thời kỳ này từ vua quan đến thứ dân đều thích hình rồng xăm lên trước bụng hoặc sau lưng hoặc hai bên vế đùi. Tục xăm hình về sau còn phát triển thành dấu hiệu để phân biệt gia nô dòng họ này với dòng họ khác.



Hình 3.4b. Cách cắt quần ống què

Vào dịp lễ hội, đàn ông khoác áo dài đen bằng chất liệu "the", đầu đội khăn xếp, tay cầm ô đen.

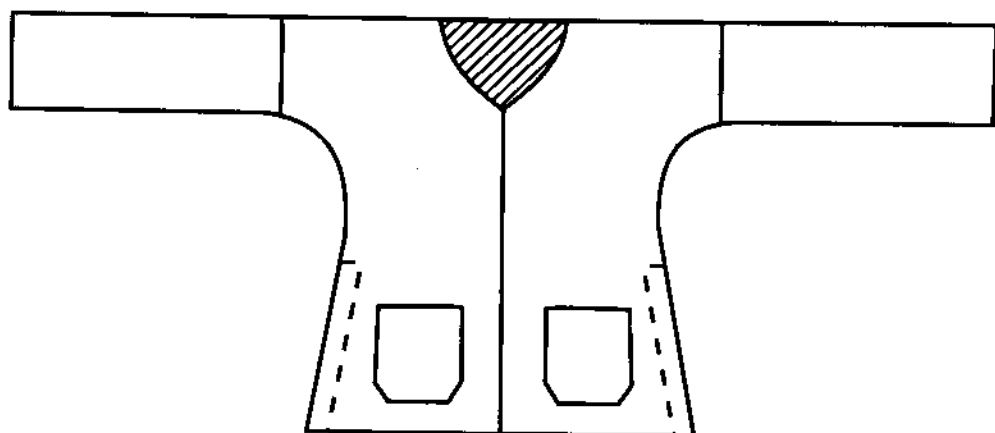
Phụ nữ thời phong kiến để tóc dài và vấn tóc bằng một mảnh vải dài, rồi cuộn lại xếp trên đầu. Khăn không vấn hết tóc mà để thừa ra một ít gọi là *tóc đuôi gà* để làm duyên. Khi ra đường, để ứng phó với tiết trời nóng hoặc lạnh, tóc vấn được phủ khăn vuông, thường là màu đen, chít thành hình "*mỏ quạ*" vào mùa lạnh (có mỏ nhọn phía trước, hai đầu khăn buộc dưới cằm) hoặc hình đồng tiền vào mùa nóng (hai đầu khăn buộc ra sau gáy). Vào những ngày nắng gắt hoặc có mưa, trên khăn còn có nón hình chóp, nhọn đầu, rộng vành (để tránh nắng), dốc mái (để thoát nước nhanh, che mưa). Các loại nón của người Việt đều có quai để giữ, gọi là quai thao (quai làm bằng vải thao, loại vải phổ biến trước đây).

Hàng ngày, chiếc yếm là trang phục chính của phụ nữ thời phong kiến. Yếm dùng để che ngực nên trở thành biểu tượng của nữ tính, của tình yêu :

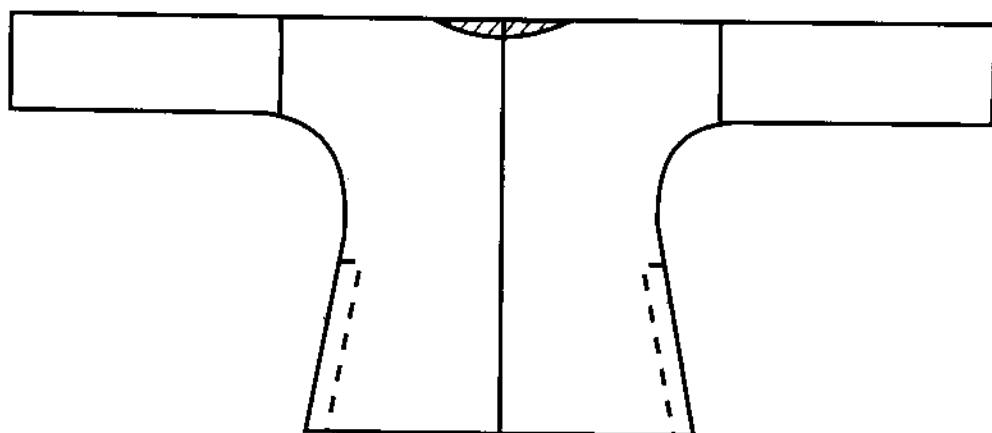
*Trầu em têm tối hôm qua
Cất trong dải yếm mở ra mời chàng*

Yếm có nhiều màu sắc phong phú : Yếm nâu mặc đi làm ở nông thôn. Yếm trắng mặc thường ngày ở thành thị. Những ngày lễ hội, yếm có đủ màu sắc : hồng đào, đỏ hoa hiên, vàng chanh, vàng thư...

Khi phải ra ngoài lao động hoặc giao tiếp, các bà, các mẹ, các cô và cả nam giới đều mặc thêm áo ngắn. Áo có hai túi dưới vạt, xẻ tà, cổ khoét hình tim hoặc lá trầu, may nẹp viền hoặc viền bọc. Áo này ở phía Bắc gọi là *áo cánh* (h.3.5), trong Nam gọi là *áo bà ba*. Tuy kiểu dáng giống nhau nhưng giữa áo nam và áo nữ có đôi chút khác biệt : áo đàn ông ngắn hơn, cổ tròn viền đứng, xẻ vạt thấp hơn, gấp nẹp và gấp gấu to trông cứng cáp. Trong khi đó, áo nữ khoét cổ sâu hơn, cổ áo viền lật hoặc viền bọc mép thật nhỏ, xẻ tà cao đến ngang eo, gấp nẹp và gấp gấu nhỏ cho thanh và mềm mại. Vẫn bộ trang phục đó nhưng tầng lớp địa chủ phong kiến thì may bằng lụa, tơ màu sáng (màu trắng hoặc màu mỡ gà). Người lao động thì may bằng vải thô màu đen hoặc nâu. Khi mặc áo, các bà, các chị thường không cài cúc áo trên cùng mà để mở, hở yếm bên trong vừa thoáng mát, vừa làm duyên.



Mặt trước



Mặt sau

Hình 3.5. Áo cánh

Vào dịp lễ hội các bà, các chị mặc ngoài cùng chiếc áo dài, may từ bốn mảnh vải nên còn gọi là áo "tứ thân". Hai mảnh sau của áo ghép liền ở giữa sống lưng. Hai mảnh trước của áo thường không cài cúc mà buộc hai vạt với nhau hoặc buông thông, dùng dây thắt lưng ngang eo, vừa giữ

cho vạt áo không bị trĩ xuống, vừa dễ trang điểm, tạo nét duyên dáng cho người nữ " thắt đáy lưng ong" (h.3.6). Ngoài chiếc áo dài tứ thân, phụ



Hình 3.6. Áo tứ thân

nữ thời phong kiến còn dùng áo dài năm thân tuy không phổ biến như áo dài tứ thân. Áo năm thân cũng được cắt may như áo tứ thân nhưng thân trước, phía trái được may ghép từ 2 thân vải nên rộng gấp đôi. Khi mặc, vạt trái lớn để bên ngoài, gọi là vạt cả, đè lên vạt phải nhỏ, để bên trong

gọi là vạt con (h.3.7). Vẻ đẹp của áo tứ thân, năm thân đã đi vào thi ca một cách thật nên thơ. Nhà thơ Nguyễn Bính viết :

Nào đâu cái yếm lụa sồi ?

Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân ?

Nào đâu cái áo tứ thân ?...

và

Khởi lữ tre làng tôi nhận thấy

Bắt đầu là cái thắt lưng xanh....



Hình 3.7. Áo năm thân

Áo tứ thân đã trở thành trang phục điển hình của phụ nữ Việt Nam thời phong kiến.

Dịp hội hè, trong tiết trời lạnh, phụ nữ xưa thường mặc kếp nhiều lớp áo : ngoài cùng là chiếc áo màu nâu đỏ (còn gọi là màu gụ), bên trong là áo màu mỡ gà, trong cùng là áo màu vàng chanh. Ba lớp áo ba màu (còn gọi là áo "mớ ba"). Mùa đông rét đậm các bà các cô mặc đến 7 chiếc áo mỏng, khoác chồng lên nhau nên gọi là mặc "áo mớ bảy", hoà sắc các màu theo nguyên tắc : các lớp bên ngoài là các màu tối, trầm ; các lớp mặc khuất bên trong gồm các sắc màu tươi sáng, rực rỡ, kết hợp với màu xanh của chiếc thắt lưng và màu đỏ hoa hiên của yếm trên ngực thành một hòa sắc rất ưa nhìn, vừa rực rỡ sắc màu lại vẫn khiêm nhường, đoan trang.

Trải suốt các triều đại phong kiến, phụ nữ Việt Nam từ Nam ra Bắc đều mặc váy. Đến cuối thời phong kiến, trong sự giao tranh giữa Vua Lê, chúa Trịnh ở đảng ngoài (miền Bắc) với các chúa Nguyễn ở đảng trong (miền Nam), để phân biệt với phụ nữ miền Bắc, theo lệnh của Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, phụ nữ miền Nam phải mặc quần. Sau này, hầu hết các bà, các chị cả đảng ngoài lẫn đảng trong đã thay thế chiếc váy quây bằng chiếc quần đen rộng thùng, là bởi vì, so với váy, quần thuận tiện hơn cho các bà, các chị trong lao động sản xuất. Kể từ đó tập tục mặc quần của phụ nữ Việt Nam đã tồn tại mãi đến ngày nay.

III - TRANG PHỤC THỜI PHÁP THUỘC

Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, sự đô hộ của người Pháp ở Đông Dương là nguyên cớ du nhập thời trang phương Tây vào Việt Nam.

Ở thành thị, đàn ông làm công chức "lưu dụng" (những người làm việc cho Pháp) mặc sơ mi, quần âu theo kiểu châu Âu.

Ở nông thôn áo cánh, áo bà ba từ thời phong kiến tiếp tục được sử dụng.

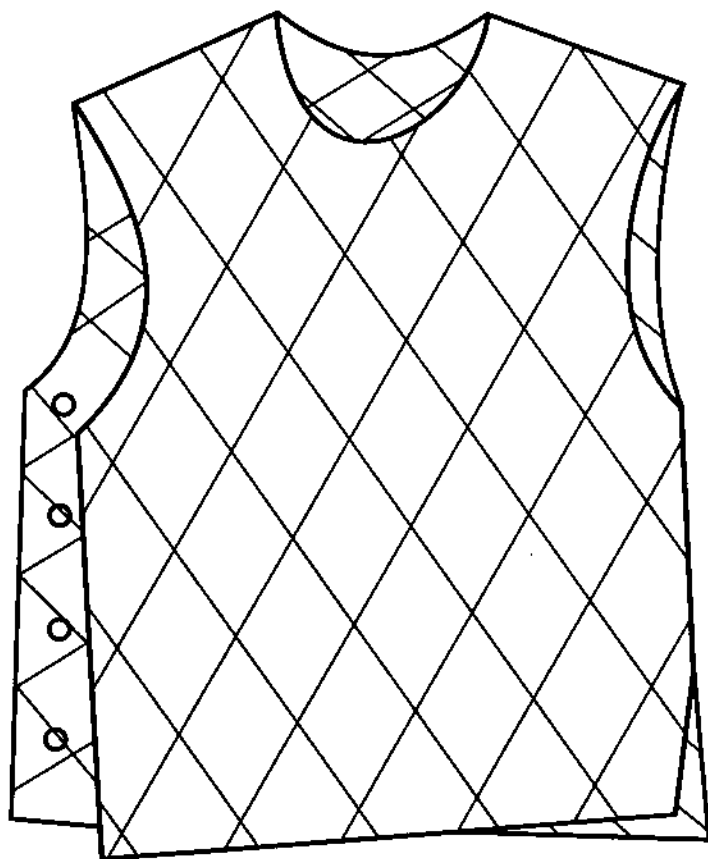
Thời kỳ này công nghiệp dệt trên thế giới phát triển, sản xuất được những loại vải lụa chất lượng cao hơn với khổ vải rộng hơn. Với sự xuất hiện của vải khổ rộng (80 - 90cm), may áo dài không còn cần phải ghép từ bốn khổ vải ; chiếc áo tứ thân được cải biên thành áo dài tân thời.

Sự đan xen của những chiếc áo dài tân thời thấp thoáng giữa những tà áo tứ thân. Những bộ quần âu, sơ mi lẫn trong các bộ quần lá toạ và áo cánh là sự giao thoa văn hoá, là hiện tượng thời trang phổ biến thời kỳ này.

IV - TRANG PHỤC THỜI KỲ CHỐNG PHÁP

Thời kỳ kháng chiến chống Pháp nổi lên áo trấn thủ của anh bộ đội Cụ Hồ và quần đen, áo cánh nâu, khăn "mỏ quạ" của các cô du kích.

Áo trấn thủ là một sáng tạo của nhân dân ta cho thích hợp với hoàn cảnh kinh tế khó khăn và chiến đấu chống thực dân Pháp. Áo được làm từ hai lớp vải màu xanh cây, trên chỉ hình quả trám để giữ lớp bông ở giữa. Áo mặc ngoài trang phục khác, dùng để giữ ấm cho bộ đội. Để thuận tiện trong chiến đấu, áo được thiết kế chui đầu, cài cúc cạnh sườn, cổ khoét rộng và không có ve. Áo không có tay, ngắn đến ngang eo, xẻ ngắn hai bên sườn (h.3.8). Để che mưa, chống rét, bộ đội Cụ Hồ còn có tấm vải dù



Hình 3.8. Áo trấn thủ (thời kỳ chống Pháp)

(chiến lợi phẩm của Pháp), đội mũ lá dân tộc nhưng cài thêm những mảnh vải dù để nguy trang (h.3.9).



Hình 3.9. Trang phục thời kỳ chống Pháp

Các cô gái tham gia kháng chiến vẫn mặc bộ áo cánh như trước đây nhưng có thêm chi tiết thời trang mới : thắt lưng rời, to bản, đeo ngang eo, bên ngoài áo cánh ; khăn dù xanh của Pháp khoác lên người hoặc quàng cổ làm duyên.

Áo trấn thủ và khăn mỏ quạ đã ghi dấu "mốt" Việt Nam của một chặng đường chiến tranh du kích lâu dài và gian khổ của dân tộc.

V - TRANG PHỤC GIAI ĐOẠN 1954 – 1964

Mười năm sau cách mạng Tháng Tám người dân miền Bắc Việt Nam chăm lo xây dựng đất nước, trong khi ở miền Nam cuộc kháng chiến vẫn tiếp tục. Trang phục hai miền có sự khác nhau.

Ở miền Bắc, một cuộc sống mới xây dựng đất nước công nghiệp hoá khiến cho trang phục phải thay đổi, phát triển thích nghi với điều kiện mới.

Trang phục của người dân ở nông thôn miền Bắc : đàn ông, đàn bà đều mặc quần áo may theo kiểu dân tộc : bộ áo cánh, khăn mỏ quạ, quần lá toạ (quần ta - bỏ đũng giữa), mũ lá, guốc mộc...

Trang phục ở thành thị miền Bắc pha trộn 4 dòng thời trang chính :

1. Hầu hết dân chúng vẫn mặc quần áo dân tộc : Các bà, các chị mặc quần lụa đen hoặc phíp đen, áo cánh ; tóc để dài, cặp lại hoặc tết thành bím là kiểu chải tóc phổ biến lúc bấy giờ.
2. Đại bộ phận dân chúng chịu ảnh hưởng của trang phục Trung Quốc : nam mặc áo "dại cán" (kiểu áo khoác ngoài, may bằng vải kaki màu be, 4 túi, còn được gọi là áo Tôn Trung Sơn) ; nữ mặc áo bông kép kiểu Trung Quốc (có hai lớp : lớp vỏ ngoài là vải hoa, lớp ruột trong là bông trắng. Hai lớp có thể tháo rời hoặc lắp ghép lại với nhau tùy theo thời tiết).
3. Một bộ phận dân chúng chịu ảnh hưởng trang phục châu Âu ; mặc : quần âu, sơmi, có thể khoác áo vétton kiểu Pháp. Một số người mặc juýp và quần soóc Liên Xô (cũ). Nhiều người mặc bộ bảo hộ lao động kiểu Tiệp Khắc (cũ)...
4. Một bộ phận nhỏ dân chúng mặc theo kiểu Đông Nam Á : sơmi nữ ngắn, dáng thẳng (không eo), cổ hai ve, váy quần kiểu Thái Lan ...

Trang phục của đồng bào miền Nam thời kỳ này vẫn là bộ bà ba : Người dân miền Trung thường mặc màu nâu, người dân miền Nam hay dùng màu đen, đàn ông cắt tóc ngắn, đàn bà cặp tóc hoặc búi tóc.

VI - TRANG PHỤC TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (HAY LÀ MỘT VIỆT NAM - MỘT THỜI CHIẾN)

Thời trang điển hình thời kỳ này là kiểu trang phục của các chiến sĩ giải phóng quân : Bộ quần áo kiểu âu, may từ vải kaki màu xanh lá cây, nhiều túi, dáng rộng thoải mái. Mũ "tai bèo" (loại mũ vải có vành tròn nhỏ xinh xinh) cùng màu, cùng chất liệu với quần áo, chân đi giày vải hoặc dép cao su (dép chế từ lốp xe ô-tô để làm đế, săm xe ô-tô để làm quai).

Xét từ góc độ kinh tế - chính trị - xã hội văn hoá và lịch sử, có thể nói bộ quần phục, vớng "Trường Sơn" (thiết kế từ vải dù, hoặc vải bạt chiến lợi phẩm của người chiến sĩ ; chỉ là một mảnh vải dù đủ dài rộng, may gấp mép hai đầu để có thể luồn dây, treo vớng lên những thân cây trong

rừng), mũ "tai bèo", dép cao su, khăn dù mỏng màu trắng hoặc xanh... đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của nó, là những vật chứng ghi lại một thời kỳ chiến tranh trường kỳ gian khổ nhưng rất hào hùng của dân tộc Việt Nam.

VII - TRANG PHỤC THỜI KỲ THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1975 - 1990)

Đến thời kỳ này 2/3 số người vùng đô thị đã mặc theo lối Âu. Chỉ còn 1/3 số chị em thành thị và đại bộ phận chị em vùng nông thôn vẫn mặc quần lụa đen thời trước.

Trang phục Việt Nam ở thành thị giai đoạn này đã bắt nhịp cùng xu hướng thời trang trên thế giới. Nam thanh niên mặc quần loe và sơmi bó. Cuốn theo trào lưu một đó, trang phục của giới nữ Việt Nam thời kỳ này được thiết kế phỏng theo một phương Tây : Quần "ống xéo" (phần mông thiết kế theo kiểu "quần âu", phần ống thiết kế theo kiểu "quần ta") tạo dáng hình loa, mặc cùng áo chèn 4 ly (có chiết ngực dài kéo sang cạnh sườn, xuống tận gấu áo).

Áo dài sau một thời vắng bóng do chiến tranh, nay được sử dụng phổ biến trong nhà trường và ngoài xã hội.

Thời trang váy xuất hiện ở thành phố rồi nhanh chóng khẳng định vị trí của mình trong các chủng loại trang phục và góp phần thúc đẩy thời trang Việt Nam phát triển.

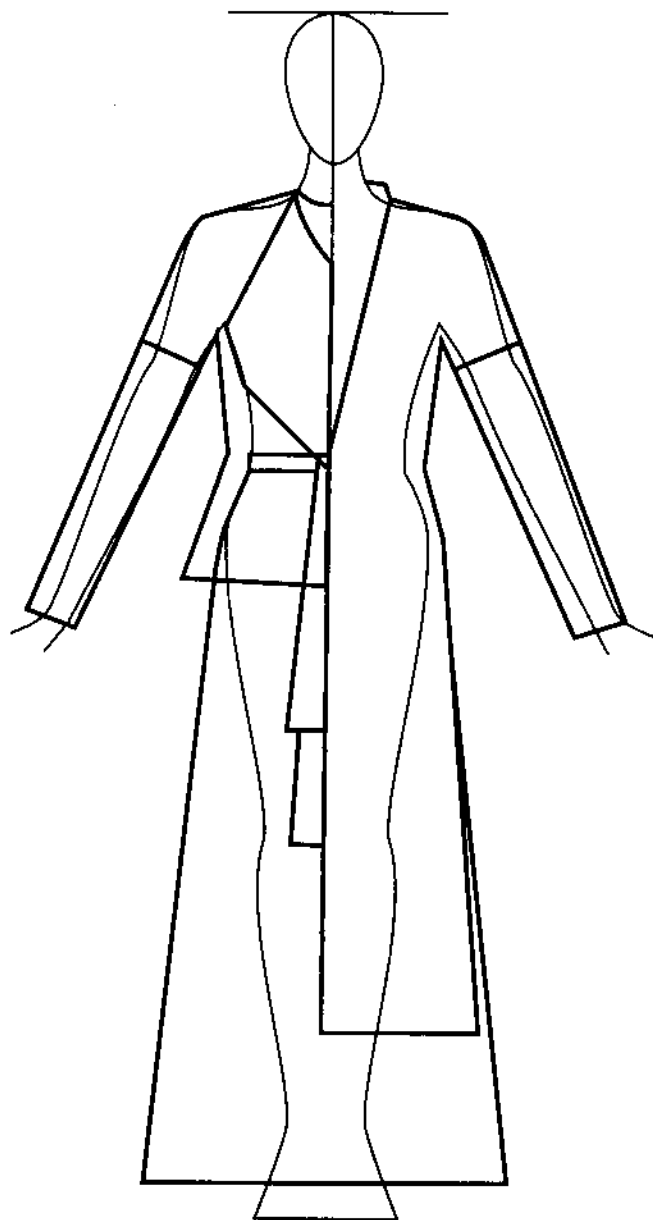
VIII - TRANG PHỤC VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI (TỪ 1990 ĐẾN NAY)

Từ năm 1990, bắt đầu thời kỳ trang phục Việt Nam biến đổi nhanh. Một thế giới xâm nhập vào thị trường hàng may mặc Việt Nam. Những người may mặc Việt Nam chắt lọc cái đẹp trong trang phục thế giới, kết hợp với những tinh hoa văn hoá dân tộc, đã tạo ra những kiểu quần áo mới vừa hợp thị hiếu Việt Nam, vừa theo sát được những biến đổi của một thời trang thế giới.

Một cái nhìn lướt qua theo dòng lịch sử, những hiện tượng và sự kiện thời trang cho thấy, thời trang Việt Nam là quá trình duy trì, gìn giữ và phát huy những kiểu cách, những nét đẹp của trang phục truyền thống, đồng thời tiếp thu những cái hay, nét hiện đại của kiểu cách trang phục thế giới.

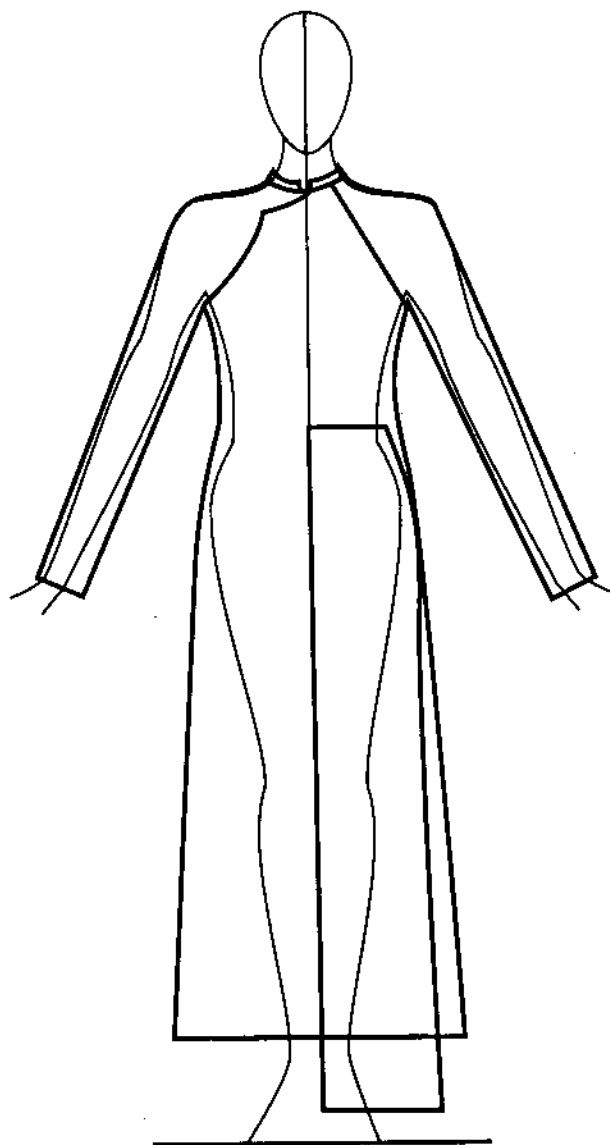
SỰ TIẾN HOÁ CỦA ÁO DÀI VIỆT NAM

- Do ảnh hưởng giao lưu văn hoá với phương Tây, từ những năm 30 của thế kỷ XX, chiếc áo dài cổ truyền (*áo dài tứ thân*) (h.3.10) đã được cải tiến thành *áo dài tân thời*.



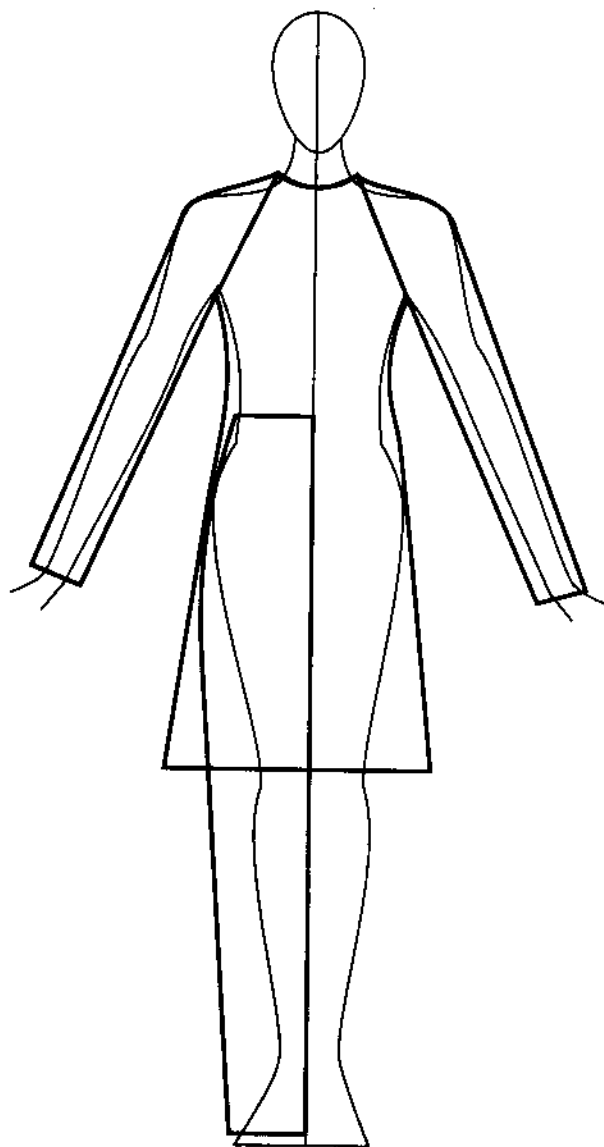
Hình 3.10. Lược đồ áo tứ thân

- Đặc điểm của áo dài tân thời : Hai thân sau ghép với nhau chỉ còn một mảnh. Hai thân trước của áo tứ thân bay phấp phới, nay cũng được ghép với nhau thành một và cúc được cài lệch sang bên phải như áo dài nam giới thời đó. Áo dài tứ thân trước đây mặc với chân váy. Áo dài tân thời mặc với quần. Hạ eo của áo dài tân thời bằng đúng ngang eo người mặc, rộng thoải mái. Kiểu dáng này tồn tại trong khoảng thời gian dài (h.3.11).



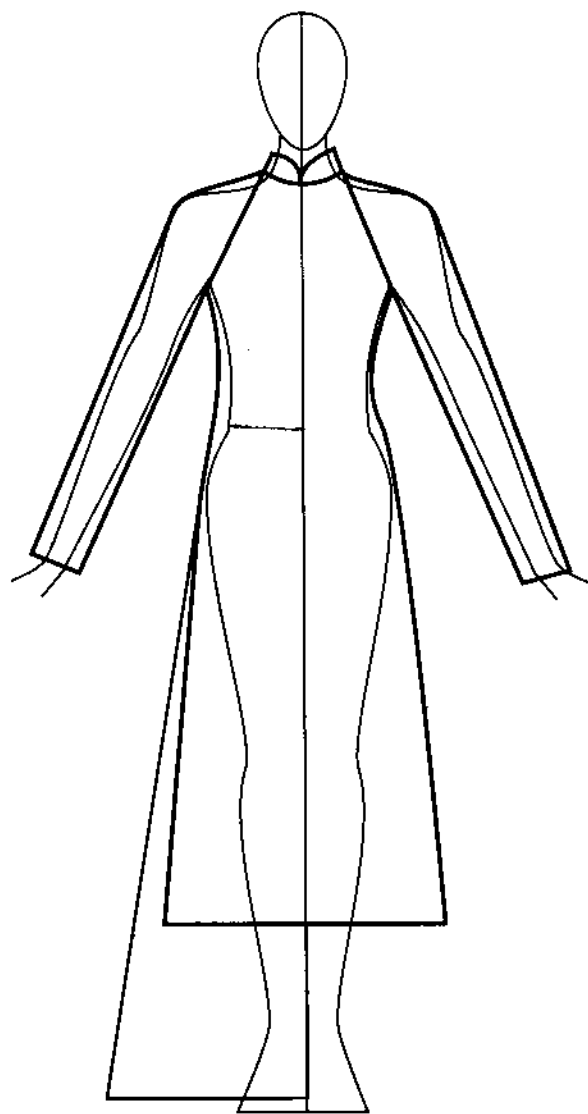
Hình 3.11. Lược đồ áo dài năm 1930 - 1954

- Trong khoảng thời gian 1965 – 1975, miền Bắc tập trung nguồn lực cho cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Đời sống kinh tế khó khăn. Vải rất khan hiếm. Áo dài hầu như không được sử dụng. Trong khi đó ở miền Nam xuất hiện áo dài không cổ, tay tra...song, đặc điểm nổi bật của áo dài giai đoạn này là ôm sát cơ thể, tà ngắn lên đến tận ngang gối, mặc cùng với quần âu, hoặc quần ta ống nhỏ, do đó mất đi vẻ mềm mại, nữ tính của áo dài (h.3.12)



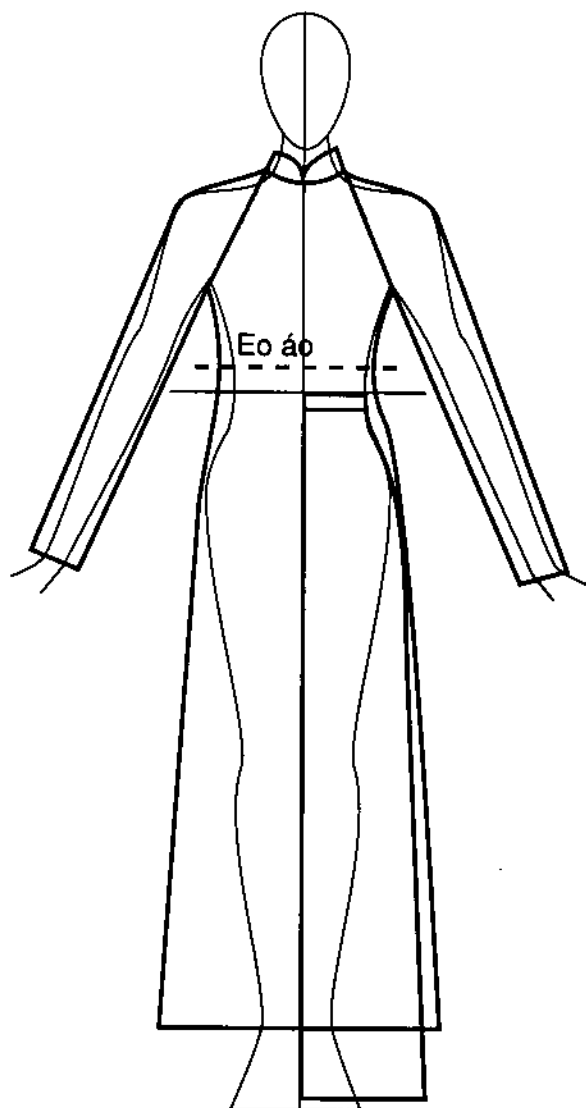
Hình 3.12. Lược đồ áo dài 1968

- Sau khi chiến tranh chống đế quốc Mỹ thắng lợi, thống nhất đất nước, áo dài được sử dụng trở lại trên khắp cả nước. Đầu tiên áo dài được mặc trong nhà trường, sau đó áo dài được sử dụng phổ biến ngoài xã hội, vào những dịp lễ tết, khánh tiết, hội nghị. Tà áo dài lại dài dần xuống. Áo từ trước tới nay thường mặc cùng với quần trắng thì nay được mặc kèm cả với quần đen. Quần mặc với áo dài phần eo và mông được thiết kế theo kiểu quần âu khác với cặp chun và đũng rộng kiểu quần ta trước đây (h.3.13).



Hình 3.13. Lược đồ áo dài (1985 - 1995)

- Từ sau 1990, eo áo dài được nâng cao lên để cải tạo lại vóc dáng cho người mặc trở nên cân đối hơn (xem chương 7). Các nhà thiết kế đã góp phần thay đổi khuynh hướng sử dụng áo dài : màu sắc trầm hơn ; áo được may từ nhiều lớp vải, nhất là voan kính được sử dụng nhiều. Hoa tiết thêu nay được thay bằng hoạ tiết vẽ và kết cườm...
- Hiện nay tà áo dài đã quay về đúng độ dài của những năm 30 (h.3.14). Tuy nhiên đã có những thay đổi cơ bản : phần ngực ôm



Hình 3.14. Lược đồ áo dài (2005)

sát cơ thể, cổ cao hơn, eo được nâng cao lên khoảng 3-5cm. Cả quần và áo cùng màu, cùng chất liệu. Các chi tiết trang trí được thiết kế tỷ mỉ... giúp cho người mặc trông thanh hơn, cao hơn, nền nã, mềm mại, uyển chuyển hơn.

BÀI TẬP

1. Từ những tư liệu lịch sử, em hãy sưu tập những hình ảnh hoặc những đoạn văn nói về trang phục của Việt Nam trong quá khứ.
2. Em hãy mô tả một vài kiểu trang phục Việt Nam đương đại mà em thích.
3. Hãy điền vào bảng dưới đây những kiểu trang phục Việt Nam mà em biết trong quá khứ (cần điền đúng kiểu trang phục thuộc giai đoạn lịch sử nào, vào ô thích hợp của bảng).

Bài tập : Tìm hiểu các kiểu trang phục Việt Nam theo dòng lịch sử

STT	GIẢI ĐOẠN LỊCH SỬ	THỜI TRANG
1	Thời kỳ Hùng Vương	
2	Thời phong kiến	
3	Thời Pháp thuộc	

4	Giai đoạn kháng chiến chống Pháp	
5	Giai đoạn 1954 - 1964	
6	Giai đoạn kháng chiến chống Mỹ	
7	Giai đoạn thống nhất đất nước	
8	Trang phục Việt Nam hiện nay	

Chương IV

THỜI TRANG VÀ MỐT

I - KHÁI NIỆM MỐT THỜI TRANG

Những khảo cứu thời trang theo dòng lịch sử của trang phục phương Tây và trang phục Việt Nam ở trên cho thấy một thời trang là hiện tượng phức tạp, rất khó nắm bắt.

1. Thời trang

Thời trang là trang phục đương thời, là tập hợp những thói quen và thị hiếu phổ biến trong cách mặc, thịnh hành trong một môi trường xã hội nhất định, vào một khoảng thời gian, không gian nhất định. Ví dụ : Thời trang của châu Âu thế kỷ 19 là váy đầm có lông đỗ váy và có bộ phận nâng ngực (trang phục nữ), áo đuôi tôm dài (trang phục nam). Thời trang của Việt Nam thế kỷ 19 là áo tứ thân, nón quai thao (nữ) và áo the dài cài vạt lệch, khăn xếp (nam). Có nhà nghiên cứu đã nói : "Một cái nhìn thoáng qua áo quần cũng có thể giúp chúng ta khám phá ra được cái mà các nhà sử học gọi là niên đại tương đối". Bản chất sâu sa của thời trang là ở chỗ thời đại nào có kiểu cách mặc riêng của thời đại đó. Trang phục luôn luôn gắn liền với một thời đại nào đó. Trang phục là tấm gương phản ánh đời sống xã hội.

2. Mốt

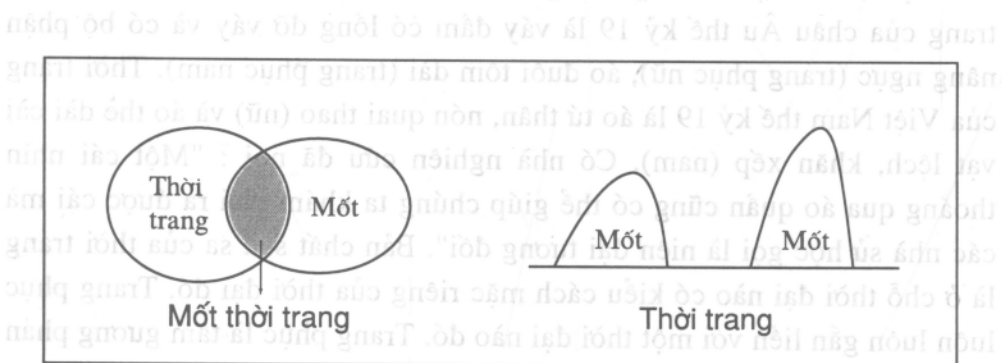
Có rất nhiều cách hiểu, cách định nghĩa, các khái niệm khác nhau về mốt :

- Mốt là sự kỳ khôi, kỳ dị.
- Mốt là sự đồng danh, tức thời, dễ thay đổi của thời trang.
- Mốt là những gì xảy ra và tồn tại của thời trang, được lưu truyền rộng rãi và được số đông người biết đến trong một thời gian nhất định.

- Một là hiện tượng tự nhiên khi con người hướng tới sự cải tiến, cải thiện, đổi mới đáng về bên ngoài.
-

Để hiểu bản chất sâu xa của hiện tượng một, chúng ta bắt đầu tìm hiểu ngữ nghĩa của từ vựng. Từ "một", tiếng Pháp là mode, tiếng Anh là model bắt nguồn từ tiếng La tinh "modus" có nghĩa là cách thức, phương pháp, quy tắc, mức độ theo chuẩn mực chung đã được công nhận... *Một là cái mới đang được số đông hưởng ứng* trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người. Theo nghĩa rộng, một là thị hiếu thẩm mỹ mới nhất đang được đa số người ưa chuộng. Theo nghĩa hẹp, một là sự thay đổi thường xuyên các hình thức, các kiểu cách, lối sống, trong đó có trang phục.

Cả một và thời trang đều phản ánh thói quen và thị hiếu thẩm mỹ trong cách mặc đã được xã hội công nhận. Song, trong quá trình tiến hoá chung của toàn xã hội, trước đòi hỏi của các hình thức thể hiện mới, xu hướng một không ngừng được biến đổi và hoàn thiện dần theo sự biến đổi của lối sống và thị hiếu xã hội. Tuy nhiên, sự thay đổi của lối sống diễn ra từ từ. Sự thay đổi của một diễn ra nhanh hơn, có tính đột biến.



Hình 4.1. Mô hình khái niệm một thời trang

3. Một thời trang

Nghiên cứu lịch sử phát triển trang phục ở trên đã cho thấy một và thời trang là hai khái niệm rất gần nhau nhưng không phải lúc nào cũng đồng nhất với nhau. Giữa chúng có sự khác nhau sau :

- *Thứ nhất*, thời trang là cách mặc thịnh hành, phản ánh tập quán mặc của cộng đồng người gắn liền với một thời kỳ lịch sử dài. Một gắn liền với

cái mới, thống trị nhất thời của số đông người nhưng chưa hẳn là thị hiếu của tất cả mọi người trong xã hội. Một thịnh hành trong khoảng thời gian ngắn.

- *Thứ hai*, thời trang chỉ liên quan tới lĩnh vực dệt, may, da giày..., trang phục và những thứ khác liên quan đến nhu cầu mặc. Trong khi đó, một liên quan tới mọi lĩnh vực hoạt động của cuộc sống. Ví dụ : Một thiết kế đồ vật, một trang trí nội thất, một quan hệ ứng xử giao tiếp (như cách tổ chức lễ cưới, lễ mừng thọ, lễ tang...)

- *Thứ ba*, thời trang thường bó hẹp trong một phạm vi không gian nhất định vì nó có khuynh hướng gắn với một bộ phận xã hội, một địa phương, một dân tộc, một quốc gia hay một vùng thế giới. Ngược lại một được truyền bá trong một phạm vi không gian rộng lớn, thường có khuynh hướng lan truyền khắp thế giới.

Khi khái niệm một với khái niệm thời trang đồng nhất với nhau, khoảng giao thoa giữa hai khái niệm một với khái niệm thời trang cho ta khái niệm một thời trang. Nói cách khác *một thời trang là cái mới trong lĩnh vực thời trang* (h.4.1).

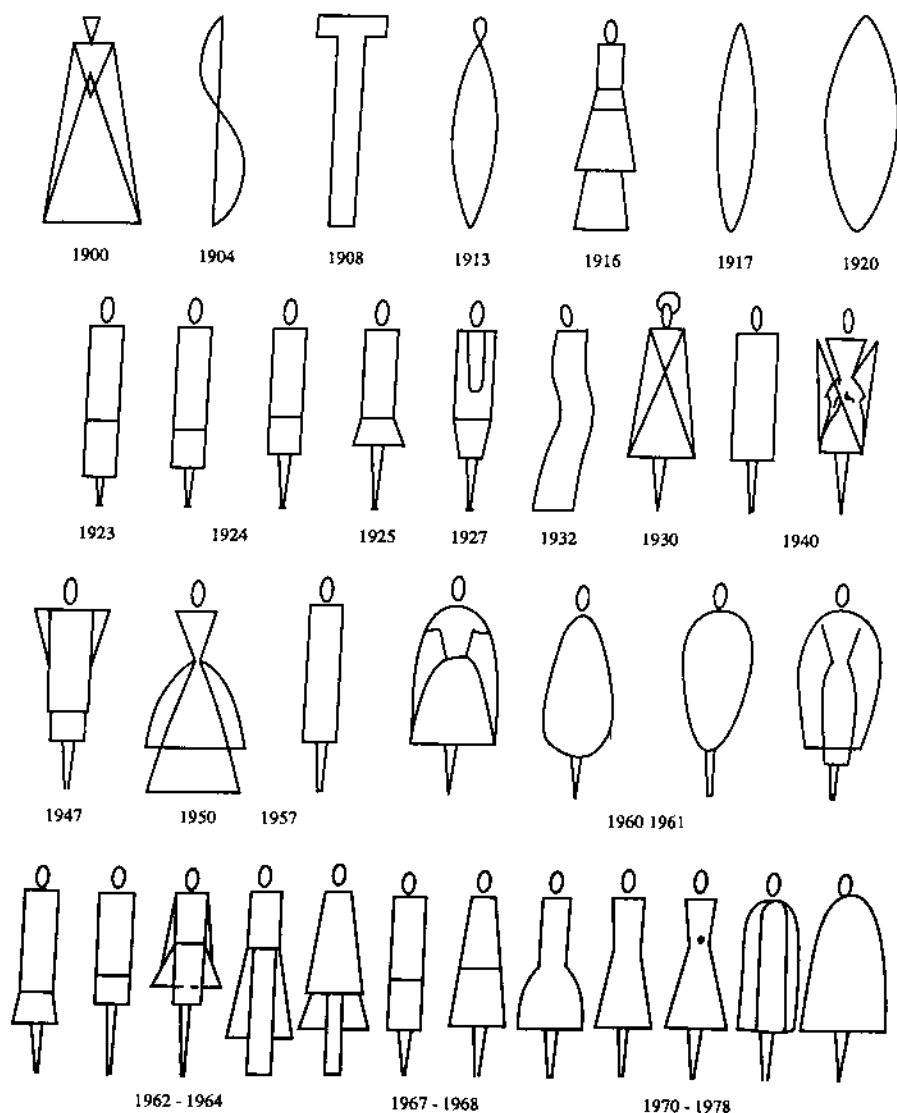
Như thế, khi bàn về hiện tượng một của thời trang, chúng ta cần đưa ra một thuật ngữ đầy đủ : một thời trang. Tuy nhiên, trong thực tế, hiện tượng một của thời trang diễn ra thường xuyên hơn, phổ biến hơn, liên quan tới đời sống của hết thảy mọi người trong xã hội. Trong khi đó, các hiện tượng một khác (một nhà cửa, một trang trí nội thất, một ô tô xe máy, một ứng xử...) không phổ cập, không thường xuyên.... Bởi vậy, khi bàn về hiện tượng một của thời trang ta chỉ dùng từ một là mọi người đều hiểu. Còn khi bàn về các hiện tượng một khác, ta cần diễn đạt đầy đủ : một máy điện thoại di động, một tổ chức đám cưới vàng, đám cưới bạc...

Một thời trang xuất hiện và được truyền bá trong sự giao lưu văn hoá giữa các dân tộc. Ban đầu từ các cuộc kinh doanh buôn bán, các cuộc chiến tranh giữa các dân tộc, các thương gia và cả chiến binh đã chuyên chở các sản phẩm văn hoá vật chất, trong đó có quần áo, từ nơi này đến nơi khác, nhờ đó một được hình thành và giao lưu nhanh chóng. Sau đó đến lượt mình một lại thúc đẩy quá trình phát triển của thời trang ở nơi mà nó được đem đến.

Một thời trang xuất hiện đầu tiên ở Pháp, nơi đời sống văn hoá và xã hội sớm đạt đến trình độ phát triển cao và có khuynh hướng tự nhiên là phục vụ con người. Đó là vào năm 1972, khi tại thành phố Lyon lần đầu tiên xuất hiện tờ tạp chí với tên gọi "Tiêu chuẩn của lịch sử", trong đó giới thiệu các bộ trang phục dành cho các chính khách, các quan chức

cũng như những bộ quần áo dành cho đại chúng cùng các tiện nghi gia đình. Sau đó, ở các nước châu Âu, tạp chí mốt xuất hiện. Lần đầu tiên tạp chí mốt được xuất bản dưới tên gọi "Thư viện cho các phụ nhân". Tạp chí ra hàng tháng dưới sự bảo trợ của nữ hoàng Ekaterina I (Nga). Từ đó tới nay, trải qua hơn 3 thế kỷ, trong dòng biến đổi của thời trang đã không ngừng xuất hiện các cuộc "cách mạng mốt".

Nghiên cứu sự biến đổi của trang phục nữ thế kỷ XX cho thấy có những mốt kéo dài vài chục năm nhưng cũng có những mốt chỉ tồn tại trong thời gian ngắn (h.4.2).



Hình 4.2. Sự biến đổi của mốt trang phục phụ nữ thế kỷ XX

MỘT SỐ KHÁI NIỆM KHÁC

- *Thời trang nhất thời (mốt)* : là kiểu trang phục mới nhất, một "đường nét" hoặc một "dáng hình" mới xuất hiện. Đây còn là kiểu đặc biệt của thời trang ứng dụng, được chấp nhận bởi số đông mọi người trong khoảng thời gian ngắn.
- *Thời trang vĩnh cửu* : là kiểu trang phục của một cộng đồng người, được sử dụng lâu dài, không thay đổi theo thời gian.

II - NHỮNG TÍNH CHẤT CHUNG CỦA MỐT VÀ THỜI TRANG

Mốt và thời trang có hai tính chất chung : tính văn hoá xã hội và tính nghệ thuật.

1. Tính văn hoá - xã hội

Mốt và thời trang là những hiện tượng xã hội vô cùng phức tạp. Hằng ngày, ta có thể gặp hiện tượng như sau : Một nữ khách hàng vào cửa hàng bán quần áo may sẵn. Sau khi đi ngắm kỹ một vòng các quầy hàng, các giá treo hàng, chị thở dài bước ra, không mua gì cả. Không phải chị không có khả năng mua, chị muốn mua và có đủ tiền mua. Đó chẳng qua là vì không có kiểu nào hợp với chị. Tại sao vậy ? Có thể thị hiếu của chị vượt lên trước số đông. Cũng có thể chị có một quan niệm riêng về cái đẹp và mốt... Nhưng chưa biết chừng, đến một lúc nào đó, chị sẽ mua (hoặc may) quần áo theo đúng kiểu mà trước đây chị đã từng không thích. Bởi vì, không một ai có thể sống tách rời khỏi cộng đồng và dấu hiệu hình thức đầu tiên cho biết sự hoà nhập của cá nhân với cộng đồng là trang phục.

Tính xã hội của mốt - thời trang thể hiện ở chỗ mọi người đều có xu hướng tiến tới một hình thức trang phục chung, song cái chung ở đây là một khái niệm tương đối. Chẳng hạn, trang phục châu Âu khác trang phục châu Á với những đặc điểm thiết kế riêng, vì thế trang phục thế giới phân biệt thời trang phương Đông và thời trang phương Tây. Trong trang phục châu Á có trang phục Việt Nam. Trong trang phục Việt Nam có trang phục dân tộc ít người bên cạnh trang phục của người Việt (dân tộc Kinh). Xưa, quần áo của vua chúa khác với quần áo của quan, quân. Quần áo của vua quan khác với quần áo của thứ dân. Quần áo của cung tần mỹ

nữ khác với quần áo của con gái nhà nghèo. Xưa, sự khác nhau trong trang phục phản ánh đẳng cấp của các nhóm người, cho biết vị trí xã hội, giá trị của cái mà một người chiếm hữu. Nay, sự khác nhau trong trang phục cho biết người mặc thuộc cộng đồng nào, làm nghề gì và thuộc hệ văn hoá nào.

Như thế, quần áo là một chuẩn mực, một thước đo tính lệ thuộc của mỗi con người vào những giá trị vật chất và tinh thần nào đó trong xã hội. Theo thời gian, ranh giới giữa các giai cấp, các đẳng cấp xã hội bị xoá nhoà đi cùng với quá trình dân chủ hoá nhưng đặc trưng xã hội của quần áo (trang phục) thì vẫn còn và ngày càng thể hiện sinh động.

Ngày nay, nhìn vào trang phục của một người ta có thể nhận biết người đó là công nhân, nông dân hay viên chức, giáo viên hay học sinh... Nhưng các cách trang phục khác nhau không phản ánh về đẳng cấp xã hội. Ở đây, sự khác nhau là do các chức năng sử dụng mà chúng phải đảm nhiệm trong các môi trường, các điều kiện lao động và học tập khác nhau.

Hệ thống hoá các kiểu mặc khác nhau trong một khoảng thời gian nhất định, ta thấy chúng có một phong cách chung. Chẳng hạn, thoáng nhìn trang phục của thanh niên trên đường phố châu Âu có thể thấy mọi người đều mặc giống nhau; sơ mi và quần âu, váy với áo. Nhưng nhìn gần kỹ sẽ thấy mỗi người đều mặc theo cách riêng của mình, không ai giống ai.

Đường phố Hà Nội, với các quầy bán quần áo may sẵn đây áp các sạp hàng xem ra thật muôn hình, nghìn vẻ. Song, nét chung trong trang phục nữ thanh niên ngày nay là hầu hết đều mặc sơ mi ngắn và dáng bó (còn gọi là dáng chên), bỏ tà áo bên ngoài chiếc quần âu. Vậy mà chỉ trước đó ít lâu, một phổ biến còn là chiếc áo thụng kiểu sơ mi nam giắt tà áo trong quần hoặc áo sơ mi và chiếc quần đen may xéo vải (theo canh sọt chéo).

Có một phong cách chung như vậy bởi vì mọi người đều hướng tới một thị hiếu thẩm mỹ chung, một "tâm hồn" chung của xã hội. Kiểu này hay kiểu kia chỉ là những biểu hiện cụ thể khác nhau của tâm hồn chung đó. Cái chung này luôn phản ánh đặc tính của dân tộc. Chẳng hạn, trang phục Pháp có đặc điểm là rất chú ý đến các chi tiết trang trí. Trang phục Anh đơn giản cả về đường nét, hình dáng, thể hiện quan điểm thẩm mỹ của người Anh là tính thực tế, tiện lợi trong sử dụng. Trang phục Trung Quốc có rất nhiều chi tiết trang trí rườm rà...

Mỗi dân tộc có một nền văn hoá riêng, phản ánh nội dung bên trong của cả cộng đồng xã hội đó. Văn hoá dân tộc được lưu lại trong các di sản văn hoá, có thể là công trình kiến trúc, nhà cửa, quần áo, vật dụng, sách vở, quan điểm, lối sống, thị hiếu... Các di sản văn hoá đó được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thể hiện các khía cạnh khác nhau của đặc tính dân tộc, đồng thời có chức năng như "sợi dây bí hiểm" liên kết tất cả các giá trị mà dân tộc đó đã sáng tạo ra qua các thế kỷ, làm "cầu nối" giữa quá khứ, hiện tại và tương lai.

Như thế, mặc dù có tính thực dụng, phổ cập lại dễ thay đổi theo thời gian, quần áo vẫn mang trong mình giá trị văn hoá của mỗi thời đại, mỗi dân tộc. Khi nghiên cứu đặc trưng văn hoá các dân tộc, người ta thường chú ý đến các kiểu trang phục truyền thống của từng dân tộc (h.4.3). Qua các bộ quần áo dân tộc truyền thống ta thấy nguyên tắc tạo dáng, cách trang trí, cách dùng màu... tuân theo một nguyên tắc thẩm mỹ riêng của từng dân tộc, có sự kế thừa, được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Song, đặc tính văn hoá dân tộc bắt nguồn từ đâu ?

Con người với thiên nhiên là một khối thống nhất. Mỗi dân tộc sống trong một môi trường tự nhiên nhất định. Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng lớn đến trình độ phát triển xã hội : sự phát triển về khoa học, kỹ thuật và kinh tế. Nó cũng ảnh hưởng tới xu thế chính trị... Tất cả đã được hoà quyện vào nhau làm nên bản sắc riêng của mỗi dân tộc. Đến lượt mình, bản sắc dân tộc lại để lại dấu ấn lên các trang phục của dân tộc đó.

Nói về cái chung của một - thời trang không có nghĩa là để mất đi cái riêng trong cách trang phục của từng người. Mâu thuẫn giữa cái chung và cái riêng, giữa cá nhân và xã hội luôn là động lực cho sự phát triển của một - thời trang. Quá trình đó xảy ra như sau : Một kiểu quần áo mới ra đời. Ban đầu nó xuất hiện rất ít và tồn tại như một hiện tượng cá biệt, song dù cá biệt, nó vẫn luôn xảy ra vì trong đám đông bao giờ cũng có những người một hơn trong số những người một nhất. Họ luôn luôn săn lùng kiểu mới. Quần áo của họ được số đông người quan sát và đánh giá. Phản ứng tâm lý của họ được số đông người, sau khi phê phán, bình luận, là phỏng theo, bắt chước hoặc phủ định hoàn toàn. Nếu kiểu mặc đó phù hợp với thị hiếu của số đông, nó sẽ lan truyền rất nhanh để trở thành một. Nếu không phù hợp nó sẽ "chết yểu" hoặc phải tự đổi mới cho đến khi phù hợp với thị hiếu của số đông người. Một kiểu quần áo nếu vừa phù hợp với thị hiếu của số đông lại vừa đạt tiêu chuẩn cái đẹp - sự hài hoà, thì sẽ trở thành kinh điển, trở thành kiểu mặc truyền thống và sống mãi với thời gian.

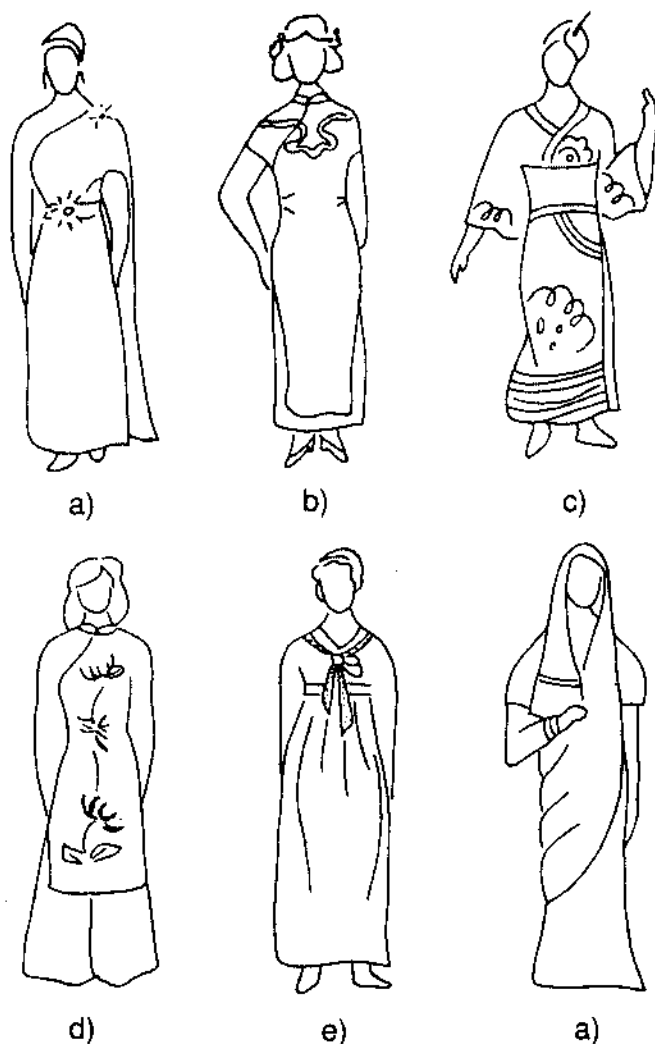
Song, kể cả những người đi sau, những người phỏng theo cách mặc của người đi trước cũng chẳng bao giờ làm mất đi cái riêng vốn có của mình : Trên cái nền chung của trang phục đương thời, họ luôn khẳng định mình bằng những kiểu cách riêng, thường thể hiện ra bên ngoài bằng màu sắc, hoạ tiết trang trí, trang phục phụ kèm theo. Mặc để cho mình và cho mọi người! Chọn cách mặc chính là giải quyết mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội. Trong khuôn khổ của một cộng đồng xã hội, một lối sống chung bao gồm tư tưởng, đạo đức, thói quen, tập quán... người nào cũng muốn khẳng định cái riêng. Mỗi con người trong quá trình giao tiếp, bằng ngôn ngữ, cử chỉ và cả cách mặc sẽ hoà mình vào xã hội mà vẫn giữ nguyên bản ngã. Trường hợp cựu Thủ tướng Anh M.Thatcher, người từng được xếp đứng đầu bảng trong danh sách "10 người mặc đẹp nhất thời đại" do Hội các nhà may mặc quốc tế tổ chức, là một ví dụ. Trong bức điện cảm ơn nhân sự kiện này Bà thừa nhận : "Tôi nghiệm thấy rằng, bộ cánh hợp thời trang là trợ thủ đắc lực cho sự nghiệp của tôi, công việc gắn liền với những phản ứng linh hoạt". Như vậy ở mức độ nào đó, cách mặc thể hiện mối quan hệ giữa con người với con người trong cộng đồng xã hội, con người không thể thoát ly thị hiếu của thời đại mình. Vì lẽ đó, có thể nói một - thời trang là phương tiện văn hoá liên kết mọi người trong xã hội lại với nhau.

2. Tính nghệ thuật

Nhiệm vụ chung của mọi ngành nghệ thuật - văn học, âm nhạc, hội hoạ, sân khấu, kiến trúc - là sáng tạo ra cái đẹp. Cái đẹp là một phạm trù thẩm mỹ thuộc tính nhân sinh. Trước cái đẹp, con người thấy tin yêu cuộc sống vì cái đẹp gợi nên những tình cảm tươi sáng, hân hoan, làm tăng thêm sức mạnh, khát vọng sống, gợi niềm cảm phục, tạo nên tâm trạng phấn khởi trong lao động sản xuất... Cho nên, từ cổ chí kim các triết gia của mọi thời đại đều quan tâm lý giải cái đẹp. Nhà tư tưởng cổ Hy Lạp Pitago đã nói : "Cái gì hoàn thiện thì cái đó hài hoà. Cái gì hài hoà thì cái đó đẹp". Hêraclit, một triết gia cổ Hy Lạp khác thì cho là cái đẹp có tính chất tương đối : Cùng một vật thể, trong mối quan hệ này là đẹp nhưng trong mối quan hệ với một vật khác lại có thể là xấu. Ông nói : "Con khỉ đẹp nhất so với con người là xấu nhất". Đêmocrit cho rằng cái đẹp "ẩn giấu trong mức độ thích hợp". Còn theo Artixtôt, cái đẹp là bản tính của chính các sự vật, hiện tượng, là tính toàn vẹn, sự thống nhất qua nhiều vẻ, sự trong sáng đúng tỷ lệ, cân xứng, sự phù hợp giữa hình thức và nội dung... Có thể thấy các triết gia kim cổ đều có cùng một ý kiến rằng *Cái đẹp là sự hài hoà*. Từ đây dễ nhận thấy một bộ trang phục đẹp là khi trang phục

hài hoà với người mặc và ngược lại người mặc hài hoà với trang phục, người mặc trang phục hài hoà với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

Mốt - thời trang là một nghệ thuật bởi nó gắn liền với cái đẹp. Nó "chuyển tải" cái đẹp không phải trong ý niệm trừu tượng mà ở cách thức biểu hiện cụ thể. Phần trên đã nói về cái riêng, rằng trang phục châu Âu khác với trang phục châu Á. Phụ nữ châu Âu mặc váy ngắn rất đẹp vì cơ thể nữ châu Âu có đặc điểm da trắng, chân dài và thẳng. Phụ nữ châu Á thường là thấp, da vàng, chân ngắn, mình dài. Có lẽ vì thế mà thiết kế trang phục truyền thống của các dân tộc châu Á (h.4.3) đều có đặc điểm



Hình 4.3. Một số kiểu quần áo dân tộc truyền thống của phụ nữ châu Á
 a) Thái Lan ; b) Trung Quốc ; c) Nhật Bản ; d) Việt Nam ; e) Triều Tiên ; g) Ấn Độ

chung là làm sao để nâng đường hạ eo lên cao hơn, kéo dài nửa người dưới so với tỷ lệ thực tế để tạo dáng thanh hơn cho người mặc, giúp cho người mặc có vẻ cân đối hơn. Phải chăng cái chung cho cả trang phục Âu lẫn trang phục Á, dù kiểu cách rất khác nhau nhưng đều giống nhau ở chỗ cùng hướng tới một mục đích chung – tạo dáng cho người mặc đẹp lên.

Chúng ta biết mỗi bộ môn nghệ thuật đều có phương tiện biểu đạt riêng. Trong văn học là ngôn ngữ, trong âm nhạc là âm thanh, trong hội họa là màu sắc, trong kiến trúc là hình khối... Phương tiện biểu đạt của nghệ thuật trang phục là vật liệu, hình dáng, màu sắc, đường nét, chi tiết trang trí... Các yếu tố đó phải được kết hợp với nhau một cách có dụng ý sao cho đạt được hiệu quả thẩm mỹ. Điều đó đòi hỏi một giải pháp thiết kế (cả về mỹ thuật lẫn kỹ thuật) cụ thể hướng tới kết cấu hợp lý, màu sắc hài hoà, phom dáng cân đối.

Lao động sáng tạo chẳng phải lúc nào cũng đạt kết quả. Những mẫu, kiểu quần áo mới được tạo ra có thể đẹp và có thể không đẹp. Mẫu này dù không đẹp nhưng phù hợp với thị hiếu của số đông người vẫn trở thành mốt. Mẫu kia có thể đẹp (theo con mắt của nhà thiết kế) nhưng vẫn phải chờ thời gian vì nhận thức về cái đẹp cũng cần qua một quá trình. Vậy là khái niệm mốt và khái niệm đẹp có khi không trùng nhau.

Dù cho mốt có thể không đẹp, mốt vẫn là cách thức để mọi người tìm kiếm các vẻ đẹp trong trang phục. Trên con đường vươn tới cái đẹp, đưa cái đẹp vào thực tế cuộc sống, những mẫu thực sự có giá trị thẩm mỹ sẽ được đưa vào cuộc sống, hoàn thiện dần, được công nhận, được sử dụng và tồn tại lâu dài. Những mốt chưa đẹp sẽ mất dần đi. Tìm kiếm ý tưởng, tạo mẫu, thử nghiệm, hoàn thiện, sản xuất rồi lại tìm kiếm, sáng tạo... là chu trình mãi mãi của mốt thời trang.

Nói mốt là một nghệ thuật không chỉ đúng với nghĩa bóng, mà cả nghĩa đen. Người ta đến với các buổi biểu diễn mốt (fashion show) đôi khi không phải để tìm kiếm một kiểu mặc mới lạ mà là để thoả mãn nhu cầu thưởng thức cái đẹp qua thị giác. Mỗi bộ trang phục biểu diễn là một tác phẩm nghệ thuật. Nếu cơ thể con người là đẹp nhất thì nghệ thuật làm đẹp ngay trên cơ thể người là hấp dẫn nhất.

Tuy nhiên không chỉ quần áo biểu diễn mới là đối tượng của nghệ thuật. Quần áo luôn có hai giá trị : giá trị sử dụng và giá trị thẩm mỹ. Ngay cả những quần áo mặc thường ngày, chức năng thẩm mỹ càng cần

được chú trọng. Có điều, ở đây giá trị đó được đo bằng thước đo khác - tính thực tiễn hay là cái đẹp trong quá trình sử dụng. Chính vì thế nghệ thuật tạo một quần áo thuộc chuyên ngành mỹ thuật ứng dụng. Nhiệm vụ của mỹ thuật ứng dụng là tìm sự thống nhất giữa hình thức với nội dung mẫu trang phục. Nội dung ở đây được hiểu là giá trị sử dụng quần áo. Hình thức được hiểu là yếu tố thẩm mỹ, giá trị nghệ thuật.

Nếu đặt ra một chức năng sử dụng cụ thể nào đó, ta sẽ thấy chỉ có một số hình thức nhất định phù hợp với nó. Bất cứ một sự kết hợp khập khiễng nào cũng phản cảm, làm mất đi tính thẩm mỹ của quần áo. Ở thời đại xã hội tiến bộ và cách mạng khoa học kỹ thuật, nhu cầu thẩm mỹ ngày một cao hơn. Quần áo phải phong phú và đa dạng, phải kết hợp chặt chẽ giữa tính sử dụng và tính thẩm mỹ. Ngành công nghiệp may mặc phải thoả mãn cả hai nhu cầu trên của khách hàng sao cho chúng vừa bền tốt, giá cả phải chăng mà lại vừa, đẹp, thực sự đem đến cho người con người cảm hứng mỗi khi mặc chúng.

Ngày nay, các mẫu một quần áo mới được đưa ra giới thiệu thường là đẹp. Tuy nhiên cái đẹp vẫn luôn được cải tiến, cái đẹp vẫn luôn tự hoàn thiện mình. Vì con người không ngừng vươn tới trình độ cao hơn, luôn đòi mẫu mới mới hoàn thiện hơn, ở những cung bậc thẩm mỹ cao hơn. Chính bởi lẽ đó, nghệ thuật trang phục sẽ tồn tại mãi mãi, thu hút sự quan tâm của hết thảy mọi người trong xã hội.

Mốt và thời trang là hai hiện tượng, hai cách gọi của cùng một quá trình nhận thức của con người về cách mặc. Mặc cho mình và cho mọi người. Tính cách của cá nhân - tập thể - dân tộc - thời đại được thể hiện trong cách trang phục. Sự phụ thuộc của mỗi người vào cộng đồng, mối liên hệ của cộng đồng người này với cộng đồng người khác và với môi trường thiên nhiên trong khoảng thời gian và không gian nhất định - đó chính là bản chất của một thời trang. Giữa một và thời trang có sự khác nhau ở chỗ : Một là bước phát triển đột biến trong quá trình dài của thời trang.

III - NHỮNG ĐẶC ĐIỂM RIÊNG CỦA HIỆN TƯỢNG "MỐT"

1. Tính thời sự, mới, lạ

Cái "mới", cái "lạ" là đặc tính cơ bản nhất của hiện tượng một. Một kiểu quần, kiểu áo nào đó trở thành một chỉ khi nó có tính thời sự, nghĩa

là phải mới hơn các kiểu đang sử dụng, phải "lạ" hơn, đủ để thu hút sự chú ý của mọi người. Nói cách khác, nó phải "khác cái đang có". Có chuyên gia nghiên cứu mốt đã nhận xét : "Con người bị mốt thu hút không phải bởi vẻ đẹp, tính tiện lợi của quần áo mà đôi khi chỉ bởi ý muốn làm cho mình khác thường, khác những người xung quanh". Do đó mà đã từng có quan niệm : *"Mốt là hiện tượng một số người này làm ngạc nhiên một số người khác"*.

Theo mức độ của cái mới, người ta phân biệt : Mốt mới xuất hiện, mốt đang thịnh hành, mốt cũ nhưng vẫn còn dùng được, hết mốt (mốt quá cũ, "đề" mốt). Có thể mô tả sự sống của mốt trong đời sống xã hội tương tự như chu kỳ sống của sản phẩm hàng hoá trong thị trường (h.4.4a), bao gồm 4 giai đoạn :

Giai đoạn 1 : Mốt vừa xuất hiện, còn đang rất ít người mặc, số đông người quan sát và bình phẩm, đánh giá.

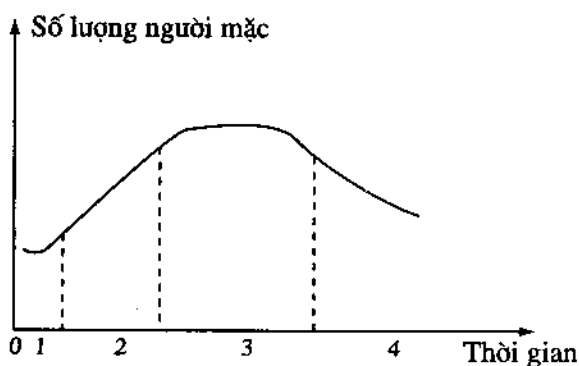
Giai đoạn 2 : Mốt được cải tiến, hoàn thiện trên cơ sở những mô phỏng bắt chước.

Giai đoạn 3 : Mốt phù hợp với thị hiếu của số đông, đột nhiên lan tràn rộng khắp. Thị trường đầy ắp những sản phẩm mới, bày bán ở khắp nơi.

Giai đoạn 4 : Hết mốt, người ta ít mặc dần nếu mẫu không phù hợp ; hoặc tất thảy mọi người đều mặc, chấp nhận nó như một kiểu trang phục truyền thống. Lúc này bắt đầu xuất hiện mốt mới thay thế.

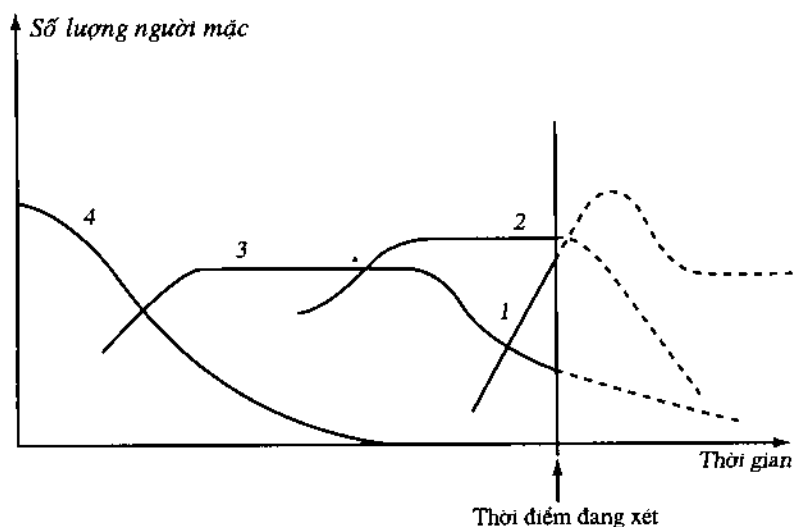
Tuy nhiên, vào bất cứ thời điểm nào mốt mới và mốt cũ luôn đan cài vào nhau. Có thể biểu diễn hình ảnh đó dưới dạng đồ thị (h.4.4b).

Có những mốt tồn tại trong thời gian dài, dần dần trở thành cổ điển. Có những mốt tồn tại không lâu nhưng rất dữ dội. Các mốt thuộc loại sau xuất hiện rất nhanh, thu hút sự chú ý của nhiều người, rồi đột ngột biến mất, nhưng thực tế, một vài chi tiết hợp lý của nó đã kịp tích hợp vào thời trang vĩnh cửu,



Hình 4.4a. Chu kỳ sống của sản phẩm mốt

trở thành cổ điển, trở thành một bộ phận của tổ hợp trang phục dân tộc. Và khi nào một thịnh hành đã "no", lại trở thành một cũ, lỗi thời, "đề" mốt, nhường vị trí cho mốt mới xuất hiện. Một chu kỳ mới lại bắt đầu.



Hình 4.4b. Sự giao thoa của mốt cũ và mốt mới

1. Mốt mới nhất. 2. Mốt đang thịnh hành. 3. Mốt cũ. 4. Hết mốt.

Dự đoán phát triển của mốt là một việc rất khó vì nó phụ thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế - kỹ thuật và tâm lý - xã hội. Tuy nhiên, người ta vẫn có thể dự đoán xu hướng của thời trang dựa vào những tiến bộ của khoa học kỹ thuật dệt may, vào trào lưu văn hoá xã hội... và nhiều khi cả các nhân tố chủ quan. Kiểu quần áo nào còn mốt và kiểu quần áo nào hết mốt, nhiều khi phụ thuộc vào các tổ chức liên quan tới mốt (Viện nghiên cứu mốt, Trung tâm nghiên cứu công nghệ may...) và nền công nghiệp may mặc. Nhiệm vụ của các tổ chức này là nghiên cứu thời trang một cách toàn diện, nhất là các khía cạnh thẩm mỹ, kinh tế, văn hoá xã hội của mốt. Cần xem xét độ phổ cập của kiểu mẫu thời trang mốt tới mức nào, để có thể chuyển sang phạm trù "mốt cũ" hoặc "hết mốt", hoặc cường bức chúng một cách chủ quan, nhằm kéo dài thêm sự "sống" của mốt trên thị trường, giúp cho mốt vài kiểu không bị "chết yểu" khiến sản xuất kinh doanh thời trang có lãi. Sau khi nghiên cứu, các tổ chức chuyên trách làm nhiệm vụ tư vấn, định hướng thị hiếu cho công chúng thông qua các tạp chí mốt, đài phát thanh, đài truyền hình, các buổi biểu diễn thời trang và triển lãm mốt..., đồng thời các nhà sản xuất tung ra thị trường hàng loạt sản phẩm mới.

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu và sáng tạo mốt còn hạn chế, trong khi mốt thế giới lại du nhập vào quá nhanh. Nhiều khi mốt xuất hiện rất nhanh rồi qua đi rất mau tới mức xã hội chưa kịp nhận biết.

2. Tính tâm lý - xã hội

Mốt thời trang có tính xã hội hoá rất cao. Nhiều khi chính quần chúng là tác giả của các mẫu trang phục. Điều này xuất phát từ nhu cầu đổi mới trang phục. Khi khoác lên mình bộ quần áo mới, người mặc cảm nhận được "dòng chảy của thời gian" .

Cơ chế phổ cập của mốt trong xã hội dựa trên nguyên lý tâm lý xã hội. Không có một kiểu mặc nào trở thành mốt khi chỉ là kiểu cách của một người. Ngược lại, có kiểu mẫu chỉ do một người tạo ra, có thể không phải "tác phẩm" (design) của nhà thiết kế nhưng khi được nhiều người khác ưa thích và sử dụng sẽ trở thành mốt. Nói cách khác, mốt chỉ thực sự trở thành mốt khi nó được số đông chấp nhận.

Trong xã hội thường có nhiều nhóm người với những tính cách khác nhau. Người có tính phô trương, áo quần thường diêm dúa. Người diêm dạm thì hay mặc kiểu cách đơn giản, nhưng tinh tế, ít màu sắc hơn và màu sắc thường nhã nhặn... Như một quy luật, mốt luôn xuất hiện bất ngờ, thường là ở lực lượng "vòng ngoài" của xã hội - những người luôn sẵn lòng kiêu trang phục mới. Trong số đó phần đông là những người trẻ tuổi, kiến thức văn hoá xã hội còn chưa "chín"... Dần dần những mẫu mới đó mới lan toả và các lực lượng "bên trong", lực lượng chính thống - những người có văn hoá trong xã hội chấp nhận. Kiểu mặc nào được các lực lượng này chấp nhận thì quá trình xã hội hoá của mốt xem như được hoàn tất. Nhưng đó cũng chính là lúc mốt tự "giải thể" mình để một mốt mới hơn xuất hiện.

Khi mốt được lực lượng văn hoá chấp nhận thì nó được nhìn nhận như biểu hiện của văn minh lịch sử, tức là nó trở thành chuẩn mực, vì thế một người dù thờ ơ với mốt đến đâu, trải qua thời gian, cuối cùng vẫn bị mốt chinh phục. Về thực chất, cơ chế phổ cập mốt dựa trên cơ sở tâm lý là người ta luôn so sánh mình với người khác. Trong quá trình so sánh đó, có những người mặc mốt chỉ vì thích trội hơn, thích mình trở thành người mốt hơn trong số những người mặc mốt. Đa số những người khác mặc mốt chỉ vì không muốn trở nên lạc lõng. Họ muốn thuộc về số đông, trở thành thành viên trong cộng đồng xã hội. Những người theo mốt sau cùng

là những người thuộc trường phái "bảo thủ". Họ có một quan niệm riêng về giá trị thẩm mỹ và khăng khăng giữ định kiến của mình về mốt. Nhưng đến một lúc nào đó, họ tự thấy mình trở nên lạc lõng, đôi khi trở thành lập dị do cách mặc khăng khăng một kiểu riêng mình. Rồi những người này đành chấp nhận theo cách trang phục chung. Như thế mốt đã tác động đến tất cả mọi người trong xã hội.

Một khía cạnh tâm lý khác của hiện tượng mốt : Cùng một kiểu mốt không phải mọi người đều nhận thức như nhau. Thanh niên chấp nhận mốt rất nhanh mà không hề phê phán. Ngược lại, người có tuổi thường xét nét mốt, có thể quay lưng lại với mốt. Người có tuổi, người già thường hay định kiến. Họ có thể giới quan riêng. Thị hiếu thẩm mỹ của họ đã xác định và rất khó thay đổi. Ngoài ra, những năm tháng cuộc đời đã làm họ chín chắn hơn nhưng cũng khiến họ lạnh lùng với cái mới, đôi khi sợ cái mới hơn. Tất cả làm cho họ khó thay đổi quan điểm về cái đẹp, nhiều khi đã thành tiềm thức ăn sâu trong ý thức hệ. Ngược lại thị hiếu của thanh thiếu niên đang định hình, còn chưa rõ nét, chưa ổn định. Họ dễ dàng chấp nhận cái mới và say sưa với cái mới.

Tựu chung, quá trình tâm lý xã hội của mốt xảy ra như sau : Đầu tiên mốt do các nhà thiết kế lãng xê. Mẫu mới lúc ban đầu chỉ được một số ít chấp nhận dưới dạng nguyên sơ nhất. Sau đó số đông bình phẩm, đánh giá. Mẫu được các nhà sản xuất hoàn thiện dần. Một quá trình lựa chọn trên cơ sở sàng lọc vô số những thay đổi nhỏ, cuối cùng tạo ra một kiểu được nhiều người chấp nhận, có tính xã hội cao. Điều lý thú là ở chỗ, cho dù đã bị biến đổi đi để hoàn thiện qua nhiều lần, mốt vẫn cứ tồn tại, vẫn không mất đi cái chính nó (cái phong cách riêng của mẫu) đã được sáng tác ra lúc ban đầu.

3. Tính chu kỳ

Các nhà khoa học nhận thấy rằng, thời kỳ phồn vinh và suy tàn của các vấn đề tự nhiên và xã hội thường xen kẽ, đan cài và tuân theo một chu kỳ khá xác định. Chẳng hạn theo cuốn "Cơ sở nghiên cứu các chu kỳ" (Foundaton for the study of cycles) thì ở Mỹ người ta xét thấy có các chu kỳ sau : 6 năm cho giá bông ; 11,2 năm cho các cuộc cách mạng, các cuộc sung đột quốc tế ; 17 năm 9 tháng cho giá gang ; 35,2 năm cho các vụ động đất ; 700 năm cho những diễn hình hàng năm của khí hậu.

Đối với mốt cũng vậy. Tính chu kỳ của mốt thể hiện tính gia tăng nhanh dần đến sự ổn định trông thấy và suy thoái đột ngột, nhường chỗ

cho một mới xuất hiện. Chu kỳ của một dài hoặc ngắn còn tùy theo từng loại nhưng khuynh hướng chung là ngày càng rút ngắn.

Trước đây chu kỳ một khoảng 40, 30 rồi 20 năm (h.4.2). Ví dụ :

- Đầu thế kỷ XX, quần áo phụ nữ có dạng hình thang.
- Thập kỷ thứ hai của thế kỷ XX, quần áo có dạng hình ôvan. Riêng năm 1916, một thay đổi đột biến, lập lại kiểu hình thang của thập kỷ trước.
- Thập kỷ thứ ba : quần áo dáng hình trụ.
- Những năm 1924 - 1927, vì đôi chân được đặc biệt chú ý nên xuất hiện váy mini (váy cụt ngắn).
- Cuối thập kỷ thứ tư một quay trở lại hình thang. Những năm 60 lập lại kiểu ôvan nhưng khác nhiều so với thập kỷ thứ hai...

Sau thế kỷ XIX, một bắt đầu biến đổi nhanh.

- Ngay trong thập niên đầu của thế kỷ XX, phụ nữ làm cuộc cách mạng vứt bỏ hoàn toàn coocxê và đuôi váy dài của tầng lớp quý tộc thế kỷ trước.

- Những năm 20 của thế kỷ XX, nam giới cắt tóc rất ngắn, phụ nữ mặc váy không eo.

- Năm 1932, phụ nữ mặc các kiểu váy bông, bay lượn, buông gấu xuống tận gót chân. Eo quay về vị trí tự nhiên.

- Từ năm 1890 đến 1939 (sau 40 năm), một quay lại kiểu hình thang.

- Những năm 50 quần ống dài bị thay thế bởi quần soóc. Váy nữ hình ô van.

- Từ 1925 đến 1960 (sau 35 năm) một váy mini được lập lại.

- Các năm 1908 - 1923, 1925 - 1940, 1940 - 1957, lập lại các kiểu váy chữ nhật với chu kỳ khoảng 15 năm. Các năm 1958 - 1962, 1962 - 1967 lập lại các kiểu váy hình chữ nhật với chu kỳ khoảng 5 năm.

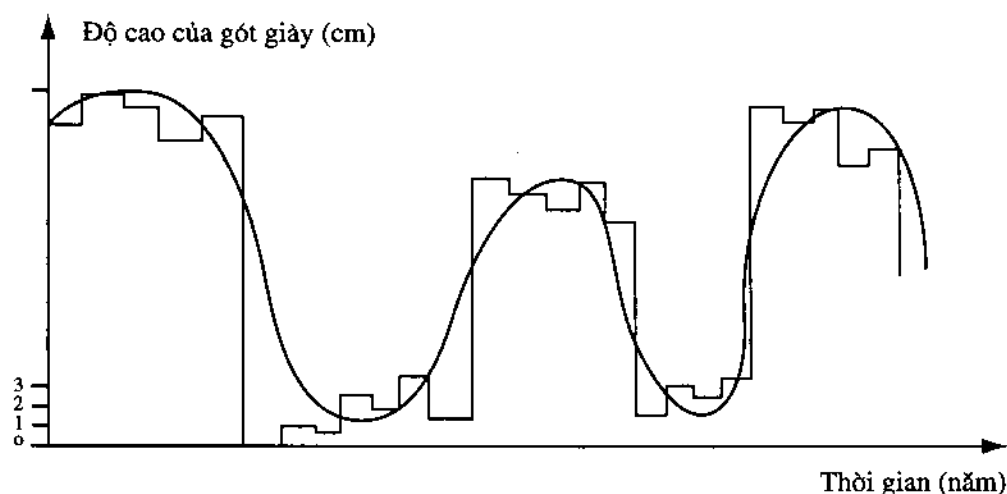
- Những năm 70 - 80, toàn thế giới thịnh hành kiểu quần bò Jeans. Váy phụ nữ quay lại kiểu hình thang.

....

Chu kỳ của một từ giữa thế kỷ XX giảm dần, tính trung bình khoảng 7 đến 9 năm lại xuất hiện một mới.

Ngày nay, chu kỳ của một rút ngắn rất nhiều. Trung bình một chu kỳ của một quần áo, giày dép là 3,5 năm. Nhưng *Tại sao một lại thay đổi có tính chu kỳ ?*

Sự thay đổi của một luôn gắn liền với sự thay đổi của chi tiết đặc trưng của sản phẩm mặc. Đó là chi tiết chủ yếu nhất. Mỗi sản phẩm may có thể được tạo thành từ 50 chi tiết riêng biệt, làm từ các loại vật liệu khác nhau, được liên kết bằng các phương pháp công nghệ khác nhau. Trong số các chi tiết đó sẽ có những chi tiết đóng vai trò quan trọng, nổi lên với vai trò chủ yếu, quyết định hình thức cùng giá trị sử dụng của sản phẩm đó, như : gót giày, mũi giày, thân áo, ống quần... Sự biến đổi của các chi tiết này làm kiểu dáng của sản phẩm thay đổi. Lấy sản phẩm giày, dép làm ví dụ. Giới hạn độ cao của gót giày ở trong khoảng từ 0 - 15cm và không được vượt quá 15cm. Nếu độ cao gót giày vượt ra ngoài giới hạn cho phép, giày sẽ không đảm bảo được chức năng thuận tiện, an toàn khi di chuyển và ảnh hưởng tới sức khỏe. Thế nên các kiểu giày thời trang hết cao lại thấp. Nếu mô tả độ cao của gót giày trên đồ thị ta sẽ được một đường hình sin (h.4.5). Chẳng hạn năm 1973, giày dép nam và nữ đều có dạng đế phẳng giống như kiểu giày của người Morơ năm 780. Sau đó, đế giày được nâng cao dần, gót thu nhỏ lại. Một giày phụ nữ hiện nay là gót nhọn, có độ cao khoảng 9 - 12cm, mũi nhọn và cong.



Hình 4.5. Sự biến đổi của chi tiết đặc trưng

Như thế, sự biến đổi của một chủ yếu phụ thuộc vào sự biến đổi của chi tiết điển hình. Sự biến đổi của chi tiết điển hình dao động theo hình

sin mà biên độ (giới hạn sự thay đổi của nó, được quyết định bởi chính các thông số kỹ thuật chủ yếu liên quan tới tâm sinh lý của người mặc trong quá trình sử dụng. Độ dài hay ngắn của quần và váy, độ rộng hay hẹp của thân áo, độ dày mỏng của các chi tiết lót cũng tuân theo quy luật tương tự.

Khuynh hướng phát triển chung của các chi tiết tạo mốt là một *dao động theo đường sin với những biên độ nhỏ (của thời trang) kết hợp với những đột biến có biên độ dao động lớn (của mốt)*. Sở dĩ có tình trạng như vậy là vì người sản xuất mong muốn đem đến cho người mua mỗi mùa một loại sản phẩm thời trang mới với những kiểu khác nhau. Nhưng trong xã hội lại xuất hiện những mẫu thời trang phát triển đột biến ngoài quy luật. Có khi sự tìm kiếm thay đổi nhiều, thay đổi toàn bộ dáng vẻ quần áo đến màu sắc, chi tiết trang trí... mang tính chủ quan, vẫn không làm nên mốt. Thế mà, có những thay đổi dù nhỏ, nhưng phù hợp với nhiều người, với lối sống chung lại làm nên mốt. Đó chính là đặc điểm khách quan trong hiện tượng mốt. Từ những năm cuối thế kỷ XX tư tưởng "Eco" (viết tắt từ chữ Ecology - sinh thái học) "coi thiên nhiên như liều thuốc hữu hiệu nhất chống lại các hội chứng của nền văn minh công nghiệp" đã lan toả trên thị trường thời trang. Toàn bộ trang phục (giày, dép, quần áo, mũ...) phải được thiết kế sao cho chủ nhân của nó hoà nhập với khung cảnh thiên nhiên. Các gam màu xuân mới hoặc cuối thu (như xanh dịu, lam nhạt, trắng, phớt be, ghi, phớt hồng...) có hiệu quả sử dụng cao nhất. Các vật liệu may, dệt từ sợi tơ tằm, trước đây dành riêng cho nữ giới thì nay trở thành mốt cho nam giới may áo sơ mi. Phương pháp tạo dáng cắt may thực dụng, giản dị và thể thao.

Như thế, mốt là sự biến đổi đột biến của các kiểu dáng quần áo. Nhưng nếu nhìn toàn bộ, ta sẽ thấy dòng biến đổi của mốt có sự tương ứng nhất định với dòng biến đổi trang phục của thời đại. Nói cách khác, mốt chính là kiểu mới thịnh hành trong thời gian ngắn giữa tiến trình dài của thời trang.

Tóm lại, nghiên cứu toàn diện các khía cạnh khác nhau của hiện tượng mốt thời trang cho thấy, mốt là :

1. Sự thống trị nhất thời của thị hiếu mặc nào đó trong một môi trường nhất định.

2. Thị hiếu, thẩm mỹ mặc chỉ trong khoảng thời gian nhất định nhưng trong một phạm vi không gian rộng lớn, khá phổ biến và được số đông người biết đến, công nhận.

IV - CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THỜI TRANG

Để hiểu được trang phục của con người trong bất kỳ xã hội nào, quá khứ hay hiện tại, điều quan trọng là tìm hiểu xem xã hội đó ảnh hưởng tới sự lựa chọn quần áo của một cá nhân như thế nào. Tiến trình lịch sử của thời trang cho thấy điều kiện tự nhiên và nền tảng văn hoá xã hội đã ảnh hưởng tới thời trang sâu sắc tới mức nào. Ngày nay, ngoài những gì đã phân tích ở trên, sự biến đổi của thời trang còn chịu ảnh hưởng của rất nhiều các nhân tố :

1. Luật pháp

Lịch sử đã cho thấy trong quá khứ đã từng có một số luật nhất định quy định chỉ cho phép mặc loại quần áo nào đó. Ví dụ, thế kỷ XV, đã có luật quy định chiều dài của mũi giày. Các nam tước ở Đức có thể mang giày có mũi dài 60 cm nhưng giày của người khác thì không được quá 30 cm. Ở Anh, giày có mũi dài hơn 60 cm chỉ được phép mang bởi những người có thu nhập hơn 40 bảng một năm (đó là một món tiền khá lớn). Trong lịch sử thời trang phương Tây cũng đã từng có luật quy định chiều cao của mũ thon đầu của phụ nữ trong bộ *hennin*. Phụ nữ quý tộc được phép mặc bộ *hennin* có mũ cao 90 cm, những phụ nữ khác chỉ được mặc bộ *hennin* mũ cao 60 cm. Ngày nay, tuy không tồn tại các luật quy định loại quần áo nào được phép mặc hoặc không, nhưng những luật khác liên quan đến cuộc sống con người thì cũng gián tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển của thời trang.

2. Không khí chính trị

Các thể chế chính trị, niềm tin của con người đối với các hệ thống chính trị xã hội, các yếu tố khác như chiến tranh hay hoà bình... thường được phản ánh vào trang phục. Ví dụ, trong quá khứ đã từng có những kiểu trang phục, tồn tại như một dấu hiệu phân biệt giai cấp : Ở phương Tây, thế kỷ XVIII chỉ đàn ông quý tộc mới được cạo trọc đầu và đội tóc giả. Thế kỷ XVII ở nước Anh, quần áo rất giản dị và có những quy định khắt khe về tính đơn giản.

Khi một xã hội có sự phân bố tài sản không bình đẳng, sự phân chia một cách rạch ròi giữa các giai cấp sẽ kìm hãm thời trang phát triển. Ở thời đại của chúng ta, một hệ thống xã hội không giai cấp mở ra kỷ

nguyên mới của thời trang. Đó là trang phục phong phú và thay đổi thường xuyên hơn ; một thời trang trải trên diện rộng của toàn xã hội, một của triệu triệu người lao động chứ không phải của riêng tầng lớp quý tộc như trước đây... Ngày nay, thời trang được nở hoa.

3. Kỹ thuật và Công nghệ

Cuộc cách mạng công nghiệp với máy móc cơ khí hoặc điện tử, khiến cho các quốc gia có thể sản xuất hàng loạt quần áo, do đó quần áo may sẵn nhiều và rất rẻ. Bằng các nghiên cứu khoa học, ngành Dệt đã sản xuất được các loại vải hấp dẫn. Với sự ra đời của các hệ thống giao thông hiệu quả hơn, các kiểu mẫu thời trang sẵn sàng và dễ dàng "chu du" từ miền vùng này sang miền vùng khác một cách nhanh chóng. Kết quả là, sự thay đổi thời trang diễn ra thường xuyên hơn, trên bình diện rộng hơn.

Ngày nay, sự phát triển của các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong ngành dệt may : sản xuất vải tổng hợp ; các quá trình hồ, xử lý hoàn tất vải ; công nghệ nhuộm và in hoa ; công nghệ sản xuất vật liệu dệt, phụ liệu may... ngày càng hiện đại hơn. Các thiết bị điện tử và tin học, thiết bị vi tính đã tham gia vào quá trình thiết kế mẫu, may và dựng quần áo... Hiện nay đã sử dụng tia laze trong quá trình cắt vải và sản xuất quần áo... Tất cả khiến cho sản phẩm may ngày càng đạt chất lượng ổn định hơn, cao hơn, với một năng suất ngày càng cao. Kết quả là, sự thay đổi của thời trang ngày càng với nhịp điệu tăng tốc hơn.

4. Sự thịnh vượng hay suy thoái kinh tế

Hệ thống kinh tế của một quốc gia là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến trang phục của xã hội. Sự thiếu thốn và hạn chế về nguyên vật liệu có xu hướng làm chậm những biến đổi về thời trang. Một sự phân bố hàng tiêu dùng rộng hơn trong xã hội, thu nhập của người dân cao hơn sẽ làm tăng mức tiêu thụ các sản phẩm mặc và tăng tốc đáng kể sự biến đổi thời trang. Ngày nay, ở nhiều nước trên thế giới, thói quen vứt bỏ một bộ quần áo chỉ vì nó đã lạc mốt, đang trở thành phổ biến. Tình trạng này trước đây không xảy ra. Chỉ khoảng trăm năm trước đây, thời trang không thay đổi trong suốt một đời người.

5. Ảnh hưởng của phương tiện truyền thông

Với sự ra đời của truyền hình trong những năm 1950, các phương tiện truyền thông đã có một ảnh hưởng quan trọng đối với trang phục của thời

đại. Những người quan trọng, nổi tiếng và có thế lực trưng diện những mốt mới nhất thông qua truyền hình đã tạo nên các xu hướng thời trang. Những người dẫn đầu về thời trang thường là các ngôi sao điện ảnh, ngôi sao nhạc pop và ngôi sao thể thao, nghệ sĩ, nhà thiết kế thời trang.

V - ĐẶC ĐIỂM CỦA MỐT THỜI TRANG ĐƯƠNG ĐẠI

Ngày nay, sự thay đổi nhanh chóng của thời trang là kết quả của sự kết hợp bởi hàng loạt các nhân tố :

- Tiến bộ khoa học công nghệ ;
- Sự thay đổi kinh tế xã hội theo xu hướng toàn cầu ;
- Quyền tự do và địa vị của người phụ nữ trong xã hội được nâng lên ;
- Thanh thiếu niên được chăm sóc đặc biệt.

Cùng với sự phát triển của mối quan hệ quốc tế : thương nghiệp và du lịch, trao đổi văn hoá, thông tin đại chúng... ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của mốt.

Mốt hiện đại có những đặc điểm sau :

1. Sự thay đổi mốt ở tất cả các nước đều theo hướng chung

Điều này có nghĩa là quần áo ở các nước, tuy có sự khác nhau nhưng không đáng kể và sự khác biệt đó không phải do mốt mà là do các điều kiện sống tác động. Mặc dù các hình thức biểu hiện có khác nhau, nhưng trong quan hệ quốc tế, các nước vẫn cùng hướng tới một tư duy chung về nội dung và hình thức quần áo. Kiểu mặc phổ biến thế giới hiện nay là : somi, quần âu, váy, com lê, măng tô...tiện dụng, đơn giản và lịch sự.

2. Đa dạng phong phú về kiểu loại

Theo dõi sự phát triển của mốt, điều dễ nhận thấy là trước năm 30 của thế kỷ XX, mốt đơn điệu, chỉ có một vài kiểu đơn giản. Ví dụ, năm 1925 lý tưởng về đẹp phụ nữ là khoẻ mạnh, cứng rắn kiểu đàn ông, không eo, ngực phẳng. Khi đó xuất hiện lần đầu tiên áo liền váy thẳng đuồn, dài đến đầu gối. Rõ ràng mốt này không phù hợp với người béo và người đứng tuổi, nhưng vì không có nhiều kiểu đáng khác nhau nên mọi người không có cơ hội lựa chọn khác, và do đó tất cả phụ nữ (trẻ, già, gầy, béo) đều buộc phải mặc nó.

Dần dần các kiểu mẫu thời trang phát triển theo nguyên tắc nhiều dáng vẻ, đa màu sắc nhưng thống nhất theo một phong cách chung đã làm cho người tiêu dùng có nhiều cơ hội lựa chọn hơn. Đến nay dù là đàn bà, đàn ông ở bất kỳ lứa tuổi nào, với bất cứ đặc điểm dáng hình nào đều có thể theo một. Họ hoàn toàn có thể chọn được kiểu mặc họ yêu thích, phù hợp với lứa tuổi, thích hợp với công việc, rất thời trang, rất mới.

3. Cắt may đơn giản, khuôn hình rõ nét

Mốt hiện đại cần phải thích ứng với sản xuất công nghiệp, do đó có đặc điểm là tiện dụng, đơn giản, mặc thoải mái, nhiều kiểu mẫu khác nhau. Mốt hiện đại rất chú trọng giá trị sử dụng : sự thích ứng của các kiểu với ý nghĩa sử dụng của chúng.

Như thế, để có thể đáp ứng cùng một lúc hai chức năng : công nghiệp nhưng lại thoả mãn thị hiếu thẩm mỹ của đại chúng, mốt hiện đại có đặc điểm dễ gia công, trang trí mảng lớn, bố cục cô đọng, thích hợp cắt may hàng loạt.

4. Phổ cập rộng rãi

Do sản xuất công nghiệp phát triển, trình độ văn hoá xã hội cao, đời sống chính trị ngày càng dân chủ..., ranh giới giữa các tầng lớp trong xã hội, giữa thành thị và nông thôn ngày càng nhạt dần đi. Ngày nay có thể nói tới một không phải của hàng nghìn người mà của hàng triệu triệu người lao động.

Tính đồng loạt của mốt hiện đại đòi hỏi phải chú trọng giáo dục thẩm mỹ cho mọi người. Sự thay đổi mốt góp phần làm thế giới quan của con người trở nên phong phú hơn và tiến bộ hơn.

5. Mốt ngày càng giữ vai trò quan trọng trong kinh doanh hàng may mặc

Pháp là nước có bề dày lịch sử đáng kể trong nghiên cứu mốt và đến lượt mình, mốt đã đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế của nước Pháp. Ngay từ những năm đầu thế kỷ 20 hàng may mặc đã tạo ra giá trị kinh tế lớn, tổng giá trị xuất khẩu áo phụ nữ ở Pháp những năm đầu thế kỷ 20 là 2,5 tỷ franc/năm. Hiện nay, cơ sở kinh doanh mang tên nhà thiết kế thời trang nổi tiếng Yves Saint Laurent bán được tới 80 triệu bộ quần áo mỗi năm. Trung Quốc bắt đầu chú ý tới mốt thời trang từ những

năm 80 của thế kỷ XX. Năm 1980, tổng giá trị bán lẻ quần áo ở đây là 41 tỷ nhân dân tệ. Năm 1988, đã tăng gấp đôi, đạt tới 100 tỷ nhân dân tệ. Ở Việt Nam, ngành công nghiệp dệt may là một trong những ngành tạo ra kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, đứng thứ 2 trong sản xuất công nghiệp.

Sang thế kỷ XXI, hàng loạt cơ sở nghiên cứu, kinh doanh và quảng cáo mốt, với đội ngũ chuyên gia gồm các họa sĩ thời trang, người mẫu và các nhà sản xuất, các nhà kinh doanh đã thúc đẩy công nghiệp dệt may và thời trang của nhiều nước trên thế giới phát triển. Cũng vì thế sản xuất – kinh doanh thời trang giờ đây phải đương đầu với một thách thức lớn : cạnh tranh gay gắt về mẫu, mã, kiểu dáng, giá cả và chất lượng. Tuy nhiên, sản xuất kinh doanh thời trang vẫn là ngành hấp dẫn vì nhu cầu tiêu dùng thời trang dường như không bao giờ có điểm dừng.

MỘT SỐ KHÁI NIỆM THƯỜNG GẶP TRONG CÔNG NGHIỆP THỜI TRANG

- **Bản vẽ thiết kế** : là bản vẽ mỹ thuật trình bày ý tưởng về kiểu, mẫu thời trang mới.
- **Thiết kế kỹ thuật** : là bản vẽ kỹ thuật trình bày cách tính toán dựng hình để cắt may nguyên liệu vải thành sản phẩm.
- **Mẫu mông (mẫu pattern, còn gọi là mẫu cắt hoặc mẫu rập)**: là các chi tiết được kẻ vẽ theo những hướng dẫn của bản vẽ kỹ thuật, được thể hiện trên giấy (hoặc bìa) theo tỷ lệ 1:1. Mẫu giấy dùng để trải lên vải, giúp cho việc cắt vải thành các chi tiết may thuận tiện hơn.
- **Thời trang sân diễn** : là những kiểu quần áo được may chỉ cho những người mẫu mặc trong các buổi trình diễn thời trang (Fashion Show).
- **Thời trang ứng dụng** : là những kiểu quần áo được sản xuất cho mọi người mặc hằng ngày, trong sinh hoạt và học tập.

CÂU HỎI CHƯƠNG IV

1. Thời trang thế kỷ trước được bắt đầu bởi các hoàng gia và quý tộc. Họ đã mặc những bộ quần áo và đeo nữ trang rất đắt tiền để

chứng minh địa vị của họ. Ngày nay ai là những người có ảnh hưởng đến sự thay đổi của thời trang. Hãy viết một bản kê khai những nhân vật bạn cảm thấy là người dẫn đầu về thời trang ở Việt Nam hiện nay.

2. Hãy tìm ra kiểu thời trang đã từng có trước đây, nay mới xuất hiện trở lại nhưng có lẽ dạng hình của nó có khác biệt đi đôi chút. Hãy tìm ra ít nhất 3 điểm mới, 3 điểm cũ, đặc trưng của mẫu đó và minh họa chúng một cách rõ ràng.
3. Hãy kể tên một vài kiểu quần áo của 10 năm trước đây. Phân tích nhân tố nào (chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội...) đã ảnh hưởng đến chúng.
4. Nhà thiết kế thời trang nổi tiếng trên thế giới, Pie Cardin (người Pháp) nói : Tôi năm bắt mốt thời trang trên đường phố rồi trả nó về cho đường phố". Bạn hãy phân tích câu nói của Ông.

Phần B : Mỹ thuật trang phục

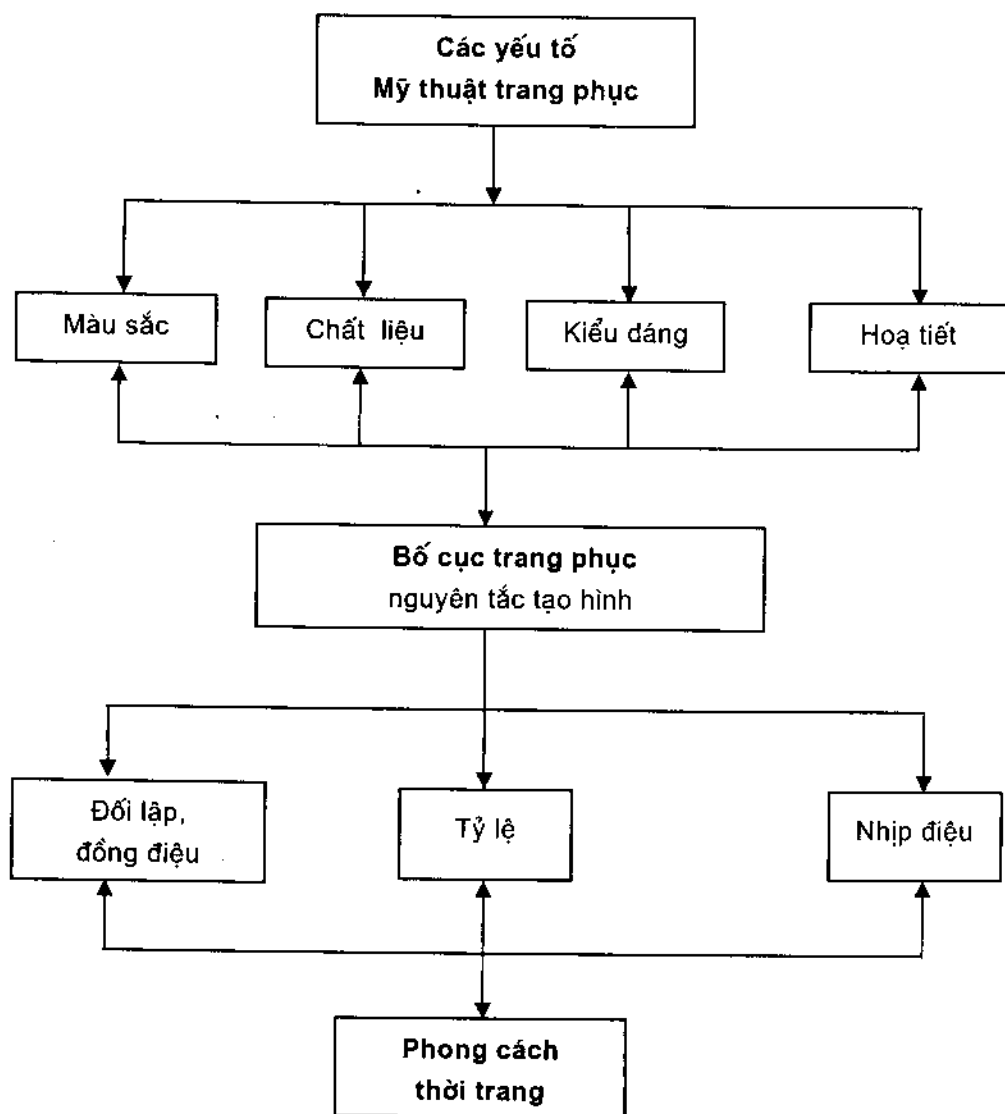
Mỗi môn khoa học nghiên cứu một phạm trù, một phương diện tồn tại của sự vật và hiện tượng trong tự nhiên và xã hội. Môn mỹ thuật trang phục nghiên cứu những gì làm nên cái đẹp của các mẫu trang phục. Phân tích vẻ đẹp của mỗi bộ trang phục, ta thấy chúng được tạo thành từ các *yếu tố mỹ thuật* căn bản sau đây :

- Màu sắc ;
- Chất liệu ;
- Hình khối ;
- Đường nét, hoạ tiết trang trí.

Các yếu tố này liên kết với nhau một cách có dụng ý, được tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng, theo những nguyên tắc nhất định, hoặc tỷ lệ hoặc đối lập hoặc nhịp điệu, hoặc cả 3 nguyên tắc đồng thời trên 1 bộ trang phục và được gọi là các *nguyên tắc tạo hình*, được sắp đặt theo những hình thức *bố cục* khác nhau, làm nên những tác phẩm mỹ thuật trong lĩnh vực thiết kế thời trang.

- Màu sắc, chất liệu, hình khối, hoạ tiết ;
- Tỷ lệ, đối lập (hoặc đồng điệu), nhịp điệu ;
- Cân đối, cân bằng lệch hay sắp xếp tự do ;
- Phong cách cổ điển, hiện đại, thể thao hay lãng mạn....

Là những vấn đề cơ bản của *Mỹ thuật trang phục*, giữa chúng có mối quan hệ mật thiết và gắn bó, được trình bày trong sơ đồ tổng quát dưới đây :



Sơ đồ 3 : Nội dung cơ bản của mỹ thuật trang phục

Chương V

MÀU SẮC TRONG LĨNH VỰC THỜI TRANG

Mặc dù màu sắc chỉ là một trong bốn yếu tố của mỹ thuật trang phục, tạo nên vẻ đẹp của thời trang, nhưng màu sắc là thành tố quan trọng nhất, bởi vì màu sắc không chỉ bắt mắt nhanh hơn, nhạy hơn các yếu tố thị giác khác mà còn vì màu sắc đem lại hiệu quả tâm lý và thẩm mỹ cho cả người ngắm lẫn người mặc. Có nhà thiết kế đã từng nói "Màu sắc có tính thuyết phục rất lớn ; màu sắc đi thẳng vào trái tim con người trước khi ta kịp ý thức được nó". Thoạt nhìn một màu hay một nhóm màu, ta lập tức bị cuốn hút vào một trạng thái tâm lý nào đó mà chính ta thậm chí còn chưa kịp nhận thức : vui hay buồn, tẻ ngắt hay băng khuâng... Những cảm xúc đó đến với ta khi mà ta chưa kịp phân tích các ngôn ngữ tạo hình khác. Đó thường là hiệu quả đầu tiên của màu sắc. Mặt khác màu sắc là công việc thường xuyên, trọng yếu nhất của các nhà thiết kế, các họa sĩ. Chính vì vậy việc tách màu sắc ra để nghiên cứu riêng là cần thiết nhằm đạt hiệu quả cao hơn trong công việc nghiên cứu và sáng tác mẫu một thời trang.

I - VÒNG MÀU CƠ BẢN

1. Nguồn gốc của màu sắc

Vạn vật quanh ta đều có màu sắc, từ cây cỏ hoa lá đến nước, mây trời không khí... Màu sắc phong phú, tới mức ta không thể đặt tên cho mọi màu trong tự nhiên. Sự biến ảo của sắc màu làm thế giới quanh ta phong phú, huyền diệu biết bao.

Ta cảm nhận được màu sắc nhờ ánh sáng. Ánh sáng là các quang tử (photon) lan truyền đi trong không gian theo dạng sóng với các bước sóng khác nhau tác động vào các vật thể rồi phản xạ lại mắt, kích thích vào các cơ quan thị giác, trở thành những tín hiệu truyền vào não bộ. Tại trung tâm thị giác của não, những tín hiệu đó được phân tích và tổng hợp cho ta cảm nhận được màu, nhờ đó chúng ta phân biệt được sắc màu của vật thể.

Ví dụ, một vật thể có màu trắng là do nó hấp thụ và phản xạ toàn bộ các tia sáng. Một vật có màu đỏ là do vật thể hút hết các tia sáng khác và chỉ hắt trở lại mắt các tia sáng có bước sóng tương ứng với màu đỏ. Chẳng thế mà ngay từ những thế kỷ trước Gớt(Goethe), một nhà thơ đã dành nhiều năm cho việc nghiên cứu màu sắc, gọi màu sắc là "*công việc và nỗi đau của ánh sáng*".

Ánh sáng phụ thuộc vào nhiệt độ (trừ một vài trường hợp đặc biệt như lân tinh, lửa của hoá chất...). Nhiệt độ càng cao thì ánh sáng càng chói. Ánh sáng càng chói thì càng chứa nhiều tia sáng khác nhau về màu. Ánh sáng mặt trời chứa trong nó đủ màu. Khoảng giữa thế kỷ 17, Niu Tơn(Newton) làm thí nghiệm phân dải ánh sáng trắng, đã phát minh rằng, cho ánh sáng mặt trời xuyên qua một lăng kính pha lê, ánh sáng đó sẽ cho ta 7 màu : đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím. Đầu thế kỷ 20 Anhtan (Einstein) tổng hợp lý thuyết về ánh sáng của nhiều nhà khoa học và rút ra kết luận : Bước sóng của photon chế định màu sắc của ánh sáng mà mắt thường nhìn thấy được. Bước sóng dài tương ứng với màu đỏ, da cam... Các bước sóng ngắn tương ứng với các màu tím, lam.... Những bước sóng cực ngắn tương ứng với tia hồng ngoại, tia cực tím mắt thường không nhận biết được. Những màu cơ bản mà mắt thường cảm nhận được gồm 7 màu : đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím được gọi là các màu quang phổ.

Ánh sáng của một vật có nhiệt độ 12000°C sẽ sinh ra ánh sáng trắng tương đương với ánh sáng mặt trời, tức là trong nó có đủ 7 màu quang phổ (h.5.1 - phần phụ lục). Ánh sáng của đèn dầu, đèn điện chỉ chứa những tia đỏ, cam, thiếu các tia lam, tím.

Nếu ta đem các màu quang phổ, sắp xếp theo theo thứ tự của bước sóng từ dài xuống ngắn, ta sẽ tìm thấy mối quan hệ mang tính quy luật của màu sắc : Giới hạn 2 đầu là màu đỏ và màu tím, ở khoảng giữa là các màu cam, vàng, lục, lam, chàm.

Giữa các màu không có ranh giới rành mạch. Các màu đứng cạnh nhau ngả sang nhau, giao thoa với nhau vì bước sóng có tính động, chuyển đổi liên tục.

2. Vòng màu cơ bản

Nếu ta đem các màu cơ bản của các chất thường dùng như bột màu, màu nước, phẩm nhuộm, sơn dầu... sắp xếp theo trật tự nhất định, tương

tự như trật tự màu trong quang phổ ta sẽ thấy mối quan hệ mang tính quy luật của màu sắc.

Từ chất liệu để vẽ, muốn có được các màu sắc khác nhau, ít nhất cần có 3 màu gốc gồm : đỏ, lam và vàng. Gọi là màu gốc vì từ 3 màu đó ta có thể pha chế ra các màu khác. Nói cách khác, ta không thể có được 3 màu đó từ các màu khác.

Từ 3 màu gốc, cứ trộn 2 màu với nhau từng đôi một theo tỷ lệ 1 : 1 ta được thêm 3 màu mới gồm :

Đỏ + Lam = Tím

Đỏ + Vàng = Cam

Vàng + Lam = Lục

Chú ý : Lam là xanh (blue) sẫm. Lục là xanh lá cây (green).

Tím, Cam, Lục là các màu dẫn xuất (vì các màu này có được từ 3 màu gốc).

Sắp xếp 6 màu thành vòng tròn , trong đó lần lượt xen kẽ giữa 3 màu gốc với 3 màu dẫn xuất từ 3 màu gốc, ta được vòng 6 màu cơ bản của các chất thường dùng (h.5.2 - phần phụ lục). Quan sát vòng màu cơ bản ta thấy từ màu này chuyển sang màu kia, hoặc là màu này bắt nguồn từ màu kia cho dù ta đi theo vòng tròn từ phải sang trái hay theo hướng ngược lại.

Từ 6 màu ta tiếp tục làm như trên : Pha trộn 2 màu đứng cạnh nhau từng đôi một theo tỷ lệ 1 : 1, sẽ có thêm 6 màu mới :

Đỏ + Tím = Tía

Tím + Lam = Chàm

Lam + Lục = Xanh hồ thủy

Lục + Vàng = Xanh lá mạ

Vàng + Cam = Vàng chanh

Cam + Đỏ = Đỏ son môi

Sáu màu đã có ở trên cộng thêm 6 màu mới làm thành vòng 12 màu cơ bản của các chất thường dùng (h.5.3 - phần phụ lục).

Tiếp tục như vậy ta được các vòng 24 màu, 48 màu... Cho đến khi có vòng tròn vô số màu thì các màu xếp cạnh nhau là sự chuyển sắc điệu dần dần từ lam, sang vàng, rồi sang đỏ, rồi lại về lam (h.5.4 - phần PL)

Như vậy, từ 3 màu gốc pha trộn với các tỷ lệ khác nhau ta được vô số màu có trong tự nhiên hoặc theo ý muốn.

II - CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ MÀU SẮC

1. Màu hữu sắc và màu vô sắc

Các màu trong vòng tròn màu và các màu phát triển từ chúng là màu hữu sắc.

Màu đen, trắng và các màu ghi, xám có được từ hai màu đen, trắng là những màu vô sắc.

Trắng và đen đóng vai trò quan trọng vì :

- Thứ nhất, chúng tạo nên một tương phản cơ bản đối với màu có sắc. Nhờ sự tương phản này làm tăng hiệu ứng thẩm mỹ của các màu đó.

- Thứ hai, chúng có ý nghĩa quan trọng khi làm cơ sở cho việc so sánh sáng tối.

2. Màu nóng, màu lạnh

Theo thói quen tâm lý, các màu được phân thành ba nhóm : màu nóng, màu lạnh và màu trung gian (giữa nóng và lạnh).

Màu đỏ, cam, vàng là màu nóng, bởi nhìn nó con người liên tưởng tới Mặt Trời, bếp lửa, hòn than... Cũng theo thói quen tâm lý các màu lam, chàm, tím được coi là màu lạnh. Vì lẽ đó, mùa nóng người ta mặc các màu thuộc nhóm lạnh ; mùa lạnh mặc các màu thuộc nhóm nóng, cho cảm giác ấm áp.

- Các màu đỏ, cam, vàng thuộc nhóm nóng.
- Các màu lam, chàm, tím thuộc nhóm lạnh.
- Màu lục được coi là trung gian giữa nóng và lạnh.
- Màu tím được coi là trung gian giữa lạnh và nóng.

Quan niệm màu nóng hay màu lạnh là hiện tượng có tính chất tâm lý cảm giác. Các màu sáng (xanh da trời, ghi sáng...) cho ta cảm giác nhẹ nhõm bay bổng. Màu xanh nước biển, xanh hồ thủy cho cảm giác mát, lạnh...

Như thế, trên vòng tròn màu cơ bản, các màu biến đổi từ nóng sang lạnh.

3. Màu tương đồng, màu tương phản

Hai màu đứng cạnh nhau trên vòng tròn màu bao giờ cũng có quan hệ "họ hàng" về sắc. Sự giống nhau là một phương tiện quan trọng để tạo

tính thống nhất, hoà hợp của một tổng thể màu trên vật thể nào đó. Trên vòng tròn màu, các màu càng đứng gần nhau càng giống nhau, càng tương đồng về sắc ; càng đứng xa nhau tính tương đồng càng giảm, sự khác nhau về sắc càng rõ. Sự khác nhau về sắc màu đến một mức nhất định trở thành 2 màu đối lập, còn gọi là màu tương phản.

Trong thực tế ta thường gặp các trường hợp màu tương phản sau đây :

- Tương phản nóng lạnh ;
- Tương phản sáng tối ;
- Tương phản sắc rực với sắc trầm ;
- Tương phản giữa các màu tươi, chói với các màu xỉn "màu chết" ;
- Tương phản giữa các màu tươi, chói rực rỡ với nhau ;
- Tương phản giữa các màu hữu sắc với các màu vô sắc.

Trong các cặp tương phản, tương phản đen - trắng đóng vai trò quan trọng nhất vì chúng tạo nên một tương phản đặc biệt : sáng và tối, đồng thời chúng còn là cơ sở để so sánh, phân định các cặp tương phản khác.

4. Màu bổ túc

Người ta nhận thấy, con mắt khi nhìn lâu hoặc bị kích thích mạnh bởi một màu nào đó thì có xu hướng điều chỉnh sắc giác để giữ sự cân bằng thị lực. Sự điều chỉnh này tuân theo một quy luật nhất định. Ví dụ, nhìn vào một nguồn sáng vàng chói rồi nhắm mắt lại ta thấy trong mắt dường như hiện lên một vầng lốm đốm những màu tím và lam. Đặt một màu đỏ tươi lên một tờ giấy trắng, sau đó cất màu đỏ, nhìn trên nền giấy trắng nơi nó vừa chiếm chỗ ta thấy xuất hiện ánh màu lục. Hiện tượng trên cho thấy các màu có khả năng bổ sung cho nhau để giữ cân bằng sắc giác. *Các màu tương tác như thế được gọi là màu bổ túc.*

Trong vòng màu cơ bản, các màu bổ túc là các màu nằm ở vị trí đối nhau 180° . Ở vòng quang phổ, các màu bổ túc cho nhau là các cặp màu : đỏ - lam ; vàng - chàm... Ở vòng màu của các chất thường dùng, các cặp bổ túc thường là : đỏ - lục ; cam - lam ; vàng - tím....

5. Sắc độ

Khái niệm chỉ độ đậm nhạt màu. Trên một diện tích bề mặt, nếu hàm lượng sắc tố nhiều ta được màu đậm, ngược lại là màu nhạt. Như thế, có

thể coi sắc độ là lượng sắc tố hàm chứa trong một đơn vị diện tích hay dung tích của màu. Khi lượng sắc tố chứa trong 1 đơn vị diện tích màu hay dung tích màu đạt tới mức độ tối đa, màu đạt *độ bão hoà* hay là *độ "no"* màu.

6. Sắc điệu

Là khái niệm chỉ sự biến thiên của màu hữu sắc. Ví dụ, các màu đỏ có sự biến điệu từ đỏ cờ, sang đỏ cam rồi đỏ tím... Trong quang phổ ta đã thấy mỗi loại màu đều có sự chuyển biến sắc, từ dễ phân biệt đến khó phân biệt với màu cạnh nó. Ví dụ, màu đỏ cờ dễ nhận biết nhất. Đỏ cam nghiêng về màu cam. Đỏ tím nghiêng về màu tím. Màu tím có tím chàm nghiêng về phía lam và tím đỏ nghiêng về phía đỏ.

Sắc điệu và sắc độ có mối quan hệ tương biến. Trong một vòng nhiều màu, ta dễ nhận biết sự chuyển dịch về sắc của các màu.

Sắc điệu là đặc trưng riêng của màu hữu sắc. Những màu vô sắc chỉ có một đặc trưng duy nhất là độ sáng, tối. Trong khi đó với bất cứ màu hữu sắc nào cũng có thể bàn về các khái niệm : sắc điệu, sắc loại, độ thuần, độ rực và cả độ no, độ sáng, tối.

7. Sắc loại

Sắc loại là đặc trưng cơ bản của màu hữu sắc.

Sắc của 3 màu gốc và 2 màu đen, trắng là các sắc nguyên vì chỉ có một loại sắc tố. Sắc của các màu còn lại trên vòng màu cơ bản là những màu gồm 2 sắc tố nhưng theo những tỷ lệ pha trộn khác nhau. Trong tự nhiên có các màu được tổng hợp từ ít nhất từ 2 đến 4 hoặc 5 hay vô số màu khác nhau pha trộn làm một.

8. Độ thuần màu

Một đơn vị màu có độ thuần cao là do trên một đơn vị dung tích màu chỉ bao hoà một loại sắc tố, hay là chỉ bao gồm 1 *sắc loại*.

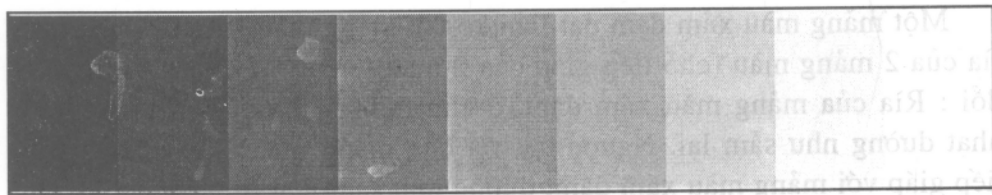
Một đơn vị màu có độ thuần không cao là do 2 tình huống : hoặc có sự pha trộn của 2 loại sắc tố trở lên hoặc chỉ có một loại sắc tố nhưng lại không phủ kín bề mặt hay không bao hoà trên nền một dung tích màu. Ví dụ, đem một màu chấm thành những chấm hoặc vạch thành những vạch trên nền giấy màu khác. Màu và nền sẽ đan xen và làm giảm độ thuần.

9. Độ sáng, tối

Độ sáng, tối của màu được đánh giá bằng sự chênh lệch của màu đó so với màu trắng hoặc đen. Trong vòng tròn màu cơ bản, mỗi màu có độ sáng, tối khác nhau. Màu vàng sáng nhất. Cam sáng hơn đỏ. Chàm tối hơn lục...

Một màu nào đó, nếu được pha thêm màu trắng sẽ sáng lên, nếu pha thêm với màu đen sẽ tối đi. Ví dụ, đỏ kết hợp với đen và trắng cho ta các biến điệu của đỏ khác nhau. Vàng trộn với đen và trắng, cho ta các màu vàng với các độ sáng, tối khác nhau.

Ta có thể đem màu đen pha thêm với một lượng màu trắng ngày càng gia tăng, để được một dải màu xám(h.5.5a). Dải màu này dùng làm thang sắc độ để đo độ sáng, tối của mọi màu (h.5.5b - phần phụ lục).



Hình 5.5a. Thang sắc độ sáng tối

10. Độ rực (độ tươi, độ chói)

Độ rực chỉ cường độ kích thích của màu đối với mắt nhìn. Màu trong quang phổ mặt trời có độ kích thích mắt nhìn gần như nhau, còn các màu nhân tạo thường khác nhau về độ chói. Những màu tương đối chói là màu đỏ, vàng. Những màu tương đối tươi là màu cam, lục. Những màu tương đối trầm là màu chàm, tím. Khi ta muốn cho một màu tươi hơn thường phải thêm vàng, đỏ. Khi ta muốn cho một màu sáng lên thường pha thêm trắng. Khi ta muốn cho một màu trầm xuống thường phải thêm chàm, đen.

Khi thu nhỏ diện tích của một màu, nó dường như rực rỡ hơn. Bởi thế những viên lé khác màu trên các bộ trang phục nữ thường để nhỏ duyên hơn mà không kém phần bắt mắt.

III - NHỮNG TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA MÀU SẮC

1. Tính chất đối sánh màu

Khi sắp xếp các màu đứng cạnh nhau, quan hệ sắc màu giữa chúng có sự thay đổi vì màu này tác động lên màu kia.

Một màu thuần sắc được bao bọc xung quanh bởi nền là một màu khác thì tông màu của nó có phần nào thay đổi. Ví dụ : đặt màu vàng thừ trên hai màu nền khác nhau chúng sẽ có thay đổi về sắc. Trên nền đỏ, màu vàng thừ sẽ nghiêng về vàng chanh, như thể nó đã được pha thêm sắc lục. Trên nền lục, màu vàng thừ sẽ nghiêng về vàng nghệ, như thể nó đã được pha thêm sắc đỏ (h.5.6 - phần phụ lục). Sự thay đổi cảm giác về tông màu hay độ thuần màu dưới ảnh hưởng của màu khác được gọi là *hiệu ứng đối sánh sắc điệu màu*... Hiệu ứng đối sánh này thường không bền vững. Khi quan sát càng lâu, tương phản đối sánh này càng yếu dần đi.

Một mảng màu xám đậm đặt liền kề với mảng màu xám nhạt, ta thấy rìa của 2 mảng màu (chỗ tiếp giáp của 2 mảng màu với nhau) có sự thay đổi : Rìa của mảng màu xám đậm, ở chỗ tiếp giáp với mảng màu xám nhạt dường như sẫm lại. Ngược lại, rìa của mảng màu xám nhạt, ở chỗ tiếp giáp với mảng màu xám đậm, dường như sáng lên (h.5.6a - phần phụ lục). Như vậy, khi 2 mảng màu khác biệt về độ sáng nằm kề bên nhau, ở ranh giới giữa 2 mảng màu sẽ xuất hiện *hiệu ứng đối sánh biên*, khiến ta cảm thấy chỗ tiếp giáp dường như cộm lên, không phẳng. Để tránh hiệu ứng đối sánh biên, cần phải dùng một màu sáng hơn hoặc tối hơn hẳn 2 màu trên, phân cách chúng ra.

Một màu đặt trên nền màu bổ túc hoặc gần như bổ túc với nó thì chính màu đó dường như gia tăng về độ rực. Nếu đặt nó trên nền có sắc độ tương tự hoặc có độ rực cao hơn thì nó sẽ bị giảm độ rực. Ví dụ, nếu đặt một miếng vải màu hồng trên nền màu lam thì màu hồng sẽ nghiêng về đỏ, nhưng đặt nó trên nền đỏ tươi, màu hồng sẽ nghiêng về màu tím. Đó là hiệu ứng đối sánh màu về độ rực.

Đặt một màu trên nền sáng thì màu đó có vẻ tối hơn và ngược lại, đặt màu đó trên nền tối thì màu đó có vẻ sáng hơn (h.5.6b - phần phụ lục). Hiện tượng này được gọi là *đối sánh về độ sáng*. Như vậy, độ sáng thực của một màu chỉ có thể nhận biết được trên nền màu có độ sáng trung bình.

Hiệu ứng *đối sánh về độ thuần* của màu : Dưới ánh sáng diện của bóng đèn, thì màu đỏ, màu cam, màu vàng dường như sáng hơn các màu lam, màu xanh nước biển, còn màu tím thì lại tối đi. Ngược lại, độ sáng của màu vàng lục lại không thay đổi, độ thuần của các màu đỏ tăng lên, còn màu vàng sáng nhẹ thì chuyển sang gần như màu trắng ; màu xanh da trời chuyển sang màu xanh lục ; màu xanh nước biển mất đi độ thuần và màu xanh sẫm thì trở thành đen hơn.

Qua các ví dụ trên ta rút ra quy luật cơ bản của tính đối sánh màu : Khi các màu đứng cạnh nhau thường xuất hiện những chênh lệch về sắc điệu, sắc độ và độ rực.

Hiệu ứng đối sánh nói lên tác động tương hỗ của màu sắc với nhau, được sử dụng nhiều trong thiết kế thời trang.

2. Tác động tâm lý của màu sắc

Trước mỗi sắc màu của đối tượng tiếp cận, con người thường có những liên tưởng tâm lý.

a) Liên tưởng tâm lý về nhiệt độ

Màu nóng (ấm) : Các màu đỏ, cam, vàng gần với màu lửa, Mặt Trời được coi là màu nóng. Các màu nóng thường gây chú ý mạnh.

Màu lạnh (mát) : Các màu lục, lam gần với các màu xanh của lá cây, màu nước gọi mát nên được coi là màu lạnh.

b) Liên tưởng về trạng thái cảm xúc

Gợi tình cảm hưng phấn hay u trầm. Các màu có độ rực chói mạnh cho cảm giác tích cực, hưng phấn. Các màu lạnh cho cảm giác tĩnh lặng hoặc trầm mặc.

Tương tự như vậy những màu sẫm, tối gây cảm giác trầm lắng. Các màu sáng tươi tạo trạng thái hưng phấn. Trong các màu, màu đỏ là màu thu hút thị giác mạnh nhất. Màu đỏ được coi là biểu tượng của niềm vui, sự sống, tuổi trẻ nồng nhiệt..., vì thế màu đỏ và các màu cùng sắc đỏ hoặc các màu rực rỡ hay được dùng thiết kế quần áo lễ hội, quần áo trẻ em, quần áo thể dục thể thao v.v...

c) Liên tưởng về âm thanh

Màu vàng thường gợi tiếng vang, màu đỏ sẫm gợi âm thanh trầm đục.

d) Liên tưởng về mùi vị

Vàng chanh gợi vị chua, vàng cam gợi vị ngọt, lục xạm gợi cảm giác đắng chát.

Những liên tưởng trên chủ yếu dựa vào kinh nghiệm mà con người cảm nhận được trong cuộc sống. Đó chính là những cảm xúc tâm lý của con người đối với màu sắc.

3. Tính viển cận và gợi cảm về độ nặng nhẹ của màu sắc

Vẽ trên giấy những mảng màu khác nhau, ta cảm thấy có màu như gần hơn và có màu như xa hơn so với tầm nhìn của mắt. Màu nóng và màu sáng như màu vàng, cam, đỏ và các sắc điệu của chúng như đến gần mắt nhìn và dường như được kéo về phía trước mặt ta.

Màu lạnh (màu xanh) và những màu tối được hoà thêm màu đen cho nên ta cảm thấy chúng như bị đẩy lùi xa, chạy về phía sau và ít rõ ràng hơn.

Màu lạnh tạo cảm giác hướng tâm. Màu nóng tạo cảm giác ly tâm.

Các màu sắc khác nhau cho ta cảm nhận khác nhau về độ nặng nhẹ. Chẳng hạn : màu quang phổ trong trẻo, thuần khiết. Màu nước cho cảm giác mỏng, nhẹ. Màu bột cho cảm giác đậm (trầm, lắng đọng). Màu sơn dầu cho cảm giác nặng. Cùng một sắc loại, màu càng đậm cho cảm giác càng nặng. Màu nhạt hoặc màu rực cho cảm giác nhẹ. Cùng một độ sáng những màu đỏ, lục có vẻ nặng hơn những màu thuộc gam vàng, những màu tươi.

Màu nóng trên nền đen thì nổi lên. Màu lạnh trên nền đen thì chìm xuống. Ngược lại, màu nóng trên nền trắng thì chìm đi. Màu lạnh trên nền trắng thì nổi lên trên.

4. Gợi cảm chiều sâu không gian, hình và khối

Liên tưởng về kích thước : cùng một diện tích hay thể tích, các màu sáng cho cảm giác nhẹ, trong, hình như nở ra, làm cho hình có vẻ to hơn. Các màu tối làm cho hình có vẻ thu gọn lại, nhỏ đi.

Các hình khối khi được mang màu đỏ, cam vàng thu hút thị giác mạnh hơn. Khối có vẻ như vươn lên, lan toả trong không gian. Ngược lại khi chúng mang các màu lạnh hoặc trầm, các khối, hình có tính ổn định, vững chắc, tĩnh tại.

Hình, với những mảng màu sáng tối, đậm nhạt khác nhau sẽ nhấn mạnh hình thể của đối tượng quan sát.

5. Khả năng diễn tả biểu chất

Màu sắc có thể diễn tả được những thuộc tính của thế giới khách quan. Khéo sử dụng màu, họa sĩ có thể mô tả được ánh sáng mặt trời hoặc bóng của vật thể. Màu sắc cũng có thể giúp thể hiện các chất liệu như len, thủy tinh, kim loại, chất lỏng... tất cả các loại vật chất với những bề mặt bóng loáng hay sần xốp, óng ánh hay trong suốt.

Trong các bản vẽ mẫu thời trang, màu sắc có khả năng gợi cảm về chất liệu, độ dày, trọng lượng trang phục. Mật độ màu thấp cho cảm giác trong, nhẹ. Mật độ màu cao, cho cảm giác nặng nề, đầm

IV - HOÀ SẮC

Hoà sắc là sự sắp xếp các tương quan của màu trên một diện tích hay trong một không gian nhất định nhằm đạt được sự hài hoà màu sắc.

Cảm thụ của con người đối với các tương quan màu sắc rất đa dạng. Mỗi dân tộc, mỗi địa phương, mỗi người đều có quan điểm thẩm mỹ khác nhau về màu. Tuy vậy, vẫn có thể chỉ ra nguyên lý cơ bản của hoà sắc. Ví dụ, nếu đặt một hàng chữ màu đỏ tươi trên nền màu lục tươi có cùng độ sáng, ta thấy rất khó đọc và nhức mắt. Nhưng nếu điều chỉnh hai màu đó làm cho chúng có sự chênh lệch rõ trong tương quan về sắc điệu, hoặc tương quan về độ sáng, độ rực thì hiện tượng căng thị giác trên đây sẽ trở thành tương phản về màu, thuận nhất hơn và có thể bắt mắt hơn. Như vậy có thể thấy không có những công thức cứng nhắc cho việc hoà sắc. Muốn cho hoà sắc đạt kết quả thường phải vận dụng nhiều những đặc tính của màu sắc, tổng hoà các quan hệ màu để tìm ra được một tương quan màu như ý muốn.

1. Các dạng thức hoà sắc

Có thể thiết lập vô vàn các quan hệ giữa màu này với màu khác. Nhưng về mặt tổng thể, có 2 dạng thức hoà sắc phổ biến là hoà sắc tương đồng và hoà sắc tương phản.

a) Hoà sắc tương đồng

Là sự sắp xếp phối hợp các màu tương đồng còn gọi là hoà sắc các màu cùng tông, cùng nhóm nóng hoặc cùng nhóm lạnh. Phối hợp giữa các màu cùng gam màu, tức là các màu cùng sắc nhưng với các độ đậm nhạt khác nhau. Phối hợp các màu tương sinh, cùng họ.

Phối hợp các màu vô sắc... Trên vòng tròn màu, các màu tương sinh ở cùng một nửa của vòng tròn màu. Ví dụ : Một hoà sắc nâu ta sẽ dùng

các màu từ nâu nhạt đến nâu sẫm, điểm xuyết nâu ngả sang vàng hay nâu ngả sang xanh. Trong hoà sắc xanh ta sẽ dùng từ xanh nhạt đến xanh sẫm, xanh ngả sang vàng, xanh ngả sang lam...

Trong hoà sắc tương đồng, các màu cùng tông đứng cạnh nhau cho cảm giác êm ái.

Hoà sắc tương đồng của những màu vô sắc cho cảm giác thuần khiết, giản dị.

b) Hoà sắc tương phản

Hoà sắc tương phản là sự sắp xếp bố trí các màu đứng bên nhau trong tương quan hài hoà giữa các màu có tính đối lập nhau : nóng - lạnh, sáng - tối, đậm - nhạt, tươi - rục, dịu - trầm, diện tích mảng màu to - nhỏ, đặt những màu hữu sắc bên cạnh màu vô sắc. Đối lập giữa một màu đơn sắc với tập hợp màu đa sắc.

Trong các cặp quan hệ đối lập, khi các màu bổ túc đứng cạnh nhau, gây chú ý thị giác. Khi các màu tương phản đứng cạnh nhau kích thích thị giác mạnh. Tương phản của những màu hữu sắc với những màu vô sắc là tương phản mạnh nhất nhưng ổn định nhất.

Phân tích kỹ các cặp hoà sắc tương phản, ta còn gặp các tương phản về sắc độ, sắc điệu, về độ rục, độ thuần màu.

Hoà sắc tương đồng và hoà sắc tương phản là những khái niệm tương đối. Trong mỗi tác phẩm mỹ thuật, cặp hoà sắc này ở trường hợp này là tương đồng nhưng trong mối quan hệ khác lại là tương phản. Ngay trong một tác phẩm hoà sắc tương đồng đẹp bao giờ cũng phải kết hợp được một vài các cặp tương phản và ngược lại trong hoà sắc tương phản, vẫn có một dung lượng nhất định của hoà sắc tương đồng thì mới tạo ra được hoà sắc sinh động, phong phú và bắt mắt.

Ví dụ : Trên nền nhiều sắc lục, ta vẽ các hoạ tiết màu vàng đất. Nếu các hoạ tiết này chiếm tỷ lệ nhỏ so với diện tích của màu nền, hoặc chiếm diện tích lớn nhưng không nổi bật trong mối tương quan với màu nền, bị màu nền áp đảo, thì đó là một bố cục có dạng hoà sắc tương đồng. Nếu vượt quá điều kiện trên, tương quan của hoạ tiết với nền thay đổi, thì hoà sắc này chuyển sang dạng hoà sắc tương phản.

Trong các hoà sắc tương đồng và hoà sắc tương phản, dễ điều khiển nhất là các tương quan về sắc loại và tương quan về độ sáng. Những

chênh lệch về độ thuần khó nhận biết và khó điều khiển nhưng lại có ảnh hưởng tinh tế đối với hiệu quả hoà sắc.

2. Hiệu quả hoà sắc

Về tầm quan trọng của hoà sắc, một hoạ sĩ người Nga Respin đã từng nói : "Màu sắc đối với chúng ta là công cụ. Màu sắc phải thể hiện được những suy nghĩ của chúng ta. Hoà sắc không phải là những mảng màu diêm dúa mà nó phải truyền đạt được tâm trạng và cái hồn của người sáng tạo cùng với người sử dụng nó. Hoà sắc phải gây được thiện cảm và lôi cuốn hoàn toàn người xem, như hoà âm trong âm nhạc vậy". Hoà sắc có thể đem lại một trong ba hiệu quả mỹ cảm sau đây :

a) Hiệu quả rực : đạt được nhờ sử dụng các màu có độ rực cao, kết hợp các đối chọi về sắc loại như sử dụng màu nóng với màu lạnh, đối chọi về sắc độ sáng tối giữa các màu có độ đậm nhạt, sáng tối, cao thấp khác nhau, giữa các màu nguyên sắc với các màu có độ thuần thấp...

Muốn tạo ra một hiệu quả rực, nếu chỉ sử dụng các màu có độ rực cao mà không chú trọng tổng hợp các cặp đối lập khác thì hiệu quả rực cũng bị hạn chế.

b) Hiệu quả trầm : đạt được nhờ sử dụng các màu trầm đục, đen, xám, các màu ít đối chọi về sắc loại và độ sáng.

Hiệu quả trầm, có thể bớt trầm hơn nếu các màu tham gia hoà sắc là các màu trầm nhưng lại có tương phản về độ sáng tối.

c) Hiệu quả nhã : là trạng thái trung gian của 2 hiệu quả trên. Hoà sắc nhã phải là hoà sắc của các màu trung tính về độ rực (không quá rực hoặc không quá trầm), trung bình về sắc độ (không quá đậm và không quá nhạt), trung gian về độ sáng (không chênh lệch mạnh về độ sáng tối).

Ngoài 3 hiệu quả chính trên, còn phải kể cả hiệu quả kép thường gặp trong hoà sắc như : nhã - rực, nhã - trầm và rất nhiều các hoà sắc khác. Một hoà sắc được coi là đẹp nếu nó đạt sự tổng hoà các quan hệ đặc trưng của màu sắc trong đó có sự cân bằng về sắc loại, độ sáng, độ thuần, độ rực, độ sáng tối...

Nếu quá nghiêng về một trong các quan hệ trên, hiệu quả thẩm mỹ của tổng thể hoà sắc sẽ bị ảnh hưởng. Sau đây là một số ví dụ :

Nếu đem các màu sắc của vòng màu cơ bản như đỏ, lục, lam, vàng, tím, cam với cùng một độ sáng sắp xếp vào một bố cục sẽ dẫn tới một

hiệu ứng màu bức bối khó chịu. Trường hợp trên có thể khắc phục bằng các giải pháp sau :

- Dùng các màu vô sắc như đen, trắng, xám, ghi ngăn tách giữa các màu hữu sắc, tạo ra đối lập các màu hữu sắc với vô sắc, làm cân bằng màu, khiến cho sự căng thẳng về thị giác bị triệt hoặc giảm.

- Thêm sắc trầm vào một số màu này, làm cho chúng trầm đi hoặc thêm sắc tươi vào một số màu khác làm cho chúng tươi lên. Đối chọi quá căng về độ thuần màu sẽ giảm, cho ta một cân bằng thị giác mới, hài hoà hơn.

- Thay đổi những chênh lệch về độ sáng tối làm cho các màu không quá chênh lệch về độ sáng.

-

Những hoà sắc không cho cảm thụ thẩm mỹ tốt hoặc chưa đạt giá trị về sắc cảm, chưa đạt các tương quan trong hoà sắc ; thường do một trong các khiếm khuyết sau : Hoặc các màu tham gia hoà sắc bị "vội" do không rõ sắc điệu, màu bị "non" do thiếu độ đậm, bị "khê" do thiếu độ sáng, bị "sượng" khi không hài hoà độ thuần màu, bị "chua" khi quá thừa độ rực....

Để tạo ra các bộ trang phục đẹp cần phải nắm chắc lý thuyết về màu sắc và rèn luyện kỹ năng hoà sắc.

V - MÀU TRONG LĨNH VỰC THỜI TRANG

Ngày nay màu sắc chi phối rất nhiều ngành nghề trong cuộc sống, từ quảng cáo, thiết kế đồ hoạ đến trang trí nội, ngoại thất...tất cả các ngành thuộc mỹ thuật công nghiệp và cả các ngành nghề khác. Trong số đó, ngành công nghiệp thời trang đóng vai trò quan trọng bởi nó liên quan đến đời sống văn hoá và thị hiếu thẩm mỹ của hết thảy mọi người. Với tầm quan trọng đó, màu sắc của thời trang được nghiên cứu thành một phạm trù với những đặc điểm riêng của thời trang.

1. Vòng màu thời trang

Trong lĩnh vực thời trang màu lục giữ vị trí quan trọng không kém các màu đỏ, vàng, lam mặc dù nó là màu dẫn suất có được từ lam và vàng. Màu lục không những xuất hiện thường xuyên quanh ta trong tự nhiên mà còn xuất hiện thường xuyên trong các hoà sắc của thời trang. Màu lục bổ sung cho gam màu lạnh, cùng với màu lam làm thành đối trọng với hai màu nóng là đỏ và vàng để tạo cân bằng thị giác. Cũng theo

nguyên tắc căn bản của màu sắc : từ 4 màu ta có được 8 màu. Từ 8 màu ta được 16 màu, 32 màu, 64 màu v.v... Vòng màu cơ bản trong lĩnh vực thời trang là vòng 16 màu (trong khi vòng màu cơ bản của các chất thường dùng là vòng 12 màu). Trong vòng màu thời trang, 4 màu chốt ở 4 đỉnh của hình vuông nội tiếp vòng tròn là đỏ, vàng, lục, lam chia vòng tròn màu thành 4 cung phần tư. Hai màu vàng và lam nằm trên 2 đỉnh đối nhau của một đường kính. Hai màu đỏ và lục sẽ nằm trên 2 đỉnh của đường kính khác vuông góc với đường kính kia của đường tròn (h.5.7 - phần phụ lục). Các màu khác có được cũng theo nguyên tắc pha màu của vòng màu cơ bản.

So với vòng 12 màu cơ bản, có 3 màu cơ bản ở 3 góc tam giác đều nội tiếp của vòng màu. Hình vuông nội tiếp vòng tròn 16 màu với 4 đỉnh gồm 2 màu nóng, 2 màu lạnh làm cho cân bằng lực lượng về sắc điệu trong vòng màu trở nên hài hoà hơn. Vòng màu thời trang dễ sử dụng, trở thành công cụ đắc lực cho nhà thiết kế thời trang làm chủ các công việc liên quan tới màu sắc trên trang phục.

2. Con quay màu

Trong hệ thống trật tự màu trên mặt phẳng, hai màu đen và trắng không nằm trên vòng màu bởi chúng là hai màu vô sắc. Tuy nhiên màu đen và màu trắng có thể kết hợp với nhau thành thang màu chuyển từ trắng sang ghi sáng, sang xám rồi sang đen (h.5.5a). Thang sắc độ này có thể kết hợp với một màu bất kỳ trên vòng tròn màu để tạo ra vô số các màu mới có 3 sắc chính tạo thành : đen, trắng và màu được chọn trên vòng tròn màu. Khi đó hệ thống trên mặt phẳng bị giới hạn, không cho phép mô tả hết mối quan hệ tương tác giữa các màu. Ta chuyển sang hệ thống không gian ba chiều để mô tả trật tự màu trong tự nhiên.

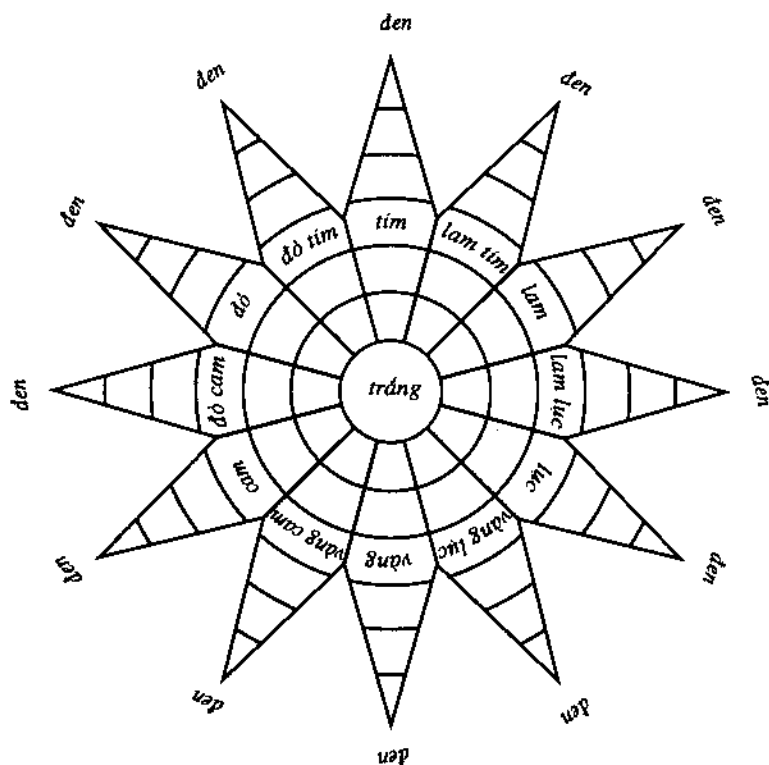
Đặt vòng tròn màu trên mặt phẳng nằm ngang.

Đặt thang màu ghi, xám với hai đầu đen và trắng theo trục thẳng đứng. Đầu màu trắng ở trên. Đầu màu đen ở dưới.

Bất cứ ô màu nào của trục thẳng đứng cũng có thể kết hợp với một màu bất kỳ trong vòng tròn màu theo các tỷ lệ pha trộn khác nhau để làm thành những vòng màu trình bày (xếp chồng lên nhau) theo trục ngang.

Sự kết hợp giữa các màu của vòng tròn màu trên mặt phẳng với các màu trên trục thẳng đứng cho ta hình ảnh về con quay màu (h.5.8a - phần phụ lục). Phổ màu của con quay có đặc điểm đỉnh trên là các màu sáng và đỉnh kia là các màu tối. Đường tròn ở giữa cắt con quay thành 2 nửa chính là vòng màu cơ bản. Và nếu chỉ tách riêng từng màu trong mỗi

quan hệ với 2 màu đen, trắng ta được các múi màu là những mặt phẳng cắt lát theo trục tung của con quay (h.5.8b - phần phụ lục). Bất cứ múi màu nào của con quay cũng là sự kết hợp của 2 đến 4 màu : 1 đến 2 màu hữu sắc trên vòng tròn màu kết hợp với 1 đến 2 màu vô sắc của thang sắc độ trắng - ghi - xám - đen. Nếu ta cắt bỏ con quay màu thành nhiều múi theo nguyên tắc cắt rời phía đỉnh màu đen, và giữ nguyên phía đỉnh màu trắng ta được hình ảnh một ngôi sao màu nhiều cánh (h.5.8c).



Hình 5.8c

Con quay màu là công cụ đặc lực giúp nhà thiết kế nhanh chóng tìm kiếm các hoà sắc đạt hiệu quả thẩm mỹ mong muốn.

VI - HOÀ SẮC TRÊN TRANG PHỤC

1. Các nguyên tắc phối màu trên trang phục

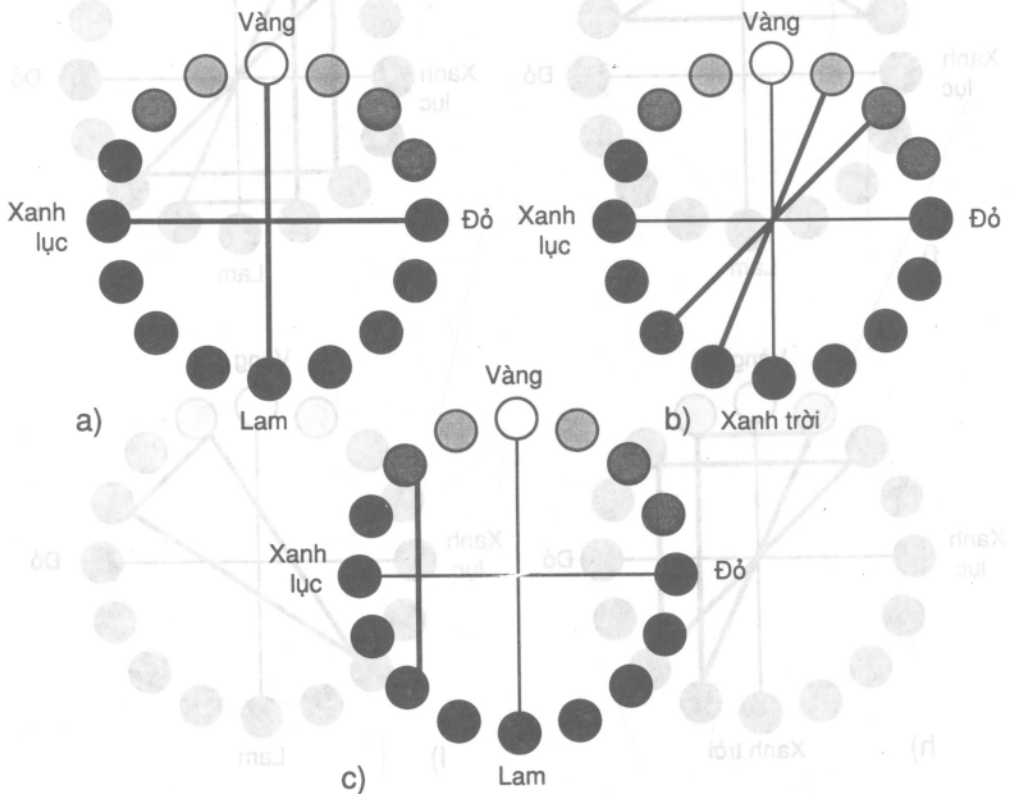
Phối màu trên trang phục là sắp đặt các mảng màu của các chất liệu khác nhau, các chi tiết khác nhau của bộ trang phục. Trong thiết kế thời trang thường vận dụng các nguyên tắc phối màu sau đây :

a) **Trang phục một màu** : thường gặp trong đời sống hằng ngày. Trang phục một màu cho cảm xúc nghiêm túc, lịch sự, giản dị... Trang phục một màu rất thích hợp trong môi trường học đường, công sở.

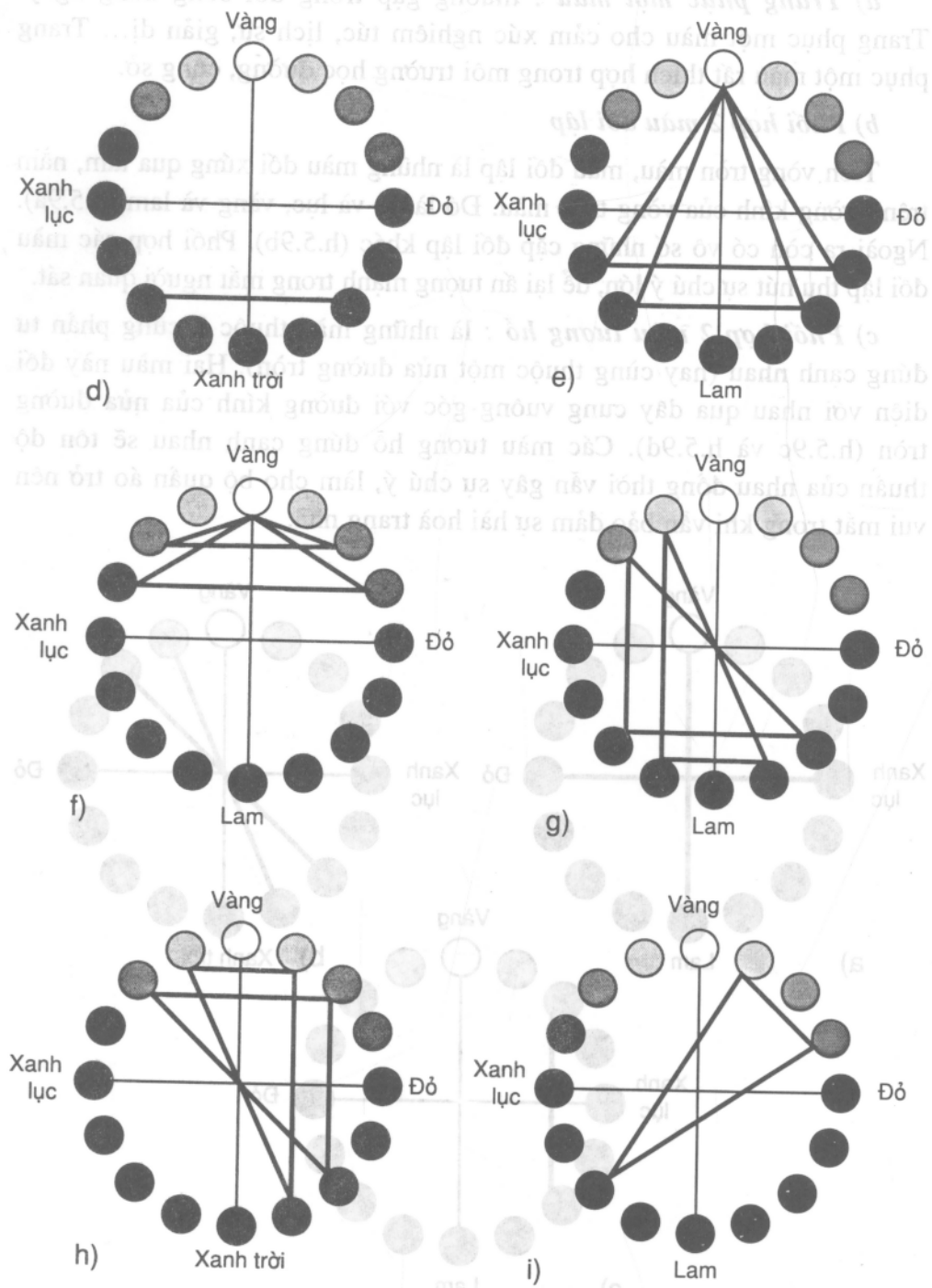
b) **Phối hợp 2 màu đối lập**

Trên vòng tròn màu, màu đối lập là những màu đối xứng qua tâm, nằm trên đường kính của vòng tròn màu. Đó là đỏ và lục, vàng và lam (h.5.9a). Ngoài ra còn có vô số những cặp đối lập khác (h.5.9b). Phối hợp các màu đối lập thu hút sự chú ý lớn, để lại ấn tượng mạnh trong mắt người quan sát.

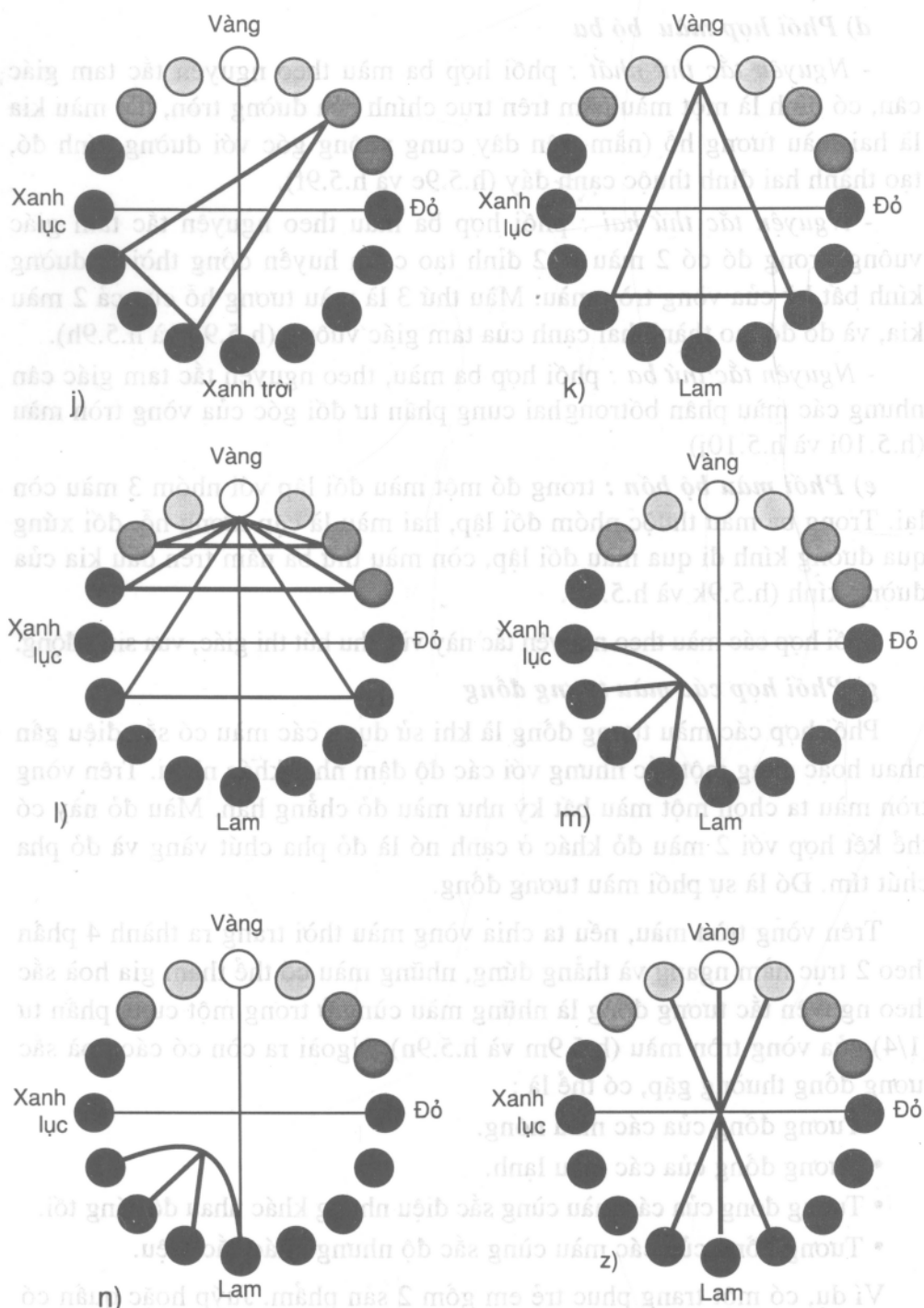
c) **Phối hợp 2 màu tương hỗ** : là những màu thuộc 2 cung phần tư đứng cạnh nhau (hay cùng thuộc một nửa đường tròn). Hai màu này đối diện với nhau qua dây cung vuông góc với đường kính của nửa đường tròn (h.5.9c và h.5.9d). Các màu tương hỗ đứng cạnh nhau sẽ tôn độ thuần của nhau đồng thời vẫn gây sự chú ý, làm cho bộ quần áo trở nên vui mắt trong khi vẫn bảo đảm sự hài hoà trang nhã.



Hình 5.9a, b, c



Hình 5.9



Hình 5.9

d) Phối hợp màu bộ ba

- Nguyên tắc thứ nhất : phối hợp ba màu theo nguyên tắc tam giác cân, có đỉnh là một màu nằm trên trục chính của đường tròn, hai màu kia là hai màu tương hỗ (nằm trên dây cung vuông góc với đường kính đó, tạo thành hai đỉnh thuộc cạnh đáy (h.5.9e và h.5.9f).

- Nguyên tắc thứ hai : phối hợp ba màu theo nguyên tắc tam giác vuông, trong đó có 2 màu là 2 đỉnh tạo cạnh huyền đồng thời là đường kính bất kỳ của vòng tròn màu. Màu thứ 3 là màu tương hỗ của cả 2 màu kia, và do đó tạo thành hai cạnh của tam giác vuông (h.5.9g và h.5.9h).

- Nguyên tắc thứ ba : phối hợp ba màu, theo nguyên tắc tam giác cân nhưng các màu phân bố trong hai cung phần tư đối góc của vòng tròn màu (h.5.10i và h.5.10j)

e) Phối màu bộ bốn : trong đó một màu đối lập với nhóm 3 màu còn lại. Trong ba màu thuộc nhóm đối lập, hai màu là cặp tương hỗ, đối xứng qua đường kính đi qua màu đối lập, còn màu thứ ba nằm trên đầu kia của đường kính (h.5.9k và h.5.9l).

Phối hợp các màu theo nguyên tắc này vừa thu hút thị giác, vừa sinh động.

g) Phối hợp các màu tương đồng

Phối hợp các màu tương đồng là khi sử dụng các màu có sắc điệu gần nhau hoặc cùng một sắc nhưng với các độ đậm nhạt khác nhau. Trên vòng tròn màu ta chọn một màu bất kỳ như màu đỏ chẳng hạn. Màu đỏ này có thể kết hợp với 2 màu đỏ khác ở cạnh nó là đỏ pha chút vàng và đỏ pha chút tím. Đó là sự phối màu tương đồng.

Trên vòng tròn màu, nếu ta chia vòng màu thời trang ra thành 4 phần theo 2 trục nằm ngang và thẳng đứng, những màu có thể tham gia hoà sắc theo nguyên tắc tương đồng là những màu cùng ở trong một cung phần tư (1/4) của vòng tròn màu (h.5.9m và h.5.9n). Ngoài ra còn có các hoà sắc tương đồng thường gặp, có thể là :

- Tương đồng của các màu nóng.
- Tương đồng của các màu lạnh.
- Tương đồng của các màu cùng sắc điệu nhưng khác nhau độ sáng tối.
- Tương đồng của các màu cùng sắc độ nhưng khác sắc điệu.

Ví dụ, có một trang phục trẻ em gồm 2 sản phẩm. Juýp hoặc quần có nền là màu cam pha đen. Áo phía trên có nền là màu cam pha trắng. Hoa tiết hoa rồi là các màu cam, thỉnh thoảng điểm xuyết bằng hoa màu đỏ.

Một ví dụ khác : Bộ trang phục công sở cho tuổi trung niên ; hoà sắc tương đồng các màu vô sắc gồm đen, ghi, trắng, xám.

h) Phối hợp các màu tương phản

Theo nguyên tắc này, một màu sẽ đối lập (tương phản) với một nhóm màu khác hoặc nhóm màu này đối lập với nhóm màu khác (h.5.9z).

Một trong những đối lập thường gặp là khi phối hợp 2 màu đối xứng nhau trên vòng tròn màu. Hoặc có thể sử dụng đối lập giữa một bên là nhóm các màu tương đồng thuộc nhóm lạnh, còn bên kia là một màu nóng đối lập với chúng...Tương phản sáng – tối cũng rất hay gặp. Ngoài ra những cặp tương phản hữu sắc - vô sắc rất hay dùng, bởi vì cặp tương phản này khá ổn định, dễ làm, nhanh đạt hiệu quả.

Ví dụ, một bộ trang phục có màu áo đối lập sáng tối với màu váy. Nhưng riêng váy là sự kết hợp của màu vàng cam, đen và trắng.

2. Một số điểm cần lưu ý khi phối màu trên trang phục

a) Khi sáng tác và thiết kế quần áo không nên tách rời màu sắc ra khỏi các yếu tố tạo hình khác như : đường nét, kiểu dáng, bố cục, chất liệu...Ý nghĩa của màu sắc trong tổng thể của một bố cục chỉ có nghĩa trong giới hạn nhất định về số lượng những màu tham gia hoà phối. Nội dung chính của bố cục sẽ là màu sắc – nếu như màu nổi trội hơn hẳn các yếu tố khác như chất liệu, kiểu dáng...trong bố cục. Màu độc đáo và sắc màu chuyển đổi uyển chuyển trong bố cục sẽ trở thành trọng tâm của mẫu sáng tác. Chẳng hạn trong bộ quần áo màu đỏ chói thì màu sắc đóng vai trò chính so với tất cả các thành tố và phương tiện khác của bố cục (đường nét, hoạ tiết, trang trí, chất liệu...), vải có thể là độc đáo, hình dáng kiểu mẫu có thể là rất đẹp, trang trí có thể là rất hấp dẫn, nhưng màu đỏ là màu vượt trội lên tất cả, không những về hàm lượng mỹ cảm mà cả về ý nghĩa so với các thành tố khác.

b) Thận trọng khi chọn nguyên liệu thể hiện màu chính. Vải nhuộm màu chói cần phải là loại vải mềm mại, làm cho màu chói mềm đi. Ví dụ màu xanh chói đẹp hơn, dễ chịu hơn ở loại vải len mềm, nhung... Cùng một màu nhưng trong các chất liệu vải khác nhau (dày, mỏng, đan, xóp, độ gấp nếp nhiều...) sẽ biểu đạt các sắc màu rất khác nhau.

c) Trong mỗi bộ trang phục, không chỉ có màu sắc của quần áo là quan trọng mà còn phải tính đến màu sắc của các phụ trang như giày,

dép, mũ nón, găng tất, thắt lưng, túi xách, ví tay, mỹ phẩm, đồ trang sức... Màu của phụ trang không hoà hợp với màu quần áo, sẽ phá vỡ sự mềm mại của hoà sắc, sự toàn vẹn của toàn hệ thống hoà sắc là bộ trang phục. Với những màu nguyên (vàng, da cam, lam...) cần lựa chọn kỹ các phụ trang, nếu không cẩn thận sẽ làm "hông" cả bộ, như vậy thậm chí sẽ có những trường hợp không thể "thêm" vào cho bộ trang phục bất cứ một phụ trang nào. Màu sắc trong chất liệu trang trí kim hoàn cũng ảnh hưởng rất lớn tới hoà sắc tổng thể của bộ trang phục

d) Trong may mặc, hầu như màu sắc các loại phụ liệu may đi kèm trong sản phẩm đều giảm độ thuần. Vì màu quá chói sẽ ảnh hưởng bộ trang phục, sự loè loẹt làm mất nhìn mệt mỏi và những màu đó không hài hoà với nguyên liệu chính sẽ làm mất cân bằng thị giác đã được tính toán kỹ trong quá trình thiết kế. Khi lựa chọn sử dụng phụ liệu (chỉ, khoá, chun, mex) cần hết sức thận trọng, không chỉ chất liệu làm nên chúng mà cả sắc màu của chúng.

e) Cần nhắc cách sử dụng màu theo mùa khí hậu :

- Mùa xuân : thường được diễn tả bởi các màu sáng, rực rỡ, tươi vui như màu vàng tươi, phớt hồng, nâu hồng, xanh hồng... bởi chúng phù hợp với không gian sáng bừng, tươi mới của mùa xuân.

- Mùa thu : sắc màu của mùa thu đối lập mạnh mẽ với sắc màu của mùa xuân. Trên trang phục dùng trong mùa thu thường xuất hiện nhiều các màu nâu, tím, vàng xộm.

- Mùa hè : các sắc xanh thích hợp để làm dịu đi bức nóng của thiên nhiên.

- Mùa đông thích hợp với những sắc màu xanh đen, lam, ghi sẫm... và những màu có sắc trầm.

g) Cần nhắc màu sắc trang phục trong không gian sử dụng : ban ngày hoặc tối.

Buổi tối hoặc trong phòng tối, màu sắc trong trang phục phụ thuộc vào cường độ ánh sáng đèn thường, đèn dạ hội, đèn sân khấu... Trang phục được mặc trong những môi trường chiếu sáng nhân tạo sẽ đòi hỏi sắc màu hơn. Trang phục biểu diễn sân khấu phải rất bắt mắt.

Ánh sáng ban ngày làm cho màu sắc tự nhiên.

h) Màu sắc trang phục cần hài hoà với ý nghĩa sử dụng chúng :
Loại quần áo mặc đi làm hàng ngày không đòi hỏi những màu chói như loại quần áo khi giao tiếp xã hội. Trang phục công sở nên có màu sắc nhã nhặn. Đồng phục cơ quan phải có màu sắc đặc trưng cho từng ngành, nghề.

Y phục lễ hội màu sắc sinh động hơn, rực rỡ hơn.

Tuy nhiên, do nhịp sống công nghiệp ngày càng sôi động, đời sống phố phường ngày càng nhộn nhịp, màu sắc thời trang ngày càng được dùng một cách mạnh mẽ hơn, táo bạo hơn. Trước đây, trong trang phục công sở thường chỉ thấy các màu trắng, đen, ghi, xám... Ngày nay đã xuất hiện rất nhiều màu thuộc các gam khác, tươi sáng rực rỡ và bắt mắt hơn.

i) Màu sắc trang phục với người mặc

Màu sắc có thể cải tạo vóc dáng, thay đổi màu da, cho ảo giác về màu tóc... của người mặc. Do đó cần chọn lựa màu sắc trang phục sao cho phù hợp với đặc điểm từng người như màu da, màu tóc, màu mắt và dáng hình tổng thể.

- Những người gầy, bé nhỏ nếu như mặc những bộ trang phục màu sáng dường như to lớn hơn, cao hơn. Những người này không nên mặc các màu sẫm và tối. Nên mặc các hoạ tiết kẻ to, ngang và màu càng rực càng tốt.

- Những người có vóc dáng trung bình thích hợp với cả hoà sắc dịu và cả với hoà sắc rực.

- Những người quá béo có thể dùng màu sắc để điều chỉnh. Họ nên chọn màu tối, sẫm hoặc đen.

- Những người to cao nên mặc các màu dịu, màu tối càng sẫm càng tốt hơn và hiệu quả hơn. Không nên mặc vải trơn không hoạ tiết. Tốt nhất là nên chọn các hoạ tiết dọc hoặc những hoạ tiết hoa văn thật nhỏ, màu sắc nhẹ nhàng để tránh cho quần áo những mảng trang trí đồ sộ, tạo cảm giác nặng nề và không nhanh nhẹn.

- Về màu da, theo quan niệm của số đông hiện nay, có thể phân loại thành người da trắng (trắng hồng hoặc trắng xanh) người da sáng hoặc người da sạm. Các nguyên tắc hoà sắc của lý thuyết màu sắc đã lý giải vì sao hầu hết tất cả mọi người thuộc tất cả các màu da đều có thể mặc quần áo có gam màu tối. Màu đen và màu trắng, màu ghi và màu xám hầu như

phù hợp với bất kỳ người có làn da nào. Người có nước da trắng hồng có thể mặc được những bộ quần áo nhiều màu và có thể mặc được cả những màu rực rỡ và tối sẫm. Người có làn da sáng thích hợp với nhiều màu nhưng có một số màu làm người mặc nổi bật như màu đỏ sẫm, màu đỏ đô, màu da người... Khuôn mặt có sắc đỏ và sắc vàng dường như sẽ sáng hơn khi mặc quần áo có màu tương tự với màu da nhưng ở tông màu tối hơn. Những người da sẫm cần thận trọng khi chọn màu sắc quần áo. Nếu người da sẫm mặc các màu tương phản nhóm lạnh và tối trông có vẻ thô hơn, cứng nhắc hơn. Nhưng nếu họ dùng các màu trung gian như màu ghi, sữa, be..., nước da họ sẽ có vẻ mịn màng khoẻ khoắn, cương nghị mà người có nước da trắng, da sáng không thể có được. Những người da sẫm nên mặc trang phục có màu sắc tươi sáng nhưng không quá rực, chói ; không nên mặc màu tối để tránh tạo cảm giác dường như bị đen hơn.

- **Màu sắc trang phục với màu tóc :** Màu sắc rất quan trọng trong việc chọn màu trang phục. Tóc màu đen thích hợp với mọi màu của trang phục. Tóc màu sáng kén các màu của trang phục, màu phải trầm hơn màu tóc. Tóc màu sẫm thích hợp với trang phục màu sáng hơn. Người tóc vàng hợp với các gam màu nhẹ nhàng, các gam lạnh. Người tóc hung hợp với gam màu nâu và các hoà sắc nâu... Một cách khái quát, dựa vào các quy luật hoà sắc ta sẽ nhanh chóng phát hiện, tìm ra màu sắc trang phục hài hoà với mọi màu tóc...

- **Màu sắc trang phục với màu mắt :** Màu mắt tuy không quan trọng bằng màu da và màu tóc, nhưng nếu dùng màu trang phục phù hợp với màu mắt, mắt sẽ ánh sáng lên.

- **Màu sắc ưa chuộng theo giới tính và lứa tuổi :**

Ngoại trừ màu đen là màu được dùng thường xuyên trong thời trang, còn lại các màu khác sẽ luôn thay đổi ngôi thứ, bởi vì con người cảm nhận màu sắc theo từng giai đoạn của cuộc đời, từng lứa tuổi. Ngoài ra nó phụ thuộc vào cảm nhận của từng người trong xã hội và trong từng khoảng thời gian nhất định.

- **Trẻ em :** rất thích các màu sắc tươi sáng, rực rỡ, thậm chí các màu sắc sỡ và cả các gam màu đen, tối của người lớn (dù không dùng thường xuyên) bởi vì trẻ em chìm đắm trong bản năng mỹ cảm tự nhiên. Cái hồn nhiên của bản năng mỹ cảm dẫn dắt các em lựa chọn các sắc màu theo một cách riêng, không giống như người lớn, không do lý trí điều khiển.

- Giới trẻ : Do nhịp sống xã hội và tính cách của lứa tuổi này rất năng động, trẻ trung nên màu sắc trang phục dành cho giới trẻ rất phong phú, đa dạng. Dải các màu sắc được ưa thích sử dụng rất rộng, từ các gam màu tươi sáng rực rỡ đến các gam màu trang nhã và cả các gam màu tối đều được ưa chuộng.

- Trung niên và người lớn tuổi : Ở độ tuổi này, tuổi tác, môi trường làm việc, môi trường sống không còn tác động nhiều đến trạng thái tâm lý và cảm nhận màu sắc. Người ở lứa tuổi trung niên thường chọn trang phục kiểu đơn giản, màu sắc không rực rỡ, rất trang nhã.... đem lại cho họ phong cách đĩnh đạc, nghiêm túc, chỉnh chu, lịch sự.

- Mặc dù giữa nam giới và nữ giới có sự khác nhau về lựa chọn màu cho quần áo của họ nhưng khi được thăm dò về sở thích màu sắc thì không có sự khác biệt lớn giữa phái nam và phái nữ. Phải chăng vì thế mà khi đời sống văn hoá xã hội càng phát triển, ngày càng thấy trang phục nam giới có màu sắc hơn. Những chiếc sơ mi hoa của nam giới được dùng ngày càng nhiều. Những chất liệu mềm trước đây chỉ dành cho nữ giới thì nay đã xuất hiện cả trong trang phục nam giới.

k) Màu sắc trang phục với tâm lý người mặc

Màu sắc là biểu hiện phong phú và trực tiếp của tình cảm con người. Những màu đỏ, cam, vàng tạo cảm giác vui tươi, rực rỡ, phấn chấn tinh thần và còn gây ấn tượng về quyền uy...cho nên trang phục các triều đại từ xưa đến nay, cả châu Âu lẫn châu Á, cả phương Đông lẫn phương Tây, các màu đỏ, màu vàng thường được dùng để thiết kế những loại trang phục đặc biệt. Nhóm màu lạnh như xanh, xanh cây, tím cho cảm giác khoáng đạt, mát mẻ, nhẹ nhàng. Nhóm màu trung hoà cho cảm giác êm dịu. Nhóm màu tối sẫm cho cảm giác buồn, trang nghiêm. Màu lạnh, đục cho cảm giác tĩnh lặng, sâu lắng... Khi mặc những sắc màu tương phản thuộc nhóm nóng hoặc nhóm lạnh thì trạng thái tâm sinh lý của người mặc dường như cũng có phần thay đổi : hoặc vui vẻ, hoặc phấn chấn hoặc băng khuâng...

Do màu sắc có thể diễn tả nội dung, nói lên cá tính của mỗi người hoặc của một nhóm người, nhà thiết kế thời trang có thể tạo ra những bộ trang phục phù hợp với từng nhóm đối tượng sử dụng. Ví dụ, trang phục dành cho giáo viên màu sắc trang nhã. Trang phục học sinh sinh viên màu sắc tươi trẻ, sôi động...

BÀI TẬP THỰC HÀNH

Phương tiện, dụng cụ học tập

Các phương tiện học tập thường được sử dụng trong môn học gồm :

1. Giấy vẽ.
2. Bút chì đen các số HB, 2B, 4B, 6B.
3. Tẩy mềm.
4. Màu bột, màu nước hoặc các loại màu khác như sáp màu, chì màu...
5. Vải cây bút bằng lông hay cọ mềm to nhỏ khác nhau.
6. Bảng pha màu.
7. Cốc nước sạch để rửa bút.
8. Giẻ lau hoặc các loại giấy mềm lau bút.
9. Bút sắt (nếu có càng tốt).

Tính chất và cách sử dụng :

* Bột màu

Là loại chất liệu được điều chế từ khoáng thạch, từ quặng kim loại hoặc từ các hợp chất hoá học. Vẽ bột màu có nhiều thuận lợi vì có thể phủ lớp màu này lên lớp màu khác nhiều lần. Bột màu có sức bám tốt, đồng thời lại có thể rửa màu khi cần.

Bột màu cũng có những hạn chế của nó. Chẳng hạn khi màu khô có thể sẽ khác rất nhiều so với màu đang ướt, thường bị nhạt hơn. Nếu vẽ lượt màu mỏng thì kết quả màu sẽ bị nhạt hoặc không sâu. Nếu vẽ dày quá thì mảng màu có thể sẽ rạn nứt, để lâu có thể bị bong, tróc từng mảng màu.

Thị trường Việt Nam hiện nay phổ biến các loại màu bột khô. Khi vẽ cần dùng bút hoà trộn bột khô với một chút keo (keo rabic hoặc keo da trâu) cùng với nước. Lượng keo với lượng nước phải hài hoà. Nhiều keo quá trên hình sẽ nổi bọt. Nhiều nước quá hình sẽ trơn vì màu ít sức bám. Cần pha các màu thật nhuyễn trước khi dùng.

Nếu dùng bột màu nên chuẩn bị hộp đựng màu nhiều ngăn (từ 12 đến 15 ngăn). Khi xếp màu vào trong hộp, nên theo một trật tự nhất định để dễ sử dụng.

** Màu nước*

Màu nước là phương tiện vẽ màu đơn giản nhất, dễ sử dụng. Chỉ cần từ 5 đến 12 màu cơ bản là có thể pha trộn ra các màu có trong tự nhiên.

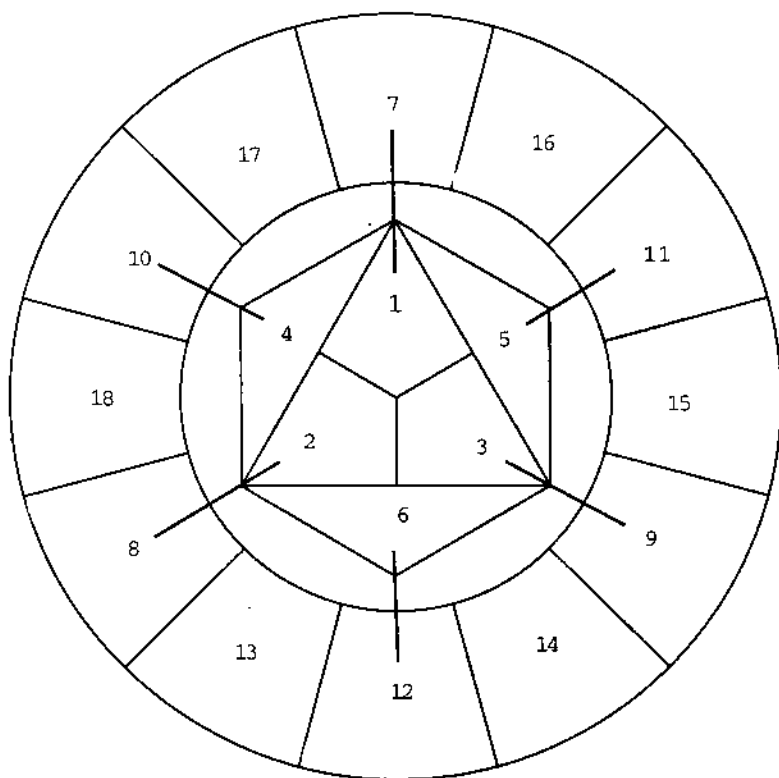
Màu nước thường được giữ trong tuýp hoặc lọ, rất tiện lợi cho sử dụng nhất là khi đi vẽ ngoài trời hoặc cần di chuyển đi các nơi.

** Bảng pha màu*

Để pha màu cần có bảng pha màu. Bảng pha màu có bề mặt phẳng, nhẵn, không thấm nước như kính, mica, tấm kim loại... Bảng pha màu nên có màu trắng hoặc sáng, giúp cho việc pha trộn, tìm kiếm các sắc màu được dễ dàng.

Bài tập 1 : Nhận biết các màu trên vòng màu cơ bản

Từ nguyên liệu màu cho trước (bột màu hoặc màu nước) với 3 màu cơ bản là đỏ, vàng, lam. Hãy pha màu và tô các màu nguyên chất và các màu dẫn suất pha được từ 3 màu cơ bản vào hình vẽ để miêu tả các sắc màu cơ bản của vòng tròn màu (h.5.10a).



Hình 5.10a. Sơ đồ vẽ vòng màu cơ bản

Cách làm :

Bước 1 : Hoà nhuyễn nguyên liệu màu với một chút nước (nếu là màu nước) hoặc với nước và một chút keo để màu bám giấy (nếu là màu bột). Thử màu đến mức độ đậm nhạt như ý rồi tô vào các ô của của hình tam giác trong cùng.

Ô1 và Ô7 : Vàng Ô 2 và Ô8 : Lam Ô3 và Ô9 : Đỏ

Bước 2 : Hoà trộn 2 màu gốc với nhau theo từng cặp với tỉ lệ 1 : 1 rồi tô màu pha được vào các ô sau :

Ô4 và Ô10 : Lục Ô5 và Ô11 : Cam Ô6 và Ô12 : Tím

Bước 3 : Hoà trộn các màu cam, lục, tím với các màu đỏ, vàng, lam từng đôi một theo tỷ lệ 1 : 1 rồi tô vào các vị trí :

Ô13 : Chàm (= lam + tím) Ô14 : Tía (= tím + đỏ)

Ô15 : Đỏ son môi (= đỏ + cam) Ô16 : Vàng cam (= cam + vàng)

Ô17 : Xanh lá non (= vàng + xanh lá cây) Ô18 : Xanh dương (= lam + xanh cây)

Yêu cầu : Mỗi vị trí trong vòng tròn màu phải thể hiện được một sắc riêng. Các ô màu đứng cạnh nhau không được giống nhau. Sự khác biệt nhau về sắc màu càng rõ càng tốt. Chuyển sắc màu từ ô này sang ô kia của vòng màu phải tương đối đều nhau.

Để kiểm tra bạn có thể so sánh bài tập của bạn với vòng màu cơ bản ở hình (5.10b - phần phụ lục hoặc hình 5.3 - phần phụ lục)

Bài tập 2 : Rèn luyện kỹ năng pha màu

Từ 2 màu cạnh nhau trên vòng màu cơ bản 6 màu (ví dụ vàng và lục), hãy pha màu và thể hiện thang màu chuyển sắc gồm 9 cấp độ màu trong hình 5.12.

Mục đích : nhằm giúp học sinh nhận biết màu và sự chuyển sắc điệu màu.

Cách làm : Từ màu nước hoặc màu bột hãy pha và vẽ thang màu 9 ô như hình 5.11a - phần phụ lục. Ví dụ :

Ô 1 : Lục (L)

Ô 2 : 7L + 1V (7 lượng màu lục hoà với 1 lượng màu vàng để được một màu lục có ánh vàng).

Ô 3 : 6L + 2V (6 lượng màu lục hoà với 2 lượng màu vàng để được một màu xanh có ánh vàng rõ hơn).

Ô 4 : 5L + 3V (5 lượng màu lục hoà với 3 lượng màu vàng để được một màu xanh lá mạ).

Ô 5 : 4L + 4V (1 lượng màu lục hoà với 1 lượng màu vàng theo tỷ lệ 1 : 1 sẽ cho ta màu xanh lá non).

Ô 6 : 3L + 5V (3 lượng màu lục hoà với 5 lượng màu vàng sẽ cho ta màu xanh chồi non).

Ô 7 : 2L + 6V (2 lượng màu lục hoà với 6 lượng màu vàng sẽ cho ta màu vàng ánh lục).

Ô 8 : 1L + 7V (1 lượng màu lục hoà với 7 lượng màu vàng sẽ cho ta màu vàng chanh).

Ô 9 : Vàng (V).

Yêu cầu : Mỗi ô màu trên thang sắc điệu thể hiện một sắc màu riêng không nhòe (giống hoặc trùng) với ô màu bên cạnh hoặc ô màu khác.

Làm tương tự với các màu khác thể hiện trên 2 thang màu khác (h.5.11b, h.5.11c - phần phụ lục), sau đây là những gợi ý :

Thang 1 : Lục và vàng (nghiên cứu biến điệu sắc màu của 2 màu cơ bản)

1	2	3	4	5	6	7	8	9

Thang 2 : Đen và trắng (nghiên cứu biến điệu sắc màu của 2 màu vô sắc)

1	2	3	4	5	6	7	8	9

Thang 3 : Đen và đỏ (nghiên cứu ảnh hưởng của màu đen với màu hữu sắc)

1	2	3	4	5	6	7	8	9

Thang 4 : Trắng và lam (nghiên cứu ảnh hưởng của màu trắng với màu hữu sắc)

1	2	3	4	5	6	7	8	9

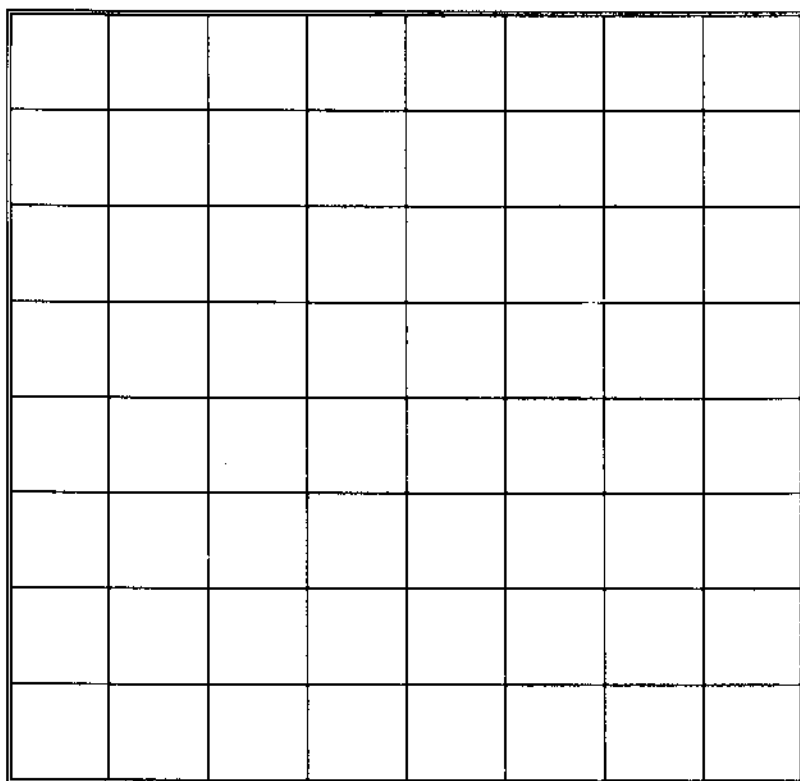
Hình 5.12. Thực hành các thang chuyển sắc điệu màu

Chú ý : Trong các bài thực hành màu, dễ nhận thấy việc trộn hai màu rực rỡ đứng cạnh nhau trên vòng tròn màu bao giờ cũng cho một số màu có sắc tươi rực rỡ. Thế nhưng, nếu ta chọn hai màu càng xa nhau trên vòng màu cơ bản thì hỗn hợp màu của chúng càng mang sắc trung tính, đục, hoặc xám. Khi pha trộn hai màu đối lập với nhau thường cho một hỗn hợp màu bất định (màu và sắc của nó rất khó xác định). Kết quả cũng như vậy nếu như ta thực hiện pha tất cả các màu trên vòng tròn màu với nhau, bởi vì các màu trái ngược nhau có chứa tất cả các sắc, và trong đó đương nhiên có những sắc màu triệt tiêu, làm "xỉn" sắc tố của nhau.

Bài tập 3 : Rèn luyện kỹ năng hoà sắc

Cho trước một hình vuông chia thành 8 hàng và 8 cột (h.5.13). Hãy chọn màu và tô vào 64 ô vuông nhỏ theo cách mà bạn thích để đạt được một trong các hiệu quả hoà sắc sau đây :

- Hiệu quả rực (hình 5.14 - phần phụ lục).
- Hiệu quả trầm (hình 5.15 - phần phụ lục).
- Hiệu quả nhã (hình 5.16 - phần phụ lục).



Hình 5.13. Bài tập hoà sắc

Bài tập 4 : Vòng màu thời trang

Từ nguyên liệu là các chất màu thường dùng, hãy pha màu để mô tả vòng màu thời trang (vòng 16 màu) theo hướng dẫn ở hình 5.17a. Chú ý :

Ô1 và Ô2 : Màu vàng

Ô3 và Ô4 : Màu đỏ

Ô5 và Ô6 : Màu lam

Ô7 và Ô8 : Màu cam

Ô9 và Ô10 : Màu tím

Ô11 : Màu vàng cam

Ô12 : Màu đỏ ánh vàng

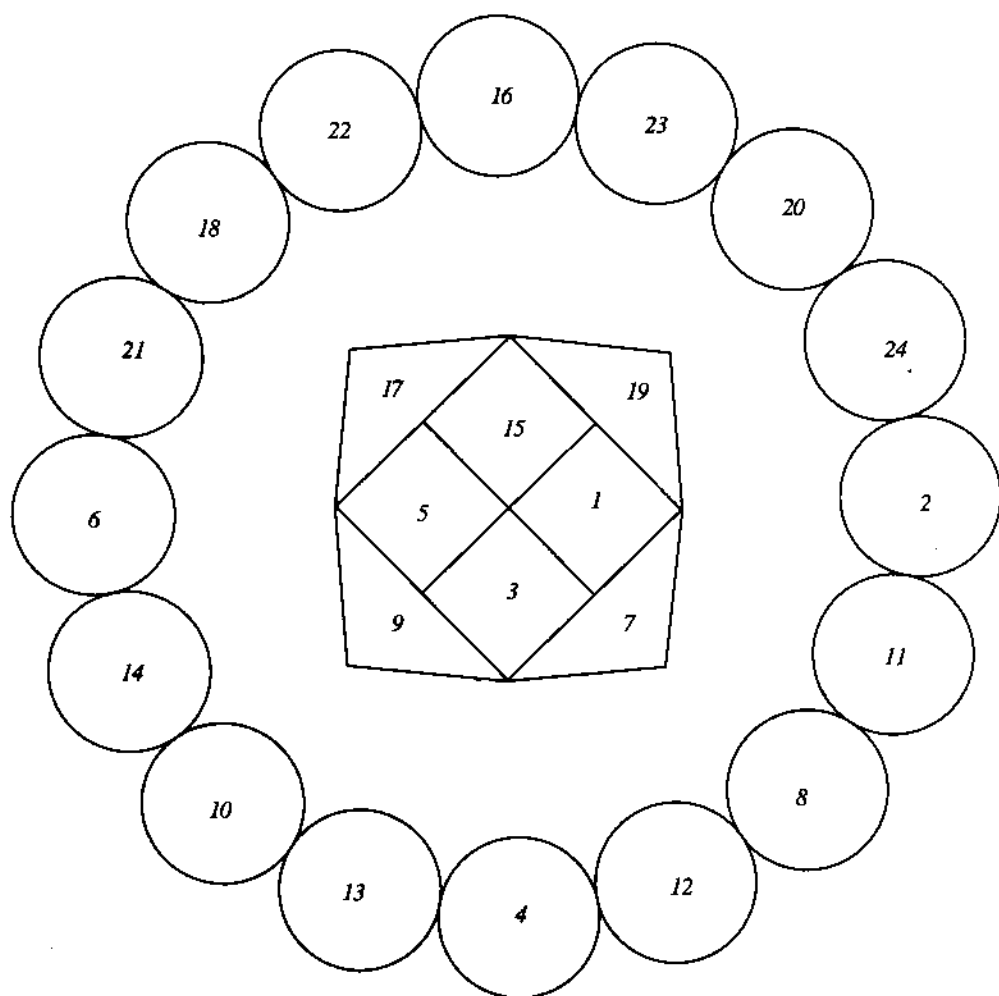
Ô13 : Màu đỏ ánh tím

Ô14 : Màu tía

Ô15 và Ô16 : Màu lục (xanh cây)

Ô17 và Ô18 : Màu xanh dương

Ô19 và Ô20 : Màu vàng xanh của chồi non



Hình 5.17a

Ô21 : Màu chàm

Ô22 : Màu xanh lá già

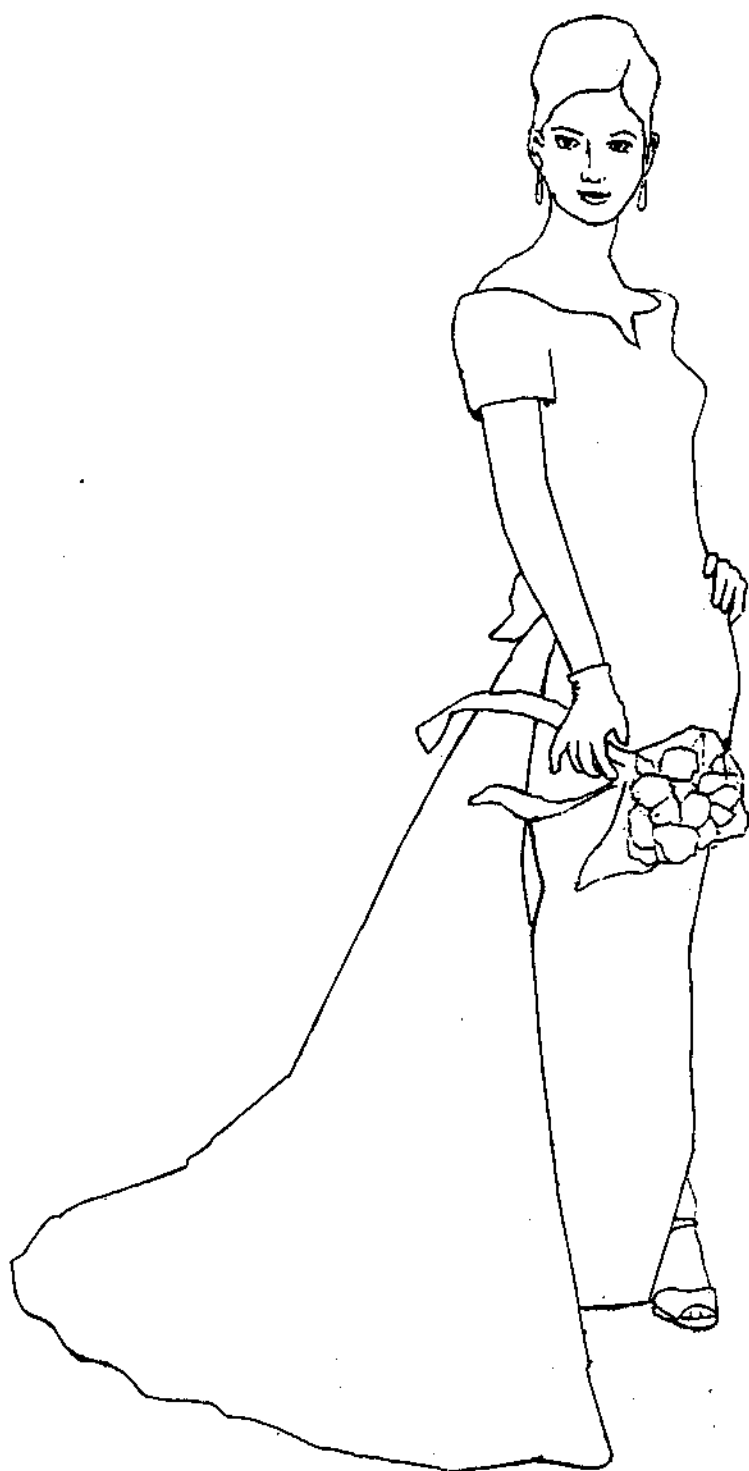
Ô23 : Màu xanh lá non

Ô24 : Màu vàng chanh

Sau khi hoàn tất công việc bạn sẽ có vòng màu thời trang (h.5.17b - phần phụ lục)

Bài tập 5 : Hoà sắc trên trang phục của người mẫu cho trước

Trên trang phục cho trước của người mẫu (h.5.18), bạn hãy vận dụng một trong các nguyên tắc phối màu của thời trang để pha màu, chọn màu thể hiện lên trang phục của người mẫu trong hình trên sao cho đạt hiệu quả thẩm mỹ (mỹ cảm) theo cách mà bạn mong muốn.



Hình 5.18

Chương VI

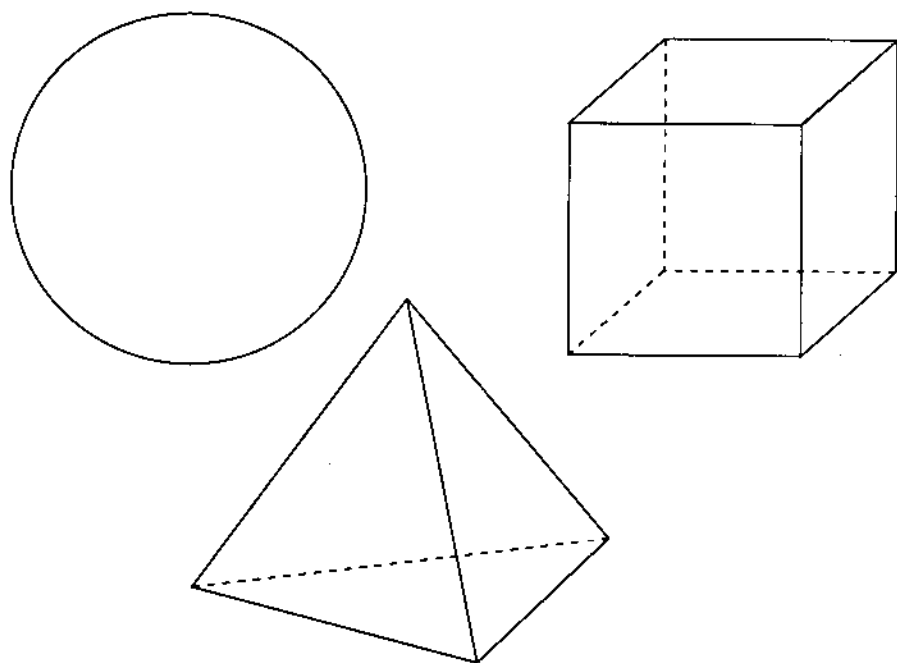
HÌNH DÁNG, HOẠ TIẾT, CHẤT LIỆU

I - HÌNH DÁNG QUẦN ÁO (FASHION SHAPE)

1. Hình khối của trang phục

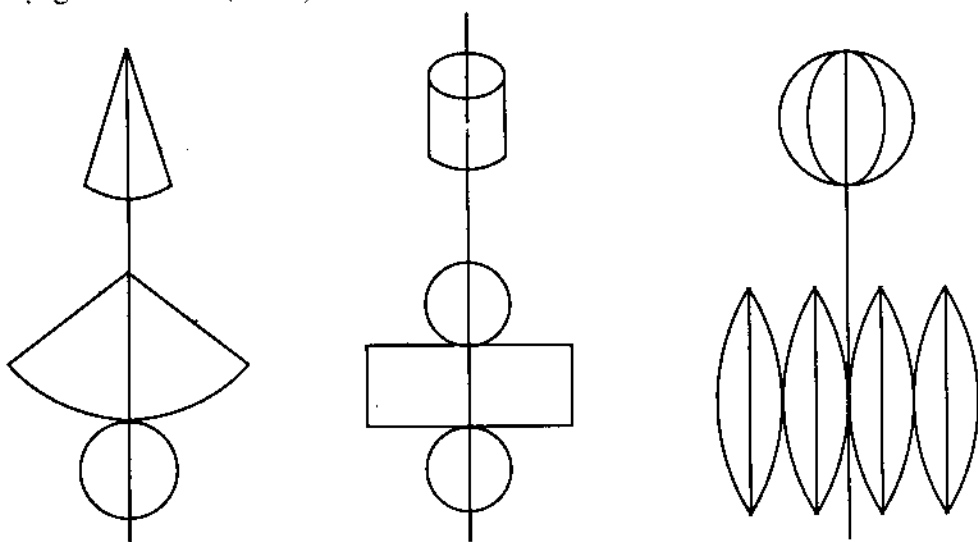
Thiết kế một mẫu trang phục, việc đầu tiên phải làm là xác định kiểu hình của mẫu sáng tác bao hàm hình dáng nào, khối to hay nhỏ, bao nhiêu hình khối kết hợp với nhau trên mỗi bộ trang phục.

Hình khối là sự chiếm chỗ trong không gian của một vật thể nào đó. Trong tự nhiên có 3 khối chính là khối cầu, khối lập phương và khối kim tự tháp. Khối cầu hoàn chỉnh có tiết diện tròn, cho cảm giác viên mãn no đủ. Do vậy khối cầu cũng độc lập nhất và khó xếp đặt. Nhưng nếu biết dùng, nó lại rất có hiệu quả. Khối vuông thể hiện sự vững vàng, ổn định, bền chắc. Khối kim tự tháp như vươn lên, hướng tới, phát triển (h.6.1). Trải



Hình 6.1. Các hình khối thường gặp trong tự nhiên

các hình không gian đó trên mặt phẳng ta được các mảnh kết cấu có hình dạng khác nhau (h.6.2).



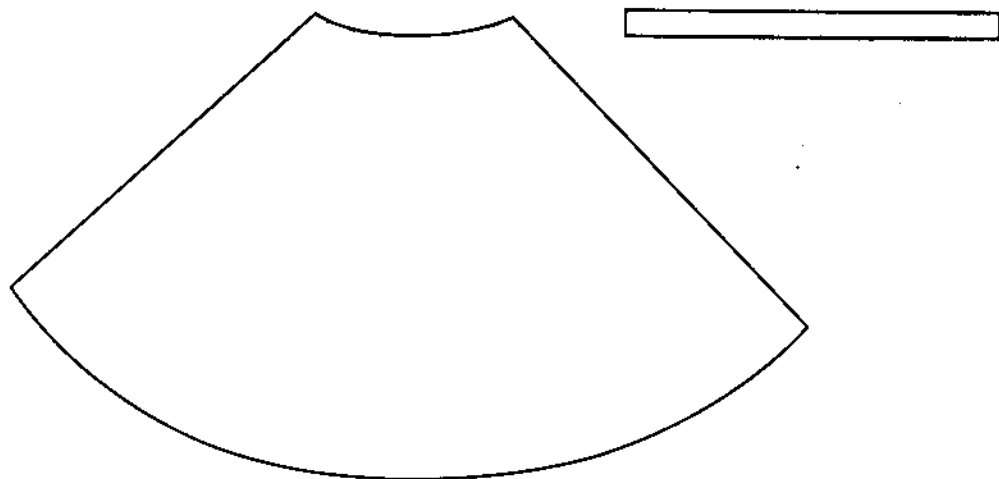
Hình 6.2. Kết cấu mở của một số hình khối cơ bản

Áp dụng vào trang phục ta thấy, vì trang phục khi khoác lên người mặc phải có hình khối trùng với hình khối của cơ thể nên trong mỗi bộ trang phục là sự kết hợp của nhiều hình khối khác nhau. Giả sử người mẫu mặc một kiểu trang phục đơn giản nhất : chiếc váy xoè. Tháo rời các đường can chắp, trải chiếc váy trên mặt phẳng chúng ta thấy nó được tạo thành từ 2 chi tiết : hình cánh quạt lớn và hình chữ nhật mảnh và dài. Đường cong lớn là gấu váy. Đường cong nhỏ là đường ngang eo. Hình chữ nhật dài làm cặp váy (h.6.3). Phân tích kết cấu của một chiếc áo hay một chiếc quần bất kỳ ta được vô số mảnh với những kiểu hình khác nhau. Khi ráp nối các mảnh chi tiết lại với nhau sẽ thu được những hình khối. Số lượng các mảnh chi tiết và kiểu hình của chúng phụ thuộc vào :

- Cấu trúc cơ thể người
- Mục đích sử dụng bộ trang phục
- Ý đồ thiết kế
- Kỹ thuật cắt may
- Công nghệ gia công sản phẩm

Cho dù từ rất nhiều các chi tiết khác nhau nhưng khi ghép lại với nhau chúng tạo thành hình khối tương tự như hình khối cơ thể người.

Những hình khối thường gặp trong trang phục là hình nón, hình nón cụt, hình trụ, hình tang trống... Trang phục được tạo ra để đắp lên cơ thể, do đó chúng phải có những hình khối tương tự như hình khối cơ thể người. Tuy nhiên để tạo hiệu quả thẩm mỹ cho bộ trang phục, giúp cho dáng hình người mặc hoàn thiện hơn, các nhà thiết kế thường tạo dáng lại hình khối làm cho nó cứng cáp hơn (bộ com lê), làm cho nó mềm mại hơn (áo váy nữ) hoặc biến tấu hình khối để tạo những bộ trang phục ấn tượng.



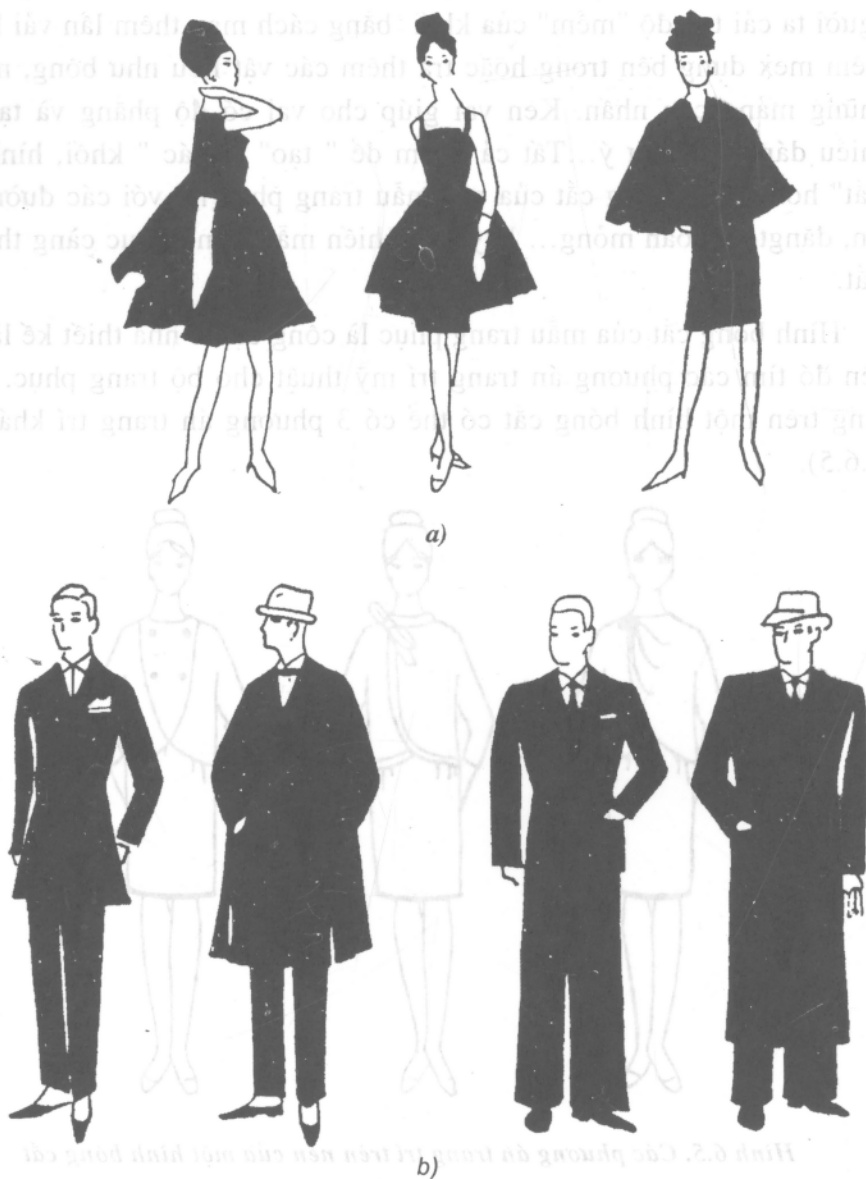
Hình 6.3. Kết cấu mở của váy xòe

2. Hình bóng cắt (silhouette)

Hình khối lớn cho thể tích hình lớn và ngược lại hình khối nhỏ thì thể tích không gian mà hình chiếm chỗ nhỏ. Thể tích khối lớn nhỏ khác nhau cho ta những cảm xúc thẩm mỹ khác nhau. Khi ngắm nhìn, quan sát một hình khối bất kỳ mọi người thường có thói quen nhìn từ ngoài vào trong, từ đường viền chu vi vào trọng tâm của hình. Nhờ đường viền của chu vi và tác động của ánh sáng lên đối tượng quan sát, tạo nên chỗ đậm, chỗ nhạt, mảng sáng, mảng tối, người quan sát dễ dàng nhận biết được khối của hình và thể tích không gian mà đối tượng chiếm chỗ.

Đường viền chu vi của khối, nếu chiếu lên mặt phẳng đối diện với ta và vuông góc với mặt đất, sẽ trùng khít với hình bóng cắt của bộ quần áo. Nói cách khác, bóng cắt là hình chiếu của hình khối quần áo lên mặt

phẳng đứng đối diện. Tất cả những gì chúng ta mặc lên người, kể cả đồ khoác ngoài, đồ trang trí và trang sức, dù lớn hay nhỏ đều được chiếu lên không gian, hoà chung với bộ quần áo trên hình silhouette (bóng cắt).

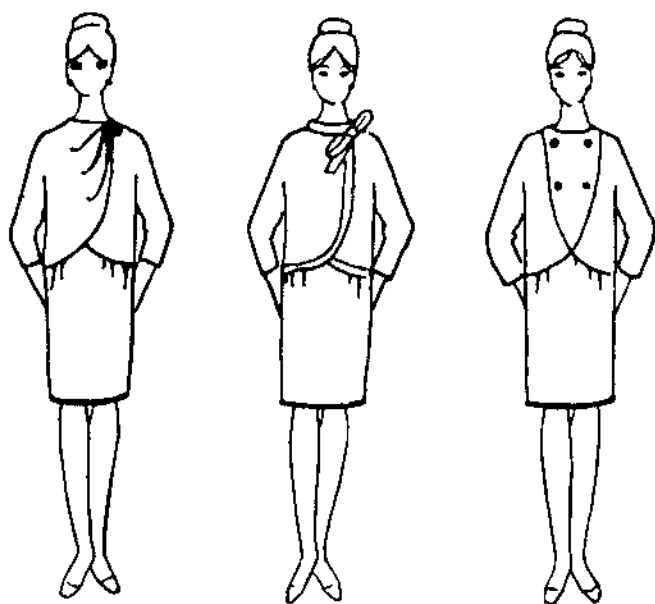


Hình 6.4. Hình bóng cắt của các mẫu trang phục

Người ta có thể nhận biết biến dạng của các khối hình cùng thể tích quần áo thông qua hình bóng cắt của nó (h.6.4a và h.6.4b). Khi người

mặc di chuyển, khối hình của quần áo chuyển động theo, do đó hình bóng cắt luôn thay đổi. Chính những biến hình của bóng cắt luôn luôn di động khiến bộ trang phục bắt mắt. Để tăng thêm sự ổn định khối của một bộ trang phục, làm tăng thêm vẻ đẹp và tăng thêm độ bền lâu trong sử dụng người ta cải tạo độ "mềm" của khối bằng cách may thêm lần vải lót, dán thêm mex dựng bên trong hoặc tra thêm các vật liệu như bông, mút vào những mảng cần nhấn. Ken vai giúp cho vai có độ phẳng và tạo được nhiều dáng vai như ý... Tất cả nhằm để "tạo" ra các "khối, hình" "bắt mắt" hơn. Hình bóng cắt của các mẫu trang phục nữ với các đường viền ren, đăngten, voan mỏng... bay bay khiến mẫu trang phục càng thêm bắt mắt.

Hình bóng cắt của mẫu trang phục là công cụ để nhà thiết kế làm nền trên đó tìm các phương án trang trí mỹ thuật cho bộ trang phục. Ví dụ, cùng trên một hình bóng cắt có thể có 3 phương án trang trí khác nhau (h.6.5).



Hình 6.5. Các phương án trang trí trên nền của một hình bóng cắt

3. Kiểu hình cơ bản của quần áo

Hình bóng cắt của bộ trang phục dù phức tạp đến đâu, nếu lược bỏ những chi tiết với những đường cong uốn lượn phức tạp, nhất là khi ta bỏ

qua các chi tiết cụ thể, sẽ lưu lại trong não bộ đường viền chu vi với hình dáng căn bản của bộ trang phục (h.6.6).



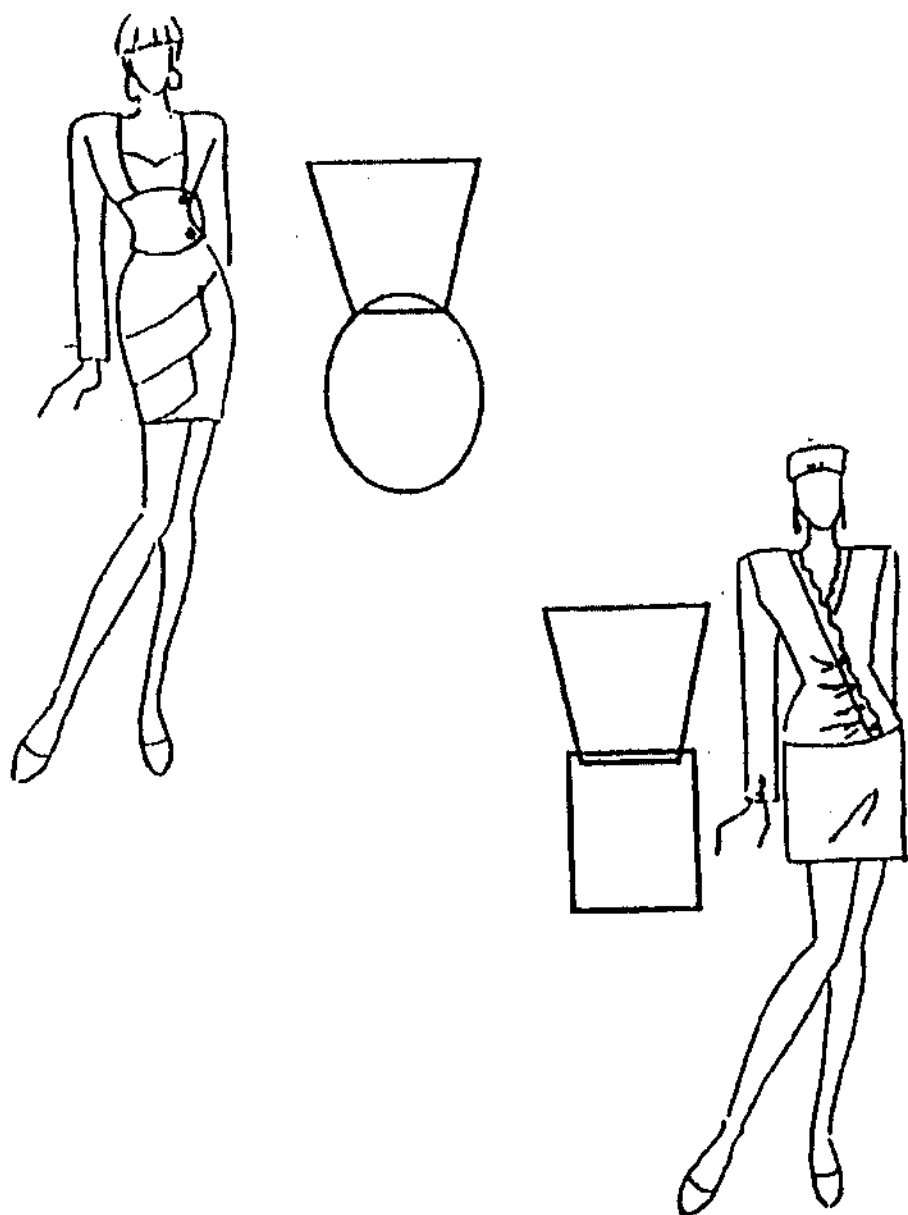
a)



b)

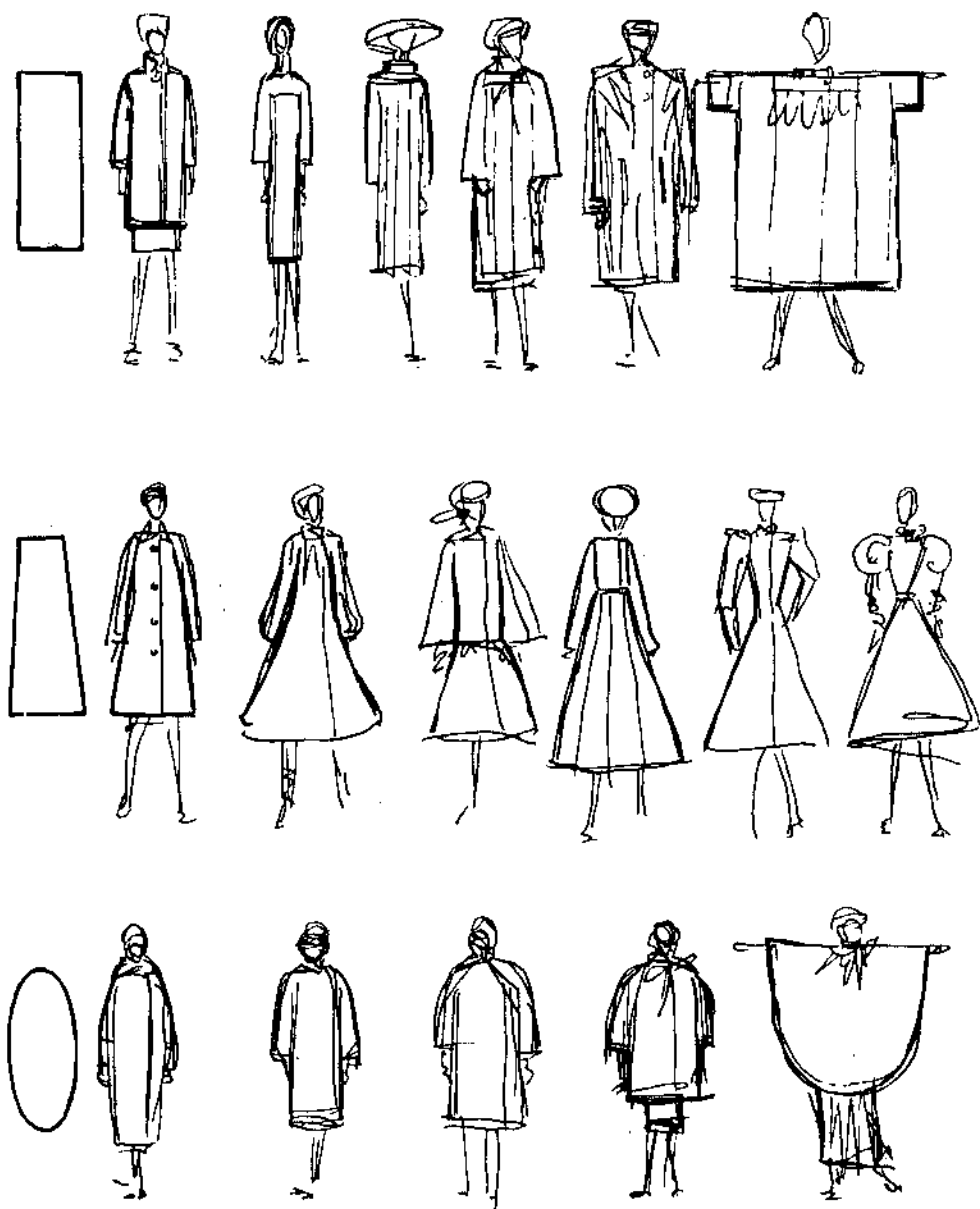
Hình 6.6

Phân tích hình dáng của các mẫu trang phục ta thấy mọi kiểu quần áo là sự kết hợp của các kiểu hình với nhau (h.6.7). Và cho dù bộ trang phục



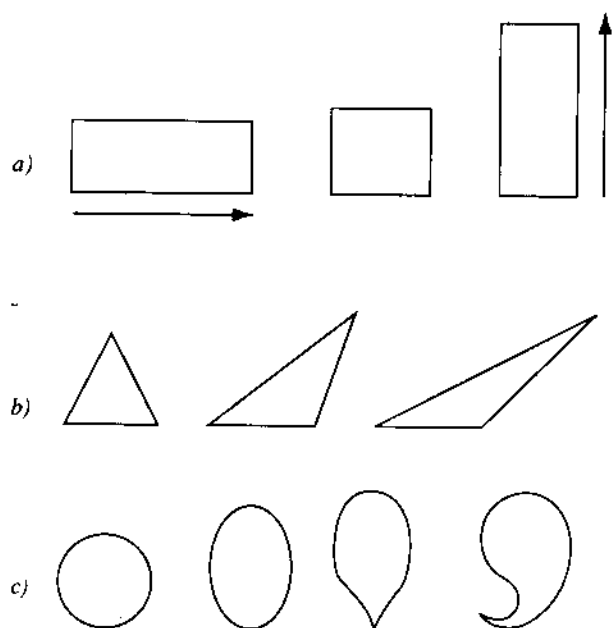
Hình 6.7. Sự kết hợp các kiểu hình của mẫu trang phục

là sự kết hợp của nhiều kiểu hình, nhìn một cách tổng thể, có thể quy về một kiểu hình chính (h.6.8).

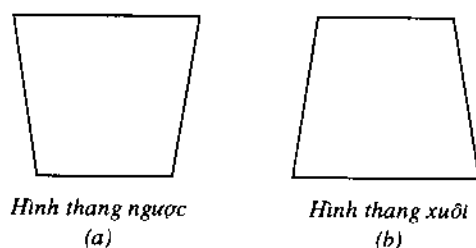


Hình 6.8. Các kiểu hình thời trang

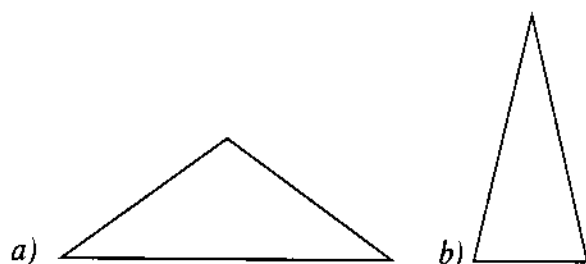
Mỗi dạng hình học có tác động tâm lý khác nhau. Hình vuông cho cảm giác cứng. Các hình cân đối tạo cảm giác bền vững (h.6.9a). Các hình lệch tạo cảm giác không bền vững (h.6.9b). Hình tròn, ôvan cho cảm xoay tròn (h.6.9c). Cũng trên hình 6.9, cảm giác động sẽ tăng dần theo chiều mũi tên từ trái qua phải và từ dưới lên trên. So sánh hai hình thang trên hình 6.10, hình thang ngược gây cảm giác như bị nén xuống (h.6.10a), hình thang thuận cho cảm giác vươn lên cao (h.6.10b). Hai tam giác cân trong hình 6.11 với các độ cao khác nhau đem lại những mỹ cảm khác nhau. Hình tam giác cân thấp hơn (h.6.11a) tuy cũng cho cảm giác vươn lên nhưng không mạnh mẽ như hình tam giác cân cao hơn bên cạnh, cho cảm xúc thanh cao (h.6.11b). Hình tam giác là hình khối năng động và thể hiện tính định hướng mạnh mẽ. Góc càng nhọn định hướng càng rõ ràng, xâm phá không gian xung quanh, cho cảm



Hình 6.9



Hình 6.10



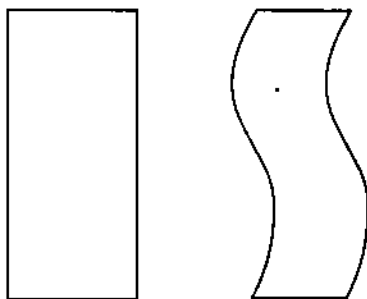
Hình 6.11

giác mạnh mẽ và năng động hữu hiệu. Tuy nhiên nếu lạm dụng hình khối này nhiều quá sẽ gây phiền toái cho mắt nhìn và làm mệt thị giác.

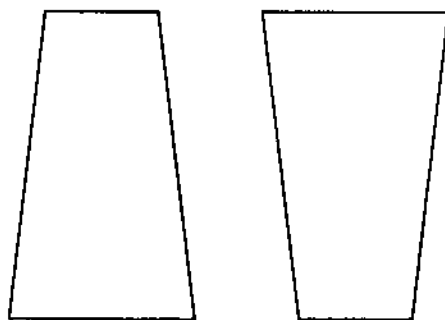
Ngắm nhìn các mẫu thời trang, các dạng hình học ta thường gặp trong các bộ trang phục là hình chữ nhật, hình thang ngược, hình thang xuôi và hình tang trống cùng những biến tấu của chúng (h.6.12).

Ví dụ :

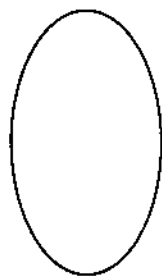
1. Hình chữ nhật và biến tấu của hình chữ nhật



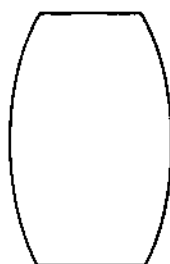
2. Hình thang và biến tấu của hình thang



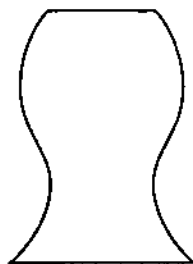
3. Hình ô van và biến tấu của hình ô van



Ô van



Hình tang trống



Hình chuông

Hình 6.12. Các kiểu hình thường gặp trong thời trang

Ví dụ : Váy xoè cho cảm nhận về hình tam giác cân. Váy chữ A cho cảm nhận hình thang xuôi. Juýp bó từ chất liệu thun co dãn cho cảm nhận hình thang trống. Váy dạ hội của nữ thường có dạng hình thang, phần trên ôm sát người, phần dưới xoè rộng chính là hình thang ngược của phần trên, kết hợp với hình thang xuôi của phần dưới. Bộ comlê nam thường có dạng hình chữ nhật cho cảm giác bền vững.

Hình dáng của bộ trang phục là hình ảnh đập vào mắt người quan sát ngay khi còn ở khoảng cách xa. Nhờ các hình và hướng vận động của các hình, nhà thiết kế có thể tạo ra những mẫu trang phục với các hiệu quả thẩm mỹ mong muốn.

II - THIẾT KẾ TRANG TRÍ QUẦN ÁO

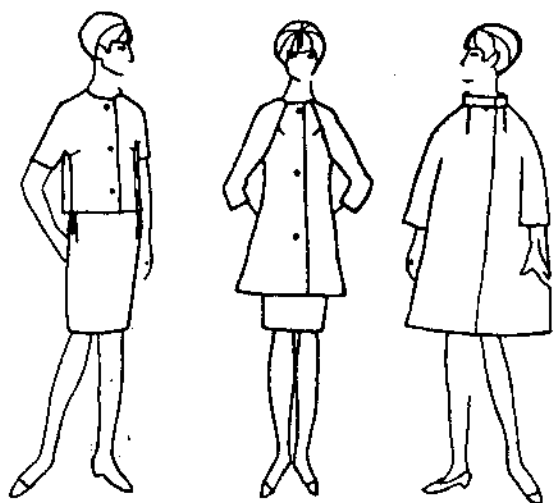
Đường nét vẽ là yếu tố căn bản được dùng nhiều nhất trong thiết kế thời trang. Đường nét vẽ tạo ra sự khác biệt của các mẫu thiết kế. Trên nền những hình cơ bản ta đưa thêm những đường nét, điểm và những hoạ tiết trang trí trên cổ áo, trên tay áo, nắp túi, khuy, khuyết, trên ngực áo... để tạo ra những mẫu trang phục khác nhau. Đó chính là công việc thiết kế trang trí quần áo. Để trang trí ta thường sử dụng các phương tiện tạo hình sau :

1. Đường

Trên quần áo thường thấy hai loại đường chính :

* *Đường kết cấu*, là những đường buộc phải có trong công nghệ may, đó là những đường lắp ráp (tay, thân, cổ...) bằng các đường may can, may ráp, may điều... (h.6.13).

- *Đường trang trí*, là những đường không nhất thiết phải có nhưng người tạo mẫu đưa thêm vào để làm tăng vẻ đẹp của bộ trang phục. Hình 6.14a cho thấy chiếc váy cưới



Hình 6.13. Các đường kết cấu trên sản phẩm may

được trang trí thêm một tầng như cánh hoa quăn ở phần bó dùi. Bộ trang phục ở hình 6.14b được trang trí bằng các đường may thêm vào thân, tay áo và juýp.



Hình 6.14. Các đường trang trí trên mẫu trang phục

2. Nét

Nét trên các mẫu trang phục thường được thể hiện bằng các chiết, ly, gấp nếp và các nét vẽ thêm để trang trí.

* Cách thể hiện đường nét

Trên các mẫu thời trang, đường nét được thể hiện bằng các đường may, đường viền hoặc các đường may điều, chân chỉ. Cũng có thể vẽ lên vải hoặc thêu chỉ, đính dây... để tạo đường nét.

* Giá trị biểu cảm của đường nét

Trong các yếu tố tạo hình, đường nét có giá trị biểu cảm rất lớn :

* Đường thẳng đứng (h.6.15a) :

- Cho khái niệm về chiều cao.
- Chỉ sự tôn nghiêm, trang trọng, nghiêm túc.

Ví dụ : Các hàng cột ở đình, chùa, cột cờ, hàng quân trong tư thế nghiêm trang chào cờ...

* *Đường nằm ngang* (h.6.15b) :

- Cho khái niệm về độ dài , rộng.
- Chỉ sự tĩnh lặng, nghỉ ngơi, sự chết.

Ví dụ : Mặt nước hồ phẳng lặng, tư thế nằm nghỉ của người hay vật...

* *Đường gấp khúc* (h.6.15c) :

- Cho khái niệm về sự chuyển động.
- Chỉ sự hoạt động liên tục, náo nhiệt, sự sống.

Ví dụ : Sóng biển, tư thế tay chân lúc đi, lúc chạy.

* *Đường cong* (h.6.15d) :

- Cho khái niệm về sự co thắt, dẫn nở.
- Thể hiện sự chở che, bao bọc, ôm ấp, an toàn.

a) *Đường thẳng đứng* :



b) *Đường thẳng ngang* :



c) *Đường gấp khúc* :



d) *Đường cong* :



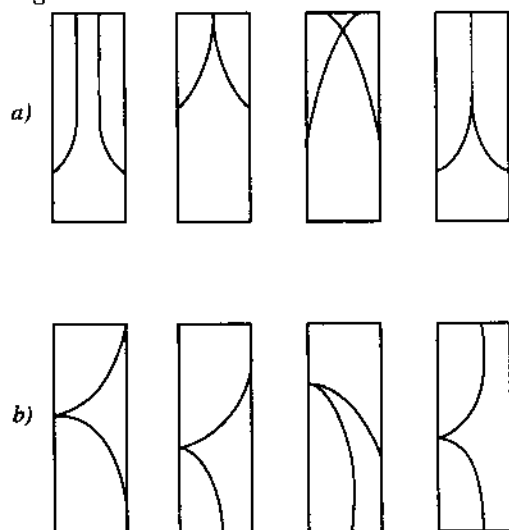
Hình 6.15. Các loại đường nét cơ bản

Ví dụ : Các hợp chất dẫn nổ khi nhiệt độ cao, tư thế giang vòng tay, đôi cánh bảo vệ.

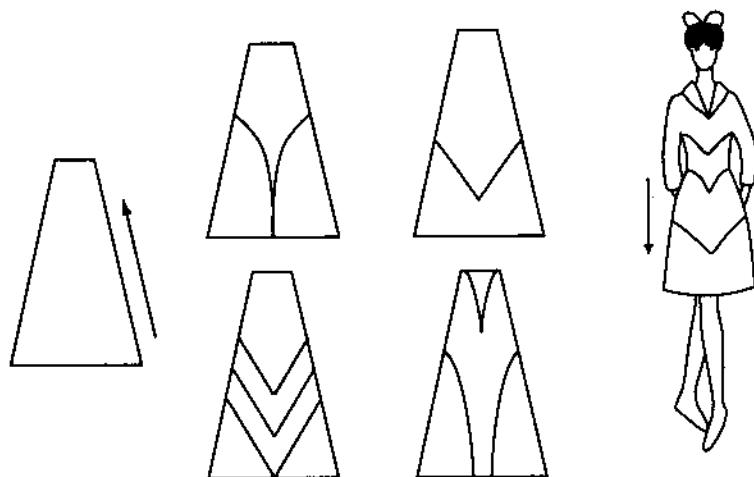
* Áp dụng vào lĩnh vực thời trang :

Đường thẳng đứng làm cho quần áo có vẻ dài hơn. Đường ngang làm cho quần áo dường như có vẻ rộng hơn. Các nét thẳng, đường thẳng cho cảm giác cứng. Các nét cong, đường cong cho cảm giác mềm. Những nét dày thể hiện độ cứng. Nét vẽ mỏng thể hiện sự nhẹ nhàng. Những đường nét có chiều đi lên tạo cảm giác hưng phấn. Những đường nét đi xuống tạo cảm giác trầm lắng. Đường gãy khúc gợi cảm xúc suy tư. Đường ziczac cho cảm giác ngoằn ngoèo.

Trên một hình nhất định, chỉ cần thêm các đường nét một cách có dụng ý, giá trị biểu cảm của hình sẽ khác đi. Các hình chữ nhật trên hình 6.16a nhờ các đường nét vẽ có xu hướng vận động lên trên, cho cảm xúc đi lên. Các hình chữ nhật trên hình 6.16b cho cảm giác vận động sang ngang. Tuy hình thang có hướng vận động đi lên, nhưng nhờ các đường gãy khúc tạo hướng vận động đi xuống (h.6.17) bộ trang phục vẫn cho cảm xúc trầm lắng.



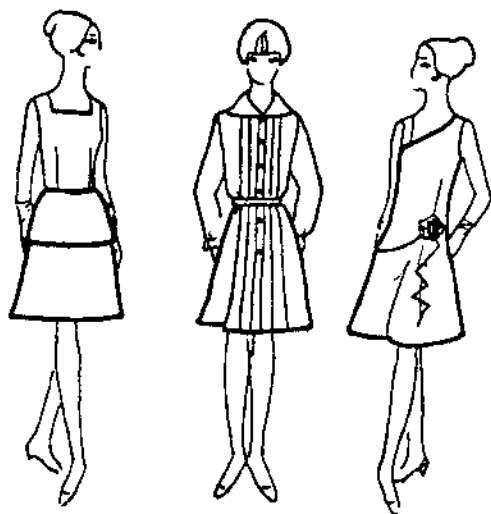
Hình 6.16. Thay đổi hướng vận động của các hình chữ nhật bằng các đường trang trí



Hình 6.17. Thay đổi hướng vận động của hình thang theo chiều ngược lại nhờ các đường trang trí

Trong mỹ thuật trang phục người ta hay dùng các đường nằm ngang, thẳng đứng và đường chéo cho các đường kết cấu và trang trí (h.6.18).

Người ta cũng hay dùng dăng ten, cúc và các chi tiết túi, cổ để trang trí. Sự thay đổi mật độ các đường nét, hoạ tiết trang trí cũng gây cảm xúc khác nhau. Ta có thể biến đổi các loại đường cơ bản trên thành các loại đường như đường gẫy, đường lượn, đường thước thợ, đường làn sóng... làm phong phú thêm các hình thức trang trí trong lĩnh vực thời trang.



Hình 6.18. Những đường nét thường được sử dụng trong tạo mẫu thời trang

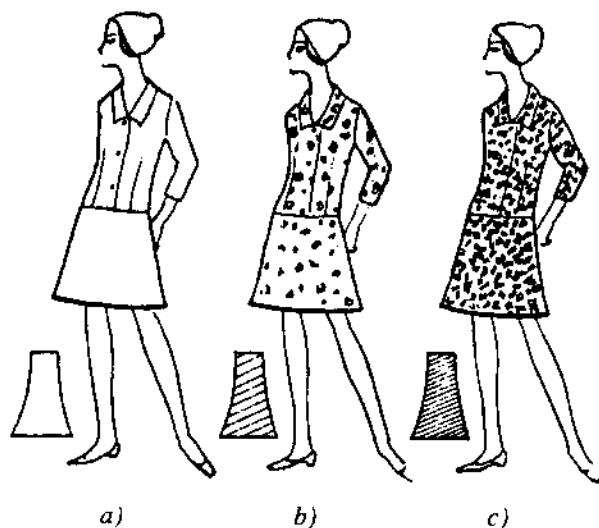
3. Điểm

Trên trang phục thường được thể hiện bởi các cúc áo, các bông hoa trang trí xinh xắn...

4. Hoạ tiết trang trí

Dăng ten, nơ, các chi tiết túi và cổ dùng để trang trí. Những hình kỷ hà, hình cách điệu từ vô vàn những vật thể trong tự nhiên... là những hoạ tiết trang trí thường gặp trên trang phục.

Sự thay đổi mật độ các đường nét, hoạ tiết trang trí cũng gây cảm xúc khác nhau. Áo váy hình 6.19a



Hình 6.19. Cảm xúc tạo bởi mật độ của các hoạ tiết trang trí

cho cảm giác nhẹ, làm hình có vẻ lớn hơn. Cũng bộ áo váy đó, nhưng trang trí dày đặc như trên hình 6.19c cho cảm giác nặng, làm hình có vẻ thu nhỏ lại.

Để tăng thêm vẻ đẹp của bộ trang phục và độ bền lâu trong sử dụng, ngoài vải là nguyên liệu chính tạo nên sản phẩm thì phụ liệu cũng góp phần đáng kể cho việc tạo dáng, đồng thời trang trí cho sản phẩm. Ví dụ mex giúp cho việc định hình vải, may các đường trang trí được chuẩn xác, sắc nét. Nút, cúc, khoá, ngoài nhiệm vụ chính là phục vụ trong khi sử dụng, chúng còn giúp cho việc trang trí sản phẩm thêm phong phú.

5. Khoảng cách, khoảng trống

Khoảng cách tạo thành nền, trên đó người thiết kế sắp đặt những chi tiết trang trí. Mặt khác khoảng cách cần thiết cho người quan sát được nghỉ ngơi thị giác khi di chuyển từ vị trí ngắm nhìn này sang vị trí ngắm nhìn khác của mẫu thiết kế. Khoảng cách còn là nền để làm nổi bật lên những chi tiết, họa tiết. Ví dụ, sự trong suốt của voan là khoảng cách cần để ren nổi bật. Màu da người là nền để các đường viền cổ, đường nét của eo áo nổi bật...

Tương tự như khoảng cách, khoảng trống (diện tích trống) phải được bố trí sao cho nó trở thành thiết yếu, tham gia vào bố cục như là tạo chỗ nghỉ cho thị giác. Khoảng trống không được tận dụng quá khiến mắt nhìn mệt mỏi hoặc bỏ mặc thành "lỗ hổng thiếu sót".

III - CHẤT LIỆU

Cấu tạo vải khác nhau làm cho mặt vải khác nhau và do đó đem lại hiệu quả thẩm mỹ khác nhau. Vì thế cấu tạo vải cùng với những màu sắc, hoa văn trên vải là một yếu tố không thể bỏ qua trong mỗi mẫu sáng tác. Trước khi đối diện với một người, ta thường bắt mắt bởi màu sắc, rồi ngay sau đó đến kiểu dáng, đường nét trang trí trên trang phục. Nhưng chẳng bao lâu khi đối diện, ta bị hấp dẫn bởi chất liệu hoặc có cảm giác gọn, chối...do chất liệu vải đem lại.

Vải satin (satanh) láng và bóng cho cảm giác trơn tuột. Những vải có cát nổi rất nhanh bắt mắt. Mặt vải óng ánh phản quang rất thích hợp cho trang phục sân khấu...Vải cotton cho cảm giác thoáng khí, vải lanh cho cảm giác mát, nhẹ. Nhung, len cho cảm giác ấm. Dạ xộp cho cảm giác

ấm...Người tiêu dùng thường thích sờ vào mặt vải để cảm nhận hết những cảm xúc khác nhau do các chất liệu đem lại.

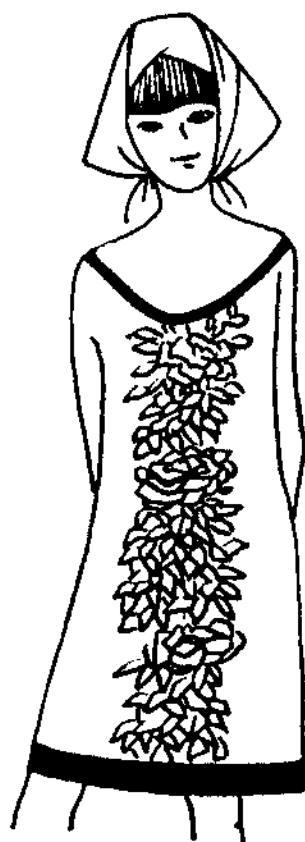
Chất liệu vải, là một trong yếu tố quan trọng để tạo dựng mẫu trang phục. Một trong những tính chất quan trọng của chất liệu vải là tính đàn hồi, khả năng tạo dáng, khả năng định hình, chống nhăn... và màu sắc, hoa văn của chúng. Do tính chất của các loại vải khác nhau, sự tham góp của chúng cho mỹ cảm của mẫu trang phục cũng rất đa dạng. Vải satin thường được dùng để may lé, viền hoặc dùng cho các chi tiết trang trí. Vải kẻ sọc cho cảm giác song sắt, hàng rào. Vải in hoa cho cảm giác một vườn hoa.

Bởi thế khi sáng tác một mẫu trang phục cần chọn nguyên liệu sao cho thống nhất giữa chất liệu với hình dáng và ý nghĩa sử dụng của quần áo. Trên hình 6.20, từ loại vải kẻ ô vuông, họa sĩ thời trang để sọc đứng



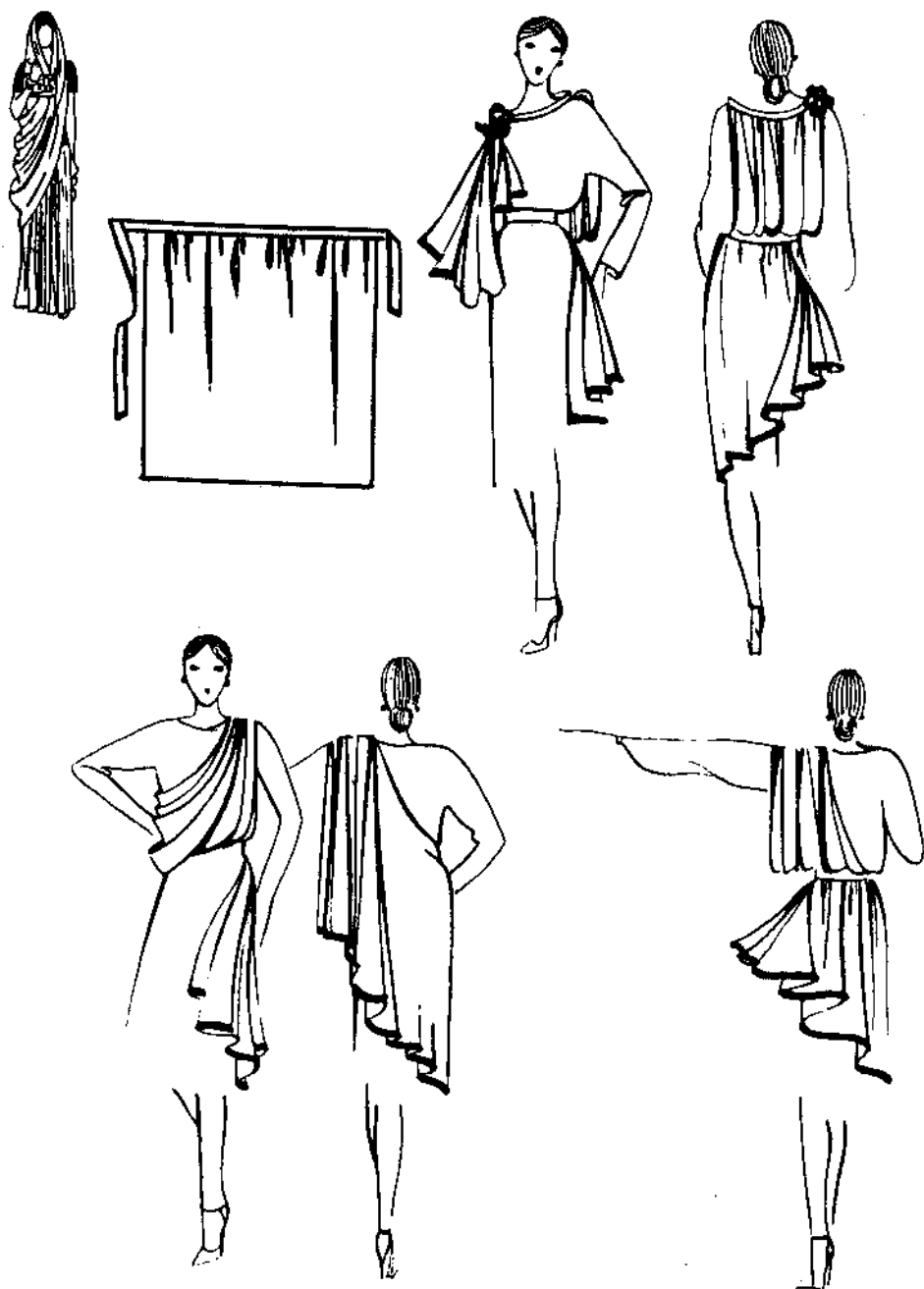
Hình 6.20. Sử dụng vải kẻ trong thiết kế trang phục

cho chiếc áo khoác, nhưng lại để sọc chéo cho chiếc váy nhằm tăng thêm vẻ mềm mại duyên dáng của nó. Chiếc váy trên hình 6.21 thể hiện nguồn cảm hứng sáng tạo là chính hình hoa trên vải. Với chất liệu mềm, thoáng của loại vải lanh, họa sĩ dành nó cho loại váy mặc thường trong sinh hoạt hằng ngày. Cột hoa to thẳng đứng, choán gần hết diện tích bề mặt cơ thể đập vào mắt người quan sát. Đường trang trí ngang đậm nét phía dưới tạo thế bền vững cho cột hoa. Một đường trang trí cũng tương tự như thế nhưng mảnh hơn, vòng xuống nơi ngực và vươn lên hai bờ vai làm cho bố cục trở nên mềm mại, thanh thoát. Những loại lụa mềm sẽ bắt mắt nhờ những sọc vải.



Hình 6.21. Một kiểu trang phục từ loại vải in hoa trang trí

Ví dụ, trên hình 6.22 là một số kiểu trang phục hiện đại được thiết kế phỏng theo nếp gấp từ bộ xari của trang phục Ấn Độ.



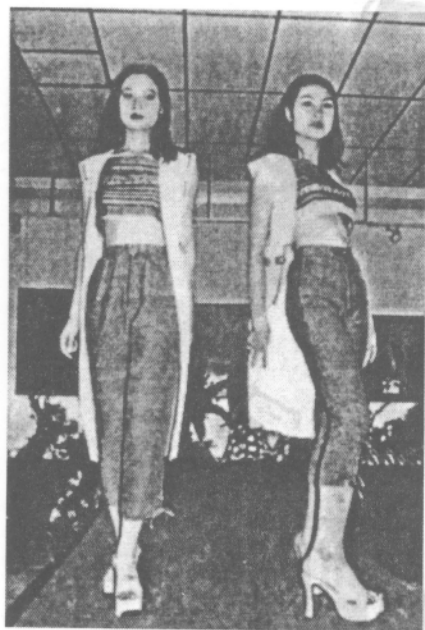
Hình 6.22. Tạo mẫu nhờ các sóng vải

Hình 6.23 là một bộ áo váy nữ được thiết kế từ chất liệu vải dạ.



Hình 6.23

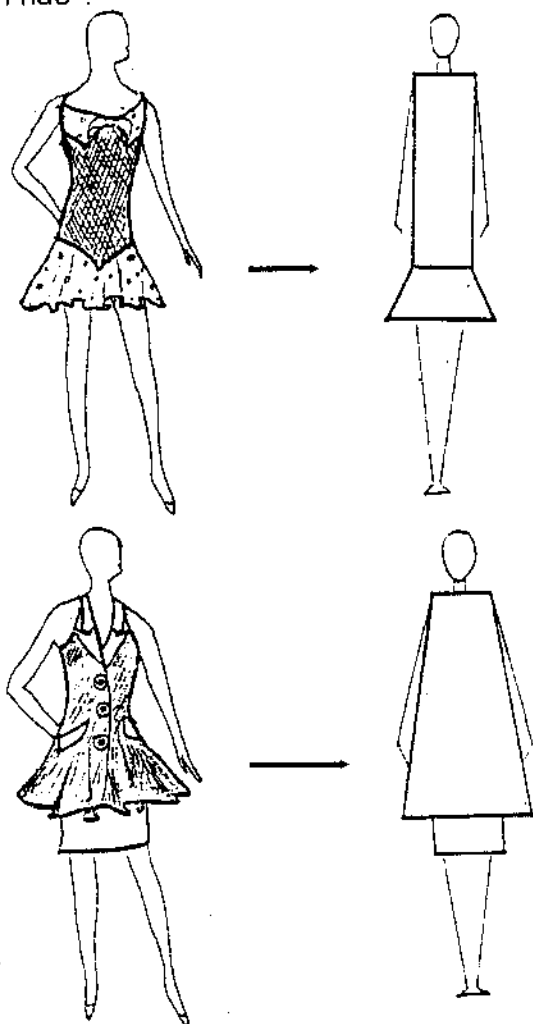
Hình 6.24 trình bày các mẫu thiết kế từ chất liệu dân tộc (vải thổ cẩm) của họa sĩ, nhà thiết kế thời trang Ngô Văn Cao (hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam).



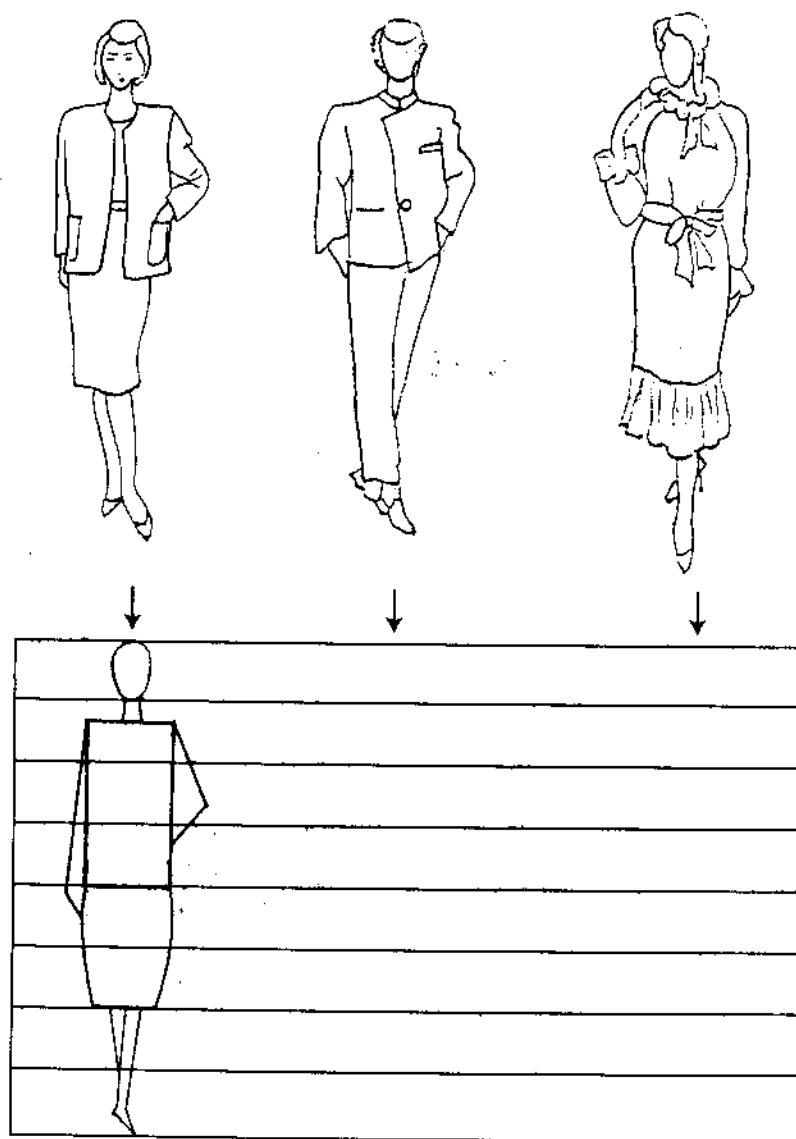
Hình 6.24. Mẫu thời trang từ chất liệu vải dân tộc (sáng tác của họa sĩ Ngô Văn Cao)

BÀI TẬP

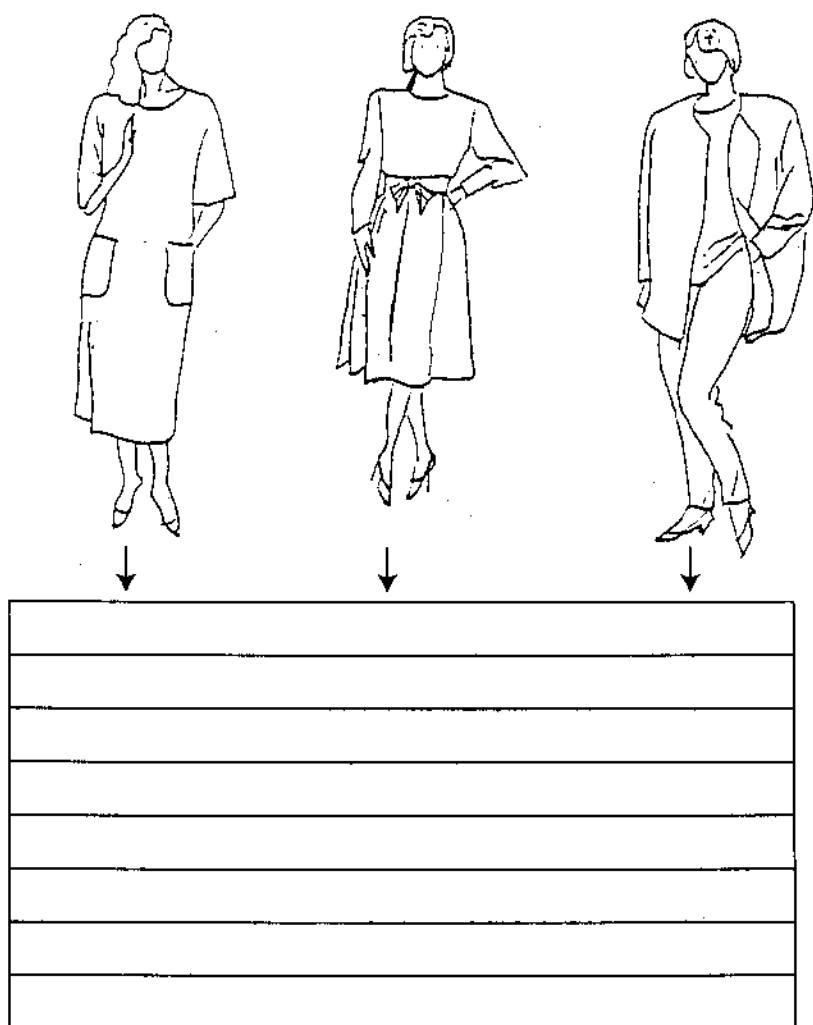
1. Hãy quan sát kỹ mẫu trang phục và kiểu hình cô động được trên hình 6.25 rồi làm bài tập tương tự cho các mẫu thiết kế ở các hình 6.26a, 6.26b, 6.26c.
2. Liệt kê ra 5 loại đường nét của trang phục lôi cuốn bạn nhất.
3. Hãy phân tích một mẫu mới xuất hiện trên thị trường và chỉ ra những đường nào là đường kết cấu, những đường nét nào là đường nét trang trí. Có các họa tiết trang trí trên mẫu hay không? Hãy cho biết các đường, nét và họa tiết trang trí đó được thể hiện bằng cách nào ?



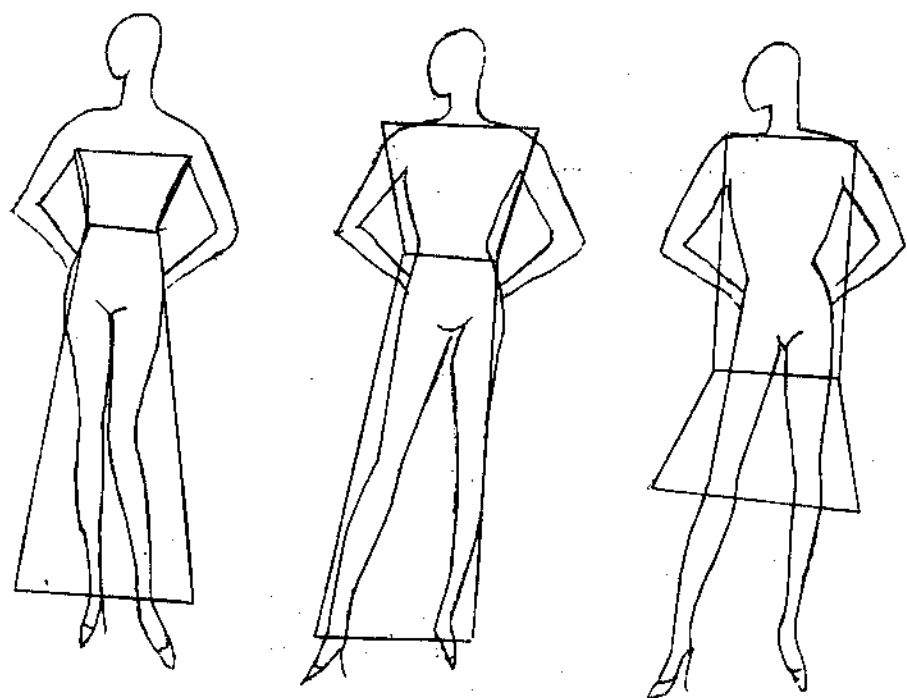
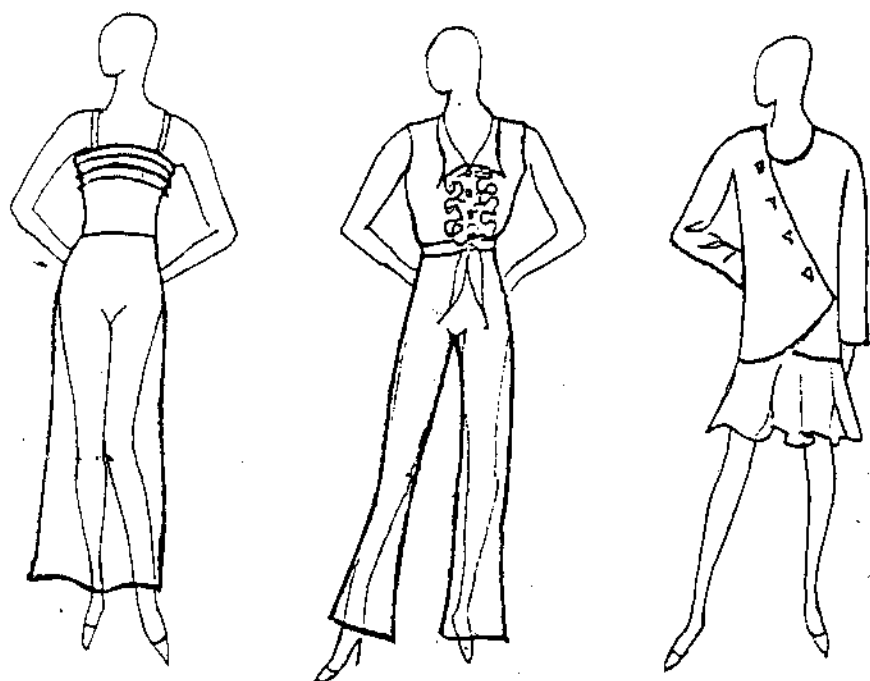
Hình 6.25. Nhận biết kiểu hình từ một mẫu cho trước



Hình 6.26a. Mô tả kiểu hình của các mẫu trang phục theo ví dụ ở hình 6.25



Hình 6.26b. Mô tả kiểu hình của các mẫu trang phục theo ví dụ ở hình 6.25



Hình 6.26c. Mô tả kiểu hình của các mẫu trang phục theo ví dụ ở hình 6.25

Chương VII

BỐ CỤC TRANG PHỤC

I - NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA BỐ CỤC TRANG PHỤC

1. Khái niệm

Tất cả các thành phần của bộ trang phục như áo và quần, tay và cổ, vạt trước và vạt sau, nẹp và cúc...chúng liên quan với nhau cả về màu sắc, cả về độ lớn nhỏ, về chất liệu và đường nét, chi tiết trang trí. Chúng được sắp xếp một cách có chủ ý : khi thì nhấn mạnh một tương quan nào đó ; lúc khác , trong trường hợp khác, có thể lại lược bỏ một chi tiết hoặc có thể sẽ sắp xếp lại cho hoàn chỉnh hơn trong một tổng thể sao cho có phần chính, có phần phụ. Trong phần chính có thể có điểm nhấn ; có thể có trọng tâm...khiến cho tất cả các thành phần gắn bó chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau trong một chỉnh thể toàn vẹn, làm bật hiệu quả thẩm mỹ chung của tác phẩm mỹ thuật .

Bố cục là cách sắp xếp các yếu tố của mỹ thuật tạo hình bao gồm cả các thành phần trong tổng thể (một tổ chức toàn vẹn) về nghệ thuật.

Bố cục trang phục là sự kết hợp tất cả các yếu tố hình thức cần phải có để làm nên bộ trang phục trong một tổ chức vẹn toàn, thống nhất, hoàn chỉnh để chuyển tải tư tưởng thẩm mỹ của tác phẩm là cái đẹp của mẫu trang phục. Nói cách khác, tất cả các yếu tố mỹ thuật phải tuân theo một bố cục nhất định. Xây dựng bố cục trang phục thực chất là tìm kiếm cách sắp đặt các mảng màu, các chất liệu, các kiểu hình, các khối lớn nhỏ, các đường nét, các họa tiết trang trí trên mỗi bộ trang phục bắt chúng tuân thủ nhau, cái này bổ sung cho cái kia, cái nọ làm nền còn cái khác nữa làm điểm nhấn...chúng hoà quyện với nhau để chuyển tải những cảm xúc thẩm mỹ tới cho mọi người.

Trong quá trình xây dựng bố cục trang phục cần tuân theo các nguyên tắc sau đây :

- a) Tôn trọng vẻ đẹp riêng của từng yếu tố mỹ thuật trang phục.

b) Tạo ra sự hài hoà trong mối quan hệ của từng yếu tố mỹ thuật, của yếu tố mỹ thuật này với các yếu tố mỹ thuật khác ; sự hài hoà giữa các bộ phận với nhau.

c) Bảo đảm tính toàn vẹn của hệ thống kể cả ở trạng thái tĩnh lẫn trạng thái động.

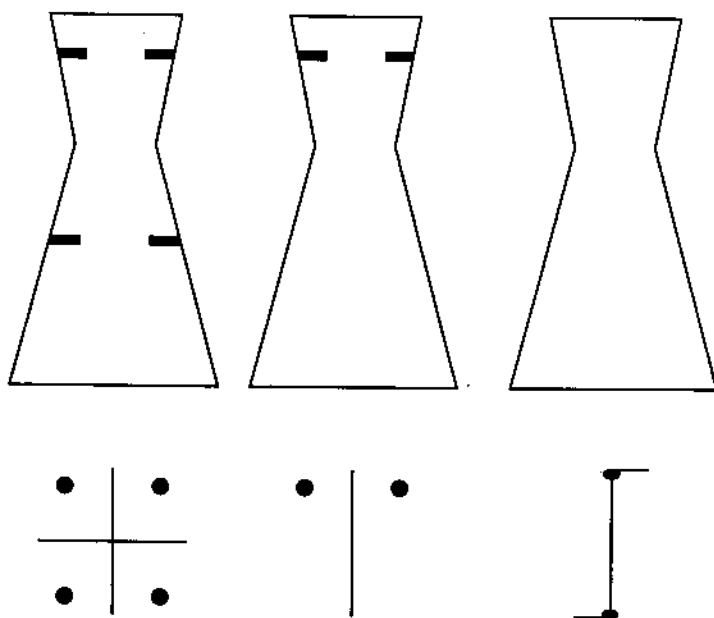
d) Phù hợp với ý nghĩa sử dụng của trang phục.

e) Toát lên chủ đề sáng tạo hoặc cảm xúc chính của bộ trang phục.

2. Các hình thức bố cục

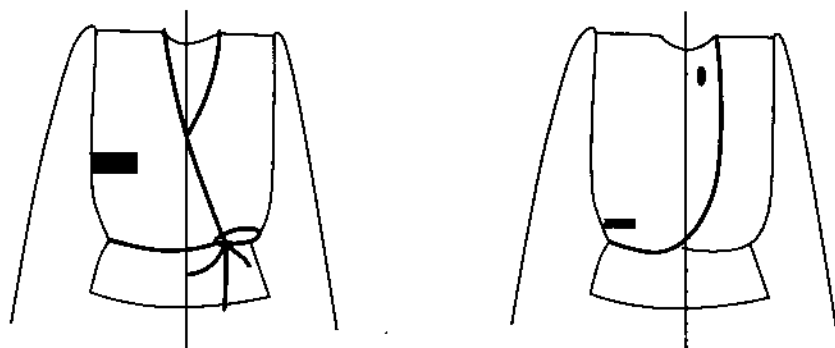
Trong nghệ thuật trang phục có hai hình thức bố cục chủ yếu : bố cục cân đối và bố cục lệch. Ngoài ra còn có bố cục hàng lối, bố cục tự do thường được vận dụng trong thiết kế mẫu thời trang nghệ thuật.

Một bố cục cân đối (còn gọi là đăng đối) thể hiện tương quan đều về vị trí, mức độ to nhỏ của các yếu tố tạo hình trên hai nửa khác nhau của cùng một tổng thể. Về vị trí, các yếu tố tạo hình phải đối xứng nhau qua trục đối xứng, thường là trục thẳng đứng đi qua giữa ngực nhưng cũng có thể là trục nghiêng (rất ít gặp). Cơ thể người đối xứng nhau qua trục giữa, do đó đường thẳng đứng chính giữa của quần áo phía trước và phía sau là trục đối xứng. Về trọng lượng, thể tích, diện tích bề mặt..., các yếu tố mỹ thuật ở hai bên trục đối xứng phải cân bằng nhau (h.7.1a).



Hình 7.1a. Các hình thức bố cục cân đối

Không cân đối một cách có chủ ý là trường hợp đặc biệt của bố cục cân đối. Không cân đối trong một hệ thống hợp lý vẫn tạo được cân bằng thị giác, **cân bằng lệch** và cho một tác phẩm đẹp (h.7.1b). Trên hình 7.2 cho thấy một bộ váy áo bố cục cân đối và một bộ áo váy bố cục lệch.



Hình 7.1b. Các hình thức bố cục lệch



Hình 7.2. Bộ áo váy bố cục cân đối (a) và không cân đối (b)

Bố cục hàng lối là cách sắp xếp các chi tiết theo hàng hoặc theo tầng tầng, lớp lớp. Hàng có thể là hàng ngang, cột dọc hoặc hàng chéo.

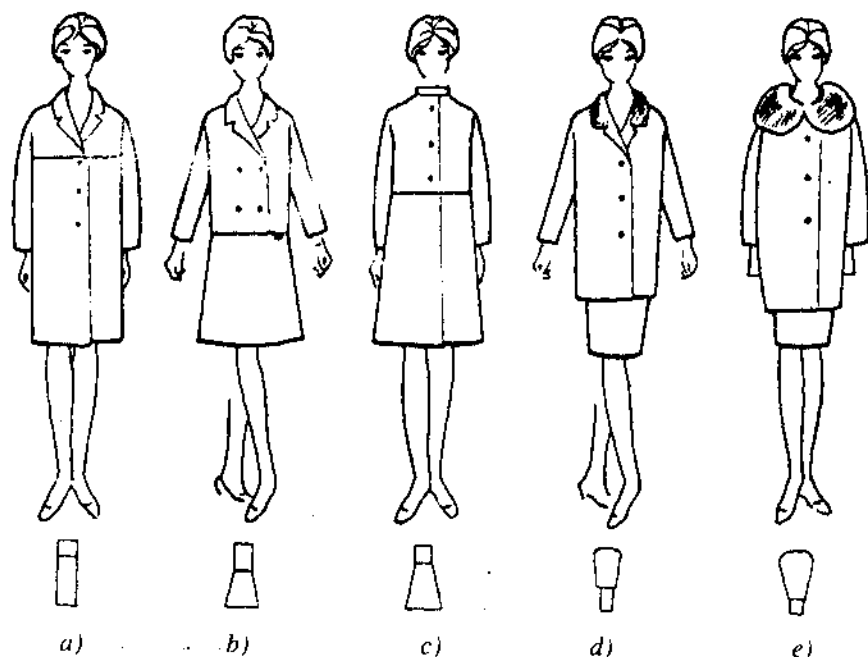
Bố cục tự do là cách sắp đặt các chi tiết theo một ý tưởng nào đó, không theo một bố cục nào đã trình bày ở trên. Song ý tưởng đó vẫn phải bảo đảm cân bằng thị giác trong bố cục.

3. Tuyến vận động chính của bố cục

Để thể hiện nội dung của bố cục, cần phải xác định rõ tính chất chủ đạo của bố cục. Cần phải xem xét bố cục ta thiết kế thuộc dạng bền vững hay không bền vững. Nếu không bền vững thì hướng vận động của bố cục là sang ngang, lên trên hay xuống dưới. Mọi yếu tố thành phần thuộc hệ thống bố cục cần phải tuân theo định hướng đó.

Hai trục tung và trục hoành bao giờ cũng là hai trục chuẩn để xây dựng hướng bố cục. Một cách khái quát, nếu bố cục có chiều cao càng lớn, nó sẽ càng có tính hoạt động lên phía trên. Nếu chiều cao bố cục càng thấp, bố cục có hướng hoạt động theo hướng nằm ngang.

Một bố cục bền vững thường là bố cục cân đối (h.7.3a,b,c). Nhưng một bố cục cân đối chưa chắc đã là bố cục bền vững (h.7.3d,e). Hình 7.4 - phần phụ lục giới thiệu một số kiểu bố cục cân đối và bố cục lệch trong bộ sưu tập thời trang nghệ thuật của nhà thiết kế Dương Thị Kim Đức.



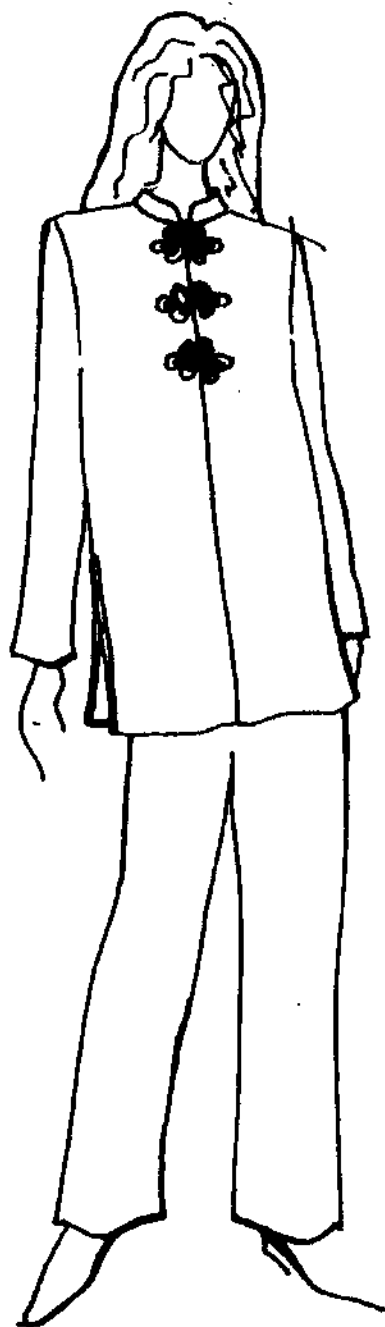
Hình 7.3. Mối quan hệ giữa thể cân đối, không cân đối với tính chất bền vững và không bền vững của bố cục

4. Trọng tâm bố cục

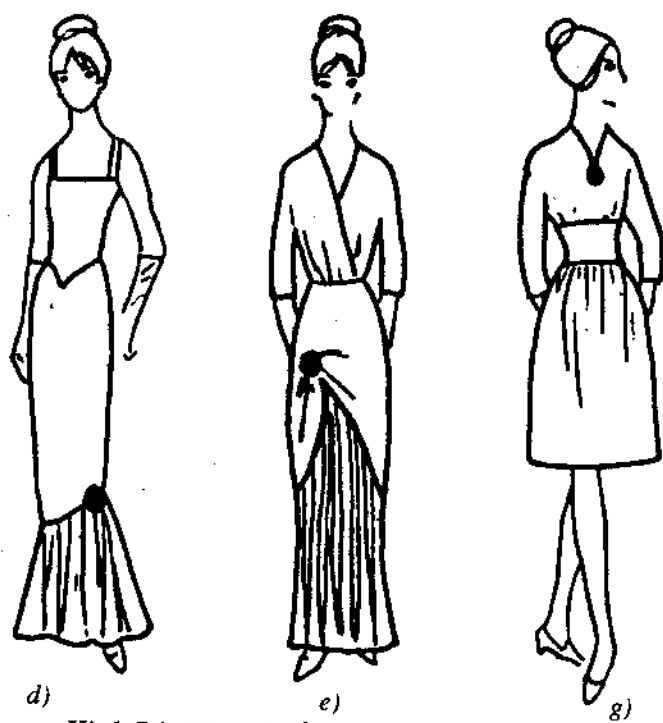
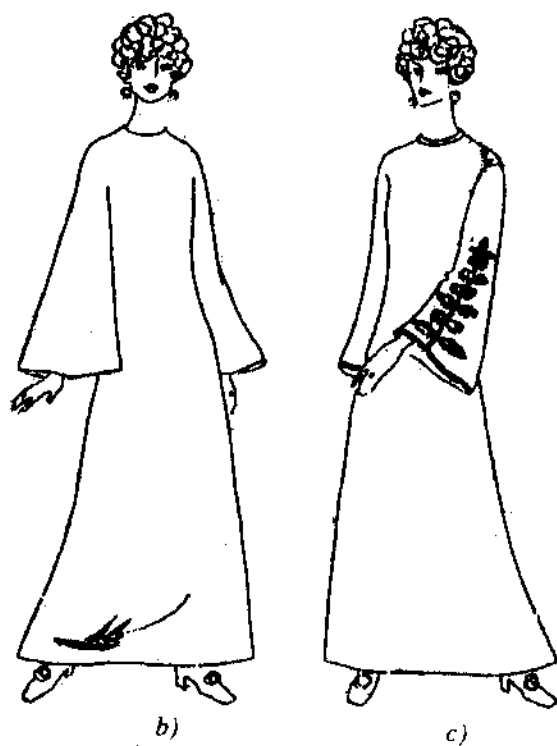
Tính toàn vẹn của bố cục có thể đạt được nhờ sự cân đối giữa phần chính và phần phụ. Không có phần phụ thì không có phần chính. Nhờ sự tồn tại của các thành phần phụ, bộ phận chính càng nổi bật lên. Nhiệm vụ của các thành phần phụ là, hoặc phụ họa cho phần chính, hoặc tạo sự tương phản làm tôn thêm phần chính.

Phần chính của bố cục thường có trọng tâm. Trọng tâm là điểm nhấn nhằm gây sự chú ý. Trên một bộ trang phục, trọng tâm bố cục thường là chi tiết trang trí hoặc hình nổi bật (h.7.5).

Bạn có thể ấn định trọng tâm của bố cục ở vị trí thích hợp nhằm thu hút thị giác. Chẳng hạn, nếu bạn có đôi chân thẳng và đẹp, bạn có thể mặc váy ngắn tới vũ hội và đi đôi giày màu kết hoa rực rỡ. Nếu có eo người đẹp, bạn hãy chú ý đến thắt lưng (h.7.5g). Nếu cái đẹp ở chính tâm hồn bạn, toát lên từ nét mặt bạn, thì trọng tâm bố cục nên là phần cổ áo. Một chiếc nơ hay bông hoa cài ve cổ, một dây chuyền ấn tượng... sẽ hướng thị giác người khác về phía khuôn mặt.



Hình 7.5a. Một số kiểu trọng tâm bố cục



Hình 7.5. Một số kiểu trong tâm bố cục

II - CÁC THỦ PHÁP XÂY DỰNG BỐ CỤC TRANG PHỤC

Đường, nét, mảng màu, chất liệu vải... là những nguyên liệu để sáng tác một thời trang. Nhưng muốn tạo nên một bố cục thì phải gia công các nguyên liệu ấy sao cho chúng kết hợp với nhau hài hoà, hợp lý. Đó chính là các thủ pháp xây dựng bố cục. Trong mỗi mẫu trang phục, các yếu tố mỹ thuật liên kết chặt chẽ với nhau theo các quan hệ : tỷ lệ, đối lập (hoặc đồng điệu) và quan hệ nhịp điệu. Thực hành thủ pháp bố cục chính là vận dụng một trong các quan hệ hoặc xử lý cùng lúc tất cả các mối quan hệ tạo hình như sau :

1. Quan hệ tỷ lệ

Tất cả mọi yếu tố, mọi thành phần tham gia cấu thành nên bộ trang phục đều có liên quan mật thiết với nhau trong mối quan hệ cân xứng về tỷ lệ.

Quan hệ tỷ lệ trong thiết kế mỹ thuật quần áo là kết quả so sánh giữa hai giá trị cùng tính chất như độ dài, diện tích bề mặt, thể tích. Cụ thể là :

- Số đo độ dài trong quần áo thường là : hạ eo, dài áo, dài tay, dài quần, vòng ngực, vòng bụng, vòng hông.
- Số đo diện tích : diện tích các mảnh thân trước, thân sau, diện tích các mảng ngực và bụng trên cùng một thân áo...
- Số đo thể tích : thể tích ống tay áo, thể tích thân áo, thể tích phần áo, thể tích phần quây dưới của váy áo, v.v...

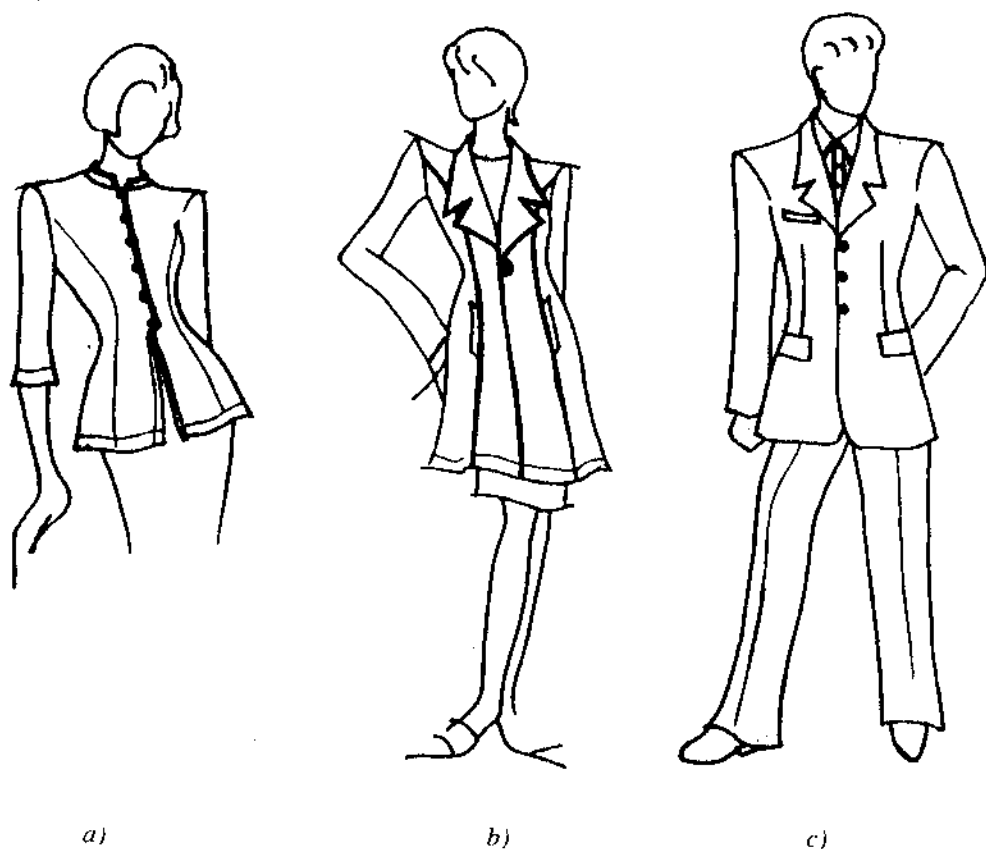
Mọi quan hệ tỷ lệ có thể quy về một trong những tỷ lệ sau :

- Tỷ lệ thường gặp.
- Tỷ lệ đặc biệt.
- Tỷ lệ vàng.

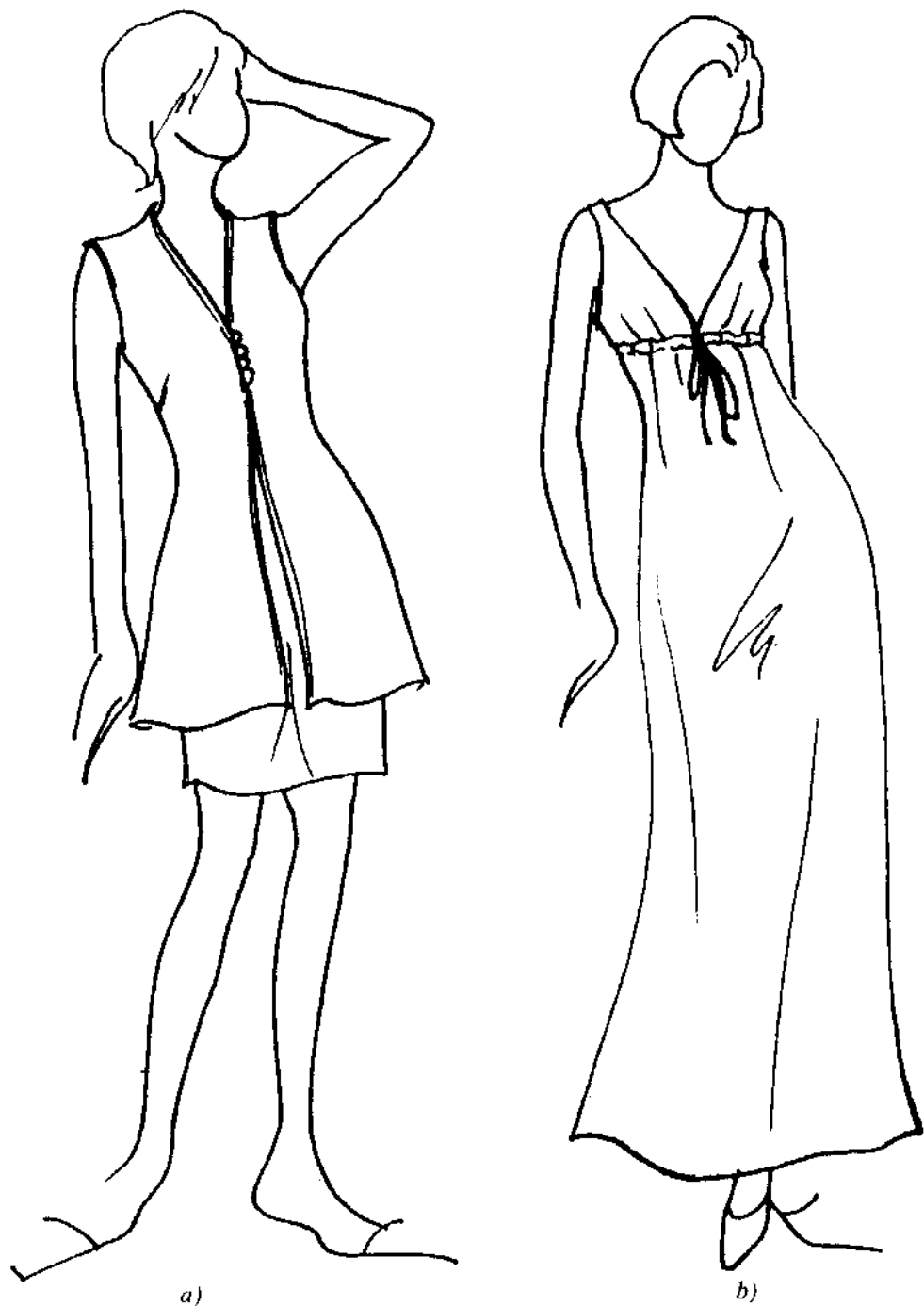
a) Các tỷ lệ thường gặp

Các tỷ lệ hay gặp trên các mẫu trang phục thường là 1 : 2, 1 : 3, 1 : 4, 1 : 5.... (h.7.6). Ví dụ, tỷ lệ 1 : 2 thể hiện độ dài của áo vét trong bộ com lê bằng 1/2 độ dài tổng thể của cả bộ khi khoác lên người (h.7.6c). Tỷ

lệ $\frac{2}{3}$ của độ dài tay áo so với độ dài của cánh tay (h.7.6a). Tỷ lệ $\frac{7}{8}$ của áo so với độ dài của tổng thể bộ trang phục (h.7.6b) và (h.7.7a). Tỷ lệ $\frac{1}{8}$ của phần trên so với chiều dài tổng thể của đầm dạ hội (h.7.7b). Các tỷ lệ $\frac{7}{8}$ và $\frac{1}{8}$ gây sự chú ý vì có chia toàn bộ quần áo thành hai phần lớn và nhỏ rõ ràng (h.7.7). Đồng thời tỷ lệ này còn thể hiện mối quan hệ đối lập sẽ trình bày ở phần sau.



Hình 7.6. Các tỷ lệ đơn giản thường gặp trong các mẫu

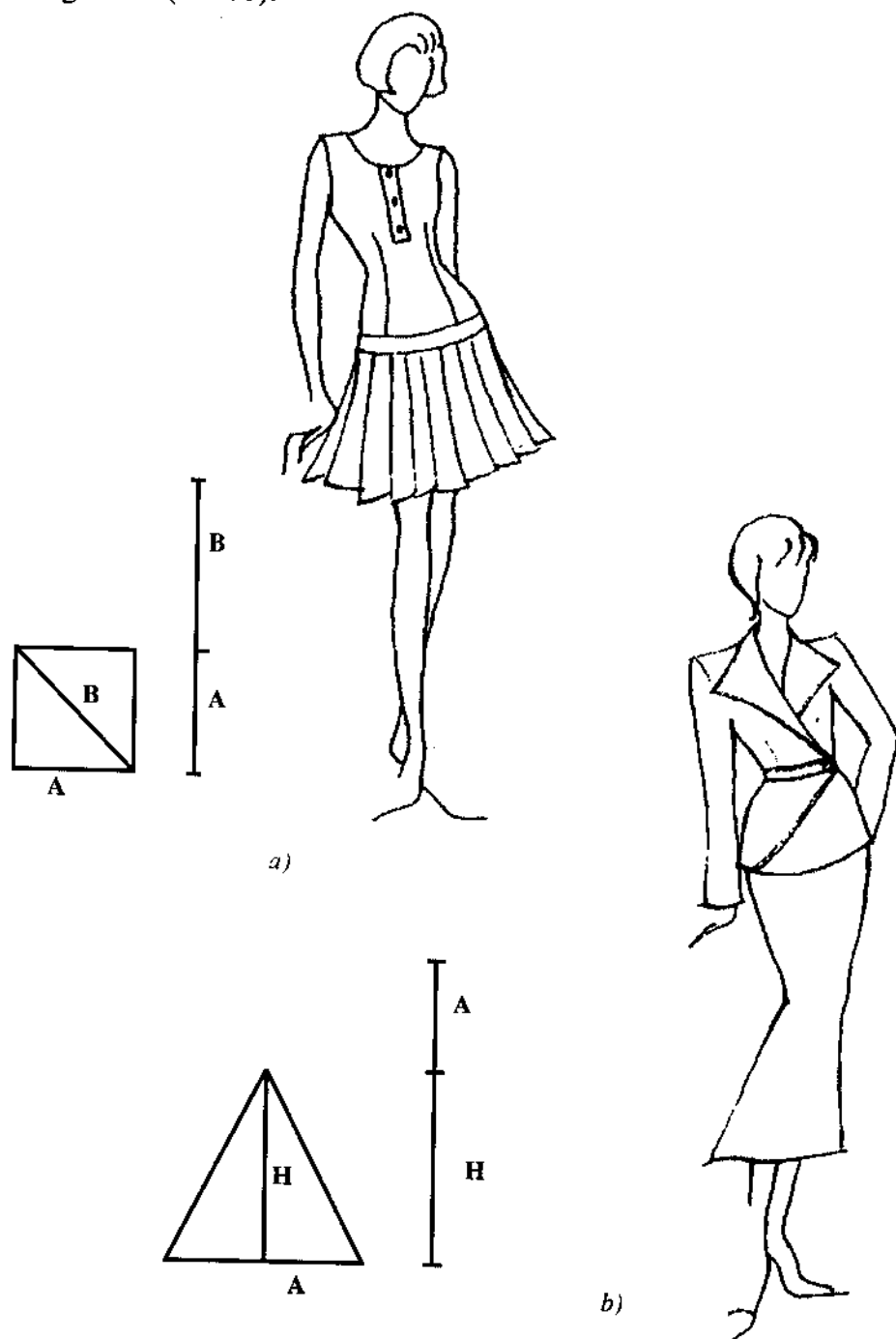


Hình 7.7. Hai mẫu thời trang có tỷ lệ 7/8 và 1/8

b) Các tỷ lệ đặc biệt

Một số quan hệ tỷ lệ đặc biệt có thể gặp trong thiết kế quần áo : $1 : \sqrt{2}$ là tỷ lệ giữa cạnh hình vuông với đường chéo hình vuông (h.7.8a) ;

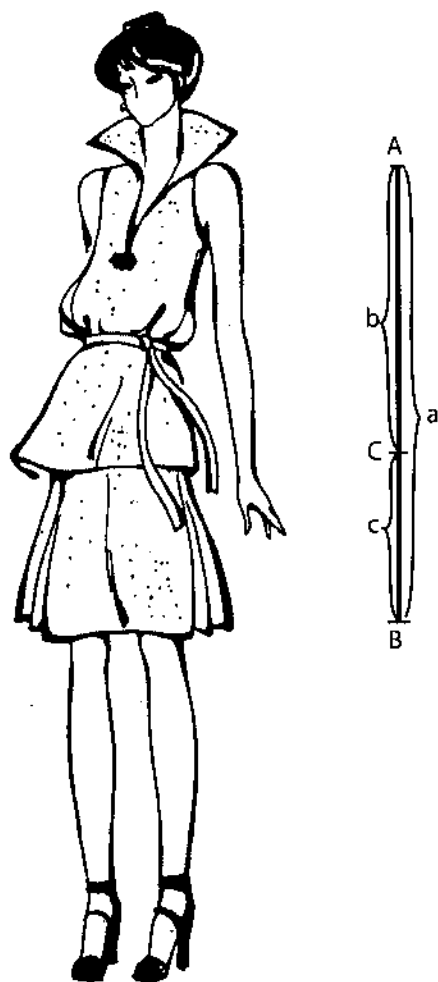
Tỷ lệ $1 : \sqrt{3}$ là tỷ lệ giữa $1/2$ cạnh của tam giác đều với đường cao của tam giác đó (h.7.8b).



Hình 7.8. Một số mẫu thời trang có quan hệ tỷ lệ đặc biệt

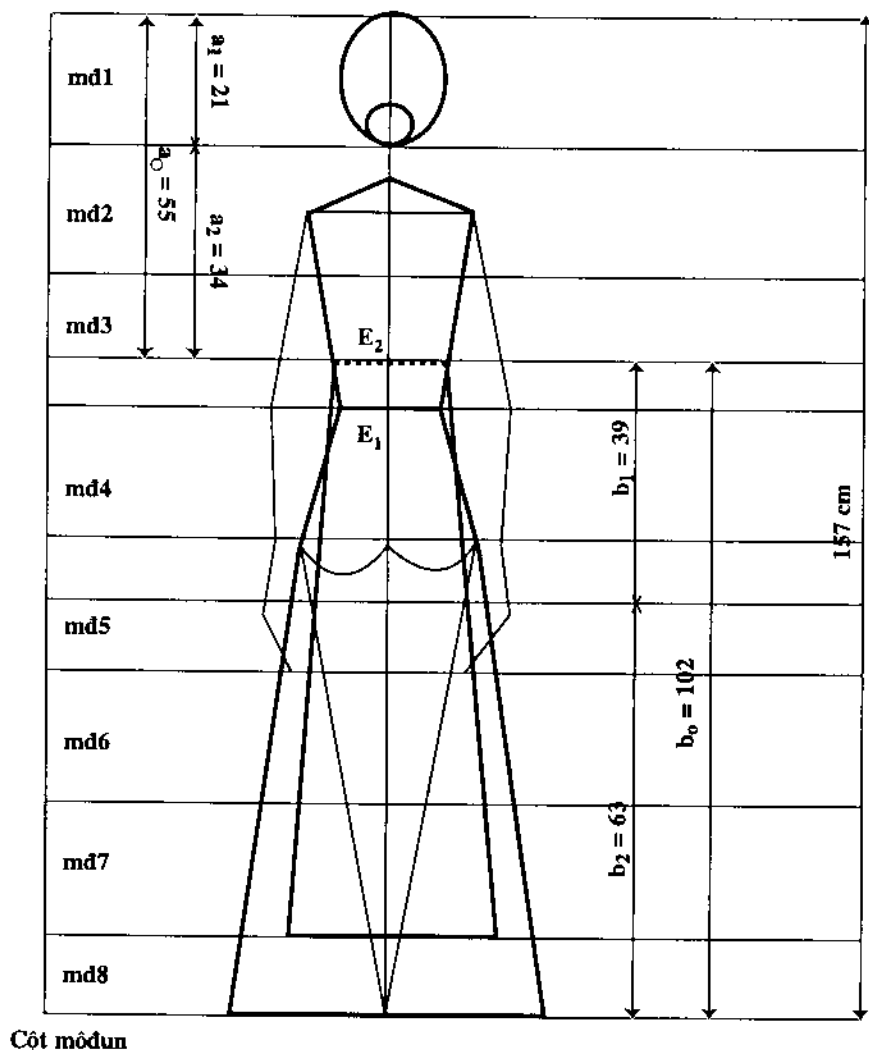
c) Tỷ lệ vàng (Golden Mean)

Gọi là tỷ lệ vàng vì đây là một tỷ lệ rất ít gặp, quý và hiếm. Tỷ lệ này các họa sĩ và các nhà điêu khắc đã tìm ra ngay từ thời Hy Lạp Cổ đại. Cho đến nay, tỷ lệ vàng là sự cân xứng được chấp nhận như một sự hoàn hảo trong thiết kế quần áo và các trang phục khác. Bản chất của quan hệ tỷ lệ vàng này như sau : Trên đoạn thẳng a giới hạn bởi A, B. Tìm điểm chia C chia a thành hai phần không đều nhau. Đoạn lớn hơn (AB) gọi là a. Đoạn nhỏ hơn (CB) gọi là c. Nếu AB, BC, AC đạt quan hệ $a/b = b/c$ (tỷ lệ giữa tổng độ dài trên đoạn lớn hơn bằng tỷ lệ giữa đoạn dài hơn trên đoạn nhỏ hơn) thì điểm C là điểm chia vàng và tỷ lệ trên là tỷ lệ đẹp. Tương đương với tỷ lệ vàng là các quan hệ tỷ lệ 3 : 5 : 8 ; và 5 : 8 : 3 hoặc 8 : 13 : 21 v.v... được áp dụng rộng rãi trong thiết kế quần áo (h.7.9).



Hình 7.9. Áp dụng tỷ lệ vàng vào thiết kế mẫu trang phục

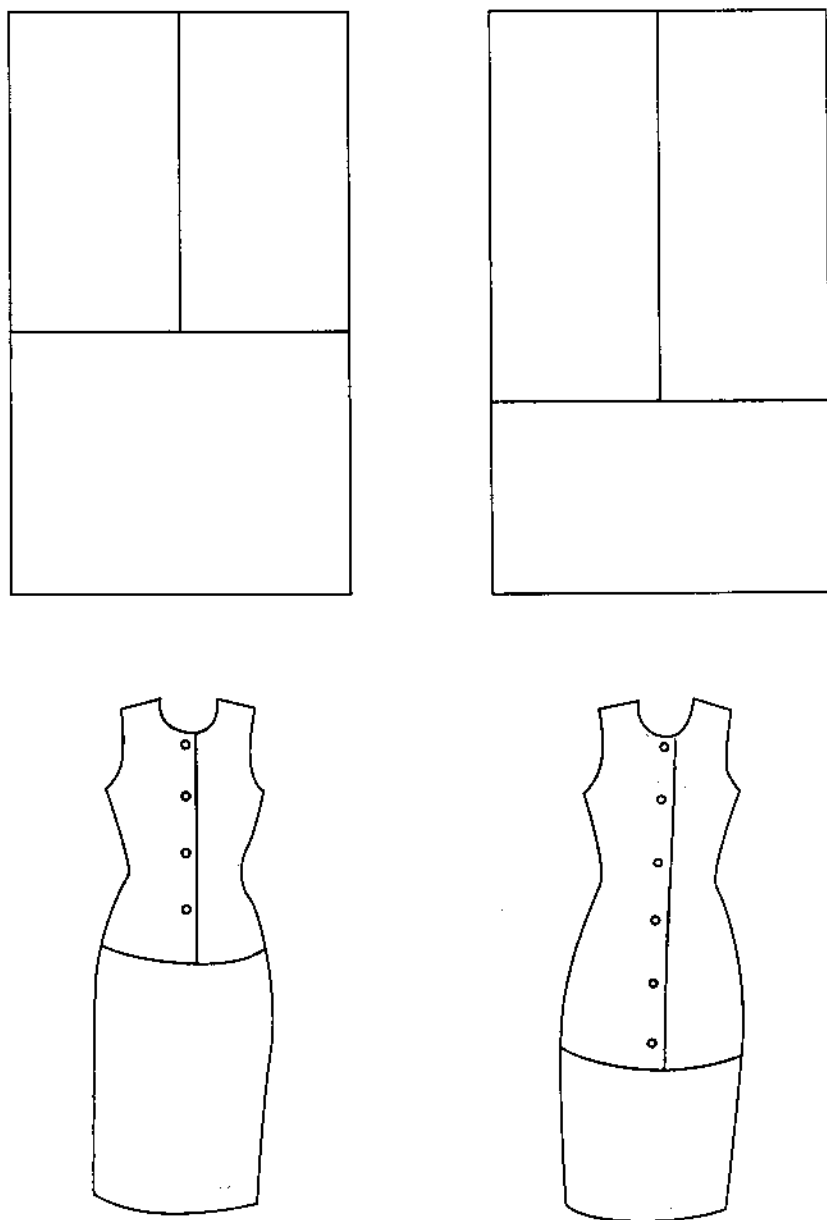
Như phần A, chương 4, mục 2 đã trình bày, người châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng có đặc điểm chân ngắn, mình dài. Vì thế thiết kế áo dài Việt Nam hiện đại thường nâng đường thắt eo, điểm mở tà của áo lên cao hơn so với eo thật của người mặc từ 3 đến 5 cm. Việc làm này nhằm cải tạo lại tỷ lệ của người mặc, khiến cho người mặc cân đối hơn. Eo giả đã phân chia lại giữa phần trên của người nữ từ ngang eo giả trở lên với phần ngang eo giả trở xuống để tiến tới tỷ lệ vàng (h.7.10).



Hình 7.10. Tỷ lệ vàng

Vì quan hệ tỷ lệ giúp cho việc sắp đặt các yếu tố mỹ thuật một cách nhịp nhàng, toàn diện, điều hoà khiến cho không có chỗ nào trong hệ

thống là quá đáng, là thừa, là đuối, là gò ép hoặc gương gao. Chính vì thế quan hệ tỷ lệ được dùng rất phổ biến trong thiết kế mẫu trang phục. Bằng cách thay đổi mức lớn nhỏ giữa các hình, tỷ lệ màu sắc, chất liệu may...có thể tạo ra nhiều mẫu khác nhau của cùng một kiểu (h.7.11).

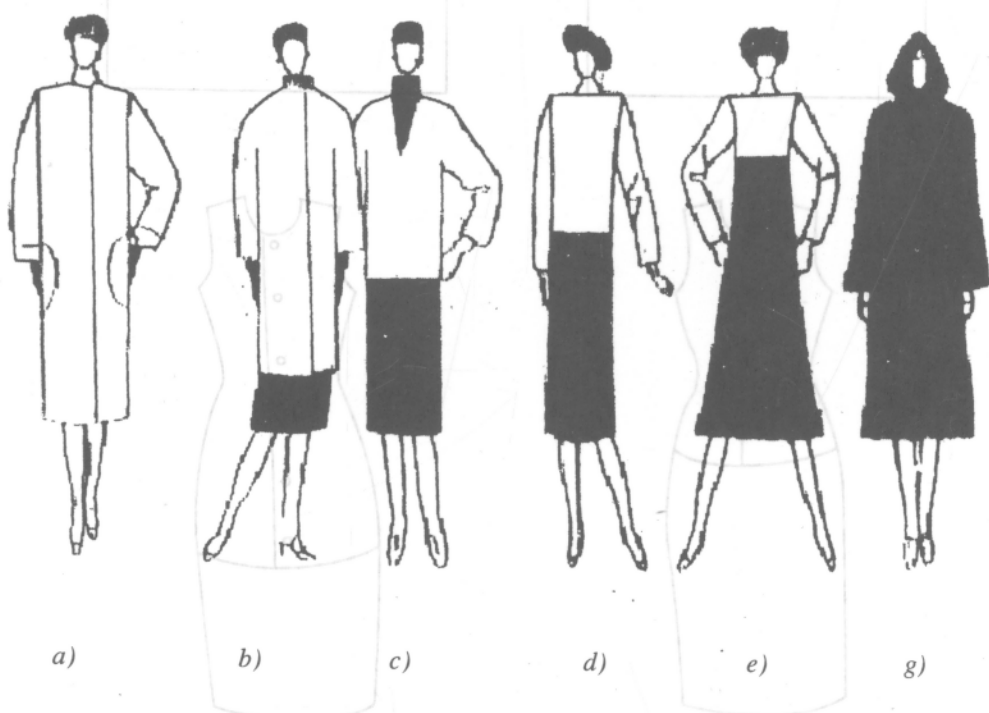


Hình 7.11. Tạo mẫu thời gian bằng cách thay đổi tỷ lệ

Người mẫu trên hình 7.12 - phần phụ lục trang điểm khá kỳ quặc : Một mắt tô xanh còn mắt kia tô đỏ. Thế nhưng nhờ đôi hoa tai màu xanh đã kéo lại cân bằng màu sắc, khiến cho người mẫu mắt xanh - mắt đỏ vẫn duyên, rất ưa nhìn.

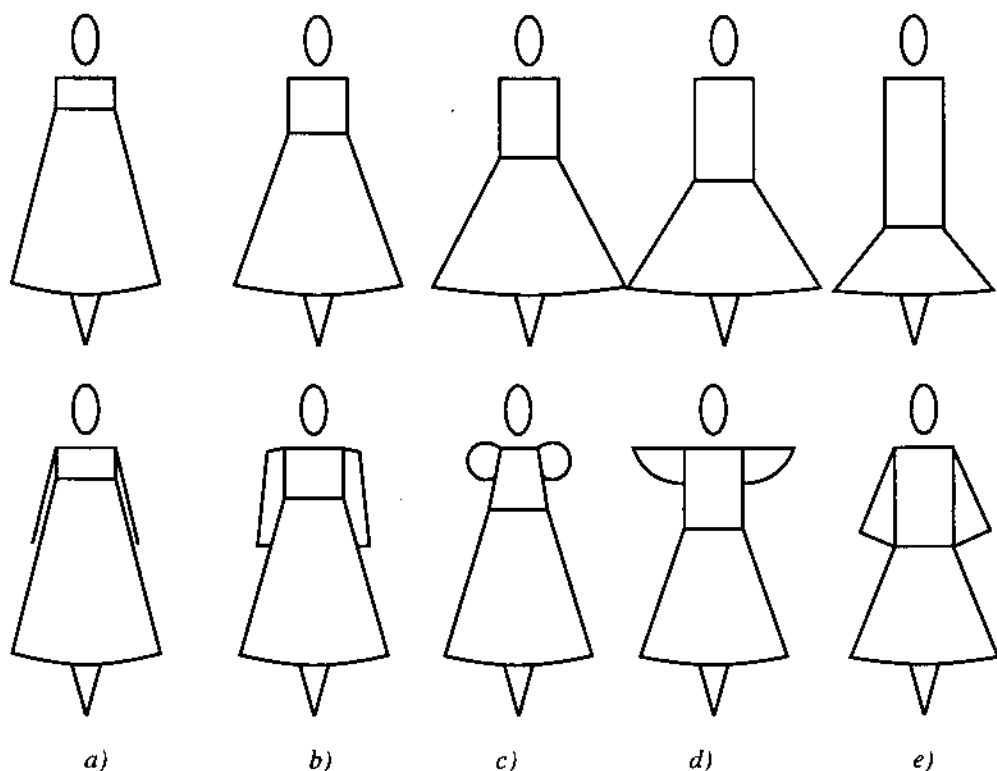
2. Quan hệ đối lập

So sánh các bộ phận quần áo theo từng yếu tố mỹ thuật (hình dáng, thể tích, khối lượng, kích thước, màu sắc, đường nét, v.v...) ta thấy chúng hoặc tương tự như nhau (tương đồng), hoặc khác nhau (biến điệu), hoặc trái ngược nhau hoàn toàn (tương phản hay còn gọi là đối lập). Váy áo phụ nữ Tây Ban Nha thế kỷ XVIII (h.6.6b) thể hiện sự đối lập giữa thể tích rất lớn của phần lồng váy với phần eo rất nhỏ. Hình 7.13 thể hiện sự biến điệu của 2 mảng màu sáng tối. Trên hình đó các trường hợp (b), (c), (d), (e) thể hiện quan hệ đối lập giữa hai mảng màu đen và trắng. Các trường hợp (a), (g) minh họa cho quan hệ đồng điệu.



Hình 7.13. Mối quan hệ đối lập giữa hai mảng màu sáng tối

Phân tích các mối quan hệ đối lập cho thấy đối lập là trường hợp tương phản mạnh. Tương đồng là khi đối lập ít. Nói cách khác giữa tương đồng và đối lập có mối quan hệ mật thiết với nhau. Tương đồng làm cơ sở để tiến tới quan hệ đối lập. Biến điệu đóng vai trò trung gian, nó có thể làm giảm nhẹ hoặc nhấn mạnh thêm quan hệ đối lập. Hình 7.14 cho thấy một số kiểu áo, váy áo sử dụng quan hệ đối lập giữa mảng hình chữ nhật của phần áo với mảng hình thang của phần váy. Trên hình 7.14, với sự tham góp của dáng hình của ống tay áo, tính đối lập của hai phần thân và váy áo ở các trường hợp (a) và (c) được đẩy lên, ở mẫu (b) bị mờ đi. Với các mẫu (d) và (e) quan hệ đồng điệu được nhấn mạnh.



Hình 7.14. Mối quan hệ "tương đồng", "biến điệu" và "đối lập"

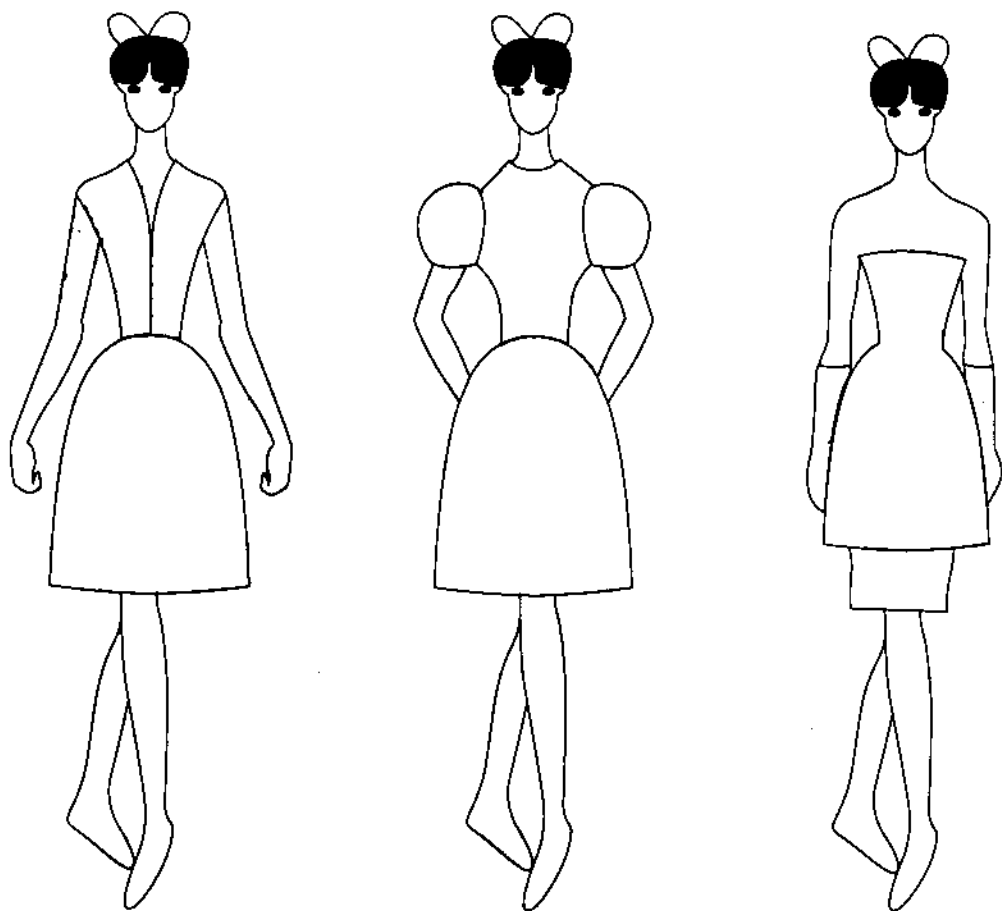
Trong lĩnh vực thời trang ta thường gặp các cặp đối lập :

- Đối lập về đường nét : cong – thẳng ; lượn – gãy.
- Đối lập về hình khối : tròn – vuông ; chữ nhật – tam giác.

- Đối lập về màu sắc : đậm – nhạt ; đen – trắng ; nóng – lạnh (chương 5, mục II.3) và IV.1)

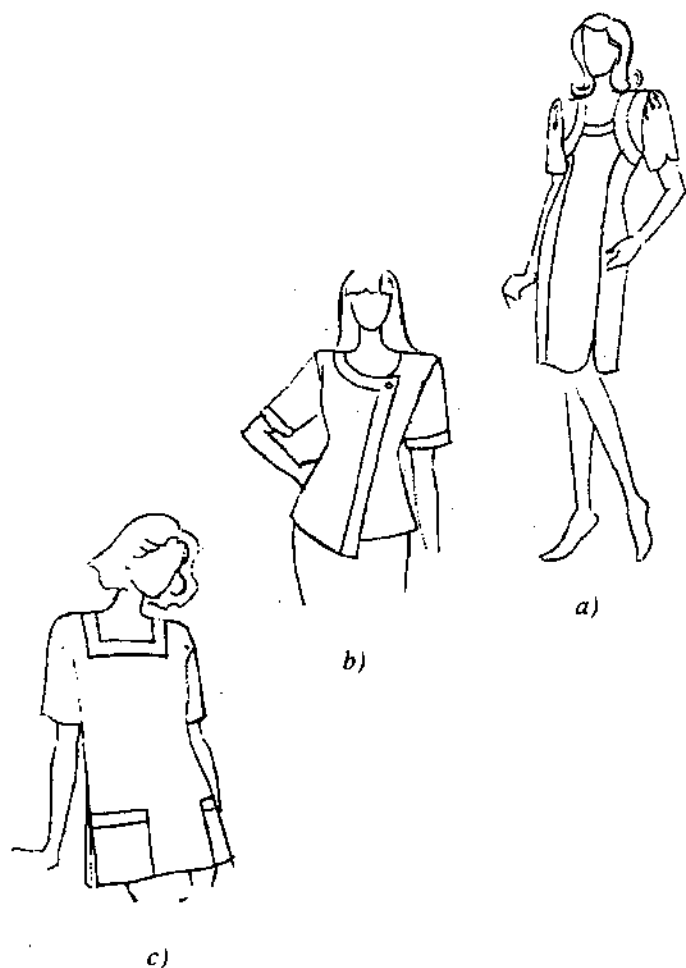
- Các đối lập khác : chi tiết – sơ lược ; nhỏ – to ; nhiều - ít.

Quan hệ đối lập không mâu thuẫn với quan hệ tỷ lệ mà ngược lại còn khiến cho sự cân bằng thị giác không bị đơn điệu. Đối lập (mà trong không ít những trường hợp còn là đối chọi) luôn thu hút thị giác mạnh. Đối lập làm cho trọng tâm được nêu bật, khiến cho chính phụ rõ ràng, làm cho bố cục hài hoà mà khoẻ khoắn. Do vậy, quan hệ đối lập được sử dụng phổ biến trong thiết kế thời trang (h.7.15). Chiếc đầm bó trên



Hình 7.15. Mối quan hệ đối lập

hình 7.16a thể hiện mối quan hệ tương đồng của các nét cong. Chiếc áo trên hình 7.16c được thiết kế trên cơ sở sử dụng các nét thẳng. Áo nữ trên hình 7.16b được sáng tạo bằng cách kết hợp các nét cong với các nét thẳng. Ngoài ra, có thể thấy quan hệ đối lập trong sử dụng tính chất cứng và mềm của vật liệu may v.v...



Hình 7.16. Mối quan hệ tương đồng

- a) Sự kết hợp giữa nét cong và nét cong**
- b) Sự kết hợp giữa nét cong và nét thẳng**
- c) Sự kết hợp giữa nét thẳng và nét thẳng.**

Quan hệ đối lập đóng vai trò chủ đạo, có tác dụng tạo nên sự sống động của nghệ thuật tạo hình nói chung và nghệ thuật trang phục nói riêng.

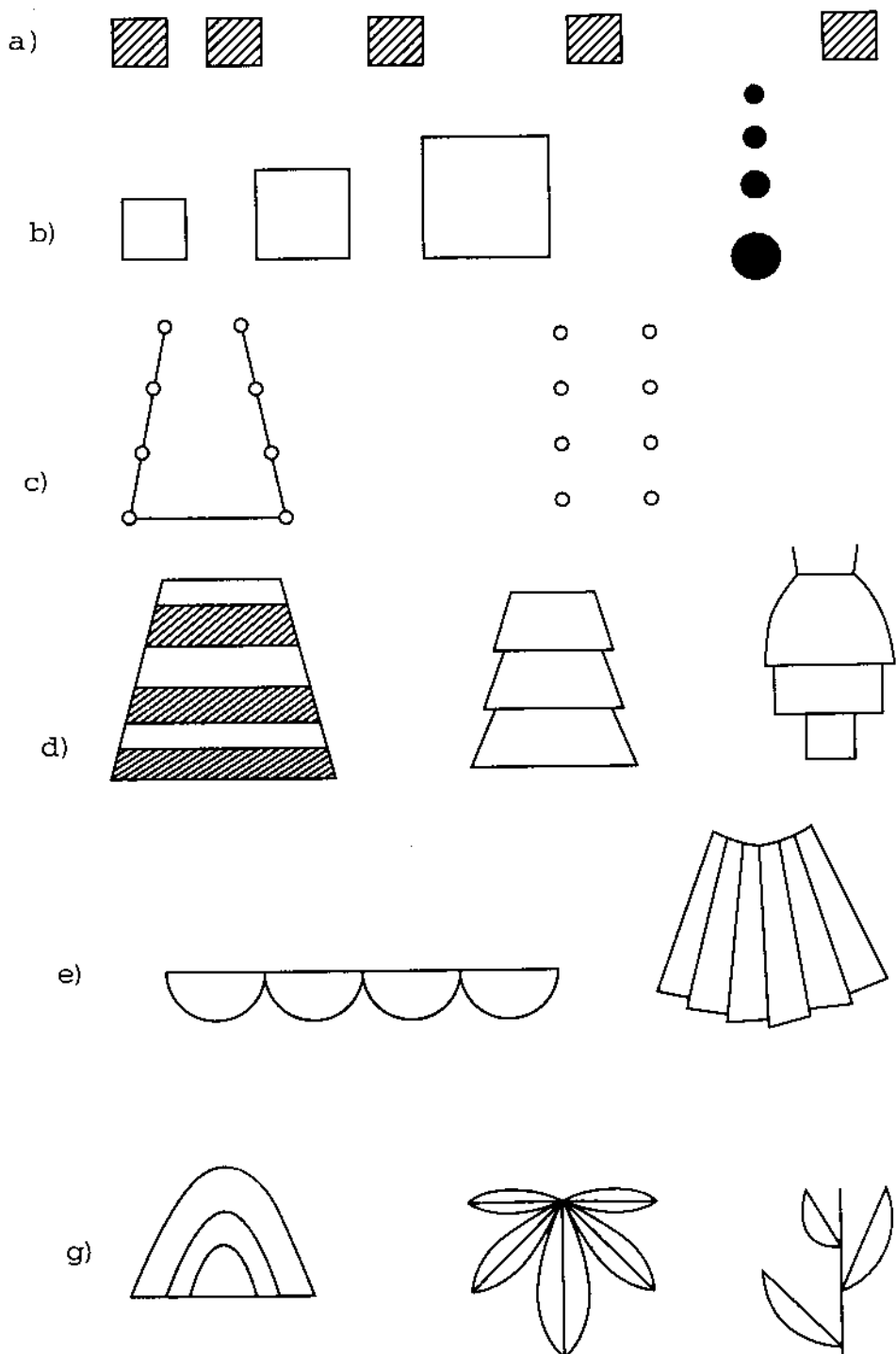
3. Quan hệ nhịp điệu

Nhịp điệu là sự biến đổi tuần hoàn, sự lặp lại có quy luật của các yếu tố mỹ thuật. Nhờ sự biến đổi tuần hoàn có quy luật đó, màu thiết kế toát lên hướng vận động của toàn hệ thống, tạo ra các cảm xúc thị giác khác nhau. Mặt khác tính nhịp điệu làm cho các yếu tố tạo hình gắn bó mật thiết với nhau, toàn hệ thống hoà quyện vào nhau một cách linh hoạt.

Khi sử dụng tính nhịp điệu nên tránh sự phức tạp hoá, cũng không nên rơi vào sự đơn điệu, làm cho sản phẩm trở lên tầm thường, mờ nhạt, không đủ gây ấn tượng.

Một số cách thể hiện nhịp điệu :

- Sự sắp xếp các hình bằng nhau nhưng thay đổi khoảng cách giữa chúng (h.7.17a).
- Thay đổi diện tích hình trang trí khi khoảng cách không thay đổi (h.7.17b).
- Không thay đổi hình, không thay đổi khoảng cách nhưng thay đổi cách sắp đặt (h.7.17c).
- Vừa thay đổi hình, vừa thay đổi khoảng cách, vừa thay đổi cách sắp đặt (h.7.17d).
- Nhắc lại những hoạ tiết, chi tiết trang trí. Ví dụ : những đường bờ đê gấu áo, gấu váy ; Những nếp váy, sóng vải... (h.7.17e).
- Xen kẽ các hoạ tiết khác nhau sau một chu kỳ nhất định.
- Xoay chiều các hoạ tiết trang trí, lúc ở thế thuận khi ở thế nghịch.
- Sắp đặt nhiều tầng, nhiều hàng.
-



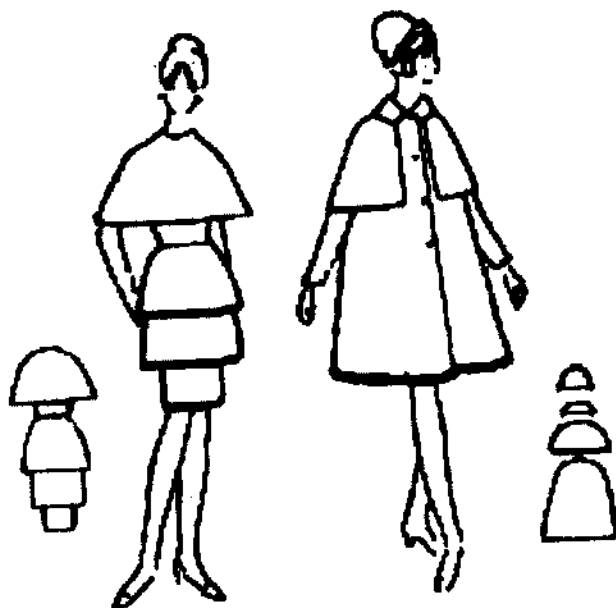
Hình 7.17. Một số nhịp điệu đơn giản nhất

Ứng dụng vào mỹ thuật trang phục, tính nhịp điệu thể hiện ở nhiều yếu tố khác nhau : Váy nhiều tầng. Sự lặp lại các đường đăng ten trên váy (h.7.18a). Sự bố trí cân xứng các cúc áo (h.7.18b). Các đường cong ở túi áo, cổ áo, mũ theo quy luật ngày một to ra, rộng hơn (h.7.18c).



Hình 7.18. Một số kiểu trang phục thể hiện quan hệ nhịp điệu trong đường nét

Hai mẫu trên hình 7.19 thể hiện nhịp điệu ở hình dáng các chi tiết và sự lặp lại của các thể tích hình.



Hình 7.19. Một số kiểu trang phục thể hiện quan hệ nhịp điệu trong hình khối

Chú ý : Trong quá trình gia công bố cục tránh rơi vào một trong các trường hợp sau :

- Không dứt khoát, rõ ràng.
- Tỉn mủn, vụn vặt.
- Đều đều, đơn điệu.
- Tránh gò ép, chấp vá.

III - QUAN HỆ GIỮA BỐ CỤC TRANG PHỤC VỚI ĐẶC ĐIỂM CƠ THỂ NGƯỜI MẶC

Nếu là người lùn, không nên chọn bố cục bên vững. Nếu người cao lênh khênh nên chọn bố cục có hướng vận động đi xuống. Nếu là người quá béo, mập nên tránh những bố cục có hướng vận động sang ngang.

Bây giờ bạn đã có thể tự lý giải được tại sao người béo luôn mặc áo kẻ sọc đứng, còn người gầy hợp với loại vải kẻ sọc ngang.

									
Lứa tuổi Các cấp độ chú ý	1	5	10	15	20	25	30	40	50
I	Bàn chân	Đầu	Chân	Đầu và tóc	Đầu	Đầu	Đầu	Đầu	Đầu
II	Đầu	Chân	Vai	Vai	Chân	Tay	Chân	Chân	Thân mình
III	Bàn tay	Tay	Tóc	Chân	Vai và tay	Chân	Vai và tay	Vai và tay	Tay

Hình 7.20. Trọng tâm chú ý của trang phục nam ở các độ tuổi khác nhau

Mỗi lứa tuổi có đặc điểm tâm sinh lý riêng, do đó tạo mẫu thời trang theo lứa tuổi cần lưu ý đặt trọng tâm bố cục trang phục cho thích hợp. Ví dụ, trọng tâm bố cục trang phục cho trẻ sơ sinh cần tập trung vào đôi bàn tay, bàn chân của bé. Quần áo thiết kế cho trẻ 3 đến 5 tuổi cần bố cục hướng về đầu và khuôn mặt vì ở lứa tuổi này khuôn mặt trẻ em đầy vẻ ngây thơ ngộ nghĩnh. Quần áo sáng tác cho thiếu nữ tuổi mười tám, đôi mươi nên đặt trọng tâm chú ý của bố cục vào vòng ngực, bờ vai. Tạo mẫu trang phục cho các mẹ, các bà tập trung chú ý vào kiểu tóc, đồ trang sức nhằm thu hút thị giác về phía gương mặt, cửa sổ tâm hồn toát lên chiều sâu tư duy mà qua năm tháng người phụ nữ tích lũy được. Hình 7.20 trình

bày các cấp độ chú ý khi xây dựng bố cục trang phục nam. Hình 7.21 trình bày các cấp độ chú ý khi xây dựng bố cục trang phục nữ giới.

									
Lứa tuổi	1	5	10	15 - 18	18 - 20	20 - 25	30	40	50
Các cấp độ chú ý									
I	Bàn chân	Đầu	Eo bụng	Ngực	Hông	Ngực	Tóc	Mặt	Tóc
II	Đầu	Chân	Chân	Tay	Ngực	Mặt	Chân	Chân	Chân
III	Bàn tay	Tay	Tay	Chân	Chân	Hông	Hông	Tóc	Mặt
IV				Tóc	Tóc và mặt	Chân	Ngực	Hông	Hông

Hình 7.21. Trọng tâm chú ý của trang phục nữ ở các độ tuổi khác nhau

IV - PHONG CÁCH THỜI TRANG

Sau khi gia công xong bố cục, ta đã có mẫu trang phục tương đối hoàn chỉnh. Lúc này cần chuyển sang bước công việc cuối cùng : kiểm tra cảm xúc chủ đạo, tinh thần chính toát lên từ mẫu thiết kế. Đó chính là phong cách. Các nhà nghiên cứu đã phân loại các nhà thiết kế cũng như các mẫu sáng tác của họ có thể thuộc một trong các trường phái phong cách sau đây :

1. Phong cách cổ điển

Kiểu cổ điển không bao giờ loè loẹt hay thái quá. Tất cả được xây dựng sao cho hợp lý và phù hợp với mục đích sử dụng của bộ trang phục. Kiểu cổ điển tôn trọng vẻ đẹp tự nhiên của cơ thể. Tỷ lệ của bộ quần áo phong cách cổ điển phải phù hợp với tỷ lệ tự nhiên của cơ thể. Các đường kết cấu phải phù hợp với cấu trúc tự nhiên của cơ thể người mặc. Ví dụ : Đường eo của quần áo trùng với đường eo của cơ thể. Đường tra tay của áo trùng với đường vòng nách của cơ thể. Đường chân cổ trùng với đường tra cổ áo vào thân áo... Một số bộ trang phục phong cách cổ điển : Bộ đồ gồm váy hình thang kèm với sơ mi truyền thống, tay dài có măng sét. Một áo veston có cổ và ve mở dài, tay 2 mang. Thân sau 2 mảnh tạo sống lưng và ôm sát với cơ thể người. Một vài kiểu áo măng tô ôm sát eo, thân dưới xoè như váy (h.7.22 - phần phụ lục) là những mẫu đặc trưng của phong cách cổ điển.

Hình thức của các kiểu cổ điển rất phù hợp với ý nghĩa sử dụng quần áo. Trang phục cổ điển luôn toát lên vẻ giản dị, nghiêm túc, lịch sự.

Các kiểu cổ điển đã được thời gian thử thách. Kiểu cổ điển thích hợp với hầu hết các loại hình dáng và dường như không bao giờ bị lỗi mốt theo thời gian. Một trong những nhà thiết kế nổi danh về thiết kế mẫu trang phục phong cách cổ điển đó là Chanel.

Vải (chất liệu) phù hợp với phong cách cổ điển, đó là lanh, da, nhung và nhung kẻ.

2. Phong cách thể thao (h.7.23 - phần phụ lục)

Các kiểu phong cách thể thao xuất hiện từ đầu thế kỷ 20. Nhưng phải đến những năm 40 của thế kỷ này, kiểu thể thao mới trở thành một trong những phong cách chính thức của thời trang và phát triển mạnh cho đến ngày nay. Đặc điểm của các mẫu thời trang phong cách này là khoẻ khoắn, thoải mái trong sử dụng. Để tạo phong cách thể thao, các kiểu thời trang được thiết kế rộng rãi, tạo sự thuận tiện cho hoạt động ; không cồng kềnh, không nhiều tầng, nhiều lớp mà gọn gàng, khoẻ khoắn.

Trên trang phục thuộc phong cách thể thao thường xuất hiện các đường, nét thẳng, chia cắt bộ trang phục thành nhiều mảng. Các đường kết cấu không nhất thiết phải tuân theo cấu trúc cơ thể người. Áo được trang trí bằng những khoá kéo hoặc dây to bản. Quần được thiết kế sao cho ôm sát đùi. Váy thường rất ngắn và có nhiều nếp gấp. Dáng hình, các tỷ lệ của bộ quần áo có thể biến tấu nhiều nhưng toát lên một cảm xúc khoẻ mạnh, linh hoạt cho người mặc.

Toàn bộ trang phục toát lên vẻ đẹp của sự nhanh nhẹn, linh hoạt, khoẻ khoắn, công nghiệp.

Kiểu thể dục thể thao cũng xuất hiện nhiều trong trang phục trẻ em. Các bé trai mặc các kiểu budong gọn nhẹ, quần ngắn đến gối. Các bé gái mặc váy ngắn gọn, nhẹ, thường xuyên mặc áo cộc với váy nhiều nếp gấp rất xinh xắn và hoạt bát, sinh động.

3. Phong cách lãng mạn (h.7.24 - phần phụ lục)

Phong cách lãng mạn thường gặp trong trang phục nữ nhưng không thể nói kiểu thời trang này không ảnh hưởng tới thời trang nam giới hay thời trang trẻ em. Đặc tính của phong cách này là cách thiết kế dù đơn giản hoặc cầu kỳ nhưng nó phải thể hiện cái đẹp bên trong, cái đẹp ẩn hiện của người mặc. Kiểu phong cách lãng mạn có đặc tính gợi cảm, thường xuất hiện nhiều trong các mẫu thời trang của phái nữ, đặc biệt trong trang phục dạ hội. Những mẫu thuộc trường phái này thường được thiết kế khoét bỏ sâu, để lộ nhiều phần của cơ thể.

Kiểu lãng mạn cho cảm xúc nhẹ nhàng, quyến rũ, quý phái, kiêu sa.

4. Phong cách dân gian (h.7.25 - phần phụ lục)

Phần đông chúng ta bị lôi cuốn bởi cách trang phục của người khác, dân tộc khác, thời đại khác. Chúng ta có thể bị hấp dẫn bởi áo tứ thân, yếm đào của các cô thôn nữ Việt Nam xưa, áo xẻ cao của người Trung Quốc (bộ sườn xám) hoặc trang phục cưới ngựa của người Anh thế kỷ 19 ; những chiếc mũ cầu kỳ trau chuốt tỷ mỉ của những người đàn bà xứ Papua (New Guinea) hay những chiếc khố da của người thổ dân Úc, áo kimono của người Nhật... Nhiều trang phục dân tộc vẫn còn được ưa chuộng cho đến ngày nay. Từ những tranh ảnh, sách vở, phim ảnh, hiện vật bày trong các viện bảo tàng địa phương đã khơi gợi ý tưởng thiết kế mới cho các nhà thiết kế.

Các mẫu thiết kế kiểu dân gian được sáng tạo trên cơ sở khai thác các nét đẹp của trang phục truyền thống các dân tộc ; mang sắc thái của trang phục truyền thống các dân tộc. Chúng thường được làm từ các chất liệu không phải từ sản xuất công nghiệp mà là từ các phương thức sản xuất đặc trưng của địa phương. Ví dụ : thổ cẩm Việt Nam, lụa tơ tằm Trung Quốc, lanh Thái Lan... Có thể tạo ra kiểu dân gian bằng cách kết hợp các yếu tố mỹ thuật như sử dụng cấu trúc trang trí và loại vật liệu mang sắc thái từ các họa tiết, màu sắc, các kiểu trang trí của các dân tộc vào trang phục hiện đại.

Trong các mẫu thiết kế kiểu dân gian, vải sợi, kỹ thuật dệt, in, thêu màu sắc và cách trang trí thường được chú trọng hơn các yếu tố mỹ thuật trang phục khác.

Phong cách dân gian đem lại cảm xúc dung dị cho bộ trang phục. Các màu sắc của NTK Vũ Thu Giang (H.7.25 - phần phụ lục) rất hiện đại nhưng vẫn mang hơi hướng của phong cách dân gian.

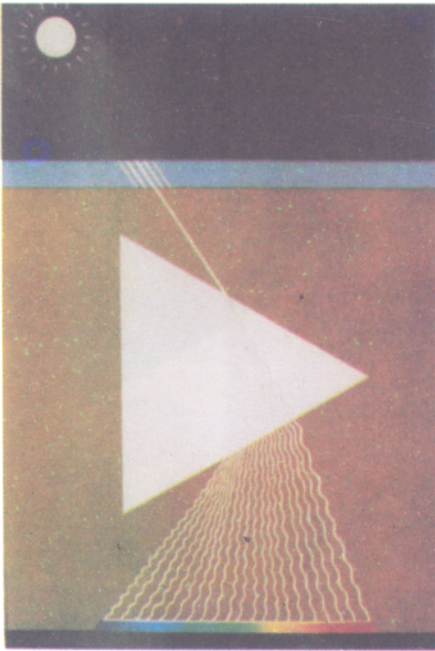
5. Phong cách viễn tưởng (h.7.26)

Là những loại quần áo lạ thường, từ hình dáng cho đến các chi tiết trang trí đều rất độc đáo. Bố cục khác lạ nhằm tạo ấn tượng và cảm xúc thẩm mỹ mạnh. Thông thường những mẫu này được sáng tác dựa trên trí tưởng tượng của nhà thiết kế.

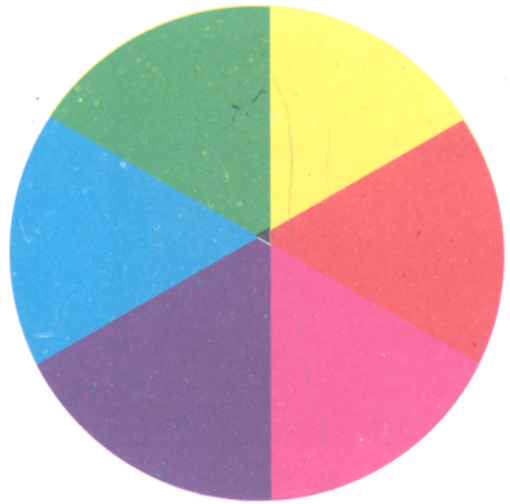
Cần lưu ý rằng, trên một bộ trang phục có thể kết hợp nhiều phong cách với nhau.

BÀI TẬP

1. Hãy quan sát kỹ các bộ trang phục trên hình 7.27, 7.28 - phần phụ lục. Phân tích bố cục của các mẫu đó và cho biết mẫu đó đã sử dụng những yếu tố mỹ thuật nào? quan hệ tạo hình nào?
2. Vận dụng kiến thức mỹ thuật trang phục, hãy phân tích vẻ đẹp của bộ trang phục của bạn ngồi bên cạnh.



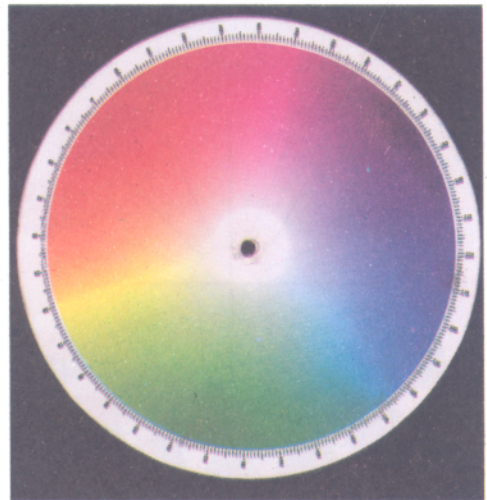
Hình 5.1 - Quang phổ được phân giải qua lăng kính



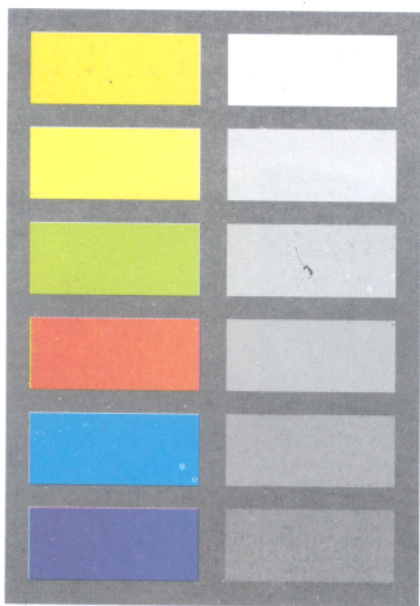
Hình 5.2 - Vòng màu của chất màu



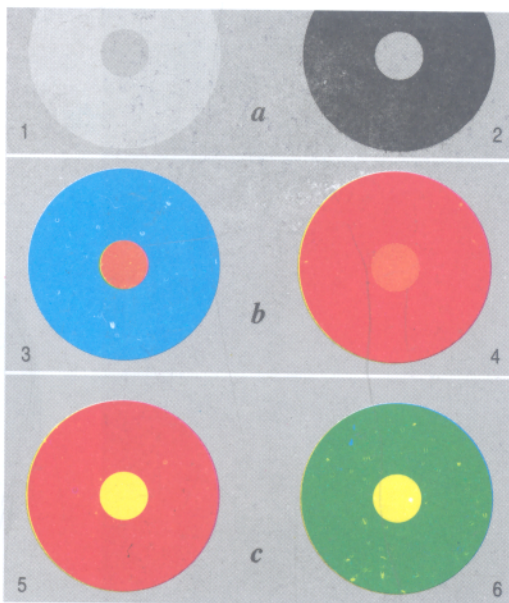
Hình 5.3 - Vòng 12 màu cơ bản



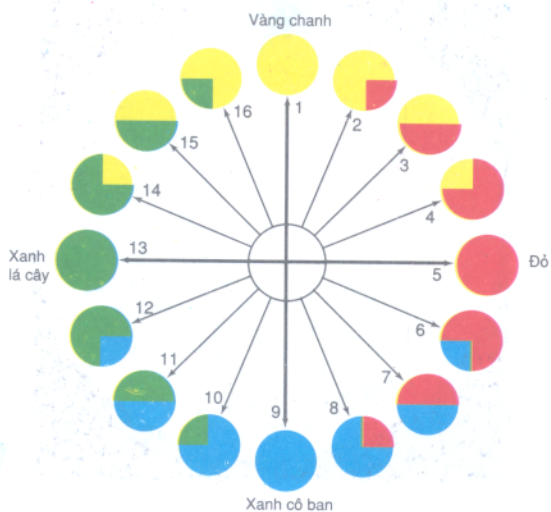
Hình 5.4 - Vòng chuyển sắc điệu của các màu cơ bản



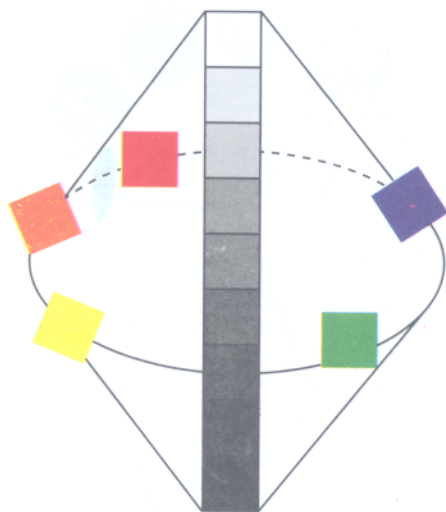
Hình 5.5b - Đo độ sáng của màu bằng thang sắc độ



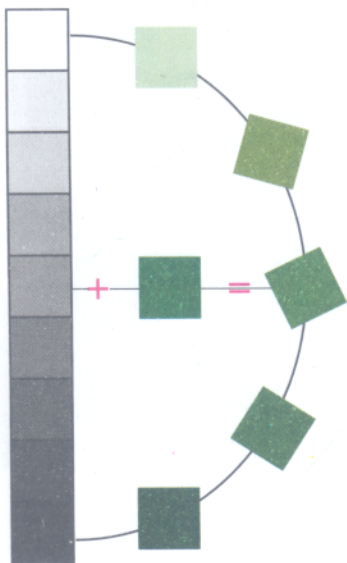
Hình 5.6 - a) Đối sánh sắc độ (1 và 2)
b) Đối sánh độ rực (3 và 4)
c) Đối sánh sắc điệu (5 và 6)



Hình 5.7 - Vòng màu thời trang



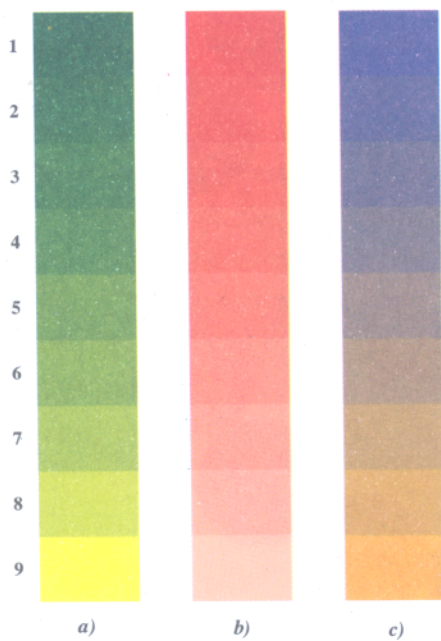
Hình 5.8a - Con quay màu



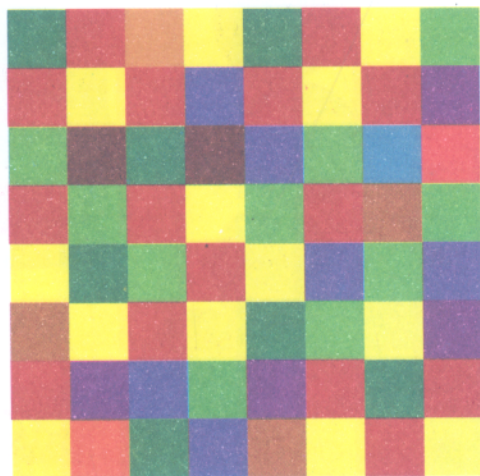
Hình 5.8b - Một mùi màu của con quay màu



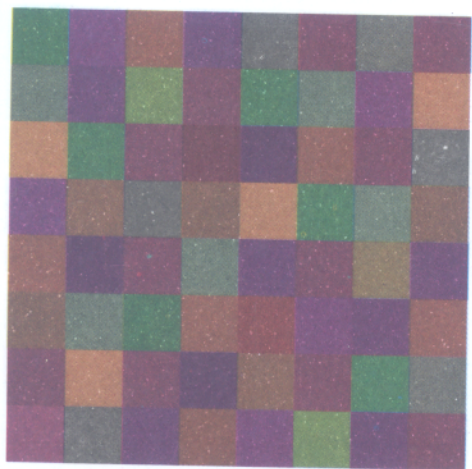
Hình 5.10b - Bài tập vòng màu cơ bản



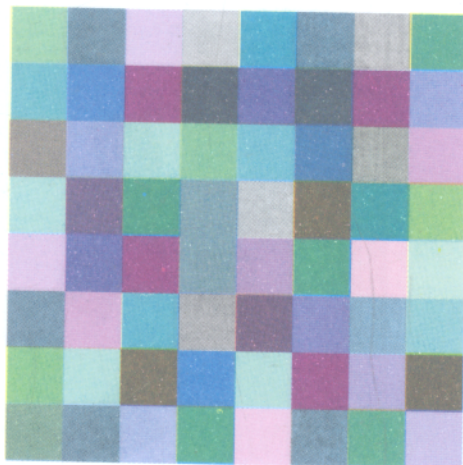
Hình 5.11



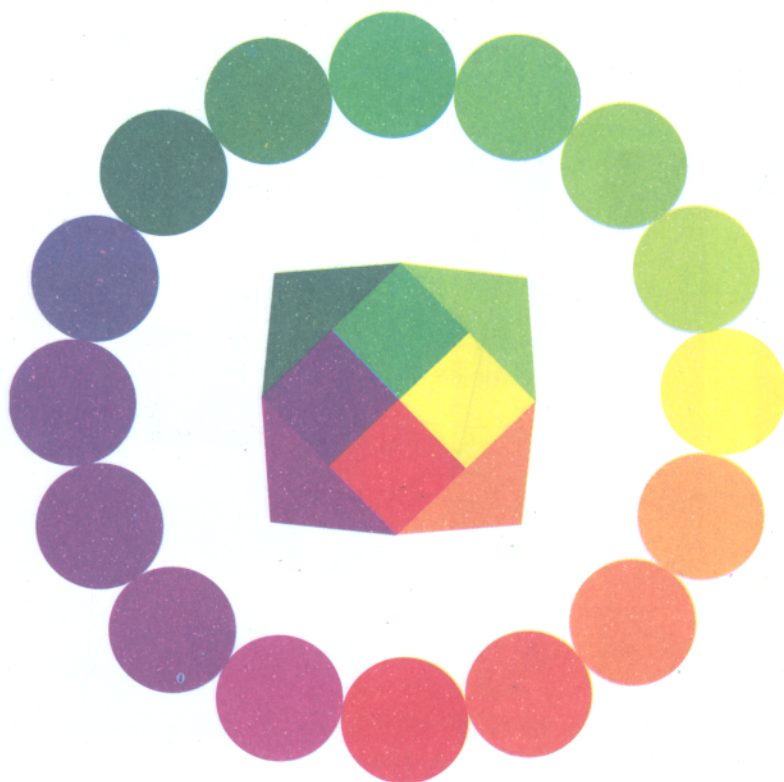
Hình 5.14 - Hoà sắc rực



Hình 5.15 - Hoà sắc trầm



Hình 5.16 - Hoà sắc nhã



Hình 5.17b - Vòng màu thời trang



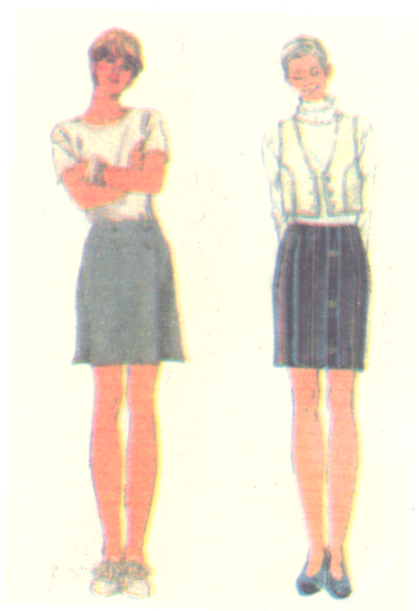
Hình 7.4 - Một số kiểu bố cục cân đối



Hình 7.12 - Áp dụng quan hệ tỷ lệ vào trang điểm



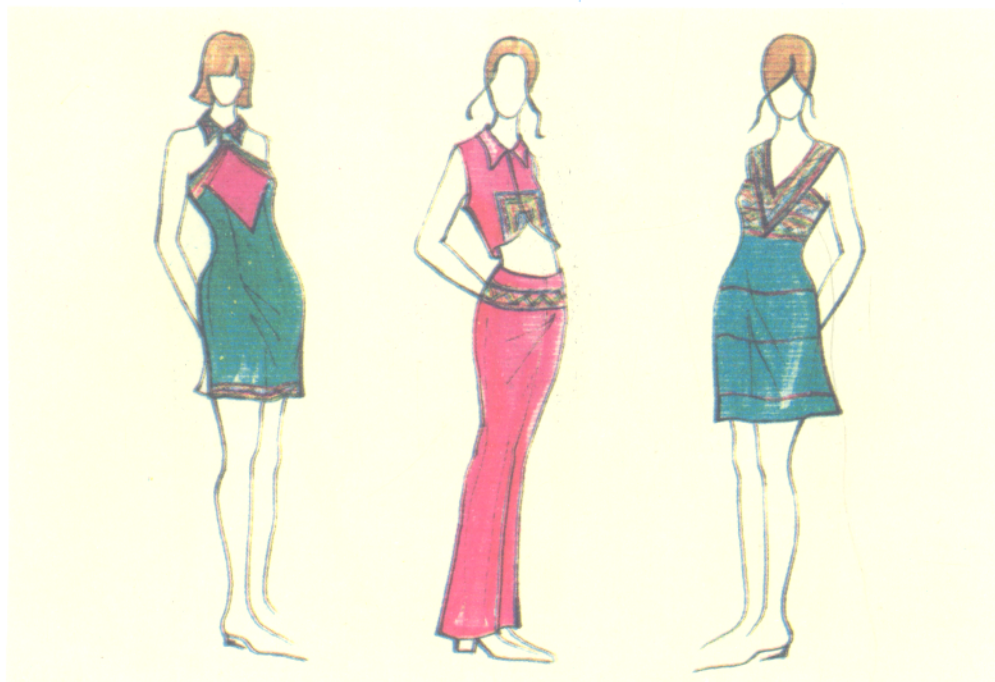
Hình 7.22 - Phong cách cổ điển



Hình 7.23 - Phong cách thể dục thể thao



Hình 7.24 - Phong cách lãng mạn



Hình 7.25 - Phong cách dân gian



Hình 7.26 - Phong cách viễn tưởng



Hình 7.27 - Một số kiểu bố cục cân đối



Hình 7.28 - Một số kiểu bố cục không cân đối

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Cơ sở văn hoá Việt Nam** - Trần Ngọc Thêm. NXBGD, 1998
2. **Kỹ thuật tạo mốt và vật liệu thời trang** - Trần Thuỷ Bình, Phạm Hồng. NXB KHKT, 1992.
3. **Màu sắc và phương pháp vẽ màu** - Nguyễn Duy Lãm, Đặng Th. Bích Ngân. NXB VH-TT, 2001
4. **Tác giả tác phẩm mỹ thuật công nghiệp Việt Nam nửa thế kỷ XX** - Trường DHMTCN, Hà Nội. NXB Mỹ thuật, 1999.
5. **Fashion illustration**. Hàn Quốc, 1990.
6. **The evolution of fashion** - Margot Hamilton Hill. Drama book Publis hers New York, 1999.
7. **Modeliovanie formu odezdu (Моделирование формы одежды)** - G.C.Gorina. CNN - Moscova (Г.С. Горина. Москва), 1982.
8. Ảnh bìa 1
Bộ sưu tập thời trang nghệ thuật "Hoài cổ" - Nguyễn Duy Thắng
Bộ sưu tập Thời trang ứng dụng - Quý Anh
9. **Một số bản vẽ thiết kế của** : Ngô Văn Cao, Dương Thị Kim Đức, Vũ Thu Giang.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	3
Phần A. LỊCH SỬ THỜI TRANG	
<i>Chương I - Khái quát về trang phục</i>	7
I - Nguồn gốc của quần áo	7
II - Chức năng của quần áo	10
III - Những khái niệm cơ bản	13
IV - Phân loại quần áo	15
Câu hỏi chương I	18
<i>Chương II - Lược khảo về trang phục phương Tây qua các thời đại</i>	19
I - Trang phục thế giới Cổ đại	19
II - Trang phục thời Trung cổ	
III - Trang phục thế kỷ XIV	25
IV - Trang phục thời Phục Hưng thế kỷ XV	26
V - Trang phục thế kỷ XVI	28
VI - Trang phục thế kỷ XVII	31
VII - Trang phục thế kỷ XVIII	32
VIII - Trang phục thế kỷ XIX	33
IX - Trang phục thế kỷ XX	34
Câu hỏi chương II	37
<i>Chương III - Khái lược về thời trang Việt Nam theo dòng lịch sử</i>	38
I - Trang phục thời Hùng Vương	38
II - Trang phục thời phong kiến	42
III - Trang phục thời Pháp thuộc	49
IV - Trang phục thời kỳ chống Pháp	50
V - Trang phục giai đoạn (1954 - 1964)	51
VI - Trang phục trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ	52
VII - Trang phục thời kỳ thống nhất đất nước (1975 - 1990)	53
VIII - Trang phục Việt Nam đương đại (từ 1990 đến nay)	53
Bài tập	59

<i>Chương IV - Thời trang và mốt</i>	61
I - Khái niệm mốt thời trang	61
II - Những tính chất chung của mốt và thời trang	65
III - Những đặc điểm riêng của hiện tượng "mốt"	71
IV - Các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển của thời trang	79
V - Đặc điểm của mốt thời trang đương đại	81
Câu hỏi chương IV	83
Phần B - MỸ THUẬT TRANG PHỤC	
<i>Chương V - Màu sắc trong lĩnh vực thời trang</i>	87
I - Vòng màu cơ bản	87
II - Các khái niệm cơ bản về màu sắc	90
III - Những tính chất cơ bản của màu sắc	94
IV - Màu sắc	97
V - Màu trong lĩnh vực thời trang	100
VI - Hoà sắc trên trang phục	102
Bài tập thực hành	112
<i>Chương VI - Hình dáng, hoạ tiết, chất liệu</i>	120
I - Hình dáng quần áo	120
II - Thiết kế trang trí quần áo	130
III - Chất liệu	135
Bài tập	141
<i>Chương VII - Bố cục trang phục</i>	145
I - Những vấn đề cơ bản của bố cục trang phục	145
II - Các thủ pháp xây dựng bố cục trang phục	151
III - Quan hệ giữa bố cục trang phục với đặc điểm cơ thể người mặc	165
IV - Phong cách thời trang	166
Bài tập	168
Phụ lục	169
Tài liệu tham khảo	177
Mục lục	178

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập nội dung và sửa bản in :

TRẦN NGỌC KHÁNH

Trình bày bìa :

BÍCH LẠ

Chế bản :

PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

GIÁO TRÌNH MỸ THUẬT TRANG PHỤC

Mã số: 6G114M5 - DAI

In 1.500 bản, khổ 16 x 24cm. In tại Công ty Cổ phần in Bắc Giang.

Số in: 44. Số xuất bản: 89/77 - 05.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2005.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC DẠY NGHỀ
HEVOBCO

Địa chỉ : 25 Hàn Thuyên, Hà Nội

**TÌM ĐỌC GIÁO TRÌNH DÙNG CHO CÁC TRƯỜNG ĐÀO TẠO
HỆ TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP - DẠY NGHỀ
CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC**

- | | |
|--|--|
| 1. VẬT LIỆU MAY | T.S. TRẦN THỦY BÌNH (CB)
ThS. LÊ THỊ MAI HOA |
| 2. CÔNG NGHỆ MAY | T.S. TRẦN THỦY BÌNH (CB)
ThS. LÊ THỊ MAI HOA - NGUYỄN TIẾN DŨNG
NGUYỄN THỊ HẠNH - NGUYỄN THU HUYỀN |
| 3. THIẾT KẾ QUẦN ÁO | T.S. TRẦN THỦY BÌNH (CB)
NGUYỄN THỊ HẠNH - NGUYỄN TIẾN DŨNG
ThS. NGUYỄN THỊ THÚY NGỌC |
| 4. MỸ THUẬT TRANG PHỤC | T.S. TRẦN THỦY BÌNH |
| 5. NGHỀ CẮT MAY | TRIỆU THỊ CHƠI - NGUYỄN THỊ HẠNH |
| 6. NGHỀ THÊU RUA | THÁI VĂN BÓN - NGUYỄN THỊ HẠNH |
| 7. NGHỀ LÀM HOA VÀ CẮM HOA | ĐỖ NGUYỄN BÌNH |
| 8. KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
(KINH TẾ VÀ TCQLSX) | T.S. NGÔ XUÂN BÌNH - T.S. HOÀNG VĂN HẢI
T.S. NGUYỄN ĐÌNH THẮNG |
| 9. AN TOÀN ĐIỆN | |
| 10. SỬA CHỮA ĐIỆN DẪN DỤNG
VÀ CÔNG NGHIỆP | K.S. BÙI VĂN YÊN - K.S. TRẦN NHẬT TÂN |

Bạn đọc có thể tìm mua tại các Công ty Sách - Thiết bị trường học ở các địa phương hoặc các Cửa hàng sách của Nhà xuất bản Giáo dục :

Tại Hà Nội : 25 Hàn Thuyên, 187B Giảng Võ, 23 Tràng Tiền.

Tại Đà Nẵng : 15 Nguyễn Chí Thanh.

Tại Tp. Hồ Chí Minh : 240 Trần Bình Trọng, Quận 5.



8 934980 533895



Giá: 21.000đ